

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ
ĐẠI HỌC NGÀNH CỬ NHÂN SƯ PHẠM TIẾNG ANH
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của
Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hà Nội, tháng 05/2020

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT	4
1.1. Đặt vấn đề.....	4
1.2. Tổng quan chung	7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	13
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo.....	13
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	27
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	64
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	73
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	83
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	106
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	118
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	133
PHẦN III. KẾT LUẬN	186
PHẦN IV: PHỤ LỤC	199
DANH MỤC MINH CHỨNG	225

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Đọc thành
BGH	Ban Giám hiệu
CBQL	Cán bộ quản lý
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐHSPHN	Đại học Sư Phạm Hà Nội
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
PGS	Phó Giáo sư
GV	Giảng viên
HSSV	Học sinh sinh viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KHGD	Khoa học giáo dục
KHCN	Khoa học công nghệ
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
TS	Tiến sĩ
TSKH	Tiến sĩ khoa học
SV	Sinh viên
HS	Học sinh

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “*Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá gồm có 4 phần:

- **Phần I Khái quát:** Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của khoa Tiếng Anh, Trường ĐHSPhn.

- **Phần II Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí:** Trình bày tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí được tự đánh giá theo cấu trúc sau: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chí và chỉ ra những minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng; (5) Tự đánh giá.

- **Phần III Kết luận:** Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh của Trường ĐHSPhn.

- **Phần IV Phụ lục:** Bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Bộ GD&ĐT, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

CTĐT cử nhân Công tác xã hội được đánh giá dựa vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí.

Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3 tập trung vào mục tiêu, Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học; Tiêu chuẩn 4 đánh giá về phương pháp tiếp cận trong dạy - học; Tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; Tiêu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; Tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 9 đánh giá về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo; Tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong năng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH); Tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của CTĐT. Trong phần mô tả mỗi tiêu chí có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó: H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết

(trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT theo mục tiêu và CĐR của ngành đào tạo.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá:

- **Mục đích tự đánh giá:** Nhà trường thực hiện tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh nhằm mục đích:

+ Nâng cao chất lượng của CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng CTĐT; đảm bảo tính khoa học cho việc điều

chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

+ Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

+ Giúp Nhà trường, Khoa và các cán bộ viên chức biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình, để đào tạo ra các giáo viên dạy Tiếng Anh có năng lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- **Quy trình tự đánh giá:** Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

+ Bước 1: Thành lập hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách.

+ Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách.

+ Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.

+ Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

+ Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

- **Phạm vi tự đánh giá:** Trường ĐHSPhN thực hiện tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm từ 2015 - 2019.

- **Phương pháp và công cụ tự đánh giá:** Hoạt động tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và Công văn hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016, Công văn.....

Mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại; Lên kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và khắc phục tồn tại trong thời gian tới.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được thành lập theo quyết định số 10877/QĐ-ĐHSPHN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN gồm có đầy đủ các bên liên quan: Ban Giám hiệu (BGH), giảng viên (GV), nhân viên (NV) của khoa Tiếng Anh, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Sự phản hồi của sinh viên (SV), các cựu SV, các cơ sở tuyển dụng, tiếp nhận sinh viên thực hành, thực tập cũng là các thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin minh chứng liên quan đến CTĐT... trên cơ sở dữ liệu đó, khoa Tiếng Anh tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan đến khoa.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Thông tin chung về Trường ĐHSPHN:

Trường ĐHSPHN được thành lập vào ngày 11 tháng 10 năm 1951 tại Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT). Trường là một trong những cơ sở GDDH đầu tiên của nước Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trải qua 69 năm xây dựng và phát triển, đi cùng với lịch sử hào hùng của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các thế hệ thầy và trò Nhà trường đã góp phần không nhỏ trong việc hình thành và phát triển ngành sư phạm Việt Nam, phát triển sự nghiệp GD&ĐT đất nước. Trong quá trình phát triển, dù đã nhiều lần đổi tên: Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSP Hà Nội 1, Trường ĐHSP-ĐHQG Hà Nội và Trường ĐHSP Hà Nội như ngày nay, Nhà trường vẫn luôn đứng ở vị trí là trường ĐHSP đầu ngành, trọng điểm của ngành sư phạm cả nước.

Giá trị cốt lõi của Trường “*Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong*” là sự thể hiện thước đo về nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực giáo dục của mỗi giảng viên, sinh viên của Trường trong quá trình đào tạo và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp trong môi trường giáo dục quốc gia và quốc tế; Là đặc trưng tạo nên giá trị *khác biệt* và vượt trội của Trường. Mỗi giảng viên, sinh viên đều *có cơ hội tốt nhất để phát huy tư duy sáng tạo trong dạy, học, nghiên cứu* để phát triển giáo dục, tạo ra những tri thức mới cho nhân loại, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Mỗi thành viên đều có ý tưởng khám phá cái mới, tìm kiếm những vấn đề thiết thực, những vấn đề chưa có trong thực tiễn bằng các giải pháp khoa học và lan truyền tinh thần này đối với người học và xã hội và là kim chỉ nam trong định hướng phát triển của Trường. Ý tưởng dẫn đường trong hệ thống giáo dục quốc dân là đặc trưng nổi trội trong mọi hoạt động của giảng viên, cán

bộ, sinh viên của Trường. Do đó đòi hỏi tính cập nhật, khoa học và chất lượng cao để đạt được khả năng phụng sự cao nhất cho hệ thống giáo dục và cho toàn xã hội, giải quyết các vấn đề thời đại đòi hỏi và có tầm tư vấn chiến lược. Những bước trưởng thành của Nhà trường luôn có sự quan tâm, ủng hộ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Bộ GD&ĐT, lãnh đạo các cấp và nhân dân các địa phương. Sứ mạng của Trường hiện nay là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao. Trường có vai trò nòng cốt cho hệ thống các trường sư phạm trong việc đào tạo, bồi dưỡng GV và CBQL giáo dục, phát triển các chương trình đào tạo (CTĐT), biên soạn chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, cho các bậc học, tư vấn các cấp quản lý xây dựng chính sách giáo dục. Nhà trường xác định tầm nhìn là: “Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế”.

Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPhN là đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại. Triết lý giáo dục của nhà trường không chỉ phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục và phát triển của đất nước, đáp ứng nhu cầu của người học, của xã hội mà còn dự báo tính thích ứng trong tương lai và là kim chỉ nam cho mọi hoạt động giáo dục, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường.

Về cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSPhN đã có 23 khoa đào tạo (Toán - Tin, Công nghệ Thông tin (CNTT), Vật lý, Hóa học, Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Việt Nam học, Lý luận Chính trị - Giáo dục Công dân, Tâm lý - Giáo dục, Quản lý Giáo dục, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Triết học, Công tác Xã hội); 02 Bộ môn trực thuộc (Tiếng Nga và Tiếng Trung Quốc). Trường có 02 trường trung học phổ thông (THPT) trực thuộc (Trường THPT Chuyên ĐHSPhN và Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành); có 01 trường Mầm non thực hành (Trường Mầm non

Búp Sen Xanh); có 02 viện nghiên cứu (Viện Nghiên cứu Sư phạm và Viện Khoa học Xã hội); 01 Viện GD&ĐT Quốc tế; hơn 20 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KHCN và KHGD.

Về đội ngũ cán bộ của Trường, đến 31/06/2019, toàn Trường có 1.223 cán bộ, công chức, viên chức trong đó có 725 GV cơ hữu. Nhà trường hiện có 16 GS - chiếm 2,2%; 158 PGS - chiếm 21,8%; 418 TS - chiếm 57,66%; 303 thạc sĩ - chiếm 41,79%; 04 cử nhân - chiếm 0,55%. Hiện nay, Trường có 40 Nhà giáo Nhân dân, 144 Nhà giáo Ưu tú. Tỷ lệ GV cơ hữu từ thạc sĩ trở lên đạt 99,45%.

Về CTĐT, Trường hiện có 40 CTĐT TS, 51 CTĐT Thạc sĩ, 45 CTĐT đại học chính qui, 40 CTĐT đại học không chính qui và 01 CTĐT cao đẳng. Quy mô tuyển sinh của Trường hàng năm là khoảng 2.000 SV chính qui tập trung; 1.500 học viên cao học và 150 nghiên cứu sinh. Bên cạnh đó, CTĐT của Trường cũng liên tục được cập nhật và đổi mới thường xuyên theo chu kỳ. Từ khi thực hiện CTĐT theo hệ thống tín chỉ năm 2009 đến nay, Nhà trường đã 2 lần đổi mới toàn bộ CTĐT là năm 2015 và 2019. Trường cũng liên tục là nơi khởi xướng và chia sẻ về những đổi mới trong mô hình và CTĐT cho các trường sư phạm khác trong cả nước; là đơn vị đầu tiên đề xuất và triển khai thực hiện việc tăng tỉ lệ tín chỉ của khối kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV lên 25% (34 tín chỉ trong tổng số 135 tín chỉ của CTĐT); là đơn vị đầu tiên đầu tư và xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ Sư phạm - đơn vị đầu môi tổ chức rèn luyện các kỹ năng sư phạm cho SV ngay từ năm thứ nhất - trong hệ thống các trường sư phạm trong cả nước. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã tiến hành tự đánh giá cơ sở giáo dục lần đầu vào năm 2006, đánh giá ngoài và được cấp giấy chứng nhận kiểm định đạt chuẩn chất lượng giáo dục năm 2007; Tiếp tục khẳng định chất lượng đào tạo, Trường ĐHSPHN thực hiện đánh giá cơ sở giáo dục lần 2 vào năm 2016, đánh giá ngoài và được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định đạt chuẩn chất lượng giáo dục năm 2017. Bên cạnh công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, Nhà trường tiến hành triển khai tự đánh giá hai chương trình đào tạo ngành sư phạm (sư phạm Hóa học Chất lượng cao và sư phạm Giáo dục Tiểu học) vào năm 2017 theo bộ Tiêu chuẩn đánh giá CTĐT ban hành kèm Thông tư 04/2016 của Bộ GD&ĐT, đánh giá ngoài vào năm 2018 và được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn năm 2019.

Về hoạt động NCKH: Công tác NCKH tiếp tục là một thế mạnh của Trường. Trong 5 năm qua, Trường luôn nằm trong top đầu những trường đại học ở Việt Nam có số công

bổ quốc tế chất lượng và là đơn vị có thế mạnh trong hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Trường ĐHSPHN có quan hệ hợp tác quốc tế (HTQT) với hơn 150 cơ sở giáo dục thuộc hơn 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của các nước: Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Pháp, Đức, Trung Quốc, Bỉ, Australia, Canada, Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Thụy Điển, Hà Lan,... Trường đã tham gia tổ chức tốt nhiều hoạt động quốc tế lớn, như: Olympic Vật lý quốc tế lần thứ 39 (2008); Olympic Hoá học quốc tế lần thứ 46 (2014); Đại hội Thể dục Thể thao SV Đông Nam Á lần thứ 13,... Đặc biệt, năm 2016, Trường là đơn vị đăng cai tổ chức toàn bộ kì thi Olympic Sinh học quốc tế lần thứ 27 tại Việt Nam.

Về cơ sở vật chất, Trường ĐHSPHN được Chính phủ quy hoạch vị trí xây dựng và trụ sở tại địa chỉ hiện nay số 136 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Sau nhiều lần điều chỉnh quy hoạch, mở rộng qui mô, cấp đất bổ sung, Trường thực tế chỉ còn sử dụng 11,647,72 ha trên tổng số 27 ha được Chính phủ cấp. Với khuôn viên hiện có, được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, về cơ bản, hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường chuyên, trường thực hành, kí túc xá (KTX), các phương tiện kĩ thuật của Trường có thể đáp ứng được yêu cầu đào tạo trước mắt. Mặc dù còn nhiều khó khăn, Nhà trường cũng đã có những quan tâm đầu tư thích đáng đối với CSVN. Trường là một trong số ít các đơn vị sớm có quan tâm lập qui hoạch đất đai, hiện trạng tổng thể tạo cơ sở quan trọng cho việc đầu tư xây dựng cơ bản trong nhiều năm tiếp theo. Trường có hệ thống nhà luyện tập và thi đấu thể thao đa năng, sân vận động đạt chuẩn. 100% hệ thống giảng đường, phòng học của Trường đã trang bị được máy chiếu đa năng.

Về công tác tài chính, Trường ĐHSPHN là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên; được tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ (trước đây là Nghị định 43/2006/NĐ-CP). Trường là đơn vị dự toán cấp II trực thuộc Bộ GD&ĐT. Trực thuộc Trường gồm có các đơn vị thanh toán và các đơn vị tự hạch toán nội bộ. Trong phạm vi nguồn tài chính của đơn vị, Nhà trường chủ động xây dựng tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu nội bộ về các khoản chi tiêu trên cơ sở các qui định của Nhà nước và phù hợp với đặc thù của đơn vị. Đây là cơ sở pháp lí để Nhà trường điều hành việc sử dụng kinh phí theo tinh thần công khai, dân chủ, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển trường đại học sư phạm trọng điểm đầu ngành của cả nước. Nhà trường luôn

coi trọng công tác quản lí tài chính, từ khâu lập kế hoạch đến quản lí, sử dụng các nguồn tài chính đảm bảo tuân thủ các chế độ, chính sách và qui định của Nhà nước. Các nguồn tài chính của Trường là hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của đơn vị.

1.2.2. Thông tin về khoa Tiếng Anh:

Khoa tiếng Anh, trường Đại học sư phạm Hà nội luôn luôn xác định mục tiêu đầu tiên là đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cung cấp cho xã hội các Cử nhân sư phạm tiếng Anh có trình độ, đạo đức, lòng yêu nghề và các kỹ năng nghề cần thiết để có thể đảm nhận các vị trí công tác như giáo viên phổ thông, phiên dịch viên, chuyên gia tiếng Anh.... Do vậy, tất cả các hoạt động của Khoa đều hướng tới mục tiêu này.

Đầu tiên là việc xây dựng chương trình đào tạo cho lớp cử nhân sư phạm tiếng Anh. Bên cạnh việc kế thừa các điểm mạnh của chương trình cử nhân sư phạm của Khoa vốn đã có kinh nghiệm 50 năm đào tạo ngoại ngữ từ tiền thân là Bộ môn ngoại ngữ của Trường ĐHSPhN (từ 1951). Năm 2002, Khoa bắt đầu tuyển sinh và thực hiện chương trình đào tạo cho hệ sinh viên sư phạm. Trong chương trình học các môn học cũng được xây dựng ở mức độ nâng cao, hiện đại, nhằm giúp sinh viên tốt nghiệp có khối kiến thức sâu rộng cập nhật.

Một việc làm mà Khoa đặc biệt quan tâm đó là việc xây dựng và lựa chọn đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tận tâm với nghề tham gia giảng dạy và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, Khoa luôn tạo môi trường học thuật, cảnh quan và các hoạt động hỗ trợ nhằm giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

Tự đánh giá chương trình đào tạo không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để trường ĐHSPhN và khoa tiếng Anh cải tiến chất lượng của chương trình cử nhân sư phạm tiếng Anh, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. Tự đánh giá chương trình đào tạo đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Về giảng dạy: khoa tiếng Anh Trường ĐHSPhN không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy cả về kiến thức, kỹ năng. Hoàn chỉnh và bổ sung các giáo trình theo hướng tăng cường phần bài tập, tài liệu tham khảo, sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học hiện

đại để sinh viên có tài liệu học tập và nghiên cứu đáp ứng kịp thời yêu cầu đào tạo tín chỉ.

- Công tác nghiên cứu khoa học: khoa tiếng Anh Trường ĐHSPHN luôn chú trọng, tăng cường nghiên cứu khoa học, động viên cán bộ và sinh viên tham gia các đề tài. Các môn học đều có đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học. Tạo môi trường nghiên cứu khoa học sôi động, hiệu quả. Các nhóm nghiên cứu mạnh được thành lập, quản lý và tổ chức nghiên cứu bởi các giảng viên đầu ngành, có khả năng nghiên cứu khoa học cũng như kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu khoa học. Các nhóm nghiên cứu mạnh là tiền đề cho việc thực hiện các nghiên cứu đỉnh cao, mũi nhọn và đây là các hướng nghiên cứu chính của Khoa.

- Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ: khoa tiếng Anh Trường ĐHSPHN luôn theo dõi việc rèn luyện và bồi dưỡng chuyên môn cho các cán bộ trẻ sao cho số cán bộ này nhanh chóng tiếp cận tốt bài giảng lý thuyết và kỹ năng hướng dẫn thực hành. Bên cạnh việc đào tạo cán bộ trẻ là các sinh viên xuất sắc tốt nghiệp tại Khoa thì những tiến sĩ bảo vệ luận án ở nước ngoài cũng là đối tượng được tuyển dụng vào khoa tiếng Anh. Với việc xây dựng đề án vị trí việc làm, Khoa có kế hoạch quy hoạch cán bộ để có thể đảm nhiệm hai nhiệm vụ chính là giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Tiếp tục đề nghị bổ sung cán bộ giảng dạy cho các ngành mới mở.

- Chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước: 100% CBVC chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

- Tinh thần hợp tác đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau: Tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau sẽ góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của trường giao, nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

Có thể nói, hoạt động đảm bảo chất lượng là một hoạt động mang tính quyết định, đã và đang được thực hiện một cách hiệu quả tại khoa tiếng Anh, trường ĐHSPHN nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được xây dựng với mục tiêu được xác định rõ ràng, đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. CTĐT được xây dựng dựa trên mục tiêu và CDR nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Đồng thời, CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học hiện hành.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

CTĐT được xây dựng và ban hành theo quyết định số 122/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 09/01/2015 của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN với mục tiêu được xác định rõ ràng gồm có mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể quy định về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của nhà giáo, về kiến thức về môn học, chương trình học, phương pháp dạy học và học sinh, về kỹ năng, về giá trị và thái độ nghề nghiệp; vị trí công tác có thể đảm nhận và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.01]. Các mục tiêu của CTĐT đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. Cụ thể là, mục tiêu của CTĐT quy định về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của nhà giáo; sau khi tốt nghiệp, cử nhân sư phạm Tiếng Anh cần phải có kiến thức về môn học, chương trình, phương pháp dạy học, và học sinh; có kỹ năng ngôn ngữ Anh, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng học tập và công tác xã hội; có thái độ tích cực, mong muốn và cam kết truyền đạt được các giá trị của việc học tiếng Anh cho học sinh. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân đại học ngành sư phạm Tiếng Anh có thể đảm nhận các vị trí như: giáo viên, cán bộ giảng dạy tiếng Anh ở các bậc học phổ thông, các trường cao đẳng, đại học, các khoa sư phạm tiếng Anh của các trường cao đẳng, đại học ở Việt Nam và có khả năng theo học thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp giảng dạy, chuyên ngành Ngôn ngữ hay Ngôn ngữ học ứng dụng tại các cơ sở đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

Ngoài ra, có thể làm việc ở các tổ chức, cơ sở có yêu cầu sử dụng tiếng Anh [H1.01.01.02; H1.01.01.03].

Sứ mạng của trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong giai đoạn 2017-2022 đã nêu rõ trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao.

Tầm nhìn của trường Đại học Sư phạm Hà Nội được xác định như sau: đến năm 2030, trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.

Mục tiêu chung của CTĐT là đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, tác phong nghề nghiệp, sức khỏe, tinh thần trách nhiệm để giảng dạy hiệu quả môn tiếng Anh ở các trường trung học cơ sở (sau khi hoàn thành 06 học phần), phổ thông trung học hoặc cao hơn (sau khi hoàn thành toàn bộ khóa học), đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. Mục tiêu này phù hợp với sứ mạng của Trường về đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội. Mục tiêu này cũng hướng đến tầm nhìn đến năm 2030 Trường sẽ có kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế. [H1.01.01.01; H1.01.01.03; H1.01.01.06].

Mục tiêu này phù hợp với yêu cầu chung của giáo dục đại học. Cụ thể, trong mục tiêu của CTĐT ghi rõ về phẩm chất, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, sức khỏe, tinh thần trách nhiệm, và vị trí công tác có thể đảm nhận và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.02]. Những mục tiêu trên phù hợp với điều 12 được quy định trong luật Giáo dục Đại học, về chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục Đại học. Văn bản này nêu rõ phát triển giáo dục đại học để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước. Ưu tiên đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, ngành đào tạo mang tầm khu vực, quốc tế và cơ sở đào tạo giáo viên chất lượng cao; phát triển một số ngành đặc thù, cơ sở giáo dục đại học có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ phát triển vùng của đất nước [H1.01.01.08].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (quy định trong luật Giáo dục Đại học) và phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong giai đoạn xây dựng chương trình, đáp ứng đổi mới thực tiễn giúp người học có thể phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Các nhà tuyển dụng chưa tích cực trong việc phản hồi về mục tiêu của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có phương án gửi khảo sát về mục tiêu của CTĐT tới các nhà tuyển dụng cũng như học sinh THPT trong các ngày hội việc làm hoặc các hội thảo định hướng nghề nghiệp.	Khoa tiếng Anh và các phòng ban liên quan	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát mục tiêu đào tạo nhằm duy trì các mục tiêu phù hợp với yêu cầu chung của Luật Giáo dục Đại học và ngành Sư phạm.	Khoa tiếng Anh và các phòng ban liên quan	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 1.2. CDR của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

CĐR của CTĐT được ban hành năm 2019 xác định rõ ràng, bảo đảm hình thành được cho người học những phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực chuyên ngành sư phạm tiếng Anh theo 4 nhóm tiêu chuẩn [H1.01.02.01; H1.01.02.02; H1.01.02.06].

Cụ thể, nhóm tiêu chuẩn 1 quy định nêu lên các phẩm chất mà người học cần đạt được bao gồm: Trung thực, trách nhiệm và tận tâm, tin cậy và thực hiện công bằng xã hội, yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh, yêu nghề và tự hào về nghề dạy học, ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

Nhóm tiêu chuẩn 2, năng lực chung, bao gồm: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực lãnh đạo, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội, năng lực tư duy phản biện.

Nhóm tiêu chuẩn 3 quy định về năng lực sư phạm, bao gồm: Năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực định hướng sự phát triển của học sinh, năng lực hoạt động xã hội, năng lực phát triển nghề nghiệp.

Nhóm tiêu chuẩn 4, năng lực ngành tiếng Anh, bao gồm 6 tiêu chí: năng lực tiếng Anh, năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát, học vấn Tiếng Anh và phương pháp dạy học Tiếng Anh để giải thích được các nội dung dạy học của CT môn Tiếng Anh trong CT GDPT, năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn ngôn ngữ Anh vào thực tiễn, năng lực nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ Anh và khoa học giáo dục ngành tiếng Anh, năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn, và năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn.

CĐR của CTĐT bao quát được các yêu cầu chung mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đó là đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, tác phong nghề nghiệp, sức khỏe, tinh thần trách nhiệm để giảng dạy hiệu quả môn tiếng Anh ở các trường trung học cơ sở (sau khi hoàn thành 06 học phần), phổ thông trung học hoặc cao hơn (sau khi hoàn thành toàn bộ khóa học), đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. Các yêu cầu này được nêu rõ trong các nhóm tiêu chuẩn 1, 2, 3 của CĐR về phẩm chất, năng lực chung và năng lực sư phạm: Có những kiến thức chung, cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường XHCN Việt Nam; Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ [H1.01.02.02; H1.01.02.03].

Ngoài ra, CĐR của CTĐT còn bao quát được các yêu cầu chuyên biệt của ngành Sư phạm Tiếng Anh: Nắm vững các kiến thức về ngôn ngữ Anh, văn hóa các nước nói tiếng Anh, về khung chương trình và chương trình dạy tiếng Anh ở các bậc học phổ thông, đại học. Đồng thời, nắm vững các học thuyết và phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá tiếng Anh đương đại để từ đó áp dụng các học thuyết và phương pháp dạy học tiếng Anh một cách hiệu quả trong môi trường dạy học của mình. Biết phương pháp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Biết xây dựng các giải thuyết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học, ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tiễn về chuyên ngành ngôn ngữ Anh và phương pháp dạy học Tiếng Anh. Có đủ năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các thiết bị trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Có thể trợ lý cho các cơ quan quản lý giáo dục về giảng dạy tiếng Anh; Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp để giảng dạy tiếng Anh ở các bậc học phổ thông, các trường đại học, các khoa sư phạm tiếng Anh của các trường cao đẳng, đại học ở Việt Nam. Có thể làm phiên dịch tiếng Anh hoặc những công việc có sử dụng tiếng Anh trong các tổ chức, công ty, v.v.. các yêu cầu chuyên biệt trên được thể hiện ở tiêu chí 1, 2, 3, trong nhóm tiêu chuẩn 4 về năng lực ngành tiếng Anh trong CĐR của CTĐT [H1.01.02.02; H1.01.02.04; H1.01.02.05].

2. Điểm mạnh

CĐR của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng được yêu cầu chung về CĐR của đào tạo đại học và yêu cầu chuyên biệt của ngành Tiếng Anh. CĐR đáp ứng được yêu cầu của thị trường việc làm và các nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Phản hồi của nhà tuyển dụng và học sinh THPT đang mong muốn có định hướng nghề nghiệp về CĐR chưa tích cực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có phương án gửi khảo sát về CĐR tới các nhà tuyển dụng cũng như	Khoa Tiếng Anh và các phòng ban liên quan	Từ năm học 2020-2021	

		học sinh THPT trong các ngày hội việc làm hoặc các hội thảo định hướng nghề nghiệp.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát CĐR nhằm đáp ứng các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt của CTĐT	Khoa Tiếng Anh và các phòng ban liên quan	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 1.3. CĐR của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, dựa trên sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan, được định kỳ rà soát và chỉnh sửa đáp ứng được yêu cầu của đào tạo đại học nói chung và của ngành Sư phạm Tiếng Anh nói riêng. Theo ý kiến đại diện nhà tuyển dụng, CĐR đã được đưa ra theo các nhóm tiêu chuẩn cụ thể, đáp ứng những yêu cầu của nhà tuyển dụng [H1.01.03.01; H1.01.03.02; H1.01.03.03; H1.01.02.05]. Nội dung của CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Anh đáp ứng các yêu cầu của CĐR và được thể hiện thông qua ma trận các kỹ năng [H1.01.03.04].

CĐR của chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, và có điều chỉnh vào các năm 2014, 2019 dựa trên ý kiến của các bên liên quan, cho phù hợp với những thay đổi của thị trường lao động [H1.01.03.05].

CĐR của CTĐT năm 2014 gồm có 5 tiêu chí: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống đúng mực của nhà giáo, năng lực dạy học, năng lực giáo dục, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực phát triển cộng đồng và năng lực phát triển bản thân. Năm 2019, CĐR được rà soát, chỉnh sửa, dựa trên ý kiến của các tổ bộ môn, Hội đồng khoa học khoa và ý kiến của các bên liên quan để phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. CĐR được chia theo các nhóm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm, năng lực ngành Tiếng Anh [H1.01.03.02; H1.01.03.06; H1.01.03.07; H1.01.03.08]. So với CĐR của năm 2014, CĐR năm 2019 đã chia các tiêu chuẩn theo nhóm, bao quát hơn được các yêu cầu người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Tiêu chí về phẩm chất chính trị đạo đức lối sống của năm 2014 được đưa vào nhóm tiêu chí 1 về phẩm chất

trong CDR 2019, trong đó yêu cầu về ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời đã được bổ sung. Nhóm tiêu chuẩn 2 về năng lực chung trong CDR năm 2019 được thêm vào, bao gồm: năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực lãnh đạo, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức về văn hoá - xã hội, năng lực tư duy phản biện. Tiêu chí về năng lực dạy học, năng lực giáo dục trong CDR năm 2014 được đưa vào nhóm tiêu chuẩn 3, gọi chung là năng lực sư phạm trong CDR năm 2019. Còn 2 tiêu chí còn lại trong CDR 2014 gồm năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực phát triển cộng đồng và phát triển bản thân trở thành một phần của nhóm tiêu chuẩn 4 của CDR 2019. Ngoài ra, CDR sau khi rà soát chỉnh sửa còn bổ sung thêm các tiêu chí khác đặc trưng của ngành Sư phạm Tiếng Anh như các kỹ năng tiếng, sử dụng kiến thức chuyên ngành để giải thích các nội dung dạy học, sử dụng kiến thức vào thực tiễn cũng như hoạt động chuyên môn và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn.

CDR của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được đăng trên website của trường và khoa tiếng Anh. Website của trường Đại học Sư phạm Hà Nội và khoa Tiếng Anh có lượng truy cập lớn không chỉ phục vụ giáo viên, cán bộ nhân viên nhà trường và sinh viên trong trường mà còn là một kênh cập nhật thông tin nhanh chóng, hữu ích đối với các nhà tuyển dụng, phụ huynh và học sinh THPT. CDR của CTĐT được công khai trang thông tin điện tử của trường sẽ giúp các nhà tuyển dụng và học sinh THPT có mong muốn tham khảo có thể dễ dàng tiếp cận và tìm thông tin [H1.01.03.09].

2. Điểm mạnh

CDR được xây dựng dựa trên sự tham khảo từ nhiều bên liên quan, được định kỳ rà soát và chỉnh sửa đáp ứng được yêu cầu của đào tạo đại học nói chung và của ngành Sư phạm Tiếng Anh nói riêng. CDR được công bố công khai trên website của trường và khoa nhằm giúp các nhà tuyển dụng cũng như sinh viên, học sinh THPT đang mong muốn có định hướng học tập dễ dàng được tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Các nhà tuyển dụng chưa tích cực trong việc cho ý kiến về CDR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ gửi phiếu khảo sát đến nhà tuyển dụng lấy ý kiến về CĐR.	Khoa Tiếng Anh	Từ Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát CĐR, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn về đào tạo giáo viên để duy trì những tiêu chí phù hợp của CĐR và chỉnh sửa những tiêu chí không còn phù hợp kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn	Khoa Tiếng Anh và các đơn vị liên quan	Từ Năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sự mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại luật giáo dục đại học. CĐR của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát cả những yêu cầu chung và những yêu cầu đặc thù của ngành Sư phạm Tiếng Anh. CĐR được xây dựng, rà soát chỉnh sửa dựa trên ý kiến của các bên liên quan đáp ứng được yêu cầu của đào tạo đại học nói chung và của ngành Sư phạm Tiếng Anh nói riêng. Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo đã được công bố công khai qua nhiều kênh để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tuy nhiên, các nhà tuyển dụng và các bên liên quan chưa thực sự tích cực trong việc phản hồi và cho ý kiến về mục tiêu cũng như CĐR của CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1				4			
Tiêu chí 1.2				4			
Tiêu chí 1.3				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.00						

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT được xây dựng theo các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐHSHPN. Bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin về chương trình, cấu trúc CTDH, chuẩn đầu ra của chương trình và của từng học phần cụ thể, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương các học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.... Bản mô tả CTĐT được định kỳ rà soát, công bố công khai và các bên liên quan để dàng tiếp cận.

Đề cương các học phần đầy đủ, chi tiết, bám sát mục tiêu của CTĐT, được cập nhật liên tục và định kỳ rà soát. Đề cương các học phần được công bố công khai đối với tất cả các bên liên quan.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT mới nhất được cập nhật và ban hành năm 2019, có đầy đủ nội dung về: tên cơ sở giáo dục/cơ sở cấp bằng, tên gọi của văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận các kỹ năng; đề cương tổng quát của các môn học/học phần và các yêu cầu bao gồm trình độ đào tạo, môn học/học phần, số tín chỉ, [H2.02.01.01; H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT liên tục có những sự điều chỉnh cũng như thay đổi kịp thời và hợp lý nhằm mang lại hiệu quả dạy và học hiệu quả hơn, ví dụ như vào 2019, bản mô tả CTĐT có sự thay đổi tên môn học, bổ sung thêm môn học mới cho phù hợp với nhu cầu đào tạo trong thời kỳ hội nhập và hoàn thiện bản mô tả chi tiết cũng như dễ tiếp cận hơn [H2.02.01.03]. Khoa đã tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo trao đổi và đóng góp ý kiến để kịp thời thay đổi những điểm chưa phù hợp, chưa hiệu quả trong chương trình giảng dạy [H2.02.01.04]. Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến CTĐT trong giai đoạn hiện nay [H2.02.01.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của Khoa Anh có đầy đủ thông tin, được rà soát và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến CTĐT hiện nay, với nội dung được đổi mới để ngày càng phù hợp hơn với tiến trình giảng dạy, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được quy định.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT có những điểm chưa được xúc tích và dễ hiểu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, thay đổi câu chữ để nội dung diễn đạt dễ hiểu hơn.	Ban Chủ nhiệm, các Bộ môn	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết cho các học phần sẽ đáp ứng được chuẩn đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh.	Ban Chủ nhiệm, các Bộ môn	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ và thông tin cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần trong CTĐT 4 năm học của khoa Tiếng Anh được xây dựng theo yêu cầu của Trường và phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, mỗi môn học thuộc CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh đều có đề cương chi tiết bằng Tiếng Anh [H2.02.02.01].

Đề cương chi tiết các học phần có đầy đủ thông tin cụ thể và rõ ràng bao gồm: tên giảng viên đảm nhận giảng dạy học phần, tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ, mô tả chung về môn học, mục tiêu chung về học phần, chuẩn đầu ra, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR học phần, các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo... [H2.02.02.01; H2.02.02.02]

Đề cương học phần được tiến hành rà soát định kỳ theo kế hoạch của nhà trường, nhằm điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cần thiết, từ đó, đáp ứng yêu cầu của việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ của nhà trường. Việc rà soát được thực hiện với sự tham gia

đóng góp ý kiến tích cực của các thành viên thuộc hội đồng khoa học và đào tạo của khoa, của các chuyên gia trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, các nhà tuyển dụng [H2.02.02.04]. Tính đến thời điểm này, đề cương các môn học/học phần trong CTĐT đã được rà soát 2 lần, lần đầu tiên vào năm 2014 và mới nhất là 2019. Những thay đổi bao gồm bổ sung thêm năm môn học mới, trong đó có hai môn thay thế tốt nghiệp là Học theo dự án (Project-based learning) và Phát triển chuyên môn cho giáo viên Tiếng Anh (Professional Development for English teachers), ba môn thuộc HK2 năm 2 là Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh ngân hàng và Tiếng Anh hành chính văn phòng. Thêm vào nữa, môn học Thuyết trình bằng Tiếng Anh (Presentation in English) được đổi tên thành Diễn thuyết trước đám đông (Public Speaking).

Bên cạnh đó, trước khi chính thức bắt đầu kì học, các Bộ môn chuyên ngành của Khoa Tiếng Anh luôn tổ chức ít nhất một cuộc họp Bộ môn để rà soát lại toàn bộ chương trình nói chung và đề cương cho từng học phần nói riêng để có sự điều chỉnh kịp thời [H2.02.02.05]. Đề cương các học phần sau đó được khoa tổ chức thẩm định và nhà trường phê duyệt ban hành [H2.02.02.06].

2. Điểm mạnh

Bản đề cương chi tiết các học phần cung cấp đầy đủ thông tin cho giảng viên, sinh viên và có tính thống nhất giữa các học phần trong cả một chương trình đào tạo xuyên suốt 4 năm.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên chưa tích cực và thường xuyên phản hồi về đề cương chi tiết các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục lấy ý kiến từ giảng viên và sinh viên về Đề cương các học phần để tiến hành chỉnh sửa nội dung để hiểu hơn.	Ban Chủ nhiệm, các Bộ môn	Năm học 2020-2021	

2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát và Cập nhật đề cương chi tiết các học phần và liên tục thông tin về chương trình học lên trang web của khoa và các cổng thông tin khác của Trường, Đoàn, Hội.	Ban Chủ nhiệm, các Bộ môn	Năm học 2020-2021	
---	--------------------	---	---------------------------	-------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh đã phê duyệt được công khai tới tất cả giảng viên và sinh viên có liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như công khai trên trang website của trường, của khoa, công bố cho sinh viên ngay tại những buổi đầu tiên đón tân sinh viên hàng năm [H2.02.03.01; H2.02.03.03; H2.02.03.04]. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất thông qua các kênh thông tin website và các trang mạng xã hội [H2.02.03.04; H2.02.03.05].

Đề cương các học phần của CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh đã phê duyệt được công khai tới tất cả giảng viên và sinh viên có liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như công khai trên trang website của trường, của khoa. Đề cương chi tiết cho từng học phần còn được phát cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần đó, qua đó SV nắm rõ thông tin từng học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong nội dung học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.02; H2.02.03.03; H2.02.03.04]. Ngoài ra, sinh viên còn có thể tìm kiếm thông tin và sự trợ giúp từ các nhóm chính thức do Liên chi Đoàn Khoa thành lập thuộc trang mạng xã hội Facebook, kèm theo sổ tay sinh viên nơi các em có thể ghi chép những thông tin hữu ích [H2.02.03.05]. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp ... đều có thể tiếp cận với đề cương các học phần của CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất thông qua

các kênh thông tin gồm website CSGD/Khoa và các trang mạng xã hội [H2.02.03.04; H2.02.03.05].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai giúp cho giảng viên, sinh viên trong Khoa cũng như trong Trường và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản đề cương chi tiết các học phần cung cấp nguồn thông tin về mọi mặt cho giảng viên và sinh viên về chương trình đào tạo xuyên suốt 4 năm.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù được công khai rộng rãi nhưng bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trong CTĐT chưa nhận được sự quan tâm rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thông qua các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, giao lưu, tiếp đón Tân sinh viên, tích cực tuyên truyền và khuyến khích người học tìm hiểu thông tin về CTĐT qua các kênh thông tin trên mạng để có cái nhìn rõ hơn về CTĐT của Khoa.	Ban Chủ nhiệm, các Bộ môn, giảng viên, sinh viên	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình	Ban Chủ nhiệm, các Bộ môn	Từ năm học 2020-2021	

		thức để nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các bên liên quan về những mục tiêu, chuẩn đầu ra, tài liệu phù hợp.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được dày công biên soạn, đã có đầy đủ thông tin cần thiết theo đúng tiêu chuẩn đào tạo.

Bản mô tả CTĐT của Khoa Anh có đầy đủ thông tin, được rà soát và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến CTĐT hiện nay, với nội dung được đổi mới để ngày càng phù hợp hơn với tiến trình giảng dạy, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được quy định. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT có những điểm chưa được xúc tích và dễ hiểu.

Đề cương các học phần bao gồm tên giảng viên đảm nhận giảng dạy học phần, tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ, mô tả chung về môn học, mục tiêu chung về học phần, chuẩn đầu ra, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR học phần, các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo.... Tuy nhiên, đề cương các học phần chưa thường xuyên nhận được phản hồi từ sinh viên.

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai giúp cho giảng viên, sinh viên trong Khoa cũng như trong Trường và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần trong CTĐT chưa nhận được sự quan tâm rộng rãi.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2:

Tiêu chuẩn 2	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1				4			
Tiêu chí 1.2				4			
Tiêu chí 1.3				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.00						

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học của CTĐT được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CDR của từng học phần và CDR của CTĐT.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra là cơ sở để phát triển chương trình đào tạo và chương trình dạy học của ngành Sư phạm tiếng Anh. Chính vì vậy, CTDH được xây dựng chi tiết căn cứ vào chuẩn đầu ra, được mô tả cụ thể trong bản “Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở và trung học phổ thông” hoàn thiện năm 2014, rà soát chỉnh sửa 2018 [H3.03.01.01]. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Sư phạm Tiếng Anh được cụ thể hóa như sau:

1.2.1. Xét về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của nhà giáo

Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia các hoạt động chính trị - xã hội; thực hiện nghĩa vụ công dân. Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học; chấp hành Luật Giáo dục, điều lệ, quy chế, quy định của ngành; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; có lối sống trung thực, lành mạnh, văn minh; thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học tập và rèn luyện tốt. Đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục.

1.2.2. Xét về kiến thức về môn học, chương trình, phương pháp dạy học, và học sinh

Có những kiến thức chung, cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành sư phạm tiếng Anh.

Đạt trình độ năng lực tiếng Anh bậc 5/6 (đối với giáo viên trung học phổ thông), bậc 4/6 (đối với giáo viên trung học cơ sở) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014) hoặc tương

đương theo chuẩn quốc tế và có khả năng vận dụng tiếng Anh thành thạo, hiệu quả trong dạy học, giao tiếp trong môi trường quốc tế và nghiên cứu, tự bồi dưỡng.

Nắm vững hệ thống kiến thức về ngôn ngữ Anh (ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, v.v..), các học thuyết về tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, các học thuyết và phương pháp dạy học tiếng Anh, kiến thức về kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh, chương trình, tài liệu giáo dục phổ thông môn tiếng Anh theo từng cấp học, những nét cơ bản về văn hóa văn minh các nước nói tiếng Anh, có khả năng sử dụng công nghệ thông tin để khai thác sách giáo khoa, tài liệu dạy học tiếng Anh, thiết kế và thực hiện bài giảng phù hợp với mục tiêu của chương trình, theo chuẩn kiến thức kỹ năng quy định trong chương trình môn tiếng Anh, cũng như thực tế dạy học tiếng Anh tại trường phổ thông.

Có hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm sinh lý, đặc điểm phát triển ngôn ngữ, giá trị văn hóa và kinh nghiệm của học sinh để vận dụng trong quá trình lựa chọn tài liệu dạy học, thiết kế bài giảng, tổ chức, điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm phát huy tiềm năng, khơi dậy hứng thú học tập tiếng Anh, phát triển các kỹ năng sáng tạo vào tư duy phê phán cho học sinh.

Có khả năng nhận biết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học và biết phương pháp giải quyết những vấn đề này. Biết xây dựng các giải thuyết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học, ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dạy học Tiếng Anh. Có tiềm lực để tự hoàn thiện trình độ của mình, đáp ứng các yêu cầu mới.

1.2.3. Xét về kỹ năng

1.2.3.1 Kỹ năng ngôn ngữ Anh

Giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở	Giáo viên tiếng Anh trung học phổ thông
Có khả năng sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương với trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. (<i>Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT</i>)	Có khả năng sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương với trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. (<i>Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT</i>)
Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực	Có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng. Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó

<p>chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>	<p>khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết.</p>
---	---

1.2.3.2 Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm

Nắm được và vận dụng các kỹ năng khai thác thông tin phục vụ môn học, bài học; kỹ năng giao tiếp sư phạm và thuyết trình. Hiểu biết về công việc người giáo viên chủ nhiệm cần thực hiện và kỹ năng thiết kế các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Biết cách lựa chọn các phương tiện dạy học phù hợp và sử dụng các phương tiện có hiệu quả. Có kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp và quản lý lớp học, tạo không khí học tập, kích thích khả năng tự học và quản lý bản thân của học sinh.

Có kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, biết xác định các tiêu chí đánh giá, thiết kế bài kiểm tra có khả năng đánh giá và đưa ra các phản hồi tích cực cho học sinh. Có kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình phổ thông, thiết kế các bài giảng theo chương trình sách giáo khoa tiếng Anh ở phổ thông. Nắm được cấu trúc, nội dung chương trình tiếng Anh ở phổ thông và xây dựng được nội dung môn học này.

Có kỹ năng tư vấn học đường, nhận biết và tư vấn cho học sinh có khó khăn trong học tập và cuộc sống.

1.2.3.3 Kỹ năng học tập

Có khả năng học tập, nghiên cứu khoa học độc lập và theo nhóm. Biết theo dõi và xử lý kịp thời các thông tin về chuyên ngành nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Có kỹ năng vận dụng tư duy sáng tạo và phản biện trong học tập. Có kỹ năng tiếp cận khoa học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn giáo dục và dạy học tiếng Anh. Xây dựng kỹ năng tự hoàn thiện kiến thức, phát triển chuyên môn, và kỹ năng học tập suốt đời.

Hiểu được tầm quan trọng và biết kết nối quá trình tự học của mình với đồng nghiệp, của học sinh lớp mình với những học sinh lớp khác, trường khác. Thường xuyên rút kinh

nghiệm, đánh giá quá trình giảng dạy, tự học, tự bồi dưỡng để tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh.

1.2.3.4 Kỹ năng công tác xã hội

Biết tổ chức, vận động phụ huynh học sinh, sinh viên, các tổ chức xã hội phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ. Có khả năng trợ lý cho các cơ quan quản lý giáo dục về dạy học tiếng Anh.

1.2.4. Xét về giá trị và thái độ nghề nghiệp

Mong muốn và cam kết truyền đạt được các giá trị của việc học tiếng Anh cho học sinh.

Có ý thức và năng động, sáng tạo trong việc ứng dụng các lý thuyết, kỹ năng dạy học vào thiết kế, điều chỉnh tài liệu cũng như tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh cụ thể.

Thể hiện khả năng làm việc hợp tác trong môi trường dạy học, tích cực đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn với đồng nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học; đồng thời hướng dẫn học sinh thực hành kỹ năng làm việc hợp tác trong giờ học tiếng Anh.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch không ngừng trau dồi, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

Các chuẩn đầu ra này có thể chia thành các mục nhỏ như sau:

1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của nhà giáo

2. Kiến thức

2.1. Kiến thức kiến thức chung, cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành

2.2. Kiến thức và trình độ tiếng Anh

2.3. Kiến thức về ngôn ngữ Anh, văn hóa văn minh các nước nói tiếng Anh

2.4. Kiến thức về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

2.5. Kiến thức về quy luật phát triển nhận thức, tâm sinh lý, đặc điểm phát triển ngôn ngữ, văn hóa và kinh nghiệm của học sinh

3. Kỹ năng

3.1 Kỹ năng ngôn ngữ Anh

3.2 Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm

3.3 Kỹ năng học tập và nghiên cứu khoa học

3.4 Kỹ năng công tác xã hội

4. Giá trị và thái độ nghề nghiệp

Những CDR này đều được thể hiện trong mục tiêu của từng học phần. Hay nói cách khác, mỗi học phần trong CTĐT đều góp phần giúp sinh viên đạt CDR. Cụ thể được thể hiện như trong ma trận dưới đây:

MA TRẬN GIỮA CDR VÀ CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT CỬ NHÂN SƯ PHẠM TIẾNG ANH 2019, ÁP DỤNG TỪ K69 (2019 - 2023)

HK	TT	Học phần	Số tín chỉ	CDR										
				1	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	3.4	4
I =HK1 (15 tuần)	1	Nghe – Nói 1	3			x				x		x		
	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin (I)	3	x									x	x
	3	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lê nin (II)	3	x									x	x
	4	Tâm lí học giáo dục	4		x					x		x	x	
	5	Giáo dục thể chất	2 (không tính)										x	
	6	Chọn 1 trong 4 môn: - Tiếng Việt thực hành	2		x					x			x	
- Nghệ thuật đại cương		2		x					x			x		

		- Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		x				x			x		
		- Tin học đại cương	2		x				x			x		
	7	Kiến thức cơ sở của nhóm ngành/nhóm nhỏ: Cơ sở văn hoá VN	2		x				x			x		
	8	Đọc – Viết 1	3			x				x		x		
		Tổng cộng:	20											
II =HK2 (14 tuần)	1	Nghe – Nói 2	3			x				x		x		
	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x								x		x
	3	Đường lối cách mạng của Đảng CS VN	2	x								x		x
	4	Giáo dục thể chất 2	2 (không tính)											
	5	Thống kê xã hội học	2		x							x		
	6	Kiến thức cơ sở của nhóm ngành/nhóm nhỏ	8		x					x		x		
	7*	Đọc - Viết 2	3			x					x		x	

		Tổng cộng:	19											
III (12 tuần)														
		Tổng cộng:	0	x										
IV =HK1 năm thứ 2 (15 tuần)	1	Giáo dục học	3		x				x		x	x		x
	2	Tiếng Pháp 1	3		x				x					
	3	Môn tương tác trong nhóm nhỏ (ngành): Dẫn luận ngôn ngữ	2			x				x		x		
	4	Văn hoá – Văn minh Anh - Mỹ	3					x			x			x
	5	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3					x			x	x		
	6	Nghe - Nói 3	3					x			x			
	7	Đọc - Viết 3	3					x			x			
		Tổng cộng:	20								x			
V =HK2 năm thứ 2 (14 tuần)	1	Giao tiếp sư phạm	2	x					x			x		x
	2	Rèn luyện NVSP thường xuyên	3									x		x
	3	Tiếng Pháp (Ngoại ngữ 2)	3											

	4	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3					x			x	x		
	5	Chọn 1 trong 4 môn: - Nghe - Nói 4	3					x			x		x	
		- Tiếng Anh hành chính và văn phòng	3					x			x		x	
		- Tiếng Anh thương mại	3					x			x		x	
		- Tiếng Anh ngân hàng	3					x			x	x	x	
	6	Chọn 1 trong 3 môn: - Đọc - Viết 4	3					x			x	x	x	
		- Tiếng Anh trong lớp học	3					x			x	x	x	
		- Tiếng Anh học thuật	3					x			x	x	x	
	Tổng cộng:		17										x	
VI (12 tuần)													x	
VII	1	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	3	x								x	x	x

=HK1 năm thứ 3 (15 tuần)	2	Thực hành kỹ năng giáo dục	2	x							x	x	x	x	
	3	Phương pháp dạy học bộ môn 1	3								x	x	x	x	
	4	Ngôn ngữ học trong giảng dạy tiếng Anh	3							x	x	x		x	
	5	Chọn 1 trong 2 môn: - Phân tích diễn ngôn	3				x						x		
		- Ngữ dụng học	3				x						x		
	6	Chọn 1 trong 2 môn: - Nghe - Nói	5				x				x		x		
		- Tăng cường diễn đạt Nói tiếng Anh	3				x				x		x		
	7	Chọn 1 trong 2 môn: - Đọc - Viết	5				x				x		x		
		- Tăng cường diễn đạt Viết tiếng Anh	3				x				x		x		
		Tổng cộng:	20										x		
	VIII	1	Thực hành dạy học tại	3	x							x	x	x	x

=HK2 năm thứ 3 (14 tuần)		trường sư phạm													
	2	Phương pháp dạy học bộ môn 2	4							x	x	x	x		
	3	Dịch	3				x				x				
	4	Chọn 1 trong 3 môn: - Văn học Anh - Mỹ	3				x					x		x	
		- Văn hóa Văn minh Á - Châu	3				x					x		x	
		- Giao tiếp liên văn hóa	3				x					x		x	
	5	Kỹ năng phát biểu trước công chúng	2								x	x	x	x	
	6	Chọn 1 trong 2 môn: - Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh	3									x	x		x
		- Dạy tiếng Anh cho trẻ em	3									x	x		x
		Tổng cộng:	18												
IX															

(12 tuần)															
X =HK1 năm thứ 4 (15 tuần)	1	Phát triển chương trình nhà trường	2	x							x	x	x	x	
	2	Phương pháp dạy học bộ môn 3	3								x	x	x	x	
	3	Nghe - Nói 6	2			x				x		x			
	4	Đọc - Viết 6	2			x				x		x			
	5	Môn thay thế tốt nghiệp: Học theo dự án (Project-based learning)	3									x	x	x	
	6	Môn thay thế tốt nghiệp: Phát triển chuyên môn cho giáo viên tiếng Anh (Professional development for English teachers)	3	x								x	x	x	x
		Tổng cộng:		15											
XI =HK2 năm thứ 4	1	Thực tập sư phạm I	3	x							x	x	x	x	
	2	Thực tập sư phạm II	4	x							x	x	x	x	

(14 tuần)														
		Tổng cộng:	7											
		Tổng cộng toàn bộ CTĐT SPTA:	136											

Ma trận mô tả mức độ liên quan giữa CDR và các học phần trong CTĐT trình độ đại học cử nhân SP Tiếng Anh 2019, áp dụng từ K69 mô tả mức độ liên quan giữa chuẩn đầu ra và các học phần thuộc khối kiến thức trong chương trình.

Mức độ tương thích:

- 1: Không tương thích (0%)
- 2: Tương thích một phần (25%)
- 3: Tương thích vừa (50%)
- 4: Khá tương thích (75%)
- 5: Rất tương thích (100%)

Mức độ tương thích	Tiêu chuẩn																													
	1.2.1 Phẩm chất chính trị		1.2.2 Kiến thức môn học		1.2.3. Kỹ năng										1.2.3 Giá trị & thái độ nghề nghiệp															
					1.2.3.1. Kỹ năng ngôn ngữ Anh					1.2.3.2. Kỹ năng nghiệp vụ sư phạm										1.2.3.3 Kỹ năng học tập					1.2.3.4 Kỹ năng xã hội					
Các học phần	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Nhóm học																														

phần kĩ năng ngôn ngữ Anh																			
Các học phần bắt buộc																			
Phát triển kĩ năng Nghe -Nói 1			x			x			x				x				x		x
Phát triển kĩ năng Đọc- Viết 1			x			x			x				x				x		x
Phát triển kĩ năng Nghe -Nói 2			x			x			x				x				x		x

Nghe -Nói 3																					
Phát triển kĩ năng Đọc- Viết 3																					x
Phát triển kĩ năng Nghe -Nói 4																					x
Phát triển kĩ năng Đọc- Viết 4																					x
Phát triển kĩ năng Nghe -Nói 5																					x

tự chọn																					
Phát triển kỹ năng Đọc-Viết 6				x							x									x	
Phát triển ngôn ngữ lớp học cho giáo viên tiếng Anh				x							x									x	
Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh				x							x									x	
Tiến g Anh trong				x							x									x	

giao dịch thươ ng mại																							
Tiến g Anh viết khoa học			x			x			x										x				x
Nhó m học phân phươ ng pháp dạy học tiếng Anh			x			x			x										x				x
Nhó m học phân Ngôn ngữ học Anh																							

Các học phần bắt buộc																				
Nhập môn tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai			x							x										x
Thiết kế chương trình dạy học			x							x										x
Dạy TA cho trẻ em bậc tiểu học			x							x										x
Nhập môn tiếp thụ			x							x										x

ngôn ngữ thứ hai																					
Thiết kế chươ ng trình dạy học			x																		x
Dạy TA cho trẻ em bậc tiểu học			x																		x
Phát triển tài liệu dạy học TA			x																		x
Ứng dụng CNT T trong giảng			x																		x

bắt buộc																						
Văn hóa - Văn minh Anh – Mỹ																						
Các học phần tự chọn																						
Văn học Anh – Mỹ																						
Giao tiếp liên văn hóa																						
Văn hóa – Văn minh Á châu																						
Kho á luận																						

tốt nghiệp hoặc tương đương																					
Khoá luận tốt nghiệp hoặc tương đương		x																			x
Phát triển kỹ năng học theo dự án		x																			x
Phát triển năng lực tự bồi dưỡng		x																			x

g của																															
giáo																															
viên																															

Để góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR trong CTĐT, khoa đã yêu cầu mỗi giảng viên phải hoàn thành hồ sơ giảng dạy về học phần mình đảm nhiệm. Hồ sơ giảng dạy gồm: kế hoạch giảng dạy, kế hoạch thực hành của môn học, kế hoạch kiểm tra đánh giá, giáo án/ tài liệu bài giảng của môn học [H3.03.01.06]. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học cũng được nêu rõ trong đề cương chi tiết các học phần và được thiết kế đa dạng, phù hợp góp phần đạt được CĐR [H3.03.01.01; H3.03.01.06].

Dưới đây là mô tả chi tiết các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng và góp phần giúp sinh viên đạt được CĐR.

Thứ nhất, số tiết của các học phần luôn có sự phân chia khoa học thời gian dành cho lý thuyết, bài tập, thảo luận và thực hành, thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa các phương pháp giảng viên thuyết giảng, sinh viên thảo luận trực tiếp trên lớp kết hợp với sinh viên tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong các học phần thực hành tiếng và văn hóa văn minh sinh viên còn có cơ hội trải nghiệm các hoạt động thuyết trình theo nhóm hoặc thực hiện các bài tập dự án theo nhóm. Phần đánh giá quá trình (chiếm tỉ trọng 30% trong toàn bộ điểm số của sinh viên) của các học phần thực hành tiếng bao gồm các đầu điểm đánh giá đa dạng như kiểm tra miệng, bài tập ngắn, bài kiểm tra ngắn, bài thu âm, bài viết cá nhân hoặc bài viết nhóm, đảm bảo việc đánh giá sinh viên đầy đủ và đa dạng, hướng đến việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng mềm cần thiết cho môi trường làm việc trong tương lai. Trong các học phần Phương pháp giảng dạy, sinh viên được đánh giá theo hình thức bài tập tiểu luận, kết hợp với quay video clip bài giảng trực tiếp. Đặc biệt, với các học phần Văn hóa văn minh Anh - Mỹ, sinh viên được trải nghiệm hoạt động Review Day trong đó sinh viên chủ động lên kế hoạch, thiết kế nội dung học tập, tham gia đóng kịch những nội dung kiến thức đã được lĩnh hội trong quá trình học tập. Với các học phần Ngôn ngữ Anh, sinh viên có cơ hội trải nghiệm các hình thức hoạt động giảng dạy khác nhau, bao gồm thảo luận trực tuyến, thuyết trình theo nhóm và cá nhân, thực hiện bài tiểu luận cuối khóa, v.v.

Thứ hai, các phương thức kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra cho từng học phần luôn được nêu rõ ở phần mô tả chi tiết các học phần. Ví dụ, với các học phần thực hành tiếng, sinh viên được thông báo ngay từ tuần đầu tiên của mỗi học kỳ về phương thức kiểm tra đánh giá, mục tiêu đầu ra và được hướng dẫn cách để tiệm cận hoặc đạt đến mục tiêu đầu ra đó. Đồng thời, trong quá trình thiết kế các hoạt động dạy và học trên lớp, giáo viên cũng luôn nhất quán trong cách thức đánh giá sinh viên dựa theo chuẩn đầu ra của học phần tương ứng đã được phổ biến trong tuần đầu. Bài kiểm tra giữa kỳ được thiết kế rất sát với bài kiểm tra cuối kỳ về format và hình thức đánh giá. Điều này giúp sinh viên nắm rất chắc về mục tiêu môn học và chuẩn đầu ra của từng học phần cụ thể.

Thứ ba, đề thi đánh giá các học phần được thiết kế theo hướng kết hợp giữa hình thức đánh giá trắc nghiệm khách qua và tự luận nhằm phát huy tối đa ưu điểm của từng hình thức. Đề thi được thiết kế dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng (theo định hướng tiếp cận năng lực) từng học phần, hoạt động giáo dục từng học phần; yêu cầu cơ bản cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ (theo định hướng tiếp cận năng lực) của sinh viên.

Cuối mỗi học kỳ, Trường ĐHSPTHN đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên về chất lượng giảng dạy học phần của giảng viên. Kết quả cho thấy tỉ lệ sinh viên đánh giá các học phần ở mức khá và tốt qua các học kỳ như sau:

Học kì	Tỉ lệ đánh giá ở mức khá và tốt
Học kì 1 năm học 2015-2016	76.9%
Học kì 2 năm học 2015-2016	83%
Học kì 1 năm học 2016-2017	87%
Học kì 2 năm học 2016-2017	84.9%
Học kì 1 năm học 2017-2018	86.6%
Học kì 2 năm học 2017-2018	86.7%

Từ năm học 2018 – 2019, nhà trường thay đổi mẫu phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy học phần. Phần lớn các học phần được sinh viên đánh giá là góp phần giúp các em hình thành những năng lực thiết yếu. Có thể xem đây là một phản hồi tích cực từ phía học viên về chương trình đào tạo của Trường ĐHSPTHN nói chung và khoa Sư phạm Tiếng Anh nói riêng [H3.03.01.07].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra và cung cấp những thông tin đầy đủ, cần thiết nhất cho học sinh, sinh viên hoặc phụ huynh có mong muốn được tìm hiểu hoặc học tập tại Khoa.

3. Điểm tồn tại

Ma trận của chương trình đào tạo được thiết kế chưa chi tiết đến từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật chỉnh sửa ma trận kỹ năng	Ban chủ nhiệm, nhóm giảng viên được phân công	Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và cải thiện chương trình bám sát vào chuẩn đầu ra.	Ban chủ nhiệm, nhóm giảng viên được phân công	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Như ma trận đã trình bày ở trên, có thể thấy tất cả các môn học trong chương trình đào tạo đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [H3.03.02.01; H3.03.02.02; H3.03.02.03]. Cụ thể, những môn học thuộc phần kiến thức chung như các môn Triết học và Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam giúp hình thành cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống đúng mực của nhà giáo: Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, chấp hành các chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt các nghĩa vụ công dân. Đây là

chuẩn đầu ra quan trọng được liệt kê đầu tiên trong chương trình đào tạo [H3.03.02.01; H3.03.02.02]. Bên cạnh đó, các học phần thực hành tiếng được phân bố đều khắp các học kì từ học kì 1 đến học kì 7 giúp sinh viên đạt được trình độ tiếng Anh theo yêu cầu của chuẩn đầu ra là bậc 5/6 (đối với giáo viên trung học phổ thông), bậc 4/6 (đối với giáo viên trung học cơ sở) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014) hoặc tương đương theo chuẩn quốc tế và có khả năng vận dụng tiếng Anh thành thạo, hiệu quả trong dạy học, giao tiếp trong môi trường quốc tế và nghiên cứu, tự bồi dưỡng. Mỗi học kì đảm bảo rèn luyện cho sinh viên đủ 4 kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết với trình độ nâng dần từ bậc 2 đến bậc 5 [H3.03.02.01; H3.03.02.02].

Các môn học như Ngữ âm - Âm vị học, Ngữ pháp học, Từ vựng - Ngữ nghĩa học, Văn hóa Văn Minh Anh-Mỹ giúp sinh viên có những hiểu biết chuyên sâu hơn về ngôn ngữ mà mình sẽ giảng dạy sau này, là cơ sở nền tảng cho việc hình thành năng lực dạy học của sinh viên.

Còn những môn học trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm như Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Thực hành nghề, Giao tiếp sư phạm, Kiểm tra đánh giá trong giáo dục, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, Thực hành dạy học tại trường sư phạm, Thực tập sư phạm I, Thực tập sư phạm II, Lý luận dạy học tiếng Anh, Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh, Sử dụng Công nghệ thông tin trong Giảng dạy tiếng Anh giúp sinh viên có được “hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm sinh lý, đặc điểm phát triển ngôn ngữ, giá trị văn hóa và kinh nghiệm của học sinh” để vận dụng trong quá trình dạy học; có được kiến thức về “các học thuyết về tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, các học thuyết và phương pháp dạy học tiếng Anh, kiến thức về kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh, chương trình, tài liệu giáo dục phổ thông môn tiếng Anh theo từng cấp học..., có khả năng sử dụng công nghệ thông tin để khai thác sách giáo khoa, tài liệu dạy học tiếng Anh, thiết kế và thực hiện bài giảng phù hợp với mục tiêu của chương trình, theo chuẩn kiến thức kĩ năng quy định trong chương trình môn tiếng Anh, cũng như thực tế dạy học tiếng Anh tại trường phổ thông. Mỗi môn học trong khối kiến thức này đều nhằm phát triển năng lực dạy học và giáo dục ở sinh viên, là hai trong số năm năng lực quan trọng được đề ra ở chuẩn đầu ra [H3.03.02.01; H3.03.02.02].

Phần tự học trong mỗi học phần và môn học Phương pháp Nghiên cứu khoa học được thiết kế để phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đồng thời năng lực này cũng được rèn luyện thêm trong quá trình sinh viên làm các tiểu luận kết thúc các môn học, làm nghiên cứu khoa học và làm khóa luận [H3.03.02.01; H3.03.02.02]. Như vậy có thể thấy mỗi học phần đều góp phần giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra như mục tiêu của chương trình đề ra.

CDR về năng lực công tác xã hội của sinh viên được hình thành và rèn luyện qua những học phần như Giao tiếp sư phạm, Rèn luyện NVSP thường xuyên, Thực hành kỹ năng giáo dục, Thực hành dạy học tại trường sư phạm, Kỹ năng phát biểu trước công chúng, Phát triển chương trình nhà trường, Dạy học theo dự án và Phát triển chuyên môn cho giáo viên tiếng Anh.

CDR về giá trị và thái độ nghề nghiệp được thực hiện thông qua những học phần thuộc khối kiến thức chung và cả khối kiến thức chuyên ngành. Người giáo viên tốt trước hết phải có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng. Điều này sinh viên sẽ được học qua các môn như Triết học và Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm tự chủ trong nghề dạy học, khao khát mong muốn được truyền đạt những kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh từng bước được hình thành qua những môn học như Giáo dục học, Giao tiếp Sư phạm, Văn minh văn hóa Anh Mỹ. Các môn học trong chương trình đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tương đối tốt để đảm bảo việc đạt chuẩn đầu ra. Với những môn học chủ yếu để cung cấp kiến thức, ví dụ như môn Lý luận dạy học Tiếng Anh, các hoạt động dạy và học chủ yếu là giáo viên cung cấp tài liệu và giảng lý thuyết, sinh viên nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, thảo luận, làm bài tập và thuyết trình hoặc làm bài tập lớn để tổng hợp những kiến thức học được. Việc kiểm tra đánh giá cuối kì cũng là thi viết hoặc làm bài tập lớn.

Trong khi đó, những môn có tính thực hành cao hơn thì phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá cũng nhằm phát triển và đánh giá những kỹ năng của người học. Ví dụ, trong môn Phương pháp Giảng dạy Tiếng Anh, ngoài việc nghe giảng và tìm hiểu về các phương pháp giảng dạy các thành tố ngôn ngữ cũng như các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các tài liệu và các trang web được giáo viên cung cấp thì sinh viên sẽ có các hoạt động thực hành các kỹ năng giảng dạy ngay trên lớp như soạn giáo án,

giảng thử, chấm bài cho học sinh. Các hình thức kiểm tra đánh giá bên cạnh kiểm tra viết giữa kì và cuối kì thì có một phần chiếm tỉ trọng lớn là các sản phẩm thực tế của sinh viên như giáo án, video quay bài giảng. Tương tự thế, có thể thấy các học phần trong chương trình đều có phương pháp dạy và học và kiểm tra đánh giá đa dạng từ viết, vấn đáp đến các hình thức tích hợp khác như thuyết trình, làm porfolios, viết tiểu luận, vv... tất cả nhằm giúp sinh viên đạt được mục tiêu của môn học, đồng thời hỗ trợ giúp sinh viên đạt rèn luyện được nhiều kĩ năng và phẩm chất đề ra trong chuẩn đầu ra [H3.03.02.01; H3.03.02.02].

Nội dung các học phần trong CTĐT thể hiện việc đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của sinh viên. Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận thể hiện sự tương quan giữa các năng lực trong chuẩn đầu ra và nội dung các học phần. Theo bảng ma trận này, các môn học đều ít nhiều đóng góp vào việc phát triển các năng lực được đề ra trong chuẩn đầu ra [H3.03.02.01; H3.03.02.02; H3.03.02.03].

Cuối mỗi học kì, trường ĐHSP Hà Nội đều tiến hành khảo sát chất lượng giảng dạy và các báo cáo cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy trên lớp của các giảng viên, trong đó bao gồm các nội dung liên quan đến các giờ thực hành, bài tập; giáo trình tài liệu tham khảo; kiến thức kĩ năng chuyên môn nghề nghiệp của giảng viên; sự đáp ứng của mục tiêu sau khi kết thúc học phần; phương pháp đánh giá kết quả học tập của giáo viên và sự hứng thú của sinh viên đối với các giờ học của học phần đó [H3.03.02.04]. Như vậy, có thể thấy nhiều nội dung trong số này liên quan trực tiếp đến nội dung của các học phần và mức độ hài lòng của sinh viên qua các học kì được báo cáo như sau:

Học kì	Tỉ lệ được đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng
Học kì 1 năm học 2015-2016	82.6%
Học kì 2 năm học 2015-2016	86.3%
Học kì 1 năm học 2016-2017	86.2%
Học kì 2 năm học 2016-2017	87.1%
Học kì 1 năm học 2017-2018	87.4%
Học kì 2 năm học 2017-2018	88%

Từ năm học 2018-2019, trong khảo sát có một mục riêng dành cho nội dung dạy học. Theo báo cáo, học kì 1 có 82.4% các học phần được đánh giá ở mức xuất sắc và tốt

và 7% được đánh giá ở mức khá. Như vậy có thể thấy phần lớn các phản hồi của sinh viên về nội dung học của các học phần của trường ĐHSP Hà Nội nói chung và của khoa Tiếng Anh nói riêng đều khá tích cực.

2. Điểm mạnh

Mỗi học phần trong chương trình đào tạo đều có đóng góp rõ ràng giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, các phương pháp dạy và học cũng như kiểm tra đánh giá khá đa dạng và phù hợp với mục tiêu của từng môn học cũng như mục tiêu chung của cả chương trình.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng công nghệ thông tin trong phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đẩy mạnh hơn nữa việc sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy và học và công tác kiểm tra đánh giá.	Ban chủ nhiệm, các giáo viên bộ môn	Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các mục tiêu phù hợp với yêu cầu chung của luật giáo dục Đại học và ngành Sư phạm.	Ban chủ nhiệm, bộ phận hành chính	Năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Căn cứ vào cây tín chỉ và chương trình chi tiết của chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh THCS và THPT, có thể thấy các học phần được cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất [H3.03.03.01; H3.03.03.02].

Cấu trúc chương trình được chia thành 5 khối kiến thức:

- (1) Khối kiến thức chung,
- (2) Khối kiến thức Nghiệp vụ sư phạm,
- (3) Khối kiến thức chung của nhóm ngành,
- (4) Khối kiến thức chuyên ngành,
- (5) Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương.

Trong đó, khối kiến thức chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm chiếm khối lượng lớn nhất (66 và 34 tín chỉ). Sự phân chia này dựa trên mức độ tham gia vào đáp ứng mục tiêu đầu ra của từng môn học. Môn học nào đáp ứng nhiều hơn thì chiếm khối lượng tín chỉ lớn hơn, đáp ứng ít hơn thì chiếm lượng tín chỉ nhỏ hơn [H3.03.01.02]. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT khá chặt chẽ và khoa học, có sự lựa chọn phù hợp trong các học phần để đáp ứng với CDR tương ứng [H3.03.01.01]. Về phân bố các học phần như: Các học phần bắt buộc/tự chọn, chung/cơ sở/chuyên ngành/tiên quyết được phân bổ hợp lý nhằm giúp sinh viên chủ động trong việc lựa chọn các học phần theo kế hoạch. Chương trình có thời lượng 4 năm, đảm bảo cân đối giữa các học phần, bám sát chuẩn đầu ra, cung cấp cho người học kiến thức đầy đủ của ngành học, hình thành các kỹ năng về phẩm chất và năng lực đáp ứng CDR của CTĐT [H3.03.01.01]. Cụ thể, trong khối kiến thức chung (mục I), các môn học về Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên xây dựng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống đúng mực. Khối kiến thức Nghiệp vụ sư phạm (mục II) là kim chỉ nam giúp sinh viên hình thành, phát triển và hoàn thiện tối đa năng lực dạy học, giáo dục và phát triển cộng đồng - bản thân. Các phẩm chất này lại liên tục được bổ trợ qua khối kiến thức chuyên ngành (mục IV). Đặc biệt, mỗi học phần luôn có sự phân bổ thời gian tự học rất rõ ràng, tạo cơ hội rất tốt cho sinh viên phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời [H3.03.01.03]. So với chương trình đào tạo niên chế, chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ có ưu điểm vượt trội là cho phép sinh viên học theo tiến độ cá nhân thông qua việc đăng ký trực tuyến số lượng tín chỉ tối thiểu và tối đa. Điều này cho phép các em học

theo năng lực của mỗi cá nhân, và tạo cơ hội ra trường sớm hơn kế hoạch [H3.03.01.04; H3.03.01.05].

Tất cả các học phần trong chương trình (gồm 53 học phần bắt buộc và 17 học phần tự chọn đều được bố trí hợp lý và logic với sự liên kết chặt chẽ với nhau từ cơ bản đến chuyên sâu. Học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; học kỳ thực hiện... được ghi chú rõ ràng trong tất cả các đề cương chi tiết của CTĐT. Các môn đại cương được sắp xếp trong 5 học phần đầu tiên, môn học ở học kỳ trước là điều kiện tiên quyết để học môn học ở học kỳ sau: Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2, Ngoại ngữ 3 ở ba học phần đầu tiên; Chủ nghĩa Mác Lê Nin 1, Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối Cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam lần lượt ở các học phần 2, 3, 4, 5. Đây là cách sắp xếp rất hợp lý, đảm bảo cho sinh viên sự tiếp thu vững chắc các kiến thức từ thấp đến cao, từ kiến thức chung nền tảng đến kiến thức cụ thể hơn [H3.03.03.01; H3.03.03.02]. Trong khối kiến thức chuyên ngành, các môn học cũng được sắp xếp theo trình tự từ môn cơ bản đến môn nâng cao và đảm bảo sự tăng dần các môn học mới, những môn học ở các kỳ trước là cơ sở, điều kiện tiên quyết để học những môn học cùng nhóm chuyên ngành ở học kỳ sau. Nhóm học phần kỹ năng ngôn ngữ Anh được trải đều gần như trong suốt khóa học, trừ học kỳ cuối cùng, từ các môn có mục tiêu đầu ra ở mức bậc 2 rồi bậc 3, bậc 4 và đến học kỳ 7 là bậc 5 như yêu cầu của chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ của sinh viên tốt nghiệp. Bên cạnh đó từ học phần 4, một số môn tự chọn được đưa vào như Ngôn ngữ trong lớp học, Tiếng Anh trong giao dịch thương mại, Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, Phát triển tiếng Anh học thuật; tất cả đều nhằm nâng cao và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Anh của người học. Việc sắp xếp như vậy hoàn toàn phù hợp với lý thuyết về tiếp nhận ngôn ngữ: mỗi người học để đạt từ trình độ A2 lên C1 cần học khoảng 600 giờ (tổng số tín chỉ cho kỹ năng ngôn ngữ Anh của chương trình đào tạo năm 2014 là 39, tương đương với 585 giờ học) và việc học cần phải liên tục và nhưng lại không quá nhiều vào một thời điểm [H3.03.03.01; H3.03.03.02]. Các môn trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm được đưa vào ngay từ học phần đầu tiên với các môn ở hai học phần đầu là những môn cơ sở được học bằng tiếng Việt: Tâm lý học, Giáo dục học. Từ học phần thứ 3 trở đi, các môn bằng tiếng Anh mới bắt đầu được đưa vào cùng với các môn học bằng tiếng Việt, với môn trước là cơ sở để học môn sau như Lý luận dạy học tiếng Anh rồi đến Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, và môn học bằng tiếng Việt hỗ trợ và làm nền tảng cho những môn học bằng tiếng Anh, giúp sinh viên tiếp thu tốt

nhất những kiến thức chuyên ngành. Từ học phần thứ 5, các môn tự chọn được đưa vào bên cạnh những môn bắt buộc, bổ sung thêm những kiến thức sâu hơn về các khía cạnh khác nhau của việc giảng dạy tiếng Anh như thiết kế chương trình, sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh, phát triển học liệu dạy tiếng Anh, vv.... Ở học phần 6 và học phần 8, sinh viên được áp dụng những kiến thức nghiệp vụ đã học vào thực hành giảng dạy ở các trường THPT với hai học phần Thực tập sư phạm 1 và Thực tập Sư phạm 2. Như vậy, các môn học trong khối kiến thức này được sắp xếp từ cơ bản đến nâng cao, từ những vấn đề chung đến vấn đề cụ thể hơn, từ lý thuyết đến thực hành một cách rất logic [H3.03.03.01; H3.03.03.02].

Vào tháng 11 năm 2015 khoa tiếng Anh đã rà soát chương trình đào tạo và có một số thay đổi nhỏ [H3.03.03.03]. Sau đó, trong quá trình giảng dạy, một số học phần cũng được điều chỉnh. Ví dụ các môn trong nhóm kỹ năng ngôn ngữ Anh, nhiều môn học chuyển từ các giáo trình cũ sang những giáo trình mới có nội dung cập nhật phù hợp hơn. Cụ thể môn Nghe nói 3 và Đọc viết 3 đã trải qua hai lần thay đổi giáo trình năm 2016 và 2017 [H3.03.03.04]. Đến năm 2019 thì khoa đã rà soát lại tổng thể chương trình và đã có những sửa đổi trong chuẩn đầu ra cũng như khung chương trình và chương trình chi tiết của các môn học [H3.03.03.05; H3.03.03.06; H3.03.03.07; H3.03.03.08].

Những sự thay đổi trong khung chương trình và chi tiết các môn học năm 2019 thể hiện tính tích hợp cao. Ví dụ môn ngữ âm âm vị học và môn ngữ pháp được kết hợp thành môn Ngôn ngữ học tiếng Anh 1 với số tín chỉ là 3. Môn Ngôn ngữ học Xã hội được lồng ghép với môn Lý thuyết giao tiếp. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá cũng có sự thay đổi theo chiều hướng đa dạng và linh hoạt hơn. Ví dụ, trong môn ngữ âm âm vị, về kiểm tra đánh giá, chương trình mới có thay đổi hình thức kiểm tra giữa kì, ngoài bài trắc nghiệm và tự luận, sinh viên phải làm dự án tham gia hoạt động lồng tiếng cho các video clip; đóng kịch, xây dựng các news cast. Bài cuối kì ngoài trắc nghiệm cũng có thêm hình thức tự luận. Trong môn Dịch, bài kiểm tra giữa kì cũng chuyển từ tự luận sang những hình thức phong phú và thiết thực hơn với các dự án cho sinh viên thiết kế sách, tạp chí song ngữ, brochure, newsletter về các chủ đề dịch có trong chương trình; dự án dịch các tài liệu học tập là các bài đọc, nghe trong chương trình phổ thông. Cuối kì trước chỉ có tự luận, sau thêm trắc nghiệm [H3.03.03.01; H3.03.03.08]

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh THCS và THPT được cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, các môn học trong chương trình đều được bố trí hợp lý. Chương trình liên tục được cập nhật để phù hợp với những nguồn tài nguyên học liệu mới có, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và những phương pháp giảng dạy mới hiện đại năng động hơn.

3. Điểm tồn tại

Chưa tham khảo nhiều các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo thêm các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế để có những bổ sung chỉnh sửa phù hợp.	Ban chủ nhiệm, các giáo viên phụ trách bộ môn.	Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các hoạt động rà soát chỉnh sửa chương trình thường xuyên để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp nhất với hoàn cảnh mới.	Ban chủ nhiệm, các giáo viên phụ trách bộ môn.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 3:

Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra và cung cấp thông tin đầy đủ về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc học phần, v/v. Mỗi học phần trong chương trình đào tạo đều góp phần giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra. Đặc biệt các phương pháp dạy và học cũng như kiểm tra đánh giá khá đa dạng và phù hợp với mục tiêu của từng môn học cũng như mục tiêu chung của cả chương trình. được cấu trúc chặt chẽ,

đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, các môn học trong chương trình đều được bố trí hợp lý. Đồng thời, chương trình liên tục được cập nhật để phù hợp với những nguồn tài nguyên học liệu mới có, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và những phương pháp giảng dạy mới hiện đại năng động hơn.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.1				4			
Tiêu chí 3.2				4			
Tiêu chí 3.3				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.00						

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận dạy và học được căn cứ trên triết lý và mục tiêu giáo dục được Nhà trường. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Các giảng viên của Khoa đã vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học tích hợp, dạy học dựa trên truy vấn, dạy học dựa trên dự án. Các đề tài trong các khóa luận tốt nghiệp đã thể hiện sự nghiên cứu, vận dụng và thực nghiệm thành công các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, hiện đại phát huy được tính chủ động, tích cực và khả năng tự học của người học.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu chung là “*Xây dựng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trở thành trường đại học sư phạm “chuẩn mực, sáng tạo và tiên phong” trong đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu chất lượng cao ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ (đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế*” [H4.04.01.01; H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPhN được ban hành theo quyết định số ngày 06/05/2020 với nội dung là *đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng* hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại.

Triết lý giáo dục của nhà trường không chỉ phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục và phát triển của đất nước, đáp ứng nhu cầu của người học, của xã hội mà còn dự báo tính thích ứng trong tương lai và là kim chỉ nam cho mọi hoạt động giáo dục, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường [H4.04.01.03; H4.04.01.04; H04.04.01.05].

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, NH của CSGD hiểu rõ và thực hiện.

Triết lý giáo dục được công khai, phổ biến đến các bên liên quan thông qua trên trang thông tin điện tử của trường [H04.04.01.06].

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được giới thiệu/phổ biến tới các bên liên quan bao gồm các cán bộ thuộc các phòng ban, đội ngũ giảng viên và sinh viên các hệ của trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội thông qua hình thức đăng tải nội dung lên trang web chính thức của nhà trường và của Khoa [H4.04.01.07].

Việc đăng tải những mục tiêu này lên trang web của khoa cũng như việc phát tài liệu giới thiệu về môn học đến từng sinh viên cho thấy khoa Tiếng Anh đã làm tốt việc phổ biến các triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục cho sinh viên và giảng viên toàn khoa. Những nội dung chính cũng đã được đăng tải lên trang web của trường và của khoa Tiếng Anh, đảm bảo tất cả những bên liên quan đều có thể truy cập và tìm hiểu thông tin về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của khoa.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những văn bản chính thức tuyên bố về mục tiêu và triết lý giáo dục Những văn bản này được phổ biến tới các bên liên quan thông qua hai kênh là tài liệu phát tay và trang website của khoa.

3. Điểm tồn tại

Tài liệu trên mạng còn chưa được chi tiết và chưa có kế hoạch cụ thể để phổ biến các triết lý giáo dục cho các bên liên quan như các cơ sở giáo dục nơi sinh viên có thể vào làm sau này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lên kế hoạch và thực hiện việc phổ biến triết lý giáo dục đến các bên liên quan ngoài sinh	Nhóm phụ trách trang web Các giảng viên trong khoa	Liên tục, hàng năm	

		viên và giáo viên trong trường			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc phổ biến các triết lý và mục tiêu giáo dục đến sinh viên và giáo viên.		Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra là cơ sở để phát triển chương trình dạy học, vì vậy các hoạt động dạy và học được đề ra trong CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức; kỹ năng; thái độ (phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của nhà giáo); vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp và tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐHSPHN [H4.04.02.01; H4.04.02.02].

Các hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR **đều được thể hiện trong các đề cương chi tiết các học phần**. Cấu trúc chương trình được sắp xếp rất phù hợp để đáp ứng chuẩn đầu ra, với các môn học thuộc khối kiến thức chung, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, khối kiến thức chung của nhóm ngành và khối kiến thức chuyên ngành (gồm nhóm học phần kỹ năng ngôn ngữ Anh, nhóm học phần phương pháp giảng dạy tiếng Anh, nhóm học phần ngôn ngữ Anh và nhóm học phần văn hóa, văn minh và văn học) đảm bảo sinh viên ra trường có được những kiến thức cần thiết cho công việc giảng dạy. Mỗi học phần lại được thiết kế chi tiết, quy định rõ ràng về lịch trình giảng dạy (thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập, tự học...), các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nội dung chính của học phần và tài liệu tham khảo. Phương pháp giảng dạy được thiết kế đa dạng, kết hợp học lý thuyết với thực hành, kết hợp việc học trên lớp từ giảng viên với việc tự học, tự tìm hiểu kiến thức thông qua các tài liệu, các trang website được cung cấp với các hình thức đánh giá đa dạng và hiệu quả [H4.04.02.02; H4.04.02.03; H4.04.02.04].

Các hoạt động học tập cũng như các phương pháp kiểm tra đánh giá người học (bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá cuối kì) cũng được xây dựng đa dạng, linh hoạt như kiểm tra viết, kiểm tra nói, thuyết trình, làm các dự án, các bài tập lớn, cả kiến tập và

thực tập nghiệp vụ sư phạm nhằm đạt chuẩn đầu ra của CTĐT [H4.04.02.02]. Mỗi SV đều được Nhà trường cung cấp cho một mã sinh viên riêng để truy cập vào phần mềm quản lý đào tạo. Ở đó, SV có thể nắm được toàn bộ chương trình đào tạo, các học phần mà mỗi sinh viên phải hoàn thành, thời gian đào tạo... cho sinh viên có thể chủ động sắp xếp và quyết định đăng kí các học phần phù hợp với thời gian, điều kiện và khả năng của bản thân [H4.04.02.05]. Kỹ năng giảng dạy Tiếng Anh của sinh viên được trau dồi không chỉ ở những học phần trong trường mà cả trong những đợt thực tập sư phạm tại các trường phổ thông theo quy chế thực tập sư phạm, thông qua tháng “Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm” [H4.04.02.06; H4.04.02.07; H4.04.02.08; H4.04.02.09].

Trong quá trình giảng dạy, công nghệ thông tin được sử dụng một cách hiệu quả trong hoạt động dạy và học. Đặc biệt, môn ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh còn có một trang web riêng là một kho công cụ hữu hiệu cho sinh viên thực hành và ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy tiếng Anh. Đây cũng là nơi sinh viên nộp các bài tập thực hành và được giáo viên đánh giá, hoàn toàn online [H4.04.02.10]. Để đạt được những thành công như vậy về phương pháp giảng dạy, đội ngũ giáo viên khoa Tiếng Anh đã tích cực tham gia không ngừng các hoạt động nghiên cứu và tổ chức các buổi seminar trao đổi các sáng kiến và kinh nghiệm trong giảng dạy [H4.04.02.11; H4.04.02.12]. Hàng năm, bên cạnh các hội nghị Nghiên cứu khoa học của giảng viên thì các hội nghị nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được tổ chức đều đặn và nhiều nghiên cứu đạt giải cấp khoa, cấp trường [H3.04.02.13].

Các khoa/bộ môn, GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR

GV/NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Hàng năm, Nhà trường đều lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy học phần của giảng viên. Kết quả tổng hợp khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy học phần của sinh viên về mặt phương pháp giảng dạy qua các học kì như sau:

Năm học 2015 – 2016, số lượng sinh viên được khảo sát ở học kì 1 là 5383 sinh viên, ở học kì 2 là 5310 sinh viên. Năm học 2016 – 2017, số lượng sinh viên được khảo sát học kì 1 là 4954 sinh viên, học kì 2 là 6419 sinh viên; năm học 2017 – 2018, số lượng sinh viên được khảo sát trong học kì 1 là 7549, học kì 2 là 6539 sinh viên.

Năm học	Học kỳ	Tỉ lệ giáo viên được đánh giá mức tốt và khá về Phương pháp giảng dạy
Năm học 2015-2016	Học kỳ 1	78%
	Học kỳ 2	84%
Năm học 2016-2017	Học kỳ 1	88%
	Học kỳ 2	84.6%
Năm học 2017-2018	Học kỳ 1	85.6%
	Học kỳ 2	85.9%

Năm học 2018-2019, số lượng sinh viên được khảo sát ở học kỳ 1 là 7661 sinh viên. Phiếu khảo sát chia đánh giá làm các loại: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc thì 100% số giảng viên được đánh giá ở mức khá trở lên về phương pháp giảng dạy, trong đó có 89.7% giáo viên đạt mức tốt và xuất sắc. Như vậy có thể thấy người học khá hài lòng với phương pháp giảng dạy của giáo viên trong trường nói chung và trong khoa tiếng Anh nói riêng [H4.04.02.14].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Anh được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra giúp sinh viên chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức để kết quả đạt học tập hiệu quả cao.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy các môn học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần đẩy mạnh hơn nữa việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy các môn học	Các giảng viên trong khoa tiếng Anh Bộ phận phụ trách CNTT của trường	Liên tục, hàng năm	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng các phương pháp giáo dục đã đem lại kết quả tốt nhằm giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra.	Các giảng viên trong khoa tiếng Anh	Liên tục, hàng năm	
---	--------------------	--	-------------------------------------	--------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần (49 học phần) mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

Các hoạt động dạy và học của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh đã chú trọng đến việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đặc biệt là những kỹ năng thiết thực với công việc giảng dạy sau này. Nội dung của các môn học trong chương trình đào tạo chi tiết hình thành và phát triển cho người học các kỹ năng như kỹ năng khai thác thông tin phục vụ môn học, bài học; kỹ năng giao tiếp sư phạm và thuyết trình, kỹ năng thiết kế các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp và quản lý lớp học, kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình phổ thông, thiết kế các bài giảng theo chương trình sách giáo khoa tiếng Anh ở phổ thông [H4.04.03.01].

Những kỹ năng này không chỉ được rèn luyện trong lớp học qua các bài giảng, các giờ thực hành, mà còn được trau dồi thông qua các hoạt động của tuần lễ nghiệp vụ sư phạm được tổ chức hàng năm vào tháng 11 và các đợt kiến tập và thực tập sư phạm tại các trường phổ thông [H4.04.03.02, H4.04.03.03, H4.04.03.04, H4.04.03.05]. Trong mỗi đợt thực tập sư phạm, sinh viên được thực hành cả hai nội dung thực tập giảng dạy và thực tập giáo dục với sự hướng dẫn của cả các thầy cô trường sở tại và các thầy cô trong khoa Tiếng Anh [H4.04.03.02].

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần (49 học phần) mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

Bên cạnh việc phát triển các kỹ năng, chương trình học cũng được thiết kế để nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Theo quy chế đào tạo tín chỉ của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, để tiếp thu 1 tín chỉ (tương đương 15 tiết chuẩn) thì sinh viên cần 30 giờ tự học, tự nghiên cứu [H4.04.03.06]. Điều này cũng được thực hiện trong tất cả các học phần của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh với số tiết tự học tất cả các môn đều gấp đôi số tiết lên lớp. Trong nội dung chi tiết của các học phần đều có một cột riêng cung cấp các tài liệu tự học song song với chương trình trên lớp hoặc cung cấp các tài liệu tham khảo gồm cả sách và các trang website, đường link chính thống cho sinh viên trong toàn bộ học phần. Trong phần nhiệm vụ của sinh viên ở các học phần đều chỉ rõ sinh viên có nhiệm vụ nghiên cứu trước bài học, hoàn thành các nội dung tự học, sưu tầm thêm các tài liệu có liên quan. Trong rất nhiều học phần, sinh viên còn đóng vai trò chuẩn bị nội dung bài học và thuyết trình dưới sự hướng dẫn của giảng viên, thể hiện rõ sự chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, xây dựng tổng hợp nội dung bài từ những nguồn học liệu được cung cấp và có trên mạng [H4.04.03.01]. Ngoài ra, các hoạt động dạy và học còn chú trọng thúc đẩy năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đây là một kỹ năng hết sức quan trọng, giúp sinh viên có thể nâng cao năng lực học tập suốt đời của mình, để có thể liên tục khám phá ra những kiến thức mới, những phương pháp mới trong quá trình giảng dạy và công tác sau này. CTĐT thiết kế học phần “Phương pháp Nghiên cứu Khoa học” được giảng dạy trong học phần 4 cho sinh viên năm thứ 2 cung cấp cho sinh viên các kỹ năng tổ chức và tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng các phương pháp nghiên cứu thường dùng để thu thập và xử lý một số thông tin cần thiết, viết và trình bày một bản báo cáo khoa học theo đúng trình tự quy định bằng tiếng Anh, cũng như có khả năng diễn giải vấn đề nghiên cứu của mình tại các hội nghị khoa học, giúp hình thành và phát triển trong sinh viên năng lực phát hiện các vấn đề giáo dục thực tiễn, tổ chức nghiên cứu, giải quyết vấn đề và vận dụng trong nghiên cứu khoa học một cách sáng tạo và hiệu quả [H4.04.03.07]. Hàng năm, sinh viên khoa Tiếng Anh được thực hành nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của các giảng viên với nhiều nghiên cứu khoa học chất lượng và có ý nghĩa thiết thực với quá trình học và dạy tiếng Anh [H4.04.03.08]

Khảo sát sinh viên năm cuối trước tốt nghiệp của khoa Tiếng Anh cho thấy SV đánh giá cao về năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng trong CTĐT. Trong số 10 kiến

thức và năng lực nghiệp vụ thì năng lực này được đánh giá ở mức điểm cao thứ hai với 82.7% được đánh giá ở mức “Hài lòng” và “Rất hài lòng” [H4.04.03.09].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được thiết kế giúp sinh viên thúc đẩy khả năng tự học, tự nghiên cứu và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

3. Điểm tồn tại

CTĐT chưa có nhiều môn học có công nghệ thông tin học tập trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh hơn nữa việc tự học của sinh viên thông qua việc hoàn thiện các công nghệ thông tin dạy học trực tuyến và cập nhật trong CTĐT	Khoa Tiếng Anh	Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức tự học cho sinh viên và có biện pháp hiệu quả hơn để kiểm soát việc tự học của sinh viên và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên	Khoa Tiếng Anh	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận tiêu chuẩn 4:

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, chương trình đào tạo giáo viên THCS và THPT có mục tiêu giáo dục được phổ biến rõ ràng đến các bên liên quan với các hoạt

động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt chuẩn đầu ra, giúp phát triển các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Tuy nhiên, các tài liệu và thông tin được cung cấp còn thiếu chi tiết và chưa vạch rõ kế hoạch cụ thể nhằm phổ biến các triết lý giáo dục cho các bên liên quan. Bên cạnh đó, các hoạt động dạy và học được áp dụng trong CTĐT của nhân SP Tiếng Anh phù hợp để người học có thể đạt được chuẩn đầu ra nhưng việc sử dụng các công cụ công nghệ thông tin để hỗ trợ việc giảng dạy chưa được sâu rộng và đồng bộ trong tất cả các môn học.

Đánh giá tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 4.1					5		
Tiêu chí 4.2				4			
Tiêu chí 4.3				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.33						

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một phần quan trọng của quá trình dạy học. Để đánh giá kết quả học tập khách quan, công bằng, Nhà trường đã xây dựng Quy trình đánh giá và các quy định về khiếu nại, phúc khảo. Trường ĐHSP Hà Nội dựa theo các Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng các quy định đánh giá kết quả học tập cụ thể, rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. Việc đánh giá bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp. Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức, kỹ năng, năng lực mà SV cần đạt được so với mục tiêu môn học và mục tiêu CTĐT. Các phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá đa dạng và có tính liên tục, phù hợp với đặc thù của từng học phần. Việc đánh giá kết quả của SV căn cứ vào CĐR của chương trình và luôn kịp thời phản hồi để NH cải thiện việc học tập. Các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố công khai cho GV, SV và các bên liên quan trước khi bắt đầu CTĐT.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngoài việc phải có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của nhà giáo, có các kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng học tập, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm – đặc thù của cử nhân ngành sư phạm nói chung [H5.05.01.01] – thì đặc biệt phải đáp ứng được các yêu cầu một kỹ năng đặc trưng và thiết yếu: kỹ năng ngôn ngữ Anh. Cụ thể như sau: Cử nhân sư phạm tiếng Anh phải đạt trình độ năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra (CĐR) bậc 5/6 (đối với giáo viên trung học phổ thông), bậc 4/6 (đối với giáo viên trung học cơ sở) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo chuẩn quốc tế và có khả năng vận dụng tiếng Anh thành thạo, hiệu quả trong dạy học, giao tiếp trong môi trường quốc tế và tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng [H5.05.01.01; H5.05.01.02].

Và để đạt được mục tiêu CĐR như trên, Nhà trường và khoa Tiếng Anh đã có những kế hoạch rõ ràng từ khâu tuyển sinh đầu vào, có quy trình đánh giá theo từng học phần (bao gồm đánh giá chuyên cần, giữa kì và cuối kì) trong suốt quá trình học và xét tốt nghiệp cuối khóa cho Cử nhân Sư phạm tiếng Anh [H5.05.01.03; H5.05.01.04; H5.05.01.05, H5.05.01.06, H5.05.01.07]. Các thông tin trên đều được công bố công khai

tới các bên liên quan: GV, NH, nhà tuyển dụng... trên cổng thông tin điện tử của trường ĐHSP Hà Nội, tại địa chỉ <http://hnue.edu.vn>, trình bày chi tiết trong *Sổ tay sinh viên* phát cho Sinh viên đầu khóa học và trong *Bản mô tả CTĐT Cử nhân SP Tiếng Anh* [H5.05.01.02; H5.05.01.08; H5.05.01.09].

Cụ thể hơn, nhằm mục tiêu đào tạo Sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh đạt CĐR như quy định, Khoa đã xây dựng CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh và áp dụng khung chương trình đào tạo chi tiết cho 7 học phần, trong đó chỉ rõ tương ứng với từng học phần sinh viên sư phạm tiếng Anh phải đảm bảo đạt được chuẩn nào tương ứng với từng giai đoạn [H5.05.01.02]. Trên cơ sở khung chương trình đào tạo này, các khung chương trình chi tiết của từng học phần đã chỉ rõ về hình thức, quy trình kiểm tra đảm bảo bám sát nội dung kiến thức mà sinh viên đã được học [H5.05.01.06; H5.05.01.07]. Ví dụ như đề thiết kế bài kiểm tra các môn Thực hành tiếng cho HP7, các tiêu chí cụ thể về nội dung bài đọc, độ khó, lượng từ vựng phải tương ứng với trình độ C1 của CĐR.

Để đảm bảo có thể đo lường được mức độ đạt CĐR, việc đánh giá kết quả của sinh viên dựa trên việc kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, tổ hợp các hình thức đánh giá khác nhau được xây dựng và áp dụng phù hợp với đặc thù từng môn học. Cụ thể như sau: các môn thực hành tiếng Anh (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) chủ yếu được kiểm tra qua hình thức vấn đáp (kỹ năng nói), trắc nghiệm và tự luận (kỹ năng nghe, đọc, viết), các môn học liên quan đến nghiệp vụ sư phạm giảng dạy tiếng Anh sẽ kết hợp giữa giảng dạy micro teaching, tự luận cuối kỳ và giảng dạy thực tế [H5.05.01.07]. Thêm vào đó, mỗi môn học và kỹ năng đều được bảo đảm có tiêu chí chấm rất rõ ràng, có thể đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của NH [H5.05.01.06]

Để đảm bảo cho việc đánh giá KQHT của NH đạt CĐR của CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, việc xây dựng các PP kiểm tra đánh giá KQHT của NH được thiết kế bởi các giảng viên có kỹ năng kiểm tra đánh giá [H5.05.01.10].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được tiến hành theo quy trình rõ ràng, các công cụ kiểm tra, đánh giá được xây dựng trên cơ sở khoa học nhằm đảm bảo đánh giá đúng CĐR theo từng giai đoạn của NH.

3. Điểm tồn tại

Phần đánh giá đầu vào của NH mới chỉ dừng lại ở các kỹ năng nhận thức (receptive skills) chứ chưa đánh giá được productive skills.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thay đổi hình thức đánh giá đầu vào	Hội đồng khoa học Khoa, Trường	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Đánh giá kết quả học tập của NH tiếp tục bám sát các yêu cầu CĐR cho sinh viên trong khung chương trình đào tạo.	Giảng viên	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được công bố công khai đến người học

1. Mô tả

Trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP Hà Nội đã có những quy định hướng dẫn cụ thể về thời gian, hình thức kiểm tra, phương pháp, điều kiện dự thi, tiêu chí và tỉ trọng điểm thành phần liên quan đến kì thi hết môn của từng môn học trong suốt 7 học phần, điều kiện xét làm luận văn cuối khóa, kì thi tốt nghiệp và xét kết quả tốt nghiệp [H5.05.01.02; H5.05.02.01].

Các quy định về quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, cách thức tính điểm trung bình, điều kiện tiên quyết của từng môn học được công bố công khai trên hệ thống cổng thông tin điện tử của trường ĐHSP Hà Nội, trong *Tuần sinh hoạt công dân-HSSV* của mỗi năm học và trong *Sổ tay sinh viên* được phát cho các em vào đầu mỗi khóa học [H5.05.01.09; H5.05.02.02; H5.05.02.03]. Riêng các thông tin về thời gian kết thúc môn và thi cuối kì, tỉ trọng điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên và thi hết môn, hình thức thi, cơ chế phản hồi đều được công bố công khai tới người học trước mỗi học phần trong *Đề cương chi tiết* của mỗi môn học trong từng học phần cụ thể [H5.05.01.04].

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được xây dựng chi tiết, rõ ràng và được công bố công khai tới tất cả NH theo học CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh.

3. Điểm tồn tại

Không có

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại				
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì tính công khai các quy định về việc đánh giá kết quả học tập của NH.	Trường ĐHSPHN Khoa Tiếng Anh	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Để đánh giá kết quả học tập của sinh viên, các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng dưới nhiều hình thức theo đúng Điều 21 quy định trong *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP Hà Nội* và Điều 3 trong *Quy định v/v tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN* [H5.05.02.01; H5.05.03.01].

Trong CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh hiện nay, các phương pháp này bao gồm thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn hoặc kết hợp giữa các hình thức trên với nhau. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp sẽ được lựa chọn căn cứ vào đặc điểm đặc thù của từng môn học [H5.05.01.04]. Ví dụ như các môn liên quan đến kỹ năng Nghe-Nói, trình bày bằng tiếng Anh thì hình thức thi sẽ là vấn đáp (đối với kỹ năng Nói) kết hợp tự luận (đối với kỹ năng Nghe), các môn kiểm tra kỹ năng Đọc-Viết tiếng Anh sẽ là kết hợp giữa trắc nghiệm (đối với kỹ năng Đọc) và tự luận (đối với kỹ năng Viết), các môn liên quan đến phương pháp giảng dạy tiếng Anh sẽ kết hợp giữa microteaching (dạy thử) và làm bài tự luận [H5.05.03.02].

Theo quy định của Nhà trường, nội dung đề thi kết thúc học phần được sử dụng phải: nằm trong khối lượng kiến thức và kỹ năng đã giảng dạy và phù hợp với nội dung

học phần đã quy định trong CTĐT; đề thi phải đảm bảo phân loại được kết quả học tập của SV. Đối với đề thi tự luận có tổng số điểm các câu hỏi phải đủ 10 điểm, thang điểm chi tiết trong đáp án của đề thi lớn nhất là 0.5đ; đề thi không lặp lại nguyên văn các đề thi học kỳ, đề kiểm tra, bài tập, câu hỏi ôn tập đã phổ biến cho SV trước đó; đề thi đảm bảo đúng cấu trúc đã được duyệt. Đề thi tự luận, vấn đáp được lựa chọn ngẫu nhiên từ bộ ngân hàng đề thi đã được Nhà trường phê duyệt và được bảo mật theo đúng quy định hiện hành. Việc soạn đề thi, thi vào đầu học kỳ, các khoa (bộ môn) rà soát nội dung bộ đề thi do đơn vị quản lý, khi có yêu cầu thay đổi bộ đề thi (nội dung, hình thức thi...), khoa/ bộ môn lập kế hoạch xây dựng/ điều chỉnh bộ đề thi trình Ban giám hiệu chậm nhất là 04 tuần kể từ đầu học kỳ [H5.05.03.01]. Do đó, có thể thấy các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Với CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, dựa trên quy định của Nhà trường, đã thống nhất hình thức kiểm tra và nội dung đề thi do các bộ môn trong khoa xây dựng phù hợp với đặc thù của từng môn học [H5.05.03.03]. Mỗi môn học khi ra đề thi hết môn đều kèm theo đáp án bài thi rõ ràng, chi tiết đến 0.25đ, tiêu chí chấm được xây dựng chi tiết nhằm đảm bảo độ giá trị và độ phân biệt kết quả bài thi [H5.05.03.04].

2. Điểm mạnh

Khoa tiếng Anh luôn sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh nhằm mục đích thu được kết quả đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Thông qua việc đánh giá khách quan, công tác tổ chức coi thi và chấm thi nghiêm túc đã mang lại sự công bằng và xây dựng được nề nếp dạy và học tập tích cực.

3. Điểm tồn tại

Quy trình ra đề thi thường được giao cho Hội đồng khoa học khoa với số lượng thành viên hạn chế. Cần có thêm nhân lực trẻ hóa để công việc được san sẻ và các cán bộ trẻ có cơ hội học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Gia tăng thành viên Hội đồng khoa học	Khoa Tiếng Anh	Hàng năm	

		khoa trong quy trình ra đề thi Trẻ hóa thành viên Hội đồng	Giảng viên		
2	Phát huy điểm mạnh	Áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá, đồng thời duy trì sự minh bạch, khách quan trong việc kiểm tra, đánh giá	Giảng viên	Thường xuyên, liên tục hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc phản hồi kết quả đánh giá cho người học được Khoa Tiếng Anh được quy định rõ trong *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP Hà Nội* [H5.05.02.01].

Quy chế đã được đăng tải công khai trên website của Nhà trường tại chuyên mục Đào tạo, đảm bảo việc tiếp cận thông tin của GV và NH để thực hiện và kiểm tra giám sát [H5.05.02.02]. Theo quy định của Quy chế, kết quả bài thi học phần thường được công bố sau 7 ngày kể từ thời gian chấm thi. Kết quả này được công bố trên Phần mềm quản lý đào tạo tín chỉ của Nhà trường theo link: <http://daotao.hnue.edu.vn/>, thông qua tài khoản cá nhân của mình người học có thể truy cập để kiểm tra [H5.05.02.04]. Công thức tính điểm trung bình chung được quy định thống nhất và SV nắm được thông qua cuốn *Sổ tay SV* được phát ngay từ đầu mỗi khóa học [H5.05.01.09]. Sau mỗi học phần các hoạt động học tập của sinh viên sẽ được tổng hợp và báo cáo [H5.05.04.01].

Ngoài ra do đặc thù các môn học ở khoa tiếng Anh mang tính tương tác khá nhiều, cụ thể là môn học trong nhóm kỹ năng thực hành tiếng và thực hành giảng dạy nên sinh viên thường nhận được phản hồi từ giảng viên dưới nhiều hình thức khác nhau ngay trong quá trình học tập mà không phải đợi đến cuối học phần có kết quả thi mới biết được mình cần cải thiện những yếu tố nào. Sinh viên có thể được giảng viên nhận xét trực tiếp trên

lớp sau phần thực hành hoặc thuyết trình, chữa bài viết qua email, phản hồi theo nhóm người học [H5.05.04.02].

Chính nhờ việc giảng viên đưa ra phản hồi trong suốt quá trình học tập như vậy, kết quả học tập của sinh viên được cải thiện đáng kể [H5.05.04.03]. Ví dụ theo thống kê của khoa Tiếng Anh, so sánh sự thay đổi về kỹ năng viết của sinh viên K68 ở môn Đọc-Viết 4 (2019-2020) có thể thấy: ở bài kiểm tra đầu học kì khoảng 28% sinh viên đạt điểm dưới TB do chưa nắm rõ cách viết bài luận. Tuy nhiên những NH này đã có sự thay đổi về điểm số sau khi được giao lần lượt các assignment (bài tập lớn) số 1 và 2. Sau mỗi bài tập này Giảng viên đưa ra các phản hồi về các điểm mạnh, điểm yếu, các lỗi sai thường gặp và cách sửa cho các bài viết của từng sinh viên [H5.05.04.04]. Sự thay đổi điểm số qua các bài assignmenst và bài viết cuối học phần đã phản ánh khá rõ nét sự tiến bộ của họ [H5.05.04.03].

2. Điểm mạnh

Sinh viên nhận được phản hồi từ giáo viên ngay trong quá trình học tập. Kết quả đánh giá được công bố công khai và ý kiến phản hồi cũng được tiếp nhận kịp thời nhằm giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học và có động lực để cố gắng hơn.

3. Điểm tồn tại

Không có

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại				
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc phản hồi kịp thời việc học tập của sinh viên trong suốt quá trình.	Giảng viên	Định kỳ năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.5: Người học được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Theo Quy định v/v tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN sau khi công bố điểm thi các học phần, đơn vị tổ chức thi công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi của SV trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý kết quả học tập của Nhà trường [H5.05.03.01]. Nếu SV có khiếu nại hoặc xin phúc khảo điểm thi sẽ làm theo quy trình 8 bước theo Điều 16 trong quy định và sau 07 ngày từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo, Trung tâm ĐBCL và khoa đào tạo phản hồi cho SV biết kết quả giải quyết rõ ràng và cụ thể.

Tất cả các sinh viên muốn khiếu nại hoặc xin phúc khảo đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý học tập của Nhà trường [H5.05.02.04].

Hàng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập đều được khoa tiếng Anh xử lý kịp thời và thỏa đáng. Ví dụ, thống kê từ Giáo vụ Khoa cho thấy trong năm học 2018 – 2019, học kỳ I Khoa Tiếng Anh nhận và xử lý đơn xin phúc khảo của 05 SV, học kỳ II có 06 đơn, và học kỳ III có 08 đơn xin phúc khảo. Thống kê chỉ rõ điểm trước và sau phúc khảo và lý do điểm thay đổi. Điều này cho thấy sự công khai minh bạch trong việc phản hồi kết quả học tập đến người học.

Quy trình này khiếu nại về kết quả học tập nhằm đảm bảo công bằng trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho mọi sinh viên đồng thời phát huy tính dân chủ trong cộng đồng sinh viên và tạo ra một môi trường học tập tích cực. Bên cạnh đó các giám khảo cũng rút kinh nghiệm để đảm bảo việc chấm thi trong các học phần tiếp theo được chính xác hơn.

2. Điểm mạnh

Đơn phúc khảo của sinh viên được tiếp nhận và xử lý kịp thời, đảm bảo tính công bằng và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc trao đổi thông tin giữa cán bộ chấm thi và sinh viên về kết quả giải quyết khiếu nại thường phải thông qua giáo vụ khoa. Về mặt tích cực, nó giúp hạn chế các tiêu cực liên quan đến đánh giá. Về mặt hạn chế, cán bộ chấm thi khó có thể truyền tải đến

sinh viên các phản hồi để giúp sinh viên sửa lỗi sai hoặc cần phát huy điểm mạnh gì của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tăng cường đối thoại trực tiếp giữa người học và giảng viên, giữa người học và giám khảo chấm vấn đáp.	Giáo vụ khoa, Giảng viên, tổ trưởng bộ môn	Cuối học phần	
2	Phát huy điểm mạnh	Tính nghiêm túc, minh bạch, nhanh chóng trong việc giải quyết khiếu nại về đánh giá kết quả học tập của sinh viên	Giáo vụ khoa Giảng viên	Cuối học phần	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Chương trình đào tạo của khoa Tiếng Anh được xây dựng và áp dụng dựa trên việc bám sát yêu cầu CDR cho sinh viên. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đều được cung cấp rất chi tiết, rõ ràng và đồng thời được công bố công khai. Khoa Tiếng Anh sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh nhằm mục đích thu được kết quả đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Thông qua việc đánh giá khách quan, công tác tổ chức coi thi và chấm thi nghiêm túc đã mang lại sự công bằng và xây dựng được nề nếp dạy và học tập tích cực. Sinh viên nhận được phản hồi từ giáo viên ngay trong quá trình học tập. Kết quả đánh giá được công bố công khai và ý kiến phản hồi cũng được tiếp nhận kịp thời nhằm giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học và có động lực để cố gắng hơn. Đơn phúc khảo của sinh viên được tiếp nhận và xử lý kịp thời, đảm bảo tính công bằng và minh bạch.

Tuy nhiên, quy trình ra đề thi của khoa Tiếng Anh thường được giao cho Hội đồng khoa học khoa với số lượng thành viên hạn chế. Cần có thêm nhân lực trẻ hóa để công việc được san sẻ và các cán bộ trẻ có cơ hội học tập. Thêm vào đó, khoa Tiếng Anh chưa có lớp chuyên dành riêng cho sinh viên có năng lực vượt trội. Do đó, chương trình kiểm tra và đánh giá dành chung cho tất cả các đối tượng sinh viên và những sinh viên vượt trội chưa có cơ hội rút ngắn thời gian học tập. Phản hồi chữa bài và thông báo kết quả của các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập lớn thường được công khai tới tập thể lớp. Điều này có thể khiến cho một số sinh viên cảm thấy bối rối khi các bạn cùng lớp biết điểm yếu và kết quả học tập của mình. Việc phản hồi và thông báo kết quả nên được thực hiện có tính cá nhân bảo mật riêng tư. Việc trao đổi thông tin giữa cán bộ chấm thi và sinh viên về kết quả giải quyết khiếu nại thường phải thông qua giáo vụ khoa. Về mặt tích cực, nó giúp hạn chế các tiêu cực liên quan đến đánh giá. Về mặt hạn chế, cán bộ chấm thi khó có thể truyền tải đến sinh viên các phản hồi để giúp sinh viên sửa lỗi sai hoặc cần phát huy điểm mạnh nào của sinh viên.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5:

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 5.1				4			
Tiêu chí 5.2				4			
Tiêu chí 5.3				4			
Tiêu chí 5.4				4			
Tiêu chí 5.5				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.00						

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trường và Khoa có kế hoạch chiến lược về việc quy hoạch đội ngũ giảng viên để tuyển dụng và phát triển đội ngũ giảng viên nhằm đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên/người học được đo lường và giám sát nhằm đáp ứng yêu cầu của quy định. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn theo các hướng dẫn rõ ràng, công khai và quản lý trên ứng dụng online riêng của nhà trường. Các giảng viên trong khoa đều có thể truy cập theo tài khoản cá nhân và quản lý khối lượng công việc của mình theo từng học kỳ. Các tiêu chí lựa chọn giảng viên về đạo đức, năng lực học thuật cũng như cách thức xác định năng lực của giảng viên được thống nhất và thông báo công khai qua các văn bản của nhà Trường, bảng tin của khoa và tại các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp khoa và bộ môn. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá theo các tiêu chí xác định năng lực, bao gồm năng lực về năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực ngoại ngữ, năng lực tự học và nâng cao trình độ. Khoa xác định được nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên để từ đó triển khai các khóa bồi dưỡng chuyên môn hàng năm về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, ra đề thi năng lực ngoại ngữ. Với quy trình và tiêu chí rõ ràng, việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc tại Khoa diễn ra minh bạch và đạt hiệu quả tốt. Các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của giảng viên được giám sát để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà Trường và Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.01; H6.06.01.02].

Căn cứ nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Nhà trường đưa ra chiến lược phát triển Trường ĐHSPhN giai đoạn 2017 – 2022

và tầm nhìn 2030, Đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.01.01; H6.06.01.02]. Trong chiến lược quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên, nhà trường xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn cao, có phong cách giảng dạy, làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả [H6.06.01.01]. Số lượng và cơ cấu giảng viên cho từng vị trí việc làm được xác định theo quy mô đào tạo và khối lượng công việc làm cơ sở để xác định tổng số biên chế cần có và tuyển bổ sung [H6.06.01.02]. Cụ thể, vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp – giảng viên giảng dạy tại từng bộ môn – và vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành ở Khoa được xác định rõ trong nghị quyết về việc thông qua đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.01.02].

Khoa đã thực hiện công tác tuyển dụng đáp ứng nhu cầu đào tạo, chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu đối với các cán bộ đến tuổi theo đúng Quy chế tuyển dụng viên chức của trường ĐHSP Hà Nội [H6.06.01.03]. Giai đoạn 2015 – 2020, Khoa đã tuyển dụng 03 giảng viên, có 01 cán bộ nghỉ hưu và chuyển công tác 05 người [H6.06.01.09]. Khoa cũng thực hiện chính sách thu hút nguồn cán bộ chất lượng cao, xét tuyển tạo nguồn các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và loại xuất sắc. Theo đó, Khoa đã giữ lại những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc có nguyện vọng công tác tại Khoa [H6.06.01.10].

Trong giai đoạn 2015 – 2020, Khoa thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại một số các cán bộ quản lý. Được sự tín nhiệm của Ban giám hiệu Nhà trường và các giảng viên, cán bộ nhân viên trong khoa, Ban chủ nhiệm khoa được bổ nhiệm lại cho nhiệm kỳ 2018-2023. Các trưởng bộ môn được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ mới [H6.06.01.11].

Hiện nay, Khoa có tổng số 43 cán bộ, trong đó có 41 giảng viên cơ hữu (37 trong biên chế và 06 hợp đồng) và 2 chuyên viên. Độ tuổi trung bình của cán bộ cơ hữu Khoa là 36. Số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 5, chiếm 12% (trên tổng số cán bộ Khoa). Số giảng viên đạt trình độ thạc sĩ là 35, chiếm 81%. Số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 7, chiếm 16%. Số giảng viên là PGS là 1, chiếm 2% [H6.06.01.12]. Như vậy, số lượng tiến sĩ trong khoa tuy có tăng so với những năm trước (1-2 tiến sĩ) nhưng xét về tổng thể thì số lượng này vẫn còn hạn chế. Số lượng PGS cũng chưa được số lượng mong muốn.

Bảng 6.1.1. Số lượng giảng viên cơ hữu giảng dạy tại Khoa giai đoạn 2015 - 2020

Năm học	Cử nhân	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Tổng
---------	---------	---------	---------	-------------	------

	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
2015-2016	0	6	2	45	0	1	1	0	56
2016-2017	0	5	2	40	0	3	1	0	51
2017-2018	0	7	2	43	0	3	1	0	56
2018-2019	0	5	2	32	0	3	1	0	43
2019-2020	0	3	2	32	0	5	0	1	43

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khoa quy hoạch được đội ngũ giảng viên chất lượng cao, có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng giảng viên để đảm bảo đội ngũ phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên giữa các bộ môn chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng vẫn còn thiếu. Nhiều giảng viên đảm đương công việc ở nhiều bộ môn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng số lượng giảng viên có trình độ cao.	Tổ bộ môn, Hội đồng khoa học, ban chủ nhiệm khoa	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc phổ biến các quy định, văn bản về tuyển dụng, quy hoạch đội ngũ giảng viên trong khoa.		Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Khoa hiện nay có 43 giảng viên, trong đó 37 giảng viên cơ hữu có hợp đồng không thời hạn, và 06 giảng viên hợp đồng. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu là 36 tuổi. (Xem thêm Bảng 6.2.1).

Bảng 6.2.1. Số lượng giảng viên cơ hữu giảng dạy tại Khoa giai đoạn 2015 - 2020

Năm học	Cử nhân		Thạc sỹ		Tiến sỹ		Phó giáo sư		Tổng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
2015-2016	0	6	2	45	0	1	1	0	56
2016-2017	0	5	2	40	0	3	1	0	51
2017-2018	0	7	2	43	0	3	1	0	56
2018-2019	0	5	2	32	0	3	1	0	43
2019-2020	0	3	2	32	0	5	0	1	43

Tỉ lệ giảng viên/người học của Khoa dành cho chương trình đào tạo cử nhân SPTA sau quy đổi được tính toán dựa trên Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giai đoạn 2015 – 2020, tỉ lệ GV/NH dao động trong khoảng từ 1/4.4 đến 1/10, đáp ứng quy định hiện hành [H6.06.02.01; H6.06.02.02]. (xem thêm Bảng 6.2.2).

Bảng 6.2.2. Tỉ lệ giảng viên/ người học sau quy đổi CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh giai đoạn 2015 – 2020.

Năm học	Tổng số sinh viên sư phạm tiếng Anh	Tổng số Giảng viên	Tổng số GV quy đổi	Tỷ lệ giảng viên/người học
2015 – 2016	239	56	53.8	1 / 4.4
2016 – 2017	239	51	52.5	1/ 4.5
2017 – 2018	287	56	56.1	1/5.1
2018 – 2019	444	43	44.5	1/10
2019 – 2020	453	43	47.9	1/9.4

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Các quy đổi về giờ chuẩn theo các mốc

về giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và giờ chuẩn nhiệm vụ khác được thể hiện rõ ràng trong văn bản Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Theo đó, giờ chuẩn giảng dạy được quy đổi từ giờ dạy lý thuyết; giảng dạy thực hành, bài tập thảo luận; hướng dẫn thực tế, nghiệp vụ sư phạm. Giờ nghiên cứu khoa học được quy đổi từ các hoạt động chủ trì, tham gia đề tài, dự án; công bố các bài báo; biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo; tham gia hội đồng các cấp. Các nhiệm vụ khác được quy đổi từ việc coi thi, chấm thi, ra đề; hướng dẫn, tham gia hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp; một số hoạt động văn nghệ, thể thao, dân quân tự vệ, phòng cháy. Trên căn cứ quy định rõ ràng của trường, Khoa triển khai các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể tới các giảng viên trong khoa [H6.06.02.03].

Nhà Trường Có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, NCV [H6.06.02.03]. Cụ thể, định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên trong một năm học là 270 giờ chuẩn, trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp chiếm tối thiểu 50% định mức. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học cho giảng viên trong một năm học là 150 giờ chuẩn, trong đó giờ chuẩn trực tiếp nghiên cứu khoa học chiếm tối thiểu 50% định mức. Định mức giờ chuẩn và tổng quỹ thời gian làm việc được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 6.2.3 Định mức giờ chuẩn các hoạt động của giảng viên trong 1 năm cụ thể

TT	Chức danh	Tổng quỹ thời gian làm việc				Định mức giờ chuẩn			
		Giảng dạy	NCKH	Nhiệm vụ khác	Cộng	Giảng dạy	NCKH	Nhiệm vụ khác	Cộng
1	2	3	4	5	6=3+4+5	7	8	9	10=7+8+9
1	Giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên có thời gian công tác trên 5 năm	1.080	600	80	1.760	270	150	20	440
2	Giảng viên có thời gian công tác dưới 5 năm (60%)	1.080	600	80	1.760	162	90	12	264
3	Giảng viên tập sự (50%)	1.080	600	80	1.760	135	75	10	220

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng Khoa có hoạt động giám sát khối lượng thực hiện công việc của giảng viên làm căn cứ để cải tiến chất lượng đào tạo và

nghiên cứu khoa học cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng. Theo đó, Nhà trường và Khoa quản lý số lượng giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH và các nhiệm vụ khác thông qua phần mềm Hệ thống quản lý giờ giảng theo từng giảng viên [H6.06.02.04]. Với hướng dẫn quy đổi, có hệ số đi kèm theo từng nội dung, giảng viên sẽ thống kê được số giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nhiệm vụ khác sau mỗi học kỳ, mỗi năm học. Bảng thống kê số lượng công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo của một giảng viên trên Hệ thống quản lý của nhà trường như sau:

GIỜ GIẢNG				GIỜ NCKH				GIỜ KHÁC				TỔNG		VƯỢT	H.T NHIỆM VỤ	XẾP LOẠI	
NGHĨA VỤ	THỰC TẾ	ĐƯỢC DUYỆT		BÙ GIỜ	NGHĨA VỤ	BẢO LƯU	ĐƯỢC DUYỆT	BÙ GIỜ	NGHĨA VỤ	ĐƯỢC DUYỆT	TỔ NCKH (ĐỐI VỚI GVTH)	BÙ GIỜ	NGHĨA VỤ				ĐƯỢC DUYỆT
		GIỜ TÍNH VƯỢT	ĐÃ TRẢ TIỀN											GIỜ TÍNH VƯỢT	ĐÃ TRẢ TIỀN		
216	451	615.92	0	0	120	487	260	0	20	70	0	0	356	1432.92	399.92	✓	A

GIỜ NGHĨA VỤ	GIỜ KẾ HOẠCH	GIỜ THỰC TẾ	GIỜ THỰC HIỆN	GIỜ ĐÃ TRẢ TIỀN	GIỜ ĐƯỢC DUYỆT	VƯỢT GIỜ
216	615.92	451	615.92	0	615.92	399.92
giờ chuẩn	giờ chuẩn	tiết	giờ chuẩn	giờ chuẩn	giờ chuẩn	giờ chuẩn

GIỜ NGHĨA VỤ	GIỜ KHAI BÁO	GIỜ ĐƯỢC DUYỆT	GIỜ BẢO LƯU	TỔNG GIỜ	VƯỢT GIỜ
120	0	260	487	747.00	627
giờ chuẩn	giờ chuẩn	giờ chuẩn	giờ chuẩn	giờ chuẩn	giờ chuẩn

TT	THÔNG BÁO
1	Quyết định v/v sửa đổi, bổ sung Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường ĐHSP Hà Nội [Đăng lúc: 07-07-2020 11:31]
2	Quyết định về việc điều chỉnh quy định chế độ làm việc của Giảng viên [Đăng lúc: 06-07-2020 11:52]
3	Quyết định v/v Chi tạm ứng tiền vượt giờ học kì 1 năm học 2017 - 2018 cho giảng viên Trường ĐHSP Hà Nội. [Đăng lúc: 12-06-2020 09:20]
4	Quyết định v/v Sửa đổi, bổ sung Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [Đăng lúc: 12-06-2020 09:19]

Cũng trên cổng thông tin quản lý này, các văn bản quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ cũng được thông báo một cách cụ thể. Các định mức về nghĩa vụ giờ giảng, giờ NCKH, giờ khác được ghi rõ. Các nhiệm vụ giảng dạy, và nghiên cứu khoa học được thống kê và duyệt theo từng học kỳ.

Từ đó, giảng viên căn cứ vào yêu cầu về định mức giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu, nhiệm vụ khác theo chức danh để xác định đã đạt hay vượt chuẩn. Các GV và Khoa dựa vào đó để điều chỉnh, cải tiến hoạt động giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.05].

Ngoài việc giảng dạy sinh viên ngành Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, giảng viên của khoa còn đảm nhận công việc đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh, tiếng Anh môn chung và thạc sĩ. Do đó, khối lượng công việc giảng dạy của giảng viên Khoa trong một năm học là rất lớn. Trung bình các năm đều trên 400 giờ dạy/ giảng viên trong khi đó định mức yêu cầu của Nhà trường là 270 giờ/ giảng viên, các giảng viên của khoa đều có số

giờ dạy và số giờ nghiên cứu khoa học vượt yêu cầu của Nhà trường [H6.06.02.06; H6.06.02.07].

Năm	Số giờ dạy bình quân
2019-2020	492.6 giờ/ giảng viên (chưa tính các hệ bồi dưỡng NVSP và NLNN)
2018- 2019	433.8 giờ/ giảng viên (chưa tính các hệ bồi dưỡng NVSP và NLNN)
2017-2018	1.205 giờ/ giảng viên
2016-2017	377 giờ/ giảng viên
2015-2016	937 giờ/ giảng viên

Các trường hợp vượt giờ được thanh toán kinh phí theo quy định của nhà trường trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Các văn bản này được thông báo qua email tới từng giảng viên trong trường và trong các cuộc họp của Khoa và Trường. [H6.06.02.08; H6.06.02.09].

Bên cạnh việc giảng dạy, giảng viên Khoa còn tham gia nghiên cứu khoa học, làm chủ nhiệm đề tài các cấp và có công trình được công bố trong và ngoài nước tham gia các công việc phát triển chương trình, sách tham khảo cho học sinh phổ thông [H6.06.02.10; H6.06.02.11]. Mặc dù đảm bảo số giờ chuẩn, số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học chưa nhiều, chưa có nhiều các bài báo nghiên cứu được công bố trên các tạp chí có uy tín trên thế giới.

Ngoài ra, các bộ môn thường xuyên Chia sẻ tài nguyên, tổ chức các buổi seminar chuyên môn để các thành viên trong bộ môn báo cáo, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau. Các buổi seminar, nghiên cứu khoa học ở cấp khoa cũng được tiến hành hàng năm [H6.06.02.12]. Dựa trên kết quả làm việc của giảng viên, cuối mỗi năm học Khoa tổ chức xếp loại lao động, xét thi đua theo đúng quy chế, quy định của Nhà trường [H6.06.02.13; H6.06.02.14]. Các GV của Khoa có năng lực tốt, thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bản Mô tả vị trí việc làm của Khoa [H6.06.02.15; H6.06.02.16]. 100% giảng viên trong khoa được xếp lao động xuất sắc, lao động tiên tiến, số lượng chiến sĩ thi đua luôn đạt mức tối đa theo quy định [H6.06.02.17].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ giảng viên trên người học cao đáp ứng tốt yêu cầu và đảm bảo đủ giảng viên chất lượng cao cho đào tạo ngành Cử nhân sư phạm Tiếng Anh. Khối lượng công việc

của giảng viên được đo lường và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường. Khoa có đội ngũ giảng viên chất lượng cao, khối lượng công việc nhiều nhưng các giảng viên trong khoa luôn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giờ dạy trung bình của giảng viên còn cao so với yêu cầu giờ giảng của giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nhân sự là giảng viên phục vụ giảng dạy CTĐT	Tổ bộ môn, Hội đồng khoa học, ban chủ nhiệm khoa	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo tỉ lệ GV/NH đáp ứng quy định hiện hành Tiếp tục thực hiện đo lường khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường.	Bộ môn, Khoa, Trường	Năm học 2020 - 2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Nhà trường có các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển. Trong các văn bản quy định của nhà trường như: Quy chế Tuyển dụng viên chức Trường ĐHSPHN; Quy định xét tuyển đặc cách; Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên hay Quy định về quy trình xét bổ nhiệm chính thức vào chức danh nghề nghiệp; QĐ về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý [H6.06.01.03; H6.06.02.03; H6.06.01.04; H6.06.01.05; H6.06.01.06], Đề án vị trí việc làm và bản mô tả vị trí công việc [H6.06.01.02].

Việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm và bố trí cán bộ được thực hiện theo đúng quy trình, với các tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch [H6.06.01.03; H6.06.01.04; H6.06.01.05; H6.06.01.06]. Việc xét chuyển ngạch hay kéo dài thời gian công tác, cho nghỉ hưu của cán bộ cũng được thông báo trước và hoàn thành các bước thủ tục theo đúng quy định [H6.06.01.07; H6.06.01.08]

Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại được ghi rõ trong quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ của giảng viên và các văn bản tuyển dụng [H6.06.01.03; H6.06.01.04; H6.06.01.05; H6.06.01.06]. Đối với vị trí giảng viên, ứng viên cần có trình độ từ Thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành/ ngành dự tuyển. Đối với ứng viên tạo nguồn, ứng viên cần tốt nghiệp đại học loại Giỏi. Quy định về tuổi đời (không quá 35 đối với người có học vị Thạc sĩ, không quá 45 với người có học vị Tiến sĩ) và trình độ ngoại ngữ cũng được quy định rõ. Quy trình bổ nhiệm Trưởng bộ môn được thực hiện theo 4 bước. Bước 1, trưởng khoa tổ chức họp toàn bộ môn để thông báo chủ trương bổ nhiệm; tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm chức danh Trưởng bộ môn. Trưởng khoa thông báo danh sách quy hoạch cán bộ của chức danh Trưởng bộ môn, danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn. Bước 2, Trưởng khoa dự kiến nhân sự Trưởng bộ môn, tham khảo ý kiến các Phó trưởng khoa, lấy ý kiến các cấp ủy Đảng. Bước 3. Hiệu trưởng thông qua Thường vụ Đảng ủy Trường để phân tích, đánh giá và thống nhất. Bước 4. Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm.

Mỗi năm, căn cứ vào nhu cầu và đề xuất của các bộ môn, Khoa đề xuất số lượng nhân sự cần bổ sung để trình Hiệu trưởng phê duyệt [H6.06.03.01]. Trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu giảng viên cơ hữu cho Khoa dựa trên số lượng giảng viên của toàn trường. Tiêu chí tuyển dụng, và quy trình lựa chọn giảng viên, bổ nhiệm giảng viên đều

được thông báo công khai và rõ ràng tới các ứng viên và giảng viên trong khoa, trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và các trang thông tin đại chúng [H6.06.03.02].

Trong quy định của Nhà trường, các ứng viên cần đáp ứng các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên, được quy định rõ trong quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của nhà trường [H6.06.02.03]. Khoa áp dụng các tiêu chuẩn này làm căn cứ đối chiếu để tuyển dụng các giảng viên, đề xuất bổ nhiệm và điều chuyển.

Trong công văn về quy chế tuyển dụng giảng viên và đề án vị trí việc làm của Nhà trường cũng nêu rõ các tiêu chuẩn mà ứng viên dự tuyển cần đạt được vào ngạch giảng viên [H6.06.01.02; H6.06.01.02]. Trong đó, ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Luật viên chức, đáp ứng các yêu cầu chung về phẩm chất đạo đức, độ tuổi, đối với ngạch giảng viên, các ứng viên cần có trình độ từ Thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành dự tuyển. Các quy định đối với ứng viên tạo nguồn cũng được ghi rõ [H6.06.03.03; H6.06.03.04; H6.06.03.05; H6.06.01.03]. Đặc biệt, các năng lực về trình độ ngoại ngữ, tin học, năng lực sư phạm và nghiên cứu khoa học cũng được quy định cụ thể. Nhà trường có những ưu tiên tuyển dụng những người có bài báo đăng trên các tạp chí uy tín trên thế giới, hoặc đã tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học quốc tế để phát triển đội ngũ nhân sự. Yêu cầu về chuyên môn cũng được quy định rõ ràng bao gồm điều kiện cần và điều kiện đủ. Điều kiện cần là tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi, trường hợp tốt nghiệp loại khá phải có các học phần chuyên ngành đào tạo đạt loại giỏi [H6.06.01.04].

Quá trình tuyển dụng nhân sự ở Khoa tuân thủ các yêu cầu và quy trình của Nhà trường. Đối với đối tượng tuyển tạo nguồn, Khoa tiếp nhận hồ sơ và tổ chức phỏng vấn, dạy thử để đánh giá. Đội ngũ tham gia phỏng vấn thường là các trưởng bộ môn và đại diện Ban chủ nhiệm khoa. Những ứng viên đạt yêu cầu sẽ được đề xuất ký hợp đồng tạo nguồn với Trường. Đối với đối tượng thi tuyển viên chức, khi có công văn của trường về tuyển dụng, các ứng viên tham gia thi các môn cơ bản và chuyên ngành ở cấp Trường. Ban chủ nhiệm Khoa và các trưởng bộ môn tham gia phỏng vấn các ứng viên về chuyên môn [H6.06.03.01]. Kết quả trúng tuyển kỳ thi viên chức được thông báo công khai, minh bạch dán niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ [H6.06.03.06].

Với các tiêu chí tuyển dụng và bản mô tả vị trí công việc rõ ràng, Khoa đã sử dụng bộ tiêu chí đó để tiến hành tuyển chọn theo yêu cầu của Nhà trường một cách minh bạch, rõ ràng, và phù hợp để đề xuất với các cấp có thẩm quyền trong các đợt tuyển dụng của

nhà trường. Trong 5 năm qua, Khoa đã tuyển dụng được 04 giảng viên bổ nhiệm ngạch GV [H6.06.03.07] (Xem thêm bảng 6.3.1).

Bảng 6.3.1. Danh sách giảng viên được tuyển dụng giai đoạn 2015 – 2020

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hợp đồng, BC	Chính thức BC, VC, Về khoa
1	Lê Thị Thu Hồng	18-02-90	Nữ	8/10/2013	1/1/2020
2	Nguyễn Hồng Liên	09-09-91	Nữ	1/1/2015	1/6/2016
3	Trần Thạch Thủy	20-07-89	Nữ	1/2/2016	1/2/2016
4	Bùi Thị Anh Vân	11-09-90	Nữ	1/1/2015	1/1/2016

Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với cán bộ quản lý được tiến hành theo quy trình của nhà trường. Đối với cấp trưởng bộ môn, Khoa tiến hành lấy phiếu tín nhiệm ở cấp bộ môn. Căn cứ trên số phiếu tín nhiệm, Khoa tiến hành đề xuất bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại. Đối với việc bổ nhiệm Trưởng Khoa, Ban Giám Hiệu nhà Trường và phòng Tổ chức cán bộ lấy phiếu tín nhiệm ở cấp Khoa [H6.06.03.08]. Căn cứ trên số phiếu tín nhiệm, Trường ra quyết định bổ nhiệm. Trong giai đoạn 2015-2020, Khoa bổ nhiệm và bổ nhiệm lại Trưởng Khoa, 2 Phó Trưởng Khoa, và 5 trưởng bộ môn và 2 phó trưởng bộ môn. Các cán bộ quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ trên trang thông tin điện tử của trường [H6.06.03.09] (xem thêm bảng 6.3.2).

Bảng 6.3.2. Danh sách cán bộ quản lý được bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại giai đoạn 2015 – 2020

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Học hàm/ Học vị	Năm bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại	Ngoại ngữ
1.	Lưu Thị Kim Nhung	1972	Trưởng Khoa	Tiến sĩ	2018	C1

2.	Hà Hồng Nga	1969	Phó trưởng khoa	Thạc sĩ	2018	C1
3.	Thái Cẩm Trang	1974	Phó Trưởng Khoa	Thạc sĩ	2018	C1
4.	Đỗ Thị Phi Nga	1969	Trưởng bộ môn	Thạc sĩ	2018	C1
5.	Trần Hương Quỳnh	1980	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	2018	C1
6.	Nguyễn Thị Hương Lan	1976	Trưởng bộ môn	Tiến sĩ	2018	C1
7.	Đào Thị Bích Nguyên	1980	Trưởng bộ môn	Thạc sĩ	2018	C1
8.	Nguyễn Thị Mai Hương	1972	Trưởng bộ môn	PGS	2018	C1
9.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1988	Phó trưởng bộ môn	Thạc sĩ	2019	C1
10	Đỗ Thị Phương Mai	1985	Phó trưởng bộ môn	Tiến sĩ	2019	C1

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm được xác định rõ ràng, quy trình tuyển dụng minh bạch, công khai.

3. Điểm tồn tại

Thời gian tạo nguồn của các sinh viên được giữ lại tạo nguồn giảng viên tại Khoa dài, ảnh hưởng tới tâm lý của các giảng viên tạo nguồn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
-----------	-----------------	-----------------	--	--------------------------------	----------------

				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Rút ngắn thời gian tạo nguồn của các sinh viên được giữ lại khoa công tác.	Ban chủ nhiệm, Phòng Tổ chức cán bộ	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì tiêu chí tuyển dụng giảng viên và quy trình tuyển dụng minh bạch, công khai.		Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. Nhà trường ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên bao gồm năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và năng lực ngoại ngữ [H6.06.04.01].

Quy chế tuyển chọn viên chức của Trường xác định rõ các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Trường, đáp ứng các tiêu chuẩn trong bản Mô tả vị trí công việc của Khoa. Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên trường ĐHSPHN xác định các quy định về năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

Theo đó, nhiệm vụ của giảng viên được quy định ở điều 5 có ghi các năng lực của giảng viên (hạng III), giảng viên chính (hạng II), và giảng viên cao cấp (hạng I) Đơn cử, các tiêu chuẩn dành cho giảng viên (hạng III) gồm có 9 tiêu chuẩn, phân bố từ việc giảng dạy, tham gia đào tạo, tham gia xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, hợp tác quốc tế, học tập và bồi dưỡng chuyên môn.... [H6.06.01.02; H6.06.01.03; H6.06.02.03].

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của giảng viên được thể hiện trong Công văn Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, giảng viên [H6.06.04.01]. Khoa đã thực hiện qui hoạch phát triển đội ngũ đảm bảo tiêu chí về trình

độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng giảng dạy, thực hiện công việc đáp ứng Bản Mô tả vị trí công việc của Khoa [H6.06.02.16]. Khoa hiện nay có đội ngũ giảng viên có trình độ cao nhất từ trước đến nay, gồm 1 PGS, 5 TS, 30 Ths và 2CN (đang theo học Ths) [H6.06.02.15].

Năng lực của GV được đánh giá thông qua Bảng tổng kết khối lượng công việc của từng giảng viên được lưu trữ trên cổng qlnt.hnue.edu.vn của nhà trường dưới sự giám sát của từng giảng viên (với tài khoản riêng của mình), của cấp khoa và các phòng ban chức năng [H6.06.02.04 – website: <https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login>]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên thể hiện trong Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H6.06.02.14] Theo quy định, từng cá nhân khai báo và rà soát số giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác trên trang quản lý tổng kết khối lượng công việc của từng giảng viên. Tiếp đó, từng giảng viên tự đánh giá theo mẫu đã được cung cấp trong công văn về đánh giá, phân loại đơn vị, viên chức và người lao động. Trong công văn có các mẫu riêng dành cho giảng viên và giảng viên làm công tác quản lý với các tiêu chí khác nhau. Tiếp theo, các bộ môn tiến hành đánh giá và đề xuất các mức đánh giá như hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.... [H6.06.04.02].

Kênh thông tin thứ ba đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên thể hiện qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên. Đây là hoạt động thường kỳ của Trường do Trung tâm Đảm bảo chất lượng làm đầu mối thực hiện để lấy ý kiến phản hồi của người học. [H6.06.04.03].

Để công nhận kết quả đánh giá năng lực GV, NCV Nhà trường có Quy định về công tác thi đua, khen thưởng [H6.06.02.13]. Công tác thi đua của Khoa tiến thành hàng năm theo công văn của Trường hướng dẫn bình xét thi đua khen thưởng phổ biến đến từng đơn vị trong toàn trường trước khi tổng kết năm học [H6.04.04.04]. Các bộ môn và công đoàn bộ môn họp và đề xuất các danh hiệu lên cấp Khoa. Khoa gửi lên Trường để xem xét, ra quyết công nhận kết quả đánh giá phân loại đơn vị, Gv, NCV, viên chức và kết quả bình xét các danh hiệu thi đua cơ sở năm học [H6.04.04.05; H6.04.04.06].

2. Điểm mạnh

Các quy định, văn bản hướng dẫn để xác định và đánh giá năng lực và mức độ hoàn thành của giảng viên rất rõ ràng, minh bạch và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Hướng dẫn giúp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn giúp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ.	Ban chủ nhiệm, Trường	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì sự minh bạch trong cách quản lý online, tiêu chí và hướng dẫn đánh giá năng lực giáo viên.		Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn cho đội ngũ giảng viên là rất cần thiết, nhà trường đã yêu cầu cán bộ giảng viên đăng ký kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nêu rõ ngành học, cơ sở đào tạo và thời gian đào tạo dự kiến. Trên cơ sở các bản đăng ký của GV từ các Khoa gửi lên, phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp danh sách nhu cầu đào tạo bồi dưỡng GV toàn trường. Từ đó lập Kế hoạch và kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, NCV [H6.06.05.01; H6.06.05.02; H6.06.05.03; H6.06.05.04; H6.06.05.05].

Hàng năm đầu mỗi năm học, khoa đều đề ra kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên [H6.06.05.06]. Các cán bộ, giảng viên phải liên tục chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: năng lực tiếng Anh, phương pháp dạy học trực tuyến và truyền thống, v.v..Khoa khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng

viên chủ động tìm các nguồn kinh phí trong và ngoài nước để học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, nhất là động viên các thế hệ giảng viên học nghiên cứu sinh để đạt học vị tiến sĩ nhằm nâng cao ưu thế cho Khoa. Khoa cũng tích cực, chủ động tăng cường mối liên hệ với các đại sứ quán, chuyên gia, khách mời trong và ngoài nước để giảng viên cũng như sinh viên có cơ hội học hỏi về các nền văn hóa – xã hội ở các nước nói tiếng Anh. Đồng thời các tổ bộ môn và khoa cũng họp và lập kế hoạch tuyển nhân sự và tạo nguồn cho tổ và khoa dựa vào tình hình nhân sự thực tế và nhu cầu phát triển nhân sự của các tổ và khoa [H6.06.05.07].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nhà trường đã quy định các giảng viên phải bảo vệ LATS (ít nhất là cấp bộ môn) trước 35 tuổi [H6.06.05.08]. Chính vì vậy trường và khoa đã tạo điều kiện và động viên các giảng viên đi làm NCS trong nước, ngoài nước. Thực tế cho thấy Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của Gv, NCv được triển khai thực hiện hiệu quả. Cụ thể, giai đoạn 2015 – 2020, CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh đã có nhiều giảng viên đi học thạc sĩ trong và ngoài nước; có 4 giảng viên làm NCS trong nước và 11 giảng viên đi làm NCS ở nước ngoài, trong đó nhiều NCS đã bảo vệ thành công LATS [H6.06.05.09; H6.06.05.10]. Tuy nhiên vẫn còn nhiều giảng viên chưa có kế hoạch hoặc không có ý định làm NCS vì lý do cá nhân mặc dù trường và khoa luôn động viên và khuyến khích.

Nhằm mục đích nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, một số giảng viên trong khoa đã chủ động tham gia các chương trình trao đổi chuyên môn, các khóa tập huấn, liên kết hợp tác với nước ngoài như các trường đại học ở Mỹ, Singapore, và các cơ sở giáo dục khác trong nước.[H6.06.05.12]. Tuy nhiên, số lượng giảng viên tham gia các khóa học này còn hạn chế.

Ngoài ra, trong 5 năm qua đã có 34/37 giảng viên có cơ hội tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của cá nhân cũng như đáp ứng kế hoạch chiến lược phát triển của khoa [H6.06.05.11]. Với kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên tham gia đề án ngoại ngữ quốc gia 2020, khoa đã cử các giảng viên dự các khóa bồi dưỡng cán bộ chấm thi nói và viết tiếng Anh, bồi dưỡng cán bộ ra đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, khóa học về kiểm tra đánh giá, khóa học về tập huấn nghiệp vụ sư phạm online, khóa học về phương pháp giảng dạy tiếng Anh.[H6.06.05.13; H6.06.05.14; H6.06.05.15].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, Nhà trường và chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh đã xác định được nhu cầu về công tác đào tạo, bồi dưỡng và đã triển khai qua nhiều hình thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khác nhau cho cán bộ, giảng viên.

3. Tồn tại

Số lượng giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng tại nước ngoài còn hạn chế. Thời gian tổ chức một số khóa học chưa phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tạo điều kiện cho nhiều giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn ở nước ngoài. Xác định thời gian tổ chức các khóa học phù hợp	Trường Ban chủ nhiệm	Liên tục, bắt đầu từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai nhiều hình thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khác nhau cho cán bộ, giảng viên.	Trường Ban chủ nhiệm	Liên tục, hàng năm bắt đầu từ năm học 2020 - 2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chuẩn 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Hàng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo Hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.02.13; H6.04.02.14].

Để đánh giá chất lượng giảng dạy của các giảng viên, BCNK có tổ chức cùng công đoàn khoa và các bộ môn đi dự giờ, sau đó nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm đối với người giảng [H6.06.06.01]. Bên cạnh đó, hàng kỳ Trung tâm Đảm bảo chất lượng của Trường cũng thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả khảo sát cho thấy đại đa số (Từ 76.9 đến 87.6%) người học đánh giá cao về chất lượng và hiệu quả của GV ngành Cử nhân sư phạm Tiếng Anh [H6.06.04.03]. Về nghiên cứu khoa học, Trường và Khoa khuyến khích GV, NCV tham gia đăng ký và triển khai đề tài NCKH các cấp. Các kết quả NCKH đạt chất lượng đều được công nhận và khen thưởng theo đúng quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.06.02; H6.06.02.09].

Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, một số giảng viên còn tích cực viết sách, tài liệu tham khảo và giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy, tuân theo các thủ tục quy định về xuất bản giáo trình [H6.06.06.03].

Cuối năm học, kết quả công việc của mỗi giảng viên được khoa quản lý thông qua phiếu chấm điểm cá nhân theo tiêu chí đánh giá của trường, thông qua kết quả công việc mỗi cá nhân đạt được trong đó có thống kê định mức giảng dạy, số giờ NCKH (đề tài, hướng dẫn luận văn, luận án, công trình khoa học và giáo trình) và số giờ kiêm nhiệm để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành của các giảng viên [H6.06.02.04]. Sau khi các giảng viên tự đánh giá, các tổ bộ môn họp để thảo luận về kết quả của từng giảng viên và bỏ phiếu kín để bình xét thi đua của các thành viên trong tổ. Sau đó, ban chủ nhiệm khoa và các trưởng bộ môn họp bình xét thi đua cho các giảng viên [H6.06.04.02].

Nhà trường và Khoa đều rất coi trọng công tác thi đua, khen thưởng nhằm động viên các giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, khuyến khích nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.13]. Bên cạnh các quy định của Nhà nước, của Nhà trường, trong quá trình bình xét thi đua, khen thưởng, Khoa xác định một số tiêu chí để phù hợp với tình hình thực tiễn của Khoa nhằm giảm sự cào bằng trong các chính sách, chế độ và nhằm tăng thêm danh sách các giảng viên được tham gia bình bầu danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong việc động viên và khuyến khích các giảng viên tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH, hoạt động nâng cao trình độ đào tạo, nghiệp vụ và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.04.02].

Các GV thực hiện CTĐT Cử nhân sư phạm Tiếng Anh có năng lực tốt, luôn hoàn thành mọi công việc được thể hiện trong Bản Mô tả vị trí công việc [H6.06.02.15;

H6.06.02.16]. Trong 5 năm qua, nhờ có sự phấn đấu vươn lên không ngừng cùng với sự lãnh đạo, quản lý có hiệu quả của BCNK, các giảng viên đều đạt danh hiệu, trong đó có một số giảng viên đã đạt được danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và được nâng lương trước hạn; đặc biệt một số giảng viên được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thủ tướng chính phủ [H6.06.04.06; H6.06.06.05; H6.06.06.06].

Về kết quả thi đua khen thưởng, năm học 2019-2020, có 29/36 giảng viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến; 7/36 giảng viên đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Kết quả khảo sát cho thấy 100% giảng viên hài lòng với kết quả thi đua khen thưởng, và có ý kiến cho rằng việc công nhận kết quả thi đua khen thưởng là cần thiết nhằm tạo động lực làm việc cho cán bộ giảng viên [H6.06.06.07].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Phần lớn giảng viên Khoa Tiếng Anh đều vượt xa định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc. Các giảng viên đều đạt danh hiệu thi đua đặt ra đầu năm học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên đạt chiến sỹ thi đua các cấp còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích giảng viên phấn đấu để nhiều giảng viên đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.	Ban chủ nhiệm khoa Phòng tổ chức cán bộ	Liên tục, hàng năm Từ 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quản trị công việc, khuyến khích giảng viên tiếp	Ban chủ nhiệm	Liên tục, hàng năm	

		tục nỗ lực để đạt các danh hiệu cao hơn mức đăng kí			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã ra văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà giảng viên, nghiên cứu viên phải thực hiện theo quy định hiện hành.. Theo đó, hoạt động NCKH là một trong hai nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên, là một tiêu chí để đánh giá năng lực, kết quả công tác và xét thi đua khen thưởng của giảng viên. [H6.06.02.15; H6.06.02.16; H6.06.07.01; H6.06.02.03].

Dựa trên hồ sơ năng lực, vị trí việc làm, mỗi giảng viên sẽ phải thực hiện số lượng các công trình nghiên cứu khoa học khác nhau theo quy định hoạt động Khoa học công nghệ và quy định về tiêu chuẩn, chế độ làm việc đối với giảng viên của Nhà trường. Hàng năm, mỗi giảng viên phải công bố 1 bài báo khoa học hoặc xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo cho đào tạo đại học, sau đại học, sách giáo khoa phổ thông. Giảng viên phải đăng ký ít nhất 1 chuyên đề NCKH với bộ môn, đồng thời đăng ký thực hiện đề tài, nhiệm vụ KH&CN các cấp. Ngoài ra, phòng Khoa học công nghệ cũng soạn các tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện công tác nghiên cứu khoa học một cách thuận lợi nhất [H6.06.07.02]. Để khuyến khích GV NCKH, Nhà trường ban hành quy định khen thưởng hoạt động KHCN [H6.06.07.03].

Bên cạnh việc xác lập, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Tại Khoa Tiếng Anh, vào đầu năm học, trong đại hội công nhân viên chức toàn khoa, các giảng viên được thông báo cụ thể về nhiệm vụ NCKH mà giảng viên phải thực hiện.; đồng thời Khoa tiến hành tổng kết công tác NCKH của giảng viên trong năm học trước. Cuối năm học, Khoa cũng tiến hành tổng kết công tác NCKH hàng năm, có sự so sánh với các năm trước để cải tiến chất lượng [H6.06.07.04].

Bảng 6.7.1. Đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015-2020

	2019-2020	2018-2019	2017-2018	2016-2017	2015-2016
--	------------------	------------------	------------------	------------------	------------------

Số đề tài khoa học các cấp	4	3	4	1	4
Số hội nghị khoa học đã tổ chức	1 cấp khoa, 5 cấp bộ môn	1 cấp khoa, 9 cấp bộ môn	2 cấp khoa, 5 cấp bộ môn	5 cấp khoa, 5 cấp bộ môn	1 quốc tế, 4 cấp khoa, 5 cấp bộ môn
Số hội nghị hội thảo khoa học đã tham gia	4 quốc tế, 7 trong nước	12 quốc tế, 2 cấp trường			
Số bài báo trong nước	16	15	28	12	10
Số bài báo quốc tế	5	5	3	7	5
Số sách xuất bản	23	13	14		

Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, một số giảng viên còn tích cực viết sách, tài liệu tham khảo và giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy, tuân theo các thủ tục quy định về xuất bản giáo trình [H6.06.06.03]. Nhìn chung trong 5 năm qua, số lượng các bài báo (đặc biệt là các bài báo Quốc tế) tăng hơn hẳn so với những năm trước [H6.06.07.05]. Trong 5 năm từ 2015-2020, các giảng viên của khoa đã có tổng cộng 75 bài báo được công bố, trong đó có 13 bài báo quốc tế. Số lượng giảng viên báo cáo tại các hội thảo trong nước và quốc tế cũng tăng mạnh [H6.06.07.06]. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các giảng viên, sự quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của nhà trường và của khoa.

2. Điểm mạnh

Giảng viên của khoa chủ động tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu như tham dự hội thảo, viết bài báo, viết sách.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các đề tài cấp trường, cấp bộ còn ít. Các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng số lượng đề tài cấp trường để nhiều CB trẻ có điều kiện được tham gia NCKH.	Ban chủ nhiệm	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích và có chế độ khen thưởng đối với giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu	Ban chủ nhiệm	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trong 5 năm giai đoạn 2015-2020, Khoa đã có chú ý tới việc quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện theo các quy trình, quy định của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa đã lên kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên hàng năm, căn cứ trên các nguồn lực về kinh phí và kế hoạch đào tạo. Giảng viên của khoa có cơ hội học tập và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong và ngoài nước. Nhờ có việc thực hiện quy hoạch đội ngũ giảng viên tốt, Khoa có đội ngũ giảng viên chất lượng cao đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy và nghiên cứu. Các hoạt động giám sát đảm bảo chất lượng được diễn ra ở cấp bộ môn, cấp khoa để hỗ trợ quá trình giảng dạy và học tập đã giúp các giảng viên luôn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu. Các tiêu chí về tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được xác định rõ ràng. Quá trình tuyển dụng minh bạch, công khai theo quy trình hiện hành của Nhà Trường. Các quy định và hướng dẫn để đánh giá năng lực giảng viên được hướng dẫn chi tiết bằng văn bản và thông báo rộng rãi tới toàn thể giảng viên trong trường. Việc thực hiện được tiến hành công khai trên công quản lý của nhà trường, tiến hành theo các mẫu đánh giá theo từng cá nhân, cấp Bộ môn và cấp khoa. Đội ngũ giảng viên, NCV đã xác định được nhu cầu về công tác đào tạo, bồi dưỡng và đã triển khai được nhiều hình thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khác nhau cho cán bộ, giảng viên trong khoa. Các giảng viên Khoa đều

vượt xa định mức quy định cụ thể về khối lượng công việc. Các giảng viên đều đạt danh hiệu thi đua đặt ra ở đầu mỗi năm học. Giảng viên trong khoa cũng chủ động tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu, tham dự hội thảo, viết bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành cũng như viết sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình cho sinh viên, học sinh phổ thông. Tuy vậy, số lượng các đề tài cấp trường, cấp bộ còn hạn chế. Các bài đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều.

Tuy nhiên, số lượng giảng viên giữa các bộ môn trong Khoa chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng trong giai đoạn vừa rồi nhưng vẫn còn thiếu. Nhiều giảng viên trong khoa hiện còn phải đảm đương công việc ở nhiều bộ môn. Khối lượng giờ Nghiên cứu khoa học tuy đã đảm bảo theo số lượng của nhà trường nhưng cũng cần cân đối thêm với thời gian dạy học để giảng viên có thêm giờ nghiên cứu khoa học. Số lượng giảng viên được tham gia các khóa bồi dưỡng tại nước ngoài còn hạn chế. Thời gian tổ chức một số khóa học chưa phù hợp.

Đánh giá tiêu chuẩn 6

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt				Đạt		
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 6.1					5		
Tiêu chí 6.2					5		
Tiêu chí 6.3					5		
Tiêu chí 6.4					5		
Tiêu chí 6.5				4			
Tiêu chí 6.6				4			
Tiêu chí 6.7					5		
Điểm tiêu chuẩn	4.71						

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Khoa Tiếng Anh vẫn là một khoa trẻ, số lượng học viên và sinh viên không quá nhiều. Tương ứng với đặc thù đó, đội ngũ nhân viên của Khoa bị giới hạn về số lượng cán bộ (02 người). Tuy nhiên, họ được đào tạo cơ bản về chuyên môn, kỹ thuật vững vàng; có trình độ đại học trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên còn được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng phục vụ. Đội ngũ nhân viên Khoa cùng với sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên Trường đã đáp ứng được như cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Xét về việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ về thư viện, và công nghệ thông tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã xây dựng đề án vị trí việc làm để phù hợp với nhu cầu thực tế. Số lượng cán bộ của Trung tâm thông tin thư viện và Trung tâm công nghệ thông tin lần lượt là 6 và 30 cán bộ nhằm phục vụ các nhu cầu chuyên môn nghiệp vụ xác định, không trùng chéo [H7.07.01.01].

Khoa Tiếng Anh hiện có 03 nhân viên văn phòng (01 trợ lý giáo vụ; 01 trợ lý quản lý sinh viên; 01 trợ lý kỹ thuật) [H7.07.01.04]. Khối lượng công việc của khối văn phòng là khá lớn do khoa Tiếng Anh thực hiện nhiệm vụ giảng dạy cho nhiều đối tượng và nhiều hệ đào tạo khác nhau. 03 nhân viên văn phòng phục vụ chung cho chương trình đào tạo của toàn khoa, không phân biệt hệ Cử nhân Sư phạm Tiếng anh hay hệ cử nhân Ngôn ngữ Anh; hệ đào tạo bằng kép và hệ đào tạo văn bằng 2. Tuy khối lượng công việc cần đảm nhiệm là lớn, nhưng đội ngũ nhân viên đã và đang hoàn thành tốt công việc được giao và nhận được phản hồi tích cực từ học viên, sinh viên và các đối tượng có liên quan.

Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

Khoa hiện có thư viện riêng với khá nhiều đầu sách và học liệu. Kho tài nguyên này đã hỗ trợ đắc lực đối tượng là học viên và sinh viên trong công tác học tập và nghiên cứu

khoa học. Tuy nhiên, kho tài nguyên này vẫn chưa được tiếp cận bởi cộng đồng do lo ngại về việc thất thoát tài nguyên bản cứng. Do vậy, Khoa đã tiến hành số hoá một phần tài liệu và cung cấp như một kho tài nguyên số, mở cho học viên, sinh viên và các cá nhân có nhu cầu. Có thể nhận thấy số lượt xem và tải về các tài liệu này là khá lớn.

Thực tế, khoa hiện không có nhân viên chuyên trách phục vụ thư viện. Phần việc này hiện được đảm nhiệm bởi cán bộ kỹ thuật viên của Khoa. Bên cạnh đó, sinh viên khoa Tiếng Anh sử dụng Thư viện chung của toàn trường với hệ thống tài liệu và các dịch vụ hỗ trợ hiện đại. Ngoài ra, tuy có trang web thuộc hệ thống trang web thành viên của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa không có trung tâm CNTT riêng. Do đặc thù chuyên ngành về ngôn ngữ, Khoa không có phòng thí nghiệm. Tuy nhiên nằm trong hệ thống chung toàn trường, Khoa Tiếng Anh nhận được sự hỗ trợ liên tục và hiệu quả từ đội ngũ cán bộ của Trung tâm công nghệ thông tin giàu năng lực và có chuyên môn nghiệp vụ đã được ghi nhận [H7.07.01.05]. Đối với nhiệm vụ phục vụ cộng đồng, đội ngũ nhân viên Khoa Tiếng Anh có tham gia vào các dự án Tiếng Anh cộng đồng.

Trung tâm thông tin thư viện trường đã tiến hành các khảo sát đối với sinh viên và học viên để tìm hiểu mức độ đáp ứng của kho học liệu và các dịch vụ hỗ trợ. Kết quả từ các khảo sát được sử dụng để nâng cao chất lượng phục vụ của Trung tâm thông tin thư viện [H7.07.01.06].

Nhằm đáp ứng nhu cầu về sử dụng nhân lực ngày càng tăng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội luôn công khai thông báo thi tuyển viên chức và tuyển dụng người lao động [H7.07.01.07]. Đối với đội ngũ cán bộ đã và đang làm việc tại nhà Trường, quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, thời gian làm việc đối với viên chức hành chính được nhà trường công bố rộng rãi cho toàn thể viên chức nắm được và thực hiện [H7.07.01.02]. Cụ thể, nhiệm vụ đối với nhân viên, cán bộ thư viện và trung tâm công nghệ thông tin được thể hiện chi tiết với những nhiệm vụ như cán bộ phục vụ bạn đọc tại chỗ hoặc ngoài giờ; cán bộ phục vụ bạn đọc mượn tài liệu về nhà; cán bộ phục vụ bạn đọc khai thác thông tin qua mạng và các cán bộ thực hiện chuyên môn lưu trữ thông tin và tài liệu [H7.07.01.03]. Tuy nhiên xét về đội ngũ nhân viên của Khoa, do yêu cầu tinh giảm biên chế, hiện tại số lượng nhân viên của Khoa chỉ còn lại 02 cán bộ gồm 01 cán bộ chuyên trách về công tác học sinh sinh viên và 01 cán bộ chuyên trách các nhiệm vụ về đào tạo.

2. Điểm mạnh

Số lượng cán bộ văn phòng được bố trí hợp lý, tránh chồng chéo; các bộ phận phối hợp hoạt động nhịp nhàng giải quyết được khối lượng công việc đáng kể.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhân viên phục vụ chuyên trách về Thư viện; Trang web của Khoa chưa được đầu tư thích đáng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư hơn cho các phần nội dung và duy trì hoạt động hiệu quả thường xuyên của web khoa	Liên chi đoàn Giáo vụ khoa Giảng viên	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì tính minh bạch về việc đánh giá kết quả học tập.	Giảng viên Giáo vụ khoa Cố vấn học tập	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Kế hoạch tuyển dụng, ban hành quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng đã được nhà trường công bố rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ nhân viên, cũng như các cá nhân có nhu cầu [H7.07.02.01]. Tiêu chí tuyển dụng đội ngũ nhân viên được nhà trường xây dựng, trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm [H7.07.02.01].

Ngoài ra, quy định tiêu chuẩn về nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính và người lao động đã được nhà trường ban hành quyết định công khai; đảm bảo cho người lao động nắm rõ những quyền lợi họ được hưởng; chuyên tâm và yên tâm công tác [H7.07.02.02].

Các hội nghị liên tịch của Khoa gồm Ban chủ nhiệm, Chi bộ, Công đoàn và Liên chi đoàn về nội dung tuyển dụng luôn được tổ chức hàng năm để có những điều chỉnh phù hợp với nhu cầu về tuyển dụng việc làm. Xét trên tình hình nhu cầu thực tế, các hội nghị này đều đưa ra những con số về tuyển dụng theo từng năm, cùng với những tiêu chí tuyển dụng cụ thể, thông báo công khai trên mạng trước khi tuyển dụng [H7.07.02.03]

Do khối lượng công việc thực tế ngày càng tăng, đội ngũ người lao động và nhân viên làm việc tại khoa cũng có xu hướng tăng. Đồng thời, cán bộ giảng viên có nhu cầu nâng cao trình độ, tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên tu dài hạn ở nước ngoài nên thực tế số lượng cán bộ thực làm việc tại Việt Nam cũng được thể hiện rõ trong danh mục tổng hợp [H7.07.02.04]. Tuy nhiên, thực tế trong các năm gần đây mấy năm gần đây, do yêu cầu về cắt giảm biên chế nên Khoa gần như không tuyển dụng thêm được viên chức nào mới. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng tăng, Khoa đã tiến hành điều chuyển cán bộ sang các Bộ môn khác. Trên thực tế, cán bộ được chia thành các bộ môn, tuy nhiên đều tham gia vào các hoạt động liên bộ môn, ở nhiều bộ môn nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày càng tăng.

Việc thực hiện các nhiệm vụ được giao hàng năm của các cán bộ quản lý đã được ghi nhận, và được tin tưởng bổ nhiệm thêm các nhiệm kỳ sau [H7.07.02.05].

Ngoài ra, nhìn nhận được việc đào tạo phải dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội, trường đã tiến hành các khảo sát với các bên liên quan về vị trí việc làm. Từ đó rút ra các kết luận về việc điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của người tuyển dụng; cũng như những mong muốn của sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường đã tham gia vào thị trường lao động [H7.07.02.06].

Do khối lượng công việc nhiều, Khoa vẫn có nguyện vọng được tuyển dụng thêm viên chức và người lao động. Thông báo tuyển dụng công khai hàng năm vẫn được thông báo rộng rãi [H7.07.02.07].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của nhà trường. [H7.07.02.02]

Bên cạnh đó, các quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển nhân viên được xác định và phổ biến công khai [H7.07.02.01]

2. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển đã có đầy đủ tiêu chí, quy trình rõ ràng, công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhân viên chuyên trách cho các nhiệm vụ như quản lý thư viện, kết nối cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung thêm vị trí nhân viên vào đề án nhân sự việc làm của Khoa	Liên chi đoàn Giáo vụ khoa Giảng viên	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Công khai quy trình tuyển dụng và số lượng cán bộ cần tuyển dụng hàng năm	Ban chủ nhiệm Chi bộ Công đoàn Liên chi đoàn	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá.

1. Mô tả

Thực hiện theo chỉ đạo hàng năm của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, cán bộ giảng viên và nhân viên khoa Tiếng Anh đều được thông báo và nghiêm túc thực hiện các Quy định đánh giá phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của Trường ĐHSPT Hà Nội [H7.07.03.01].

Sau khi các cá nhân hoàn thành các phiếu đánh giá, các bộ môn tiến hành họp bình chọn và nhận xét. Kết quả này sau đó được gửi lên Ban Chủ Nhiệm và Phòng Tổ chức cán bộ để tiến hành tổng hợp và công bố các kết quả phân loại và đánh giá viên chức hàng năm [H7.07.03.02].

Trong khi giảng viên tiến hành tự đánh giá và phân loại hàng kỳ, hàng năm, thì các cán bộ văn phòng tiến hành quá trình này theo tần suất hàng tháng. Kết quả tự đánh giá

và đánh giá được gửi lên các đơn vị lãnh đạo xử lý và nhận xét theo đúng thẩm quyền [H7.07.03.03].

Khoa tiến hành các đánh giá đối với toàn bộ viên chức và người lao động trong toàn khoa. Kết quả đánh giá được thông báo rộng rãi đến toàn thể nhân viên trong Hội nghị cán bộ công nhân viên chức Khoa [H7.07.03.04].

Xét đến đội ngũ nhân viên văn phòng đều có trình độ đại học và thạc sỹ. Với kinh nghiệm làm việc lâu năm, đội ngũ nhân viên văn phòng đã thoả mãn yêu cầu về trình độ cũng như chất lượng công việc [H7.07.03.05].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, cùng với Trường, Khoa cũng đã tạo dựng mối liên hệ với sinh viên vừa tốt nghiệp cũng như các nhà tuyển dụng thông qua các mẫu khảo sát [H7.07.03.06]. Kết quả phân tích các phiếu khảo sát này đã được tổng hợp và đưa ra những kết luận, nhằm đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu của xã hội [H7.07.03.07].

Việc thực hiện các nhiệm vụ được giao hàng năm của các cán bộ quản lý đã được ghi nhận, và được tin tưởng bổ nhiệm thêm các nhiệm kỳ sau [H7.07.02.05]. Đội ngũ cán bộ đều được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, đội ngũ nhân viên chưa đạt được các danh hiệu thi đua và khen thưởng cấp cao.

Ngoài ra, nhìn nhận được việc đào tạo phải dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội, trường đã tiến hành các khảo sát với các bên liên quan về vị trí việc làm. Từ đó rút ra các kết luận về việc điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của người tuyển dụng; cũng như những mong muốn của sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường đã tham gia vào thị trường lao động [H7.07.02.06].

2. Điểm mạnh

Nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và định kỳ: cuối học kỳ, cuối năm, kết thúc nhiệm vụ đề tài... dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cán bộ đạt được các danh hiệu thi đua và khen thưởng cấp cao chưa nhiều và phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	--	----------------

1	Khắc phục tồn tại	Tuyên truyền và hướng dẫn chi tiết hơn, có kế hoạch và lộ trình cho cán bộ để dành được các danh hiệu thi đua và khen thưởng cấp cao	Ban chủ nhiệm Công đoàn Giảng viên	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đánh giá thường xuyên theo đúng các tiêu chí	Ban chủ nhiệm Công đoàn Giảng viên	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Để đáp ứng chất lượng đào tạo của nhà trường, hàng năm Nhà trường có yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ. Nhu cầu này đã được xác định thông qua việc thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Nhân viên được đăng ký về nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Trên cơ sở đó, Khoa xem xét, tổng hợp lại và gửi phòng Tổ chức cán bộ để tổng hợp và trình Ban Giám Hiệu xét duyệt [H7.07.04.01].

Nhà trường có kế hoạch và kinh phí triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.02].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Nhà trường đã ban hành các quyết định về yêu cầu chứng chỉ Tiếng Anh, tin học, Nghiệp vụ Sư phạm đối với giảng viên đại học và các thông báo về việc đăng ký bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Các cán bộ, giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ bằng các nguồn kinh phí của Trường, của Khoa, để đáp ứng nhu cầu nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ Bộ giáo dục và đào tạo cũng như Nhà trường đề ra [H7.07.04.03]. Nhà trường, Khoa và cán bộ, giảng viên đã có kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.04; H7.07.04.05]. Đồng thời

cũng đã triển khai các hoạt động phù hợp và thiết thực để đáp ứng những nhu cầu đó, cụ thể như các lớp bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên các khoa dạy Tiếng Anh chuyên ngành năm 2015, cử giảng viên Tiếng Anh đi tập huấn tại trường Đại học Hà Nội năm 2017, cử các cán bộ quản lý tham dự bồi dưỡng về quản trị đại học năm 2018, cử cán bộ tham gia bồi dưỡng chắm thi nói và viết Tiếng Anh 2019 [H7.07.04.06; H7.07.04.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc.

3. Điểm tồn tại

Tuy đã có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa,, số lượng các lớp bồi dưỡng còn chưa nhiều và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch dài hạn và tạo điều kiện hơn nữa để cán bộ, giảng viên của Khoa có thể tham gia bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.	Ban Chủ Nhiệm Cán bộ, giảng viên	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và thực hiện nhiều hơn kế hoạch bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa.	Ban Chủ Nhiệm, Cán bộ, giảng viên	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận [H7.07.05.01]. Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của trường Đại học Sư phạm Hà Nội; mẫu phiếu tự đánh giá viên chức cuối năm; Quy chế thi đua khen thưởng cũng được ban hành [H7.07.05.02].

Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công

Nhà trường đã triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công [H7.07.05.03].

Vào đầu mỗi năm học, các giảng viên, cán bộ của Khoa sẽ đăng ký danh hiệu thi đua. Kết thúc mỗi học kỳ và năm học, các Bộ môn tổ chức buổi tự đánh giá hiệu quả công việc và danh hiệu thi đua cho mỗi cá nhân, sau đó đánh giá, bình bầu theo cấp Bộ môn. Bộ môn và Hội đồng thi đua khen thưởng Khoa và Nhà trường họp và quyết định kết quả thi đua, bình bầu [H7.07.05.04]. Nhà trường và Khoa cũng bổ sung hồ sơ, sơ yếu lý lịch của cán bộ, giảng viên hàng năm và ban hành bản tổng hợp mô tả vị trí công việc [H7.07.05.05]. Dựa vào chất lượng công việc và các danh hiệu thi đua nhân viên đã đạt được, Trường và Khoa đã có những quyết định về tăng lương trước niên hạn [H7.07.05.06]. Kết quả bình bầu là cơ sở để xét thu nhập tăng thêm cho đội ngũ nhân viên Nhà trường, tạo động lực thúc đẩy đội ngũ nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Như vậy, việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường cũng đã thực hiện khảo sát mức độ đáp ứng người học của đội ngũ cán bộ hành chính [H7.07.05.07].

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Thêm vào đó, tất cả các cán bộ,

giảng viên của Khoa đều có kế hoạch cụ thể để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, Nghiên cứu Khoa học và phục vụ cộng đồng. Tất cả nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc

Vào đầu năm học và đầu mỗi học kỳ, các bộ môn sẽ tiến hành họp để xác định kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ năm học, học kỳ của bộ môn cũng như các cá nhân [H7.07.05.08]. Bên cạnh đó, các buổi họp Khoa, bình xét thi đua cuối năm và hội nghị cán bộ viên chức cũng được diễn ra hàng năm tại Khoa. Đây chính là cơ hội để tất cả các cán bộ, giảng viên của Khoa đều được tham gia góp ý, xây dựng trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận [H7.07.05.09].

Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. Tất cả cán bộ, giảng viên và đội ngũ viên chức hành chính của Khoa đều thể hiện sự hài lòng đối với việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã có những quy định và triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã được xác định và phân công.

Đội ngũ nhân viên đã phát huy tối đa năng lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Khoa và Nhà trường có cơ hội đánh giá, khen thưởng đội ngũ nhân viên rất sát sao, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên làm việc và hoàn thành công việc tốt hơn.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường và khoa cần có những khen thưởng lớn và kịp thời hơn nữa để tạo động lực cho nhân viên hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú

1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả công việc cũng như công nhận thành tích thi đua khen thưởng của đội ngũ nhân viên để tạo động lực hoàn thành công việc tốt hơn.	Trường ĐHSPHN; Ban Chủ Nhiệm	Định kì hàng tháng, hàng năm	
---	--------------------	---	---------------------------------	------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận Tiêu chuẩn 7:

Về việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện tại Khoa tiếng Anh đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Dựa trên các văn bản, quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, thời gian làm việc đối với viên chức hành chính của Trường Đại học Sư phạm, Khoa tiếng Anh đã công bố rộng rãi cho toàn thể viên chức nắm được và thực hiện tốt. Nhờ vậy, số lượng cán bộ văn phòng được bố trí hợp lý, tránh chồng chéo, các bộ phận phối hợp hoạt động nhịp nhàng để có thể giải quyết được khối lượng công việc đáng kể.

Việc tuyển dụng, lựa chọn và điều chuyển dựa trên nhu cầu thực tế và có đầy đủ tiêu chí, quy trình rõ ràng. Các tiêu chí được công bố công khai.

Nhân viên được đánh giá thường xuyên qua công việc hàng ngày và định kỳ theo tháng, học kỳ và cuối năm học. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các chuyên viên và nhân viên rõ ràng và công khai.

Nhà trường, Khoa và cán bộ, giảng viên đã có kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Đồng thời cũng đã triển khai các hoạt động phù hợp và thiết thực để đáp ứng những nhu cầu đó.

Thêm vào đó, Nhà trường và Khoa đã có những quy định và triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã được xác định và phân công. Nhờ đó, đội ngũ nhân viên đã phát huy tối đa năng lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khoa và Nhà trường có cơ hội đánh giá, khen thưởng đội ngũ nhân viên rất sát sao, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên làm việc và hoàn thành công việc tốt hơn.

Tuy nhiên, cũng có thể cần lưu ý đến một số hạn chế. Hiện tại, khoa tiếng Anh chưa có nhân viên phục vụ chuyên trách về Thư viện. Trang web của Khoa chưa được đầu tư thích đáng. Thêm vào đó, mối liên kết với các nhà tuyển dụng cũng như sinh viên tốt nghiệp sau vài năm chưa được chặt chẽ. Số lượng các cán bộ được các danh hiệu thi đua và khen thưởng cấp cao chưa nhiều.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 7:

Tiêu chuẩn 7	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 7.1					5		
Tiêu chí 7.2				4			
Tiêu chí 7.3					5		
Tiêu chí 7.4					5		
Tiêu chí 7.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	4.8						

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) luôn xác định người học (NH) là đối tượng trung tâm của Nhà trường. Vì vậy, công tác tuyển chọn NH được Nhà trường đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao. Nhằm tuyển chọn NH theo học CTĐT có chất lượng cao, trong 5 năm học qua, từ 2015 đến 2019, chính sách tuyển sinh của ngành sư phạm Tiếng Anh của Trường ĐHSPHN với các tiêu chí, phương pháp xét tuyển được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật.

Trong quá trình học tập tại trường, Khoa và Nhà trường đã hỗ trợ NH thông qua hệ thống giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện cũng như học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH theo học CTĐT. Đồng thời, triển khai các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH kịp thời, hiệu quả.

Ngoài ra, Nhà trường và Khoa còn tạo môi trường tâm lý, xã hội và những điều kiện thuận lợi nhất để tạo sự thoải mái cho cá nhân NH khi học tập, nghiên cứu tại Trường. NH được tham gia các hoạt động ngoại khóa lành mạnh, cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh hằng năm được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường, đồng thời theo đúng các quy định hiện hành trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, các phương thức tuyển sinh, các tiêu chí xét tuyển phù hợp với đặc thù của ngành đào tạo. Các đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, đối tượng ưu tiên, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, tiêu chí xét tuyển chính-phụ (môn thi ưu tiên 1, môn thi ưu tiên 2) và các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển được quy định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết. Đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh, chính sách và quy định về tuyển sinh hằng năm được ghi rõ trong các văn bản Thông tin tuyển sinh hệ ĐH chính quy của Nhà trường, trong đề án tuyển sinh. [H8.08.01.01; H8.08.01.02; H8.08.01.03; H8.08.01.04].

Nhà trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...) trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website chính thức của Nhà trường, trên các chuyên trang tuyển sinh, trên các kênh thông tin của sinh viên và cựu sinh viên của khoa, được giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh, trong sổ tay sinh viên, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá ...[H8.08.01.05; H8.08.01.06]. Đầu năm học 2019 – 2020, nhà trường tổ chức Open tour thu hút học sinh các trường THPT, sinh viên mới nhập học và phụ huynh học sinh tìm hiểu về nhà trường, các khoa, các ngành học. Ngoài ra, các chính sách tuyển sinh còn được đề cập đến trong các buổi họp, trong các hội thảo, hội nghị của khoa, trong các buổi họp của các cố vấn học tập [08.08.01.07; 08.08.01.08].

Chính sách tuyển sinh của ngành SP Tiếng Anh, từ năm 2017 đến nay được bổ sung, xây dựng dựa trên cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh các năm trước đó và các điều kiện đảm bảo chất lượng bao gồm cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu và số lượng giảng viên cơ hữu của khoa tiếng Anh nói riêng và trường Đại học Sư phạm Hà Nội nói chung [H8.08.01.02; H8.08.01.06].

Các chính sách và quy định về tuyển sinh này được Nhà trường cập nhật hằng năm dựa theo các thay đổi, bổ sung trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2017, Bộ GD & ĐT đã ban hành Thông tư quy định riêng về tuyển sinh cho nhóm ngành đào tạo giáo viên, do đó Nhà trường đã cập nhật các chính sách và quy định tuyển sinh theo đúng *Quy chế tuyển sinh hệ đại học chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy* [H8.08.01.04].

Bên cạnh đó, các chính sách tuyển sinh được cập nhật dựa trên sự góp ý của các bên liên quan. Hằng năm, khoa tiếng Anh đều tổ chức các cuộc họp để ghi nhận sự đóng góp ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng tại các trường phổ thông nơi sinh viên làm việc về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động để xây dựng chính sách tuyển sinh [H8.08.01.08]. Trong các năm qua, chính sách tuyển sinh đã được cập nhật liên tục. Năm 2015, chỉ tiêu TS ngành SPTA là 60, số trúng tuyển là 60; năm 2016, chỉ tiêu là 60, số trúng tuyển là 78; năm 2017, chỉ tiêu là 40, số trúng tuyển là 60; năm 2018, chỉ tiêu là 60, số trúng tuyển là 86. Phương thức tuyển sinh cũng được cập nhật qua các năm. Cụ thể, năm 2017, có hai phương thức tuyển sinh là xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG và tuyển thẳng; năm 2018, có ba phương thức tuyển sinh là xét tuyển dựa vào kết quả kì

thi THPTQG, tuyển thẳng và tổ chức thi tuyển sinh riêng với một số ngành; năm 2019, có bốn phương thức tuyển sinh là: xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG, tuyển thẳng, tổ chức thi tuyển tại trường và kết hợp xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG và kết quả thi năng khiếu tại trường. [H8.08.01.01; H8.08.01.02; H8.08.01.03]

2. Điểm mạnh

Chính sách và các quy định tuyển sinh của ngành Sư phạm tiếng Anh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật hằng năm, từ đó tạo điều kiện nâng cao chất lượng tuyển chọn NH theo học CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia đóng góp của các nhà tuyển dụng để xây dựng CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh của Khoa chưa thực sự đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Có kế hoạch hợp tác với các nhà tuyển dụng trong việc xây dựng CTĐT	- Ban chủ nhiệm khoa - Các giảng viên	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phối hợp với ban tuyển sinh của nhà trường để xây dựng chính sách tuyển sinh nâng cao chất lượng tuyển chọn NH.	Ban chủ nhiệm khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Khoa có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn NH rõ ràng nằm trong đề án tuyển sinh của trường. Hằng năm, chính sách tuyển sinh với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Tiêu chí xét tuyển các năm thường bao gồm tiêu chí xét tuyển chính và phụ: (1) Tiêu chí xét tuyển chính: Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu dựa theo tổng kết quả thi 3 môn (bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 nếu có) của tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có). Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định mà vẫn còn chỉ tiêu nhưng xét đến mức điểm tiếp theo số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thì thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ. (2) Tiêu chí xét tuyển phụ, Tiêu chí 1: Thí sinh có điểm môn thi ưu tiên 1 cao hơn sẽ trúng tuyển. Tiêu chí 2: Thí sinh có điểm môn thi ưu tiên 2 cao hơn sẽ trúng tuyển. Xét tiêu chí 2 khi sử dụng tiêu chí 1 mà vẫn còn nhiều thí sinh bằng điểm nhau và số lượng vượt chỉ tiêu cần tuyển. Với các ngành đặc thù đào tạo cử nhân sư phạm như CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, Nhà trường đưa ra tiêu chí không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp [H8.08.01.02; H8.08.02.01; H8.08.02.02]. Dựa trên các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn này, hàng năm Nhà trường đã tuyển chọn NH không chỉ đạt chỉ tiêu về số lượng mà còn đảm bảo chất lượng NH theo học [H8.08.01.06].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá hằng năm trên cơ sở tiếp thu các ý kiến phản hồi của các bên liên quan: sinh viên, cựu sinh viên, phụ huynh, giảng viên, các cơ sở đào tạo, các đơn vị tuyển dụng, đại diện các phòng ban của trường [H8.08.01.02; H8.08.01.08; H8.08.02.01; H8.08.02.02]. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được đánh giá hàng năm trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, trong cuộc đánh giá cuối năm tại khoa và thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến của NH được tiến hành hàng năm [H8.08.02.03; H8.08.02.04].

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học được điều chỉnh, cập nhật qua các năm được thể hiện qua bảng so sánh sau đây:

Năm	Phương thức tuyển sinh
2015	Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG
2016	Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG
2017	- Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG - Tuyển thẳng
2018	- Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG

	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển thẳng - Tổ chức thi tuyển riêng
2019	<ul style="list-style-type: none"> - Xét tuyển dựa vào kết quả kì thi THPTQG - Tuyển thẳng - Tổ chức thi tuyển riêng - Kết hợp sử dụng kết quả thi THPTQG và kết quả thi năng khiếu tại trường

Cụ thể, năm 2015 và 2016, phương thức tuyển sinh là dựa vào kết quả kì thi THPT QG tại các cụm thi do các trường ĐH chủ trì. Năm 2017, phương thức tuyển sinh là xét tuyển (dựa vào kết quả kì thi THPTQG) và tuyển thẳng (các đối tượng theo quy định theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo, học sinh tốt nghiệp THPT có thời gian học tập cả 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSPP Hà Nội, ĐHSPP TP Hồ Chí Minh có thành tích học tập và rèn luyện tốt, các học sinh trong đội tuyển tham dự kì thi học sinh giỏi quốc gia). Năm 2018 có 3 phương thức tuyển sinh là xét tuyển (dựa vào kết quả kì thi THPTQG), tuyển thẳng (các đối tượng theo quy định theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo, học sinh tốt nghiệp THPT có thời gian học tập cả 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSPP Hà Nội, ĐHSPP TP Hồ Chí Minh có thành tích học tập và rèn luyện tốt, các học sinh trong đội tuyển tham dự kì thi học sinh giỏi quốc gia) và tổ chức thi tuyển riêng các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, Giáo dục thể chất và thi môn năng khiếu tuyển sinh vào ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Mầm non-Tiếng Anh. Năm 2019, đã có sự thay đổi về phương thức tuyển sinh so với năm 2018. Năm 2019 có 4 phương thức tuyển sinh: Xét tuyển sử dụng kết quả thi THPTQG, xét tuyển thẳng, tổ chức thi tuyển với các thí sinh đăng kí xét tuyển vào các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, Giáo dục thể chất và kết hợp sử dụng kết quả thi THPTQG năm 2019 và kết quả thi năng khiếu tại trường ĐHSPPHN.

Trong cuộc khảo sát lấy ý kiến của NH năm 2019, 95.2% sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh thể hiện sự hài lòng về chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, ...), 93,8% thể hiện sự hài lòng với tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học của nhà trường và của khoa.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được xây dựng rõ ràng và được công bố công khai. Chất lượng NH được đảm bảo cùng với số lượng NH theo học CTĐT cử nhân Sư phạm Tiếng Anh đạt tỉ lệ cao so với chỉ tiêu đề ra.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cựu NH, nhà tuyển dụng lao động tham gia các khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa lớn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Kết nối với cựu NH và các nhà tuyển dụng để thực hiện các khảo sát lấy ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH.	Phòng Đào tạo TT ĐBCL	Từ 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển sinh và xét tuyển thẳng rõ ràng, công khai, phù hợp với nhu cầu nhân lực	Ban chủ nhiệm khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.3 . Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành quy định về quá trình học tập và rèn luyện của người học đầy đủ và rõ ràng trong *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học sư phạm Hà Nội; Quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học sư phạm Hà Nội*. Các quy định này được giới thiệu trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm của sinh viên toàn trường và được in trong cuốn *Sổ tay sinh viên* phát tới mỗi sinh viên vào đầu năm học [H8.08.03.01; H8.08.03.02; H8.08.03.03].

Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được Nhà trường thực hiện thông qua các bộ phận chuyên trách bao gồm các đơn vị thực hiện công tác đào tạo, công tác chính trị Sinh viên, Đoàn thanh niên... [H8.08.03.04; H8.08.03.05].

Tại khoa, các cán bộ chuyên trách được phân công giám sát bao gồm giáo vụ khoa và cố vấn học tập. Cố vấn học tập là các giảng viên có thâm niên tối thiểu ba năm giảng dạy chính thức tại khoa, am hiểu nội dung, chương trình và phương thức đào tạo của trường và của khoa, có nhiệm vụ tư vấn, hướng dẫn về học tập cho sinh viên, quản lý và góp phần đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên [H8.08.03.06; H8.08.03.07]. Bên cạnh các cố vấn học tập, giáo vụ khoa được phân công giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học nói chung và sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh nói riêng [H8.08.03.08]. Thông qua các cán bộ chuyên trách này, ban chủ nhiệm khoa nắm bắt được quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh.

Khoa có quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh. Cố vấn học tập thường xuyên làm việc với cán bộ lớp để nắm bắt được quá trình học tập và rèn luyện của các sinh viên trong lớp mình phụ trách [H8.08.03.09]. Giáo vụ khoa theo dõi quá trình học tập của người học thông qua phần mềm quản lý theo học chế tín chỉ về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, khối lượng học tập của NH và phần mềm quản lý điểm nhằm nắm được kết quả học tập của SV [H8.08.03.10].

Khoa Tiếng Anh có sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh dù có học lực trung bình vẫn có thể hoàn thành chương trình đúng thời hạn [H8.08.03.11]. Mỗi người học có 01 tài khoản đăng ký trên hệ thống đào tạo tín chỉ. Thông qua tài khoản của mình, người học đăng ký khối lượng học tập mỗi học kỳ,

theo dõi số tín chỉ cần tích lũy, có thời khóa biểu cá nhân tương ứng với mỗi thời khóa biểu chung, cập nhật được kết quả học tập của mình sau mỗi học kỳ. Khoa Tiếng Anh có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh. Đó là phần mềm quản lý của giáo vụ khoa, giáo vụ khoa sử dụng phần mềm quản lý giáo vụ Unisoft được phát triển bởi công ty Thiên An để nắm bắt được toàn bộ khối lượng học tập, kết quả học tập và rèn luyện hàng năm của NH [H8.08.03.12]. Giáo vụ khoa tham gia, ghi chép và lưu giữ các biên bản các cuộc họp xét lên lớp, xét tốt nghiệp; lập danh sách các sinh viên bị cảnh báo học vụ, dừng học, thôi học và báo cáo cho Ban Chủ Nhiệm khoa, từ đó Ban Chủ Nhiệm nắm được chính xác và cập nhật tình hình học tập của SV theo học CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh qua các năm. Khoa Tiếng Anh kết hợp chặt chẽ với Nhà trường để ban hành các quyết định cảnh báo kịp thời giúp sinh viên có những điều chỉnh trong quá trình học tập và rèn luyện [H8.08.03.13; H08.08.03.14; H08.08.03.15].

Bảng: Tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của sinh viên trong 5 khoá gần đây

Năm học	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % người học tốt nghiệp trong thời gian			Tỷ lệ % người học thôi học trong thời gian			
		3 năm	4 năm	Trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo
2014-2015	72	0%	91.7%	8.3%	0%	0%	0%	1.39%
2015-2016	74	0%	95.9%	4.1%	0%	0%	0%	0%
2016-2017	64	0%	96.9%	3.1%	0%	4.69%	0%	0%
2017-2018	60	0%	95%	5%	0%	0%	0%	0%
2018-2019	60	0%	50%	50%	1.67%	0%	0%	0%

Bảng: Kết quả rèn luyện của k66 năm học 2016-2017

STT	Tên lớp	Tổng số	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB. Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	A	23	5	21,7	18	78,3										
2	B	23	3	13	20	87										

Bảng: Kết quả rèn luyện của k65 năm học 2015-2016

STT	Tên lớp	Tổng số	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB. Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	A	32	2	6,3	29	90,6	1	3,1								
2	B	28	2	7,1	26	92,9										

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học. Thông qua hệ thống giám sát, Ban Chủ nhiệm Khoa, các cố vấn học tập, giáo vụ khoa và giảng viên nắm bắt kịp thời sự tiến bộ và tồn tại trong quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên, có cảnh báo học vụ với những sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện chưa đạt.

3. Điểm tồn tại

Các chương trình tư vấn, giúp đỡ sinh viên gặp khó khăn trong quá trình học tập và rèn luyện của CTĐT chưa xây dựng được kế hoạch triển khai định kì.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch chương trình tư vấn, giúp đỡ sinh viên gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	Khoa Tiếng Anh	Định kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy hệ thống giám sát nhiều yếu tố đối với quá trình rèn luyện và học tập, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH	Khoa Tiếng Anh Trường ĐHSPHN	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.4 . Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng làm việc của người học

1. Mô tả

Các đơn vị và bộ phận trong nhà trường thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp với khoa tổ chức các hoạt động thi đua, các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập, chịu trách nhiệm tư vấn việc làm của người học. Đoàn Thanh Niên phối hợp Phòng Khoa học Công nghệ tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm. Đoàn trường chỉ đạo các liên chi đoàn phối hợp tổ chức các hoạt động nghiệp vụ sư phạm cấp khoa, các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm cấp trường hàng năm, các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm học tập và nghiên cứu khoa học giữa các khoá, tổ chức cuộc thi “Olympic tiếng Anh không chuyên” hàng năm để khuyến khích phong trào học tiếng Anh trong toàn trường, thành lập và duy trì các câu lạc bộ Tiếng Anh, giới thiệu, hỗ trợ sinh viên vay vốn tín dụng và tìm kiếm học bổng. Đoàn thanh niên cùng chi đoàn khoa tổ chức Ngày hội việc làm cho sinh viên, hoạt động tình nguyện, hoạt động ngoại khoá cho người học, các hoạt động văn nghệ, thể thao, tạo ra những sân chơi bổ ích cho người học. ...[H8.08.04.01]. Trung tâm Nghiệp vụ Sư phạm phối hợp với các khoa tổ chức giảng dạy các nội dung về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực hành dạy học tại trường sư phạm để hình thành và phát triển phẩm chất, nhân cách, năng lực sư phạm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành sư phạm [H8.08.04.02; H8.08.04.03; H8.08.04.04]. Phòng Khoa học Công nghệ phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của sinh viên, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học. Một trong những nhiệm vụ chính của Phòng Công tác Chính trị - Học sinh, Sinh viên là công tác học sinh, sinh viên bao gồm công tác thi đua khen thưởng, công tác tư vấn tuyển sinh, tổ chức các dịch vụ hỗ trợ sinh viên ... [H8.08.03.04; H8.08.03.05].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành *Quy định về công tác cố vấn học tập trong đào tạo ĐH chính quy*, dựa trên quy định của Nhà trường Khoa Tiếng Anh đã phân công cho các cán bộ của Khoa làm công tác cố vấn học tập, hỗ trợ NH trong suốt quá trình theo học CTĐT [H8.08.03.06; H8.08.03.07]. Các cố vấn học tập theo quy định là cán bộ giảng dạy có thâm niên từ ba năm trở lên, am hiểu nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhiệt tình với công tác học sinh – sinh viên, được tập

huấn về nhiệm vụ, nghĩa vụ với NH. Do đó, đội ngũ này tại khoa đã hỗ trợ tư vấn học tập cho NH, hỗ trợ NH cải thiện việc học tập của bản thân, luôn sẵn sàng giải đáp, tư vấn, hướng dẫn những SV gặp khó khăn trong việc lựa chọn và đăng kí tín chỉ, tạm dừng hoặc bảo lưu kết quả học tập.

Khoa tiếng Anh có kế hoạch và thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện khả năng có việc làm của sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Tuần lễ nghiệp vụ sư phạm được tổ chức hàng năm vào tháng 11 với nhiều hoạt động và cuộc thi cấp khoa và cấp trường: thi giảng, thi viết bảng, thi làm đồ dùng học tập, sinh hoạt chuyên đề giúp NH hình thành lòng yêu nghề và kĩ năng làm việc [H8.08.04.05]. Ngoài ra, phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh được đẩy mạnh, góp phần hình thành lòng yêu nghề, ý thức trau dồi kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp thông qua các Hội thi nghiên cứu khoa học được tổ chức hàng năm [H8.08.04.06; H8.08.04.07; H8.08.04.08]. Hàng năm, khoa Tiếng Anh có các kế hoạch triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh. Sinh viên năm thứ 3, được đi kiến tập tại trường phổ thông và SV năm thứ 4 được đi thực tập tại các trường phổ thông, giúp cho sinh viên cải thiện khả năng làm việc với học sinh và đồng nghiệp [H8.08.04.09]. Thêm vào đó, việc tổ chức *Ngày hội việc làm* hàng năm của Khoa và Nhà trường là cơ hội để các nhà tuyển dụng giới thiệu cho sinh viên các vị trí và cơ hội việc làm. Ví dụ Ngày hội việc làm được tổ chức ngày 10/4/2019 có 38 đơn vị tham gia tuyển dụng trực tiếp, với hơn 800 vị trí việc làm từ các nhà tuyển dụng là các trường trong hệ thống giáo dục từ bậc Mầm non, Tiểu học, THCS đến THPT. Hơn 2900 sinh viên năm cuối của Trường, nhiều sinh viên các khoá 66, 67 và 68 tham dự. [H8.08.04.10; H8.08.04.11].

Tất cả những hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh đều hiệu quả và nhận được phản hồi tích cực từ người học. Tỷ lệ SV của khoa có việc làm sau khi tốt nghiệp cao, chiếm 96,4% trên tổng số SV tốt nghiệp năm 2018 [H8.08.04.12]. Trong một cuộc khảo sát lấy ý kiến NH năm 2019 trên 151 sinh viên ngành SPTA, 73.5 % sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh hài lòng với các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh [H8.08.02.04].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ ... đang được triển khai thường xuyên và đang phát huy tác dụng rất tốt, thu hút đa số người học tham gia.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của giảng viên, trợ lý, cố vấn học tập về hình thức và kết quả của các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ ... chưa được triển khai hàng tháng hoặc hàng kì.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Hàng tháng hoặc hàng kì tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của giảng viên, trợ lý, cố vấn học tập về hình thức và kết quả của các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ cho NH theo học CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Ban chủ nhiệm khoa	Tư năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ	Khoa tiếng Anh Đoàn Thanh niên Trường ĐHSPHN	Hàng năm	

		trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng làm việc của người học			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có sơ đồ bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa, hội trường, thư viện, ký túc xá rất khoa học [H8.08.05.01]. Do đó, NH theo học CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh khoa tiếng Anh cũng được hưởng những tiện ích của Nhà trường trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Với mục tiêu đào tạo ra các Cử nhân Sư phạm làm công tác giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, Khoa và Nhà trường đã thiết kế các biện pháp biến nội qui, qui tắc ứng xử nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương trong Khoa, Trường [H8.08.05.02].

Khoa Tiếng Anh có môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cơ sở vật chất được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh. Khoa có khu vực làm việc riêng biệt tại tầng 1 nhà D3 với văn phòng khoa đầy đủ trang thiết bị như máy tính, máy photocopy, máy in, tủ đựng tài liệu, bảng tin....Phòng họp của khoa là nơi diễn ra các hoạt động chuyên môn của cả giảng viên và sinh viên. Phòng đọc của khoa có các đầu sách của chuyên ngành phục vụ giảng viên và sinh viên tất cả các ngày trong tuần. Các phòng học, phòng máy của khoa được trang bị đầy đủ và hiện đại, đảm bảo điều kiện nhiệt độ, ánh sáng, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái của người học. Giảng viên gần gũi, thân thiện, sẵn sàng giải đáp, giúp đỡ, tạo nên tâm lý thoải mái cho người học [H8.08.05.03; H8.08.05.04; H8.08.05.05].

Khuôn viên của trường luôn được chăm sóc, đảm bảo các điều kiện vệ sinh, sức khoẻ cho người học. Nhà trường kí hợp đồng với các công ty vệ sinh môi trường uy tín với đầy đủ trang thiết bị để duy trì vệ sinh các phòng học, giảng đường, khuôn viên. Môi trường, giảng đường, bếp ăn, căng tin, nguồn nước ... được thường xuyên kiểm tra, giám sát [H8.08.05.06; H8.08.05.07; H8.08.05.08]. Các qui định về phòng cháy chữa cháy đều đảm bảo: nhà trường thành lập ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy, đội phòng cháy

chữa cháy cơ sở, ban tổ chức lớp tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, [H8.08.05.09; H8.08.05.10]. Trạm y tế luôn có các cán bộ y tế trực cả ngày đêm các ngày trong tuần, tổ chức khám sức khoẻ hàng năm cho sinh viên mới nhập trường và ra trường, khám/ cấp cứu cho sinh viên trong và ngoài giờ học, đảm bảo vệ sinh môi trường tại các giảng đường và trong toàn bộ khuôn viên của trường [H8.08.05.11; H8.08.05.12; H8.08.05.13]. Theo khảo sát lấy ý kiến NH năm 2019 trên 151 sinh viên ngành SPTA, 96,6% NH đồng ý rằng trường có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn. [H8.08.02.04]

2. Điểm mạnh

Người học theo học CTĐT được Khoa và Nhà trường tạo những điều kiện tốt về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, tạo tâm lý thoải mái, an tâm khi học tập tại trường.

3. Điểm tồn tại

Còn tồn tại một số hiện tượng sinh viên chưa giữ gìn cảnh quan, trang thiết bị, vi phạm các qui tắc về ứng xử trong môi trường sư phạm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền ý thức bảo vệ trang thiết bị, cảnh quan, ứng xử phù hợp với môi trường sư phạm.	- Đoàn TN - Khoa Tiếng Anh	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo những điều kiện tốt về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan, tạo tâm lý thoải mái, an tâm cho NH theo học CTĐT	Các giảng viên trong khoa tiếng Anh	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận Tiêu chuẩn 8:

Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh của ngành Sư phạm tiếng Anh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật. Trong suốt quá trình người học học tập và rèn luyện tại khoa, Khoa tiếng Anh có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá dưới nhiều hình thức khác nhau, công khai và liên tục, góp phần động viên những sinh viên thực hiện tốt và nhắc nhở kịp thời những sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện thấp. Ngoài ra, sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua, các dịch vụ hỗ trợ để vừa cải thiện việc học tập vừa nâng cao khả năng có việc làm. Môi trường tâm lý xã hội, cơ sở vật chất, cảnh quan của khoa, của trường tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên, sự tham gia đóng góp của các nhà tuyển dụng để xây dựng CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh của Khoa chưa thực sự đồng đều. Số lượng cựu NH, nhà tuyển dụng lao động tham gia các khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa lớn.

Đánh giá tiêu chuẩn 8:

Tiêu chuẩn 8	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					5		
Tiêu chí 8.2					5		
Tiêu chí 8.3					5		
Tiêu chí 8.4					5		
Tiêu chí 8.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.00						

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trong suốt 70 năm xây dựng và trưởng thành, với vai trò là trường đầu ngành trong việc đào tạo bồi dưỡng giáo viên cho cả nước, trường luôn không ngừng đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị để có thể đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu không ngừng nghỉ của các thế hệ sinh viên và học viên. Hàng năm, đối với các khóa sinh viên tốt nghiệp trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến để tìm ra những điểm mạnh và điểm yếu cần khắc phục, từ đó phát triển cơ sở hạ tầng ngày một tiên tiến và hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy, học và nghiên cứu của giảng viên, sinh viên toàn trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Cho đến nay, trường Đại học Sư phạm Hà Nội là một trong những trường đại học có tiềm năng cơ sở vật chất và thiết bị lớn nhất trong hệ thống các trường đại học, đặc biệt là các trường sư phạm trong cả nước [H9.09.01.01]. Nhà trường có hệ thống giảng đường ở hai cơ sở chính là 36 Xuân Thủy và Phân hiệu tại Hà Nam, với tổng cộng hơn 100 phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, 02 trung tâm thư viện, 01 trung tâm học liệu, cùng với hệ thống sân vận động, nhà thi đấu đa năng, và các trường chuyên, trường thực hành, tạo điều kiện tối đa cho việc học tập và rèn luyện kiến thức và thể chất, lý thuyết và thực hành. Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm được trang bị với các phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại, có đội ngũ quản lý chuyên trách. Trường có 226 phòng học truyền thống và 03 phòng học Đa phương tiện nằm rải rác ở các giảng đường với diện tích hơn 36000m² và sức chứa từ 30 – 120 chỗ ngồi và cũng được trang bị đầy đủ với bảng chống lóa xanh, bảng chống lóa trắng, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, cáp tín hiệu, màn chiếu treo tường hoặc máy chiếu và hệ thống loa.... Tất cả nhằm đảm bảo cho thầy và trò có những điều kiện thuận lợi nhất cho việc học tập và nghiên cứu. Ký túc xá sinh viên của trường cũng được mở rộng và nâng cấp, cung cấp 719 phòng ở cho học sinh, sinh viên và lưu học sinh. Điều này đã hỗ trợ cho sinh viên, đặc biệt những trường hợp hoàn cảnh khó khăn có điều kiện thuận lợi để hoàn thành việc học tập và nghiên cứu tại trường [H9.09.01.02; H9.09.01.03; H9.09.01.04].

Trường còn thành lập nhiều trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu như Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ Sư phạm, Trung tâm Thông tin

thư viện, Trung tâm Đảm bảo Chất lượng, Trung tâm nghiên cứu và sản xuất học liệu ...[H9.09.01.05]. Trong đó Trung tâm thư viện với 6 phòng đọc, hơn 105.650 đầu sách báo, tài liệu, luận văn, luận, đề tài và 1.200 chỗ ngồi là địa điểm quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên toàn trường nói chung, sinh viên khoa Tiếng Anh nói riêng ôn tập và bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, đặc biệt vào giai đoạn thi cuối kì cũng như làm luận văn tốt nghiệp [H9.09.01.06].

Kể từ khi chính thức thành lập ngày 14/11/2004, Khoa Tiếng Anh đã không ngừng dựng xây và phát triển, trong đó có cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu. Với vị trí chính tại tầng 1 giảng đường D3, khoa có hệ thống phòng giáo vụ, phòng họp, phòng tư liệu và phòng học, từ phòng 108 đến phòng 112. Trong đó phòng 112 là phòng giáo vụ có nhiệm vụ quản lý và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập cũng như đời sống hàng ngày. Phòng 110 là phòng đọc với hàng trăm đầu sách tiếng Anh phục vụ cho quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong toàn khoa. Ngoài ra, các phòng học của sinh viên với sức chứa từ 40 – 100 người đều được lắp đặt các trang thiết bị cơ bản gồm: bàn ghế, bóng điện, điều hòa không khí, bảng viết phấn, màn chiếu, máy chiếu, loa, micro, cổng kết nối internet, tập trung ở giảng đường D3, V và K1 của Trường. Các giảng đường đều có đội ngũ cán bộ kỹ thuật quản lý và cán bộ phục vụ giảng đường [H9.09.01.07; H9.09.01.08].

Hàng năm, nhà trường luôn có nguồn ngân sách dành cho việc mua mới, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị. Đồng thời, dựa vào phản ánh của các đơn vị sử dụng phòng học, phòng nghiệp vụ và báo cáo của quản lý giảng đường, hàng năm phòng quản trị kết hợp với phòng Đào tạo của Trường đều tiến hành đánh giá cơ sở vật chất ở các giảng đường, lớp học vào đầu năm học. Từ đó có kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời trang thiết bị, đảm bảo cho việc thực hiện chương trình đào tạo [H9.09.01.09, H9.09.01.10, H9.09.01.11].

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến của sinh viên vừa tốt nghiệp về hệ thống cơ sở vật chất, phòng học và phòng chức năng của trường. Trong báo cáo này, hầu hết các sinh viên đều đánh giá cao rằng cơ sở vật chất và phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên. Con số này đều ở mức khá cao và tăng đều các năm, đều đạt trên 80% như 88,5% năm 2015, 84% năm 2017 và gần 90% năm 2019 [H9.09.01.12].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSP Hà Nội có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học cơ sở vật chất và trang thiết bị, phù hợp, hỗ trợ việc giảng dạy, học tập cũng như nghiên cứu.

Các phòng học đều được cung cấp đầy đủ các thiết bị công nghệ như máy chiếu, điều hòa, bàn ghế linh hoạt phù hợp với việc tổ chức các hình thức hoạt động học tập khác nhau. Đồng thời các thiết bị luôn được quản lý, duy tu và mua mới hàng năm. Các phòng ban, viện nghiên cứu... đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và hỗ trợ các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng đường đã cũ (A1-A4) cần được tân trang hoặc xây mới. Trường đã chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tạo điều kiện học tập cho sinh viên, tuy nhiên phần cơ sở vật chất dành cho cán bộ và giảng viên còn hạn chế. Hiện nay, giảng viên khoa Tiếng Anh vẫn chưa có nơi làm việc và nghiên cứu riêng, chưa có không gian yên tĩnh riêng biệt để giảng viên ngồi soạn bài hoặc nghiên cứu. Tất cả các giảng viên vẫn phải làm việc ở nhà, đồng thời việc hướng dẫn sinh viên làm nghiên cứu khoa học hoặc khóa luận cũng phải tiến hành bên ngoài trường. Đây là một bất cập cần được khắc phục.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa đề xuất nhà trường cải thiện hơn nữa về cơ sở vật chất, đặc biệt cho cán bộ giảng viên	Ban chủ nhiệm khoa	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức đa dạng các hình thức hoạt động học tập, tận dụng các trang thiết bị có sẵn	Trường ĐHSPHN Các giảng viên trong khoa tiếng Anh	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trung tâm Thông tin Thư viện trường ĐHSPHN được thành lập năm 1951, cùng với sự ra đời của trường ĐHSPHN. Trong suốt gần 70 năm, cùng với sự phát triển không ngừng của trường, trung tâm thư viện cũng có những sự phát triển mạnh mẽ. Đặc biệt từ năm 1999 đến nay, trung tâm đã nhận được sự quan tâm đầu tư lớn về cơ sở vật chất trang thiết bị.

Hiện tại, trung tâm được bố trí một tòa nhà 4 tầng độc lập, có diện tích sử dụng khoảng 5.881 m² và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp với hoạt động của thư viện. [H9.09.02.01]. Hệ thống các phòng chức năng bao gồm 03 phòng Nghiệp vụ, 04 phòng Đọc tại chỗ, và 02 phòng Mượn mang về giúp đáp ứng hầu hết các nhu cầu về học tập và tra cứu tài liệu của người sử dụng [H9.09.02.02]. Trung tâm đã đặt ra các nội quy, quy định rõ ràng, tạo điều kiện tối đa cho người sử dụng [H9.09.02.03].

Ngoài ra, trung tâm còn có hệ thống phòng Tin học trực tiếp quản lý và hướng dẫn kỹ năng sử dụng Internet, với hệ thống máy chủ và 120 máy tính phục vụ cán bộ và sinh viên khai thác tài liệu hiện đại tại TT TT - Thư viện Trường ĐHSP HN và các thư viện khác cho các đối tượng bạn đọc toàn Trường. Để quản trị hỗ trợ cho công tác nghiệp vụ và phục vụ mượn trả tài liệu, tra cứu tài liệu tại TT TT-TV, trung tâm đã sử dụng phần mềm Libol 5.5 và thông qua các phân hệ mượn trả, opac, trung tâm có thể theo dõi được việc sử dụng tài liệu của bạn đọc. Trung tâm thông tin thư viện đã xây dựng trang thông tin điện tử riêng, bạn đọc có thể cập nhật những thông tin về hoạt động của trung tâm như các hướng dẫn sử dụng, thời gian hoạt động, và tra cứu tìm tài liệu online. [H9.09.02.04]. Các phòng đọc đều được trang bị với các nội thất và thiết bị như bàn, ghế, quạt trần, ổ cắm điện, máy photocopy... để đảm bảo môi trường học tập thoải mái nhất cho sinh viên [H9.09.02.05]. Mỗi sinh viên và học viên đều được đăng kí làm thẻ Thư viện để có thể sử dụng thuận tiện các tài nguyên vào việc phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của mình.

Hiện nay, thư viện có một nguồn tài liệu phong phú, trong đó bao gồm 105.650 đầu tài liệu với khoảng gần 300.000 bản in cho tất cả các loại hình tài liệu như sách, báo,

tạp chí, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ yếu... của các ngôn ngữ: Tiếng Việt, Anh, Đức, Nga, Trung Quốc...; các tài liệu điện tử như bang catssette, video, 7.350 đĩa CD, phần mềm học tiếng Anh, cơ sở dữ liệu cho nghiên cứu khoa học... Ngoài ra, Trung tâm đã xây dựng được một hệ thống cơ sở dữ liệu thư mục với hơn 106.979 biểu ghi cho sách, luận án, luận văn, bài trích tạp chí, TT TT-TV đã số hóa được 5461 luận án, luận văn và thực hiện quản lý. Nhằm đa dạng hóa các loại hình tài liệu và nội dung tài liệu, TT TT-TV đã đề xuất mua “thẻ bạn đọc đặc biệt” để cán bộ trong trường có thể truy cập vào CSDL của cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Hợp đồng Proquest giúp liên kết với thư viện điện tử của các trường Đại học trong nước và quốc tế để phục vụ giảng dạy và nghiên cứu trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đồng thời trung tâm cũng được đầu tư và giao quản lý phần mềm chống đạo văn turnitin để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu trong toàn trường. [H9.09.02.06, H9.09.02.07]

Trung tâm thông tin thư viện luôn có những thông báo tới các khoa, phòng ban trong trường về việc đề nghị tư vấn mua tài liệu, việc này giúp cho công tác bổ sung tài liệu của trung tâm phù hợp với nhu cầu và yêu cầu đào tạo của toàn trường. Trên cơ sở đó, hàng năm nguồn tài liệu, học liệu của trung tâm thường xuyên được cập nhật, mua mới thông qua các hợp đồng mua sách, giáo trình, tài liệu tham khảo với các nhà xuất bản, công ty phát hành.... Đặc biệt, trung tâm dành một phần không nhỏ trong ngân sách để cập nhật và mua bổ sung sách ngoại ngữ từ các nhà xuất bản nước ngoài. Điều này đã góp phần đáp ứng nhu cầu học tập ngoại ngữ ngày càng tăng của học sinh, sinh viên toàn trường. Trong giai đoạn 2015-2020, TT TT-TV liên tục bổ sung thêm các đầu sách phục vụ cho Chương trình Đào tạo Cử nhân Tiếng Anh, cụ thể: 29 quyển năm học 2015-2016; hàng nghìn đầu sách của Cengage năm học 2016-2017; 59 đầu sách năm học 2017-2018, 33 đầu sách năm học 2019-2020 [H9.09.02.08].

Không những bổ sung nguồn học liệu, tài liệu truyền thống, TT TT-TV còn bổ sung dạng tài liệu là CSDL, và xây dựng được nguồn học liệu mở giúp cho người sử dụng có thể tra cứu và tìm tài liệu một cách linh hoạt và thuận tiện nhất, phù hợp với sự phát triển của thời đại công nghệ 4.0. Do đó giai đoạn 2015-2020, thư viện điện tử của trung tâm đều phục vụ hàng trăm nghìn lượt truy cập mỗi năm, thậm chí có năm trên hai trăm nghìn lượt như năm 2015-2015 và 2016-2017. [H9.09.02.09]. Trung tâm thông tin thư viện trường cũng thường xuyên tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát, lấy ý kiến người đọc về chất lượng phục vụ, từ đó không ngừng nâng cao nghiệp vụ và cải tiến chất lượng

phục vụ cho giảng viên, sinh viên và nghiên cứu sinh. Thống kê cho thấy hơn 95% sinh viên được khảo sát năm 2019 lựa chọn tra cứu trên cơ sở dữ liệu điện tử CSDL, trong đó 85% sinh viên đánh giá cơ sở dữ liệu của trung tâm ở mức khá và tốt. Điều này cho thấy TT TT-TV đang đáp ứng khá tốt nhu cầu tra cứu và tìm kiếm tài liệu thông tin của sinh viên để đáp ứng các yêu cầu của CTĐT. [H9.09.02.10]

Bên cạnh hệ thống trung tâm thông tin thư viện của trường, khoa Tiếng Anh cũng đã và đang xây dựng cho mình một phòng Tư liệu riêng với hàng trăm đầu sách ngoại văn [H9.09.02.11]. Phòng Tư liệu, còn gọi là phòng Đọc của khoa, được đặt ngay bên cạnh Văn phòng khoa tiếng Anh tại giảng đường D3 do các chuyên viên về giáo vụ khoa phụ trách và quản lý. Ở đây, sinh viên có thể tìm thấy nhiều loại sách từ giáo trình tiếng Anh cho trẻ em, Tiếng Anh cơ bản cho đến các sách tiếng Anh chuyên ngành Sư phạm mà các em có thể đọc tại chỗ hoặc mượn về nhà. Điều này tạo điều kiện cho sinh viên có thể phát huy vai trò tự học, tự nghiên cứu, mở mang kiến thức và bắt kịp với những tư duy, phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến toàn cầu, đồng thời phục vụ tốt công tác đào tạo của khoa [H9.09.02.12]. Ngoài ra, phòng còn lưu trữ các báo cáo khoa học và luận văn của sinh viên khóa trước, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như làm luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên, với yêu cầu ngày càng cao của CTĐT, Trung tâm thư viện Trường cũng như Phòng Tư liệu của khoa cần liên tục bổ sung nhiều hơn nữa các tài liệu, sách Ngoại văn, và tài liệu dưới dạng sách điện tử.

2. Điểm mạnh

Trung tâm thông tin thư viện được trang bị hệ thống công nghệ thông tin phù hợp cho phép giúp tra cứu tài liệu, học liệu. Nguồn tài liệu phong phú và thuộc về nhiều lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên. Tài liệu cũng không ngừng được cập nhật hàng năm để có thể bắt kịp sự phát triển kiến thức của quốc gia và quốc tế.

Phòng đọc sách ngoại văn của khoa Tiếng Anh là một nguồn tư liệu quý giá cho giảng viên và sinh viên, nghiên cứu sinh trong khoa. Các đầu sách không ngừng được bổ sung và đổi mới hàng năm

3. Điểm tồn tại

Diện tích phòng tư liệu của khoa còn hạn chế, không phục vụ được số lượng lớn sinh viên cùng một lúc. Đồng thời do đặc điểm của chương trình đào tạo cần nhiều giáo trình, sách tham khảo là sách ngoại văn nên thư viện trường vẫn chưa đáp ứng được hết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thêm tư liệu mới hàng năm - Tận dụng nguồn giáo trình, sách điện tử, ebook được chia sẻ rộng rãi trên mạng Internet - Lên lịch cho sinh viên mượn sách theo mỗi khóa một thời gian cố định 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban chủ nhiệm khoa, - Giáo vụ khoa - Trung tâm thông tin thư viện trường 	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Khuyến khích, đẩy mạnh phong trào NCKH sử dụng nguồn tư liệu có sẵn. Khuyến khích khả năng tìm tòi và học tập tích cực của sinh viên</p>	<p>Các giảng viên, sinh viên trong khoa tiếng Anh</p>	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Để đáp ứng những yêu cầu của CTĐT [H9.09.03.01], sinh viên khoa tiếng Anh được sử dụng hệ thống các phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo, nghiên cứu cũng như rèn luyện thể lực. Điều hình như các em được sử dụng sân vận động cũng như nhà thi đấu đa năng cho các lớp Giáo dục thể chất, đảm bảo sức khỏe. Ngoài ra các em cũng có phòng máy để thực hành môn Tin học cũng như để truy cập tài liệu và tìm

kiểm, tra cứu thông tin [H9.09.03.02, H9.09.03.03]. Hiện khoa được phép mượn và sử dụng hệ thống phòng máy tại tầng 8 giảng đường K1. Ở đây được trang bị hệ thống máy tính, loa, tai nghe, máy chiếu... phù hợp với việc thực hành trong chương trình đào tạo của khoa, đặc biệt các kỹ năng thực hành tiếng Nghe, Nói [H9.09.03.04]. Phòng máy có chuyên viên phụ trách, với nội quy hướng dẫn cụ thể [H9.09.03.05] và có kèm nhật ký để quản lý việc sử dụng trang thiết bị, tần suất sử dụng và thời gian hoạt động, đồng thời có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu [H9.09.03.06].

Ngoài ra, để đáp ứng đặc thù của các ngành đào tạo sư phạm, trong đó có Chương trình Đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh, năm 2013 trường đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nghiệp vụ Sư phạm, với mục đích cung cấp cơ sở vật chất và nhân lực để các đơn vị trong trường triển khai việc rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng có tính đặc thù với từng ngành, khoa [H9.09.03.07]. **Trung tâm đã xây dựng một chuỗi các phòng chức năng bao gồm** phòng dạy học thông minh, phòng đa năng, phòng dạy học thiết bị cơ bản và phòng học truyền thống [H9.09.03.08]. Trung tâm đã được Nhà trường trang bị nhiều phương tiện, thiết bị (máy chiếu, máy quay, hệ thống âm thanh, gương cỡ lớn, các loại bảng, bàn ghế...) cho các phòng tiêu chuẩn mà sinh viên có thể đăng ký mượn để phục vụ việc luyện tập **thuyết trình, trình bày bảng và giảng tập** [H9.09.03.09]

Trong báo cáo kết quả khảo sát chất lượng đào tạo của sinh viên vừa tốt nghiệp, sinh viên có đánh giá khá tích cực về cơ sở vật chất, phòng thực hành, thí nghiệm... của trường. Năm 2019, trên 85% sinh viên tỏ thái độ hài lòng và cho rằng cơ sở vật chất của các phòng thực hành, thí nghiệm đã giúp họ hoàn thành CTĐT đại học của mình [H9.09.03.10].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHSPTHN có đủ phòng các phòng thí nghiệm, phòng thực hành hiện đại, trang thiết bị đầy đủ và được duy tu, bảo dưỡng, cập nhật thường xuyên. Phòng thực hành NVSP tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thực hành các kỹ năng sư phạm, chuẩn bị cho nghề nghiệp sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Mạng trong phòng máy còn đôi lúc bị nghẽn mạng, dẫn đến sinh viên không thể truy cập và địa chỉ cần thiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa đề xuất trường trang bị một phòng học thực hành ngoại ngữ với ghế gấp liên bàn học và máy tính bảng để phục vụ cho việc học ngoại ngữ	Ban chủ nhiệm khoa, Trường ĐHSPHN	Năm 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng, cập nhật cơ sở vật chất, trang thiết bị tại phòng thí nghiệm, thực hành Tận dụng những điều kiện về cơ sở vật chất có sẵn để thúc đẩy quá trình học tập và nghiên cứu khoa học	Trường ĐHSPHN Giảng viên, sinh viên khoa Tiếng Anh	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Để phục vụ cho nhu cầu về Công nghệ thông tin ngày càng tăng, trường ĐHSP Hà Nội không ngừng đầu tư để nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Hiện tại Nhà trường có 1023 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 883 máy tính ở thư viện, ở các khoa và các bộ môn nhằm phục vụ quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, 140 máy tính ở các phòng ban và ban quản lý kí túc nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại thư viện có 120 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc. Nhà trường có 15 phòng máy đặt tại

nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến [H9.09.04.01]

Trường đã thành lập Trung tâm CNTT và giao cho Trung tâm nhiệm vụ, chức năng quản lý hệ thống mạng của trường, thúc đẩy, cung cấp, theo dõi và giám sát việc sử dụng các dịch vụ mạng trường [H9.09.04.02]. Hiện nay trong trường, ngoài hệ thống Internet dây thì hệ thống mạng không dây cũng đã được lắp đặt ở hầu hết các đơn vị trong trường, phục vụ nhu cầu kết nối Internet cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Trường có 01 đường thuê bao riêng dùng để cung cấp các dịch vụ trực tuyến, và 05 đường FTTH cáp quang phục vụ nhu cầu khai thác internet của cán bộ và học sinh, sinh viên trong trường. Với tổng băng thông 350Mbps, hiện tại hệ thống internet trường có thể phục vụ nhu cầu khai thác Internet ở mức cơ bản [H9.09.04.03].

Hạ tầng máy chủ được bố trí tại 02 phòng, đặt tại Trung tâm CNTT, tầng 5 nhà Hiệu bộ. Phòng máy chủ của Trường (501 – Hiệu Bộ) là nơi lưu trữ toàn bộ hệ thống phần mềm và dữ liệu chung của toàn trường. Ngoài hệ thống dùng chung toàn trường còn có các hệ thống của các đơn vị kí gửi đặt tại Trung tâm. Tổng cộng máy chủ hiện có là 21 máy, hầu hết từ năm 2008, chỉ có 03 máy là máy chủ của Trung tâm học liệu trang bị năm 2013. Như vậy hệ thống máy chủ cũng đã tương đối cũ và cần được cập nhật, thay mới [H9.09.04.03].

Hệ thống đào tạo trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội được phát triển trên nền tảng Moodle phục vụ công tác bồi dưỡng giáo viên thường xuyên cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (Cục Nhà giáo và CBQLCSGD) hàng năm. Hiện nay hệ thống đáp ứng được khoảng 1000 người học tại địa chỉ lms.hnue.edu.vn. Các bài giảng được tổ chức ở dạng Video lecture và có tương tác qua hệ thống kiểm tra trắc nghiệm. Nhà trường đã tổ chức thành công nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến như Bồi dưỡng hiệu trưởng về “Quản lý giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống” hay Bồi dưỡng về chương trình giáo dục phổ thông tổng thể cho giáo viên các tỉnh Ninh Bình, Yên Bái, Điện Biên [H9.09.04.03]. Gần đây nhất, trường đã xây dựng được trang học tập trực tuyến fitel.hnue.edu.vn, giúp sinh viên và giảng viên có thể chủ động và linh hoạt trong việc bố trí lịch trình học tập và giảng dạy cho phù hợp với hoàn cảnh cách ly xã hội [H9.09.04.04, H9.09.04.05].

Đặc biệt, để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, trường có Kho học liệu học trực tuyến <https://olm.vn/> với các bài giảng do giảng viên của Trường biên soạn, bám sát theo chương trình từ lớp 1 đến lớp 12 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và

mới đây nhà trường đã cho truy cập miễn phí kho học liệu này. [H9.09.04.06]. Hành động này đã nhận được sự ủng hộ và cổ vũ mạnh mẽ của các cơ sở giáo dục cũng như đội ngũ giáo viên trên cả nước.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng đầu tư những phần mềm có bản quyền và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác đào tạo và quản lý nhà trường. Việc này hỗ trợ rất nhiều cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của toàn trường

Trường có cổng thông tin điện tử của trường tại địa chỉ www.hnue.edu.vn. Đây là trang chủ cung cấp mọi thông tin về trường ĐHSP Hà Nội, từ tổ chức, cơ cấu hoạt động đến những thông báo và tin tức mới nhất liên quan đến các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, các hoạt động ngoại khóa... Trang chủ của trường cũng có liên kết chặt chẽ đến các trang của các phòng, khoa và đơn vị thành viên. Do đó người học có thể tìm kiếm các thông tin cần thiết nhanh chóng và thuận lợi [H9.09.04.07]. Cổng thông tin cũng tích hợp các phần mềm quản lý như Quản lý giờ giảng, Quản lý văn bản và hồ sơ, Quản lý tài sản, Quản lý thông tin thư viện điện tử, Quản lý nhà trường... Điều đó cho thấy mạng lưới Công nghệ thông tin của Trường ĐHSP Hà Nội được thiết kế hiện đại và được đầu tư đồng bộ [H9.09.04.07]. Để thuận lợi trong việc quản lý trang thông tin điện tử, cũng như có những quy định trong việc sử dụng mạng, và dịch vụ, nhà trường đã có những quy chế cụ thể cho các vấn đề này.[H9.09.04.08]

Để hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, nhà trường luôn quan tâm sửa chữa, bảo trì, nâng cấp hệ thống CNTT [H9.09.04.09]. Đồng thời trường cũng xây dựng kế hoạch, đề án để cải tạo nâng cấp hệ thống CNTT của nhà trường [H9.09.04.10]... Do đó, trên 85% sinh viên tốt nghiệp đều đồng ý rằng hệ thống máy tính của trường đã đáp ứng được yêu cầu đào tạo, khai thác thông tin phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của sinh viên [H9.09.04.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống mạng internet của Trường được trang bị rộng khắp khuôn viên Trường gồm cả mạng không dây và có dây, tạo điều kiện thuận lợi truy cập các tài nguyên online. Trang thông tin điện tử của trường luôn thường xuyên cập nhật các thông tin mới nhất liên quan đến các hoạt động học tập và nghiên cứu.

Trang học trực tuyến với nhiều ứng dụng hỗ trợ giảng viên và sinh viên đảm bảo việc học tập và giảng dạy, đặc biệt trong tình hình dịch bệnh

3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy chủ của trường đã dùng hơn mười năm, do đó cần được thay thế bằng những hệ thống tiên tiến hơn để tránh nghẽn, lỗi mạng.

Các mạng wifi ở giảng đường, đặc biệt giảng đường nhà K có tín hiệu yếu, thậm chí không vào được, gây khó khăn cho việc tổ chức hoạt động dạy và học có ứng dụng công nghệ thông tin.

Các cán bộ và giảng viên sử dụng các ứng dụng chủ yếu là bản crack, chưa được hỗ trợ dùng các phần mềm có bản quyền.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Trung tâm CNTT có đề án thay thế, cập nhật hệ thống máy chủ - Trung tâm CNTT phối hợp với Khoa CNTT để nâng cấp trang Học tập trực tuyến	Trung tâm CNTT, Khoa CNTT	năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tân dụng trang Học tập trực tuyến để đổi mới thiết kế bài giảng, sử dụng linh hoạt nhiều phương tiện, phần mềm hỗ trợ việc quản lý và thiết kế hoạt động cho lớp học online.	Các giảng viên trong toàn trường	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.5 . Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Trường ĐHSP Hà Nội luôn chú trọng đảm bảo các tiêu chuẩn về sức khỏe, môi trường và an toàn cho người sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị. Khuôn viên nhà trường có trồng nhiều cây xanh, tạo môi trường gần gũi với thiên nhiên và an toàn cho sức khoẻ. Nhà trường cũng lưu ý đến đối tượng sinh viên khuyết tật và có chính sách đãi ngộ phù hợp với pháp luật hiện hành.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của trường ĐHSP Hà Nội đều được xây dựng dựa trên những văn bản quy định, hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường của các Bộ ngành có liên quan, gồm có Luật phòng cháy chữa cháy, Luật An toàn và Vệ sinh lao động, Luật người khuyết tật, cùng với các Quy định về vệ sinh trường học (Bộ Y tế), Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường [H9.09.05.01]. Từ đó, trường ĐHSP Hà Nội đã đưa ra Quy định về An toàn, vệ sinh lao động, quy định về phòng cháy chữa cháy. Đồng thời nhà trường cũng thành lập ban phòng cháy chữa cháy, ban an toàn – vệ sinh lao động để giám sát và thực hiện công tác về PCCC và an toàn vệ lao động trong toàn trường. giúp ngăn ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ công nhân viên chức và người học, góp phần cải thiện và nâng cao hiệu quả công tác [H9.09.05.02].

Nhà trường luôn chú ý đến công tác PCCC. Tại các giảng đường đều có nội quy về phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.03]. Ở từng tầng của các tòa nhà đều hộp tủ chữa cháy vách tường với các thiết bị cứu hỏa cần thiết như vòi xịt, bình xịt...nhằm bảo đảm ứng phó với các tình huống hỏa hoạn bất ngờ [H9.09.05.04]. Hàng năm, nhà trường cũng tiến hành tập huấn phòng cháy chữa cháy để nâng cao ý thức và khả năng phản ứng phòng, chữa cháy của cán bộ và học sinh sinh viên. [H9.09.05.05, H9.09.05.06].

Nhà trường có các phòng ban được giao nhiệm vụ chuyên trách về công tác môi trường, an toàn, sức khỏe như Phòng Quản trị, Phòng Bảo vệ, Trạm y tế [H9.09.05.07].

Trạm y tế trường với một đội ngũ cán bộ y tế thường xuyên túc trực để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ cũng như học sinh, sinh viên [H9.09.05.08]. Hàng năm nhà trường đều liên kết với các bệnh viện lớn trong thành phố để Tổ chức khám sức khỏe cho Cán bộ, công nhân viên và sinh viên trong toàn trường, nhờ đó giúp họ đảm bảo sức khỏe để yên tâm công tác [H9.09.05.09]. Đặc biệt trong các trường hợp khẩn cấp như dịch Sars, N-Covid 19, trường có các văn bản hướng dẫn và có những điều chỉnh kịp thời trong lịch

dạy, học và làm việc để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người học cũng như đội ngũ cán bộ công nhân viên [H9.09.05.10].

Về mặt vệ sinh môi trường, nhà trường luôn cố gắng và đảm bảo xây dựng môi trường học tập lành mạnh, xanh-sạch-đẹp. Trường có kí kết với công ty Vệ sinh môi trường cung cấp đội ngũ nhân viên vệ sinh chuyên trách làm công tác dọn vệ sinh chung tại khuôn viên Trường, các giảng đường, thư viện, ... Việc làm vệ sinh tại phòng học được thực hiện sau mỗi buổi học [H9.09.05.11]. Tuy nhiên, công tác vệ sinh tại các phòng học đôi lúc còn chậm, gây ảnh hưởng đến các lớp học sau. Theo định kì, các giảng đường, các khu vực làm việc của cán bộ đều được phun thuốc diệt côn trùng có hại. Đồng thời trường tiến hành giám sát, kiểm tra đánh giá công tác vệ sinh môi trường [H9.09.05.12]. Nhờ đó nhà trường kịp thời phát hiện những lần chậm trễ trong công tác vệ sinh các giảng đường, gây ra khó chịu cho cán bộ cũng như học sinh sinh viên và có biện pháp nhắc nhở, xử lý. Cuối mỗi kì nhà trường đều có hoạt động tổng kết, đánh giá công tác y tế và vệ sinh môi trường nhằm tìm ra những ưu, khuyết điểm và rút kinh nghiệm cho các kì sau [H9.09.05.13]. Đồng thời các tòa nhà và công trình xây dựng trong trường cũng phải được xây dựng thỏa mãn các tiêu chí về Phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.14].

Phòng bảo vệ được giao nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự trong toàn trường [H9.09.05.07], cán bộ phòng bảo vệ được phân công túc trực 24/24 nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản cho các phòng làm việc, phòng thực hành, phòng nghiên cứu, các khu giảng đường, kí túc xá. Trong những năm gần đây, công tác đảm bảo an ninh trật tự luôn được phòng bảo vệ thực hiện tốt. Điều này cũng được đại đa số sinh viên tốt nghiệp đánh giá cao [H9.09.05.15; H9.09.05.16].

Trong những năm gần đây, trong công tác xây dựng, Nhà trường đã có chú trọng đến những vấn đề đặc thù của người khuyết tật như: bố trí thang máy tại một số tòa nhà để người khuyết tật có thể đi lại dễ dàng hơn. Ở một số tòa nhà như nhà K và kí túc xá A12, xe lăn của người khuyết tật có thể dễ dàng đi vào cầu thang máy.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Trường quan tâm đến việc vệ sinh các giảng đường sạch sẽ. Khuôn viên nhà trường cũng được trang trí nhiều cây xanh, các thùng phân loại rác... tạo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Sinh viên được hướng dẫn đầy đủ việc thực hiện vệ sinh phòng bệnh, rửa tay, đeo khẩu trang... khi có dịch bệnh. Đồng thời nhà trường có những hướng dẫn nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả trong các trường hợp khẩn cấp khác.

3. Điểm tồn tại

Đôi lúc việc dọn vệ sinh, đặc biệt tại các giảng đường chưa được kịp thời, gây khó chịu và ảnh hưởng đến người khác. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đôn đốc việc làm vệ sinh các giảng đường, tuyên truyền sinh viên giữ vệ sinh chung - Lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	Phòng quản trị, Trường ĐHSPHN	Thường xuyên, liên tục	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh môi	Trường ĐHSPHN	Thường xuyên, liên tục	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận Tiêu chuẩn 9:

Trường ĐHSP Hà Nội đã cố gắng trang bị cho sinh viên của mình một môi trường học tập lành mạnh với khuôn viên rộng rãi, nhiều cây xanh. Hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng nghiệp vụ, trung tâm thông tin thư viện, hệ thống công nghệ thông tin... đều được trang bị các máy móc trang thiết bị hiện đại. Mặc dù có một bộ phận đã cũ hoặc chưa đầy đủ nhưng nhìn chung cơ sở vật chất của trường đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của việc dạy và học, thực hành và nghiên cứu. Do đó, đây vẫn luôn là nơi chấp cánh cho ước mơ nghề giáo với hầu hết các sinh viên đã và đang học tập dưới mái trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Đánh giá tiêu chuẩn 9:

Tiêu chuẩn 9	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 9.1					5		
Tiêu chí 9.2					5		
Tiêu chí 9.3					5		
Tiêu chí 9.4					5		
Tiêu chí 9.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5						

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường ĐHSPHN rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến nhằm đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo cũng như NCKH của nhà trường. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học nhằm đáp ứng CDR và nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả:

Trường ĐHSPHN có Trung tâm Đảm bảo Chất lượng là đầu mối và có trách nhiệm thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan để làm cơ sở tham mưu cho Ban Giám hiệu trong hoạt động đảm bảo chất lượng Nhà trường. Trung tâm thực hiện việc lấy thông tin phản hồi theo quy trình đã xây dựng và kết quả thu được là căn cứ để thiết kế, phát triển chương trình đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của trường [H10.10.01.01], H10.10.01.02].

Chương trình đào tạo của nhân Sư phạm tiếng Anh được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10. 01.03] theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, TS và thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học. Trong quá trình thiết kế và xây dựng chương trình đào tạo, ngoài sử dụng các ý kiến phản hồi do TTĐBCL thu thập, khoa tiếng Anh cũng triển khai thu thập các ý kiến của các giảng viên và cán bộ quản lý cũng như tham khảo ý kiến của chuyên gia đầu ngành trong nước [H10.10.01.04]. Hàng năm, TT và khoa đều lấy ý kiến, thu thập thông tin phản hồi tích cực từ phía cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên, bằng phiếu điều tra được thực hiện một cách chính thức và có hệ thống; các thông tin phản hồi được phân tích, đánh giá làm căn cứ để thiết kế, rà soát, điều chỉnh,

cải tiến và phát triển chương trình đào tạo [H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06; H10.10.01.07; H10.10.01.08; H10.10.01.09; H10.10.01.10]. Khoa tiếng Anh cũng thông qua các hoạt động mở như “Ngày hội việc làm”, “Một ngày trải nghiệm là sinh viên ĐHSPHN” để phổ biến và xin ý kiến về chương trình đào tạo cũng như quảng bá hình ảnh của khoa và trường [H10.10.01.11; H10.10.01.12].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng để tổng hợp, rà soát, chỉnh sửa CTĐT, CTDH nhằm giúp nhà trường có CTĐT đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội và tăng khả năng tìm được việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.13; H10.10.01.14; H10.10.01.15].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đơn vị chuyên trách thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan và thông tin phản hồi được sử dụng để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo. Đồng thời Khoa Tiếng Anh cũng chủ động thu thập ý các ý kiến của các giảng viên và cán bộ quản lý cũng như tham khảo ý kiến của chuyên gia đầu ngành trong nước thông qua các hình thức như phỏng vấn, sử dụng phiếu điều tra, đối thoại trực tiếp...vv

3. Tồn tại:

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được thực hiện với số lượng đồng đẳng các sinh viên đã tốt nghiệp và các nhà tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhiều sinh viên đã tốt nghiệp và nhiều nhà tuyển dụng hơn để có thêm thông tin về việc đánh giá chất lượng sản phẩm đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động để có hướng	Ban chủ nhiệm, bộ phận hành chính	Từ năm học 2020-2021	

		cải tiến chương trình đào tạo phù hợp.			
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường phân tích các thông tin phản hồi tích cực từ phía cán bộ quản lí, giảng viên, sinh viên, thông qua các phiếu điều tra; để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo nước thông qua các hình thức như phỏng vấn, sử dụng phiếu điều tra, đối thoại trực tiếp...vv -Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV - Duy trì họp HĐKH Trường/Khoa thường xuyên - Thường xuyên rà soát CTĐT 	Ban chủ nhiệm, bộ phận hành chính	Năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

CTĐT được thiết lập một cách rõ ràng căn cứ vào CDR ngành Sư phạm Tiếng Anh, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.02.01]. Để phát triển CTĐT, Nhà trường có một qui trình chặt chẽ từ khâu thiết kế cho đến phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình gắn

liên với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT Bộ GDĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.02.02].

Cụ thể, việc thiết kế, phát triển chương trình gồm 6 bước như sau:

Bước 1: Hiệu trưởng Nhà trường đã thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo cấp trường, giao cho khoa và các đơn vị liên quan thực hiện việc khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo bằng nhiều hình thức thông qua tổ chức ngày hội việc làm cho sinh viên; tổ chức cho sinh viên giao lưu với các nhà tuyển dụng... [H10.10.02.03; H10.10.02.04];

Bước 2: Từ kết quả khảo sát trên và căn cứ vào sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của trường và nhiệm vụ được nhà nước giao, Nhà trường và Khoa Tiếng Anh tiến hành họp hội đồng khoa học của khoa để xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra [H10.10.02.05];

Bước 3: Nhà trường và Khoa Tiếng Anh đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo [H10.10.02.06]; Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định [H10.10.02.01];

Bước 4: Nhà trường tổ chức tọa đàm lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo [H10.10.02.07]; Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng [H10.10.02.08; H10.10.02.01];

Việc đánh giá, cập nhật và cải tiến nội dung chương trình dạy học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động cũng được khoa và trường cùng đội ngũ thanh tra làm đúng quy trình, chú trọng rà soát, cập nhật bổ sung, chỉnh sửa việc này được thực hiện sau mỗi khóa đào tạo. Kể từ khi thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ (năm học 2009 - 2010) đến nay trường đã 2 lần

chỉnh sửa chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo chính quy nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan vào các năm 2014 và 2018 [H10.10.02.01].

Bước 5: Trước khi điều chỉnh CTĐT, Nhà trường thành lập ban nghiên cứu, đánh giá CTĐT hiện hành để xem xét điều chỉnh, rà soát lại CTĐT và hệ thống giáo trình [H10.10.02.09]

Bước 6: Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của sinh viên năm cuối, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng về CTĐT hiện hành [H10.10.02.10; H10.10.02.11]; tổ chức ngày hội việc làm có sự tham gia của các nhà tuyển dụng... [H10.10.02.04] đó là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động [H10.10.02.01].

Việc thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế đã được thực hiện [H10.10.02.12].

CTDH đã được cải tiến sau rà soát, đánh giá. Nội dung CTDH đã được bổ sung môn Tiếng Anh Thương mại và Tiếng Anh Ngân hàng. Ngoài ra, môn học Thuyết trình Tiếng Anh đã được đổi tên phù hợp hơn thành Diễn thuyết trước công chúng [H10.10.02.01].

2. Điểm mạnh

Việt thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập căn cứ vào thông tin phản hồi của người học, giảng viên và nhu cầu của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa cần mời các chuyên gia để đánh giá chương trình đào tạo định kỳ hàng năm.	Khoa Tiếng Anh	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục gửi phiếu đánh giá chương trình đào tạo đến các bên liên	Khoa Tiếng Anh	Từ năm học 2020-2021	

		quan để lấy ý kiến phản hồi.			
--	--	---------------------------------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả:

Đào tạo theo tín chỉ là bước đổi mới, quá trình này đòi hỏi sự thay đổi trong nhận thức của cả thầy và trò. Sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn phương pháp tư duy cũng như cách tiếp cận và chiếm lĩnh tri thức và giảng viên phải chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ cho sinh viên từ mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập... và tổ chức cho sinh viên tự học tập theo sự định hướng của mình. Bộ giáo dục đã ra thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT (ngày 16/04/2015) qui định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo và quy trình xây dựng thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H10.10.03.01]. Đến ngày 10/10/2017 Bộ giáo dục ra thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Đại học và phân loại thống kê, bổ sung các ngành mới vào danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV. Căn cứ các ngành được phép đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học chủ động phát triển các chuyên ngành đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.03.01]. Nhận thức được điều đó, Khoa Tiếng Anh đã rà soát và đánh giá quá trình dạy và học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh một cách thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Trên cơ sở quyết định ngày 7/12/2017, Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội đã ban hành quyết định số 9779/QĐ – HTĐHSP – ĐT về “Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP Hà Nội”, Ban chủ nhiệm Khoa Tiếng Anh cũng đã ra văn bản về nâng cao chất lượng dạy và học, trong đó có quy định về rà soát hoạt động dạy học cũng như đánh giá kiểm tra, kết quả học tập của sinh viên theo cơ chế đào tạo tín chỉ. Trong đó có quy định về rà soát hoạt động dự giờ, đánh giá giờ giảng của giảng viên trong khoa để các giảng viên có thể học hỏi, tự đánh giá về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu mục tiêu chương trình môn học [H10.10.03.01]. Đến ngày 10/10/2017 Khoa phổ biến qui chế đào tạo mới nhất cho toàn bộ cán bộ, giảng viên, sinh viên của khoa để thực hiện qui chế đào tạo một cách nghiêm

túc nhất. Các thầy (cô) nắm vững các hình thức kiểm tra, đánh giá theo qui chế đào tạo tín chỉ của trường và có những phương án đánh giá sinh viên qua môn học mình phụ trách một cách chính xác và công tâm [H10.10.03.02].

Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo nhiều hình thức khác nhau, cụ thể: Hàng năm, Khoa và công đoàn khoa phát động phong trào dự giờ, từ đó các tổ tổ chuyên môn lập kế hoạch phân công giảng viên tham gia dự giờ dạy của các giảng viên trong tổ để tiếp thu những giờ dạy tốt, cùng góp ý và đánh giá **cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng** để giờ dạy của các thầy (cô) trong tổ ngày càng có chất lượng cao hơn. [H10.10.03.03]. Vào đầu mỗi học kỳ Ban chủ nhiệm khoa họp với các cố vấn học tập của các khóa, lắng nghe ý kiến phản ánh của các cố vấn học tập về tình hình của sinh viên để có các chỉ đạo cụ thể của từng khóa để giúp sinh viên hoàn thành các việc học tập trong năm học một cách tốt nhất [H10.10.03.04]. Bên cạnh đó, **kết thúc mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL của trường đều phối hợp cùng Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.05], [H10.10.03.06].** Tuy nhiên, kết quả khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa được xem là 1 tiêu chí trong xếp loại bình bầu thi đua khen thưởng cán bộ hàng năm.

Quá trình đánh giá kết quả học tập của người học cũng được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích với CĐR. **Quá trình xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu và CĐR học phần và được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy chế đào tạo tín chỉ của trường, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: ý thức học tập (chuyên cần, thái độ), đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 60%. Điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được giảng viên công bố công khai ngay khi kết thúc học phần tại lớp học phần [H10.10.03.01], [H10.10.03.02], [H10.10.03.07].** Các hình thức đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của sinh viên, **hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên nhằm đáp**

ứng mục tiêu học phần, bao gồm: thi viết, làm bài tiểu luận cá nhân, nhóm, vấn đáp... [H10.10.03.02]. Kết quả học tập của sinh viên còn được đánh giá qua hình thức làm khóa luận tốt nghiệp, thực tập sư phạm và các sản phẩm học tập của sinh viên [H10.10.03.08]. Hiện nay, chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Tiếng Anh sử dụng hình thức “bảo vệ khóa luận hoặc học môn thay thế tốt nghiệp” để kết thúc khóa học. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoàn thành 100%, sinh viên học môn thay thế tốt nghiệp cũng hoàn thành 100% đáp ứng với chuẩn đầu ra. [H10.10.03.09]

Ban thanh tra giáo dục của trường, khoa thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của giảng viên và nề nếp học tập của sinh viên [H10.10.03.05]. Những ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV sau khi kết thúc học phần là cơ sở để các tổ bộ môn và Khoa Tiếng Anh điều chỉnh PPGD và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập [H10.10.03.05], [H10.10.03.06].

2. Điểm mạnh:

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Giảng viên đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu chương trình đào tạo hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối khóa, bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp, môn học thay thế tốt nghiệp và thực tập sư phạm hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

3. Điểm tồn tại:

Kết quả khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa được xem là 1 tiêu chí trong xếp loại bình bầu thi đua khen thưởng cán bộ hàng năm

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ nghiên cứu, xem xét sử dụng kết quả khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt	Khoa Tiếng Anh	Từ năm học 2020-2021	

		động giảng dạy của giảng viên như là 1 tiêu chí trong xếp loại bình bầu thi đua khen thưởng cán bộ hàng năm.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	Khoa Tiếng Anh	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học

1. Mô tả:

Nghiên cứu khoa học được khoa tiếng Anh coi là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của toàn thể cán bộ, giảng viên trong khoa đặc biệt là các đề tài nghiên cứu ứng dụng vào thực tế giảng dạy tại khoa. Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt GV trẻ tham gia chủ nhiệm đề tài các cấp, có nhiều GV trẻ đã là chủ nhiệm đề tài trọng điểm cấp trường và các đề tài khác thiết thực cho việc dạy và học. [H10.10.04.01; H10.10.04.02]. Đồng thời, khoa cũng chú trọng việc khuyến khích các sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Khoa thường xuyên tổ chức hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học và hội nghị nghiên cứu khoa học cho cán bộ trẻ hàng năm. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học được vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành và được cộng điểm vào môn học chuyên ngành nếu điểm bài tập môn học đạt loại giỏi trở lên. Sinh viên của khoa tiếng Anh có những nghiên cứu xuất sắc đã được chọn tham gia Hội nghị

sinh viên nghiên cứu khoa học của toàn trường do Đoàn thanh niên Trường tổ chức [H10.10.04.03; H10.10.04.04; H10.10.04.05; H10.10.04.06; H10.10.04.07]. Tất cả SV đều được giới thiệu các giảng viên trong khoa có thể hướng dẫn các chuyên ngành của các môn học và khoá luận tốt nghiệp [H10.10.04.08; H10.10.04.09; H10.10.04.10; H10.10.04.11]. Bên cạnh đó, khoa tiếng Anh không ngừng khích lệ toàn thể giảng viên tham gia các hội thảo trong và ngoài nước [H10.10.04.12; H10.10.04.13; H10.10.04.14; H10.10.04.15].

Khoa cũng tổ chức khoá tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra đánh giá cho giảng viên trẻ và nhiều giảng viên đã áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo sinh viên. Thành quả nghiên cứu khoa học được áp dụng vào hoạt động dạy và học là sinh viên biết vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành; đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo đặc biệt hội thảo quốc tế Vietesol 2015 [H10.10.04.16; H10.10.04.17; H10.10.04.18]

Các bài báo của khoa cũng như các đề tài nghiên cứu đều tập trung vào các vấn đề cấp thiết của khoa đề hướng tới nâng cao chất lượng dạy và học [H10.10.04.19].

Bảng 1: thống kê các đề tài NCKH của khoa trong 5 năm theo giai đoạn đánh giá từ 2015-2019 theo bảng.

Năm	Đề tài các cấp			Bài báo		Sách	
	Cấp trường	Cấp Bộ	Cấp Nhà nước	Trong nước	Nước ngoài	Giáo trình	Tham khảo
2015	01	0	0				
2016	0	0	0				
2017	01	0	0				
2018	03	0	0				
2019	02	0	0	71	15	8	42

Bảng 2: Đề tài NCKH được chuyển thể thành giáo trình tài liệu phục vụ giảng dạy

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm	Sản phẩm chuyển thể thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT
----	-----------------------	-----	--

1	Xây dựng chương trình chi tiết và Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành cho các khoa: Lịch sử, Việt Nam học, Công tác xã hội của Trường ĐHSPHN	2015	3 bộ giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành cho các khoa: Lịch sử, Việt Nam học, Công tác xã hội của Trường ĐHSPHN
2	Ảnh hưởng của nhóm giáo viên tích cực đối với sự phát triển bản sắc chuyên môn của giáo viên-Nghiên cứu điển hình tại Bộ môn Thực hành tiếng-Khoa tiếng Anh-ĐHSPHN	2018-2019	Nhóm nghiên cứu đã áp dụng vào nâng cao bản sắc chuyên môn của giáo viên của Bộ môn Thực hành tiếng-Khoa tiếng Anh-ĐHSPHN
3	Xây dựng mô hình công đồng học tập tiếng Anh cho sinh viên không chuyên	2017	Giúp xây dựng các Câu lạc bộ gia sư, câu lạc bộ tiếng Anh
4	Đánh giá theo chuẩn năng lực trong đào tạo giáo viên ở đại học-nhận thức từ góc nhìn của giảng viên	2019	Nâng cao năng lực của giảng viên và các nhà quản lý trong đào tạo giáo viên ở đại học

Khoa đã áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học vào các năm học 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020 và các năm học tiếp theo cho tất các đối tượng đào tạo đặc biệt là cho các hệ sinh viên hệ sư phạm tiếng Anh và các khoa có các đề tài có sản phẩm là các bộ giáo trình tiếng Anh chuyên ngành như sinh viên hệ sư phạm các khoa Công tác xã hội, khoa Lịch sử, khoa Việt Nam học [H10.10.04.01; H10.10.04.13; H10.10.04.19].

2. Điểm mạnh:

Các GV tích cực tham gia nghiên cứu khoa học các cấp (cấp trường, cấp Bộ, cấp nhà nước). Trường và khoa có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo. Các bài báo của khoa cũng như các đề tài nghiên cứu đều tập trung vào các vấn đề cấp thiết của khoa và hướng tới nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm tồn tại:

Nhiều trang thiết bị hiện đại nhất phục vụ cho công tác NCKH của SV chưa có số được lượng lớn. Thời gian dành cho NCKH của sinh viên theo thiết kế chương trình còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường đầu tư trang bị số lượng nhiều hơn các máy móc hiện đại nhất để phục vụ cho NCKH. Khoa tiếng Anh nên phối hợp khoa bạn như khoa Giáo dục tiểu học, Giáo dục Mầm non, Việt Nam học, Ngữ Văn, Lịch sử... để mở rộng, trao đổi hình thành các nhóm nghiên cứu khoa học liên khoa. - Có kế hoạch bồi dưỡng, hướng dẫn sv làm NCKH ngay khi SV học năm thứ	Ban chủ nhiệm, bộ phận hành chính	Năm học 2020-2021	

		nhất, thứ 2			
2	Phát huy điểm mạnh	Có hình thức tuyên dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân cho các nhóm NCKH có chất lượng tốt . Khích lệ kịp thời năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên và giảng viên.	Ban chủ nhiệm, bộ phận hành chính	Năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả:

Tất cả chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH.

Năm 2018, TT ĐBCL Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua chức năng, nhiệm vụ của TT ĐBCL [H10.10.05.01]. Quy trình cụ thể như sau:

- **Bước 1: Tổ chức thu thập thông tin**
 - TTĐBCL chuẩn bị phiếu khảo sát; ban hành văn bản chỉ đạo triển khai khảo sát phản hồi của người học đối với các dịch vụ giáo dục của Trường ĐHSPHN
 - TTĐBCL chỉ đạo, phối hợp với các bộ phận liên quan để triển khai khảo sát sự phản hồi của người học đối với dịch vụ giáo dục của Trường ĐHSPHN
- **Bước 2: Xử lý thông tin và phân tích kết quả**
 - Phân loại phiếu: sau khi thu phiếu khảo sát, TTĐBCL tiến hành phân loại để có được các phiếu có giá trị thống kê
 - Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu thu thập được

- Phân tích kết quả
- **Bước 3: Viết báo cáo tổng hợp kết quả từ các thông tin thu thập được**
- **Bước 4: Thẩm định báo cáo tổng hợp kết quả**
- **Bước 5: Phổ biến cho các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đào tạo của nhà trường, vì vậy Trường ĐHSPHN luôn quan tâm đầu tư và có đơn vị chuyên trách để thực hiện việc rà soát, đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích đó. TTCNTT phụ trách chất lượng hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống mạng của trường; Phòng Quản trị phụ trách chất lượng về cơ sở vật chất của trường (các tòa nhà, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành,...); Trung tâm Thông tin - Thư viện (TTTT-TV) phụ trách về thư viện; Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm phụ trách rèn luyện nghề cho SV sư phạm; Phòng CTCT-HSSV phụ trách công tác tư vấn người học, công tác sinh viên; Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phụ trách các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa.... [H10.10.05.01].

Nhà trường có một TTTT-TV khang trang, độc lập, với diện tích 5881m² xây dựng, 1200 chỗ ngồi và được bố trí hợp lý các phòng làm việc, phòng chức năng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của bạn đọc với nhiều loại hình tài liệu và phương tiện lưu trữ thông tin như: tài liệu truyền thống và tài liệu điện tử [H10.10.05.02]. Nhà trường thường xuyên quan tâm đến việc trang bị tài liệu học tập, luôn ý thức đẩy mạnh xây dựng nguồn tài liệu, giáo trình học tập đa dạng phong phú, từ dạng tài liệu truyền thống đến tài liệu điện tử nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu không những cho giảng viên, sinh viên, nghiên cứu sinh trong trường mà còn cả bạn đọc ngoài trường [H10.10.05.03]. TTTT-TV đã triển khai công tác hướng dẫn sử dụng thư viện số, cách tra cứu tài liệu cũng như giới thiệu hệ thống ProQuest thân thiện và giúp người sử dụng thư viện tiết kiệm thời gian và tra cứu được các tài liệu tham khảo cập nhật theo cách khoa học [H10.10.05.04; H10.10.05.05; H10.10.05.06; H10.10.05.07; H10.10.05.08].

Hàng năm, TTTT-TV tiến hành rà soát, kiểm kê và đánh giá nguồn tài liệu phục vụ giảng viên và sinh viên để kịp thời có kế hoạch mua sắm bổ sung [H10.10.05.03], [H10.10.05.09; H10.10.05.10; H10.10.05.11]. TTTT-TV thường xuyên tổ chức ngày hội sách cho sinh viên toàn trường, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý

kiến góp ý của bạn đọc về chất lượng dịch vụ của thư viện. Kết quả thăm dò lấy ý kiến là cơ sở để TTTT-TV cải tiến chất lượng phục vụ ngày một tốt hơn [H10.10.05.12].

Cơ sở vật chất của giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị dạy học và hệ thống công nghệ thông tin... của trường ĐHSPHN cũng được đầu tư đồng bộ, đầy đủ, hiện đại đáp ứng được mục tiêu đào tạo. Chất lượng phục vụ được định kỳ rà soát, sửa chữa, nâng cấp để đáp ứng công tác đào tạo [H10.10.05.12; H10.10.05.13; H10.10.05.14; H10.10.05.15]. Các phòng thí nghiệm đều có sổ ghi nhật ký theo dõi hoạt động thiết bị sử dụng nhằm giúp nhà trường đánh giá, theo dõi được tần suất sử dụng và kịp thời sửa chữa, nâng cấp khi có vấn đề [H10.10.05.16].

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường cơ bản đáp ứng tốt các yêu cầu trong hoạt động quản lý và điều hành online. Tất cả các máy vi tính trong toàn Trường được nối mạng Internet 24/24 giờ. Mỗi cán bộ, giảng viên và sinh viên đều có tài khoản để truy cập Internet miễn phí trong nội bộ khuôn viên Nhà trường [H10.10.05.17; H10.10.05.18; H10.10.05.19; H10.10.05.20]. Trường đã đầu tư hạ tầng, thiết bị CNTT và truyền thông phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng trực tuyến và thực hành giảng dạy ảo, đầu tư hiện đại các phòng học và hệ thống truyền hình trực tuyến, hệ thống họp trực tuyến tại địa chỉ <http://lms.hnue.edu.vn> [H10.10.05.21].

Công tác duy tu, bảo trì hệ thống công nghệ thông tin luôn được Trường quan tâm bằng cách xây dựng các quy chuẩn trong quản lý hành chính, thủ tục, hướng đến xây dựng một hệ thống thông tin tổng thể; Định kỳ bảo trì, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống CNTT nhằm tăng khả năng vận hành và tính ổn định của hệ thống và thực hiện thường xuyên đáp ứng cho cán bộ, giảng viên, người học, sử dụng hiệu quả hệ thống CNTT; [H10.10.05.22; H10.10.05.23; H10.10.05.24]. Đặc biệt, trường chú trọng sử dụng các phần mềm chuyên dụng có bản quyền để phục vụ công tác chuyên môn cho hoạt động của các phòng, ban, trung tâm nhằm tăng tính an toàn khi sử dụng các phần mềm, trong đó có một số phần mềm luôn được duy trì sử dụng như phần mềm tường lửa... [H10.10.05.25]. Nhà trường luôn có kế hoạch kiểm kê, báo cáo kế hoạch tình hình sử dụng trang thiết bị, CSVC và xây dựng kế hoạch định hướng cho năm sau nhằm đáp ứng tốt công tác đào tạo [H10.10.05.26; H10.10.05.15].

Nhà trường cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên trong toàn trường về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ để làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ [H10.10.05.27]. Tuy nhiên, hình thức khảo sát hiện nay là bằng cách phiếu khảo sát chứ chưa xây dựng

được kênh phản hồi và đánh giá về chất lượng phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ bằng hình thức online.

2. Điểm mạnh:

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) của trường ĐHSPHN được đánh giá, cải tiến kịp thời và đầy đủ. Thư viện, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị dạy học... được đầu tư đồng bộ, đầy đủ, hiện đại đáp ứng được mục tiêu đào tạo. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt các yêu cầu trong hoạt động quản lý và điều hành online.

3. Điểm tồn tại:

Chưa xây dựng được kênh phản hồi và đánh giá về chất lượng phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ bằng hình thức online và cần thêm sự đánh giá góp ý của các cán bộ hành chính.

4. Kế hoạch hành động:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng được kênh phản hồi và đánh giá về chất lượng phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ bằng hình thức online - Thêm sự đánh giá góp ý của các cán bộ hành chính.	Trường ĐHSPHN	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì tốt chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích	Trường ĐHSPHN	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội Trường ĐHSPHN giao cho Trung tâm ĐBCL là đơn vị đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về các hoạt động của

nhà trường; tham mưu cho nhà trường việc sử dụng các thông tin phản hồi đó trong việc phát triển chương trình dạy học, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của người học [H10.10.06.01].

Việc thu thập thông tin được tiến hành một cách có hệ thống dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.02].

Trung tâm ĐBCL phối hợp cùng khoa Tiếng Anh thực hiện công tác định kỳ lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác giảng dạy của GV tiến hành 2 lần/năm học sau khi thi kết thúc học phần [H10.10.06.03]; Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng ngành/ khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm sau khi SV năm cuối kết thúc thi tốt nghiệp cuối khóa [H10.10.06.04]; Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm [H10.10.06.05]. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) về chương trình đào tạo; Lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính; Lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công [H10.10.06.06; H10.10.06.07; H10.10.06.08].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy. Kết quả phản hồi thu được là căn cứ để trường đã tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh cải tiến chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.06.09; H10.10.02.05; H10.10.02.12]. Đặc biệt những ý kiến của sinh viên sau tốt nghiệp khi đã và đang đi làm trong môi trường làm việc thực tế đưa ra những ý kiến về về sự hữu ích của các kiến thức đã học được khi còn ngồi trên ghế Nhà trường và những ý kiến đóng góp của họ rất hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả đào tạo của trường [H10.10.06.09]

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá, rà soát và cải tiến định kỳ. Hàng năm, Trung tâm ĐBCL tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.10]

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập và có tính hệ thống, được điều chỉnh và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Cần đa dạng hơn nữa trong các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan	Khoa Tiếng Anh	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được điều chỉnh và cải tiến thường xuyên hơn.	Khoa Tiếng Anh	Từ năm học 2020-2021	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

- *Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:* Chương trình đào tạo hệ sinh viên sư phạm của Khoa tiếng Anh được đánh giá khá tích cực với sự hài lòng của các bên liên quan. Điểm mạnh của chương trình nằm ở nội dung chương trình, đánh giá kết quả của người học, đội ngũ giảng viên và chất lượng sản phẩm đào tạo. Trung tâm khảo thí và kiểm định chất lượng của Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Khoa tiếng Anh đã thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các nhà tuyển dụng một cách hệ thống và phù hợp. Trung tâm khảo thí và kiểm định chất lượng của Trường và Khoa tiếng Anh chủ động thu thập ý các ý kiến của các giảng viên và cán bộ quản lý cũng như tham khảo ý kiến của chuyên gia đầu ngành trong nước thông qua các hình thức như phỏng vấn, sử dụng phiếu điều tra, đối thoại trực tiếp...vv nhằm nâng cao chất lượng chương trình và hiệu quả đào tạo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập và có tính hệ thống, được điều chỉnh và cải tiến.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Giảng viên đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu chương trình đào tạo hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc thông qua điểm giữa kỳ, điểm

chuyên cần và bài thi cuối khoá, bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp, môn học thay thế tốt nghiệp và thực tập sư phạm hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

Trang thiết bị và các cơ sở vật chất khác của đơn vị đã đáp ứng được các yêu cầu của công tác đào tạo của chương trình đào tạo hệ sinh viên sư phạm. Các quy định về việc quản lí và bảo vệ những tài sản này cũng đã được thực hiện rất chặt chẽ và nghiêm túc. Trong giảng dạy, giảng viên thường tổ chức các hoạt động cho SV 100% tham gia thảo luận, yêu cầu SV làm bài tập cá nhân và nhóm ... thông qua đó có sự đánh giá thường xuyên kết quả của người học. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài thi cuối khoá, bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp và thực tập sư phạm.

Đội ngũ GV có trình độ cao được đào tạo ở nước ngoài hướng dẫn SV NCKH khá nhiều. Thông qua hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học, các GV có kiến thức thực tiễn đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân, có cơ hội phát triển thành các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (cấp trường, cấp Bộ, cấp nhà nước)

- *Tồn tại:* Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về CTĐT chưa thực hiện với số lượng lớn. Quá trình xây dựng chương trình, sự tham gia trực tiếp của các nhà tuyển dụng, cựu học viên còn hạn chế về số lượng, mà mới chỉ dừng ở mức độ thăm dò ý kiến qua phiếu hỏi. Chương trình đào tạo chưa được lấy ý kiến đánh giá trên diện rộng của các chuyên gia. Chưa xây dựng được kênh phản hồi và đánh giá về chất lượng phục vụ của các dịch vụ hỗ trợ bằng hình thức online. Chưa đa dạng trong các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Đánh giá tiêu chuẩn 10:

Tiêu chuẩn 10	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 10.1					5		
Tiêu chí 10.2				4			
Tiêu chí 10.3					5		
Tiêu chí 10.4					5		
Tiêu chí 10.5				4			
Tiêu chí 10.6				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.5						

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Việc đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Khoa nói riêng và nhà trường nói chung. Là một trường Sư phạm trọng điểm của cả nước, nhà trường là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho cả nước. Ngành Sư phạm tiếng Anh là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Hàng năm Nhà trường và Khoa đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Thêm vào đó, các hoạt động nghiên cứu khoa học cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng..

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Khoa bắt đầu đào tạo chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh từ năm 2002 (K52). Tính đến nay, Khoa đã đào tạo đến khóa 18 (K69). Trong giai đoạn đầu, Khoa chủ yếu đào tạo lượng sinh viên với quy mô nhỏ, từ một đến hai lớp một khóa. Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo của khoa đã được mở rộng do nhu cầu của xã hội cũng như những đánh giá tích cực từ phía các nhà tuyển dụng.

Có bộ phận/ quy trình để thống kê

Để có thể xác lập và giám sát được tỷ lệ sinh viên thôi học và sinh viên tốt nghiệp, trước hết, nhà trường có Phòng đào tạo là bộ phận chuyên trách quản lý theo dõi quá trình học tập, tốt nghiệp, thôi học... của sinh viên toàn trường [H11.11.01.01]. Dựa trên quy chế về đào tạo, Khoa đã liên hệ chặt chẽ với phòng đào tạo để giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học cũng như sử dụng phần mềm quản lý đào tạo của nhà trường để trợ giúp cho việc theo dõi quá trình học của sinh viên [H11.11.01.02].

Hàng năm khoa thực hiện công tác thống kê danh sách tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học theo các quy trình và hướng dẫn của phòng đào tạo. Cụ thể là lập danh sách sinh viên

đầu vào, sinh viên bị đình chỉ, thôi học qua các học kì, lập hội đồng xét lên lớp, cảnh báo học tập với các năm 1-3 và xét tốt nghiệp đối với năm 4 cuối mỗi học kì. Từ đó, Khoa có các căn cứ, báo cáo để thống kê và lưu trữ [H11.11.01.03; H11.11.01.04; H11.11.01.05; H11.11.01.06].

Thống kê

Căn cứ vào các số liệu thu thập được, Khoa đã thiết lập được tỉ lệ sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp cũng như tỉ lệ sinh viên thôi học trong 05 trở lại đây. Thông tin cụ thể được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 11.1: Tỉ lệ % SV hoàn thành CTĐT trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Số lượng sv hoàn thành CTĐT	Tỉ lệ % sv hoàn thành CTĐT
2014-2015	72	66	91.7%
2015-2016	74	70	95.9%
2016-2017	64	62	96.9%
2017-2018	60	57	95%
2018-2019	60	58	97.3%

Bảng 11.2: Tỉ lệ % SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Số lượng sv tốt nghiệp	Tỉ lệ % SV tốt nghiệp
2014-2015	72	66	91.7%
2015-2016	74	70	95.9%
2016-2017	64	62	96.9%
2017-2018	60	57	95%
2018-2019	60	30	50%

Bảng 11.3: Tỉ lệ % sv thôi học trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Tỉ lệ % sv thôi học trong thời gian			
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo
2014 – 2015	72	0%	0%	0%	1.39%
2015 - 2016	74	0%	0%	0%	0%

2016 - 2017	64	0%	4.69%	0%	0%
2017-2018	60	0%	0%	0%	0%
2018-2019	60	1.67%	0%	0%	0%

Các số liệu thống kê trong 5 năm trở lại đây cho chúng ta thấy tỉ lệ sinh viên của Khoa hoàn thành chương trình đào tạo rất cao, đều trên 90%. Tương tự, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (trừ năm 2018-2019) cũng rất cao đều đạt trên 90%. Riêng năm học 2018-2019, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp giảm mạnh, chỉ còn 50%. Về tỉ lệ % sinh viên thôi học trong 5 năm gần đây cho thấy, tỷ lệ sinh viên thôi học của Khoa hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng sinh viên của toàn khóa; số sinh viên thôi học đa phần nằm ở năm thứ nhất và năm thứ hai, tức là những năm đầu của khóa học.

Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân sau khi có các số liệu thống kê, tỉ lệ tốt nghiệp, hoàn thành chương trình đào tạo và tỉ lệ thôi học hàng năm đều được khoa tổng kết, đánh giá, phân tích. Đồng thời Khoa cũng tiến hành tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp rút ngắn thời gian tốt nghiệp cho người học [H11.11.01.07].

Qua công tác tìm hiểu và phân tích nguyên nhân, Khoa đã rút ra một số vấn đề như sau. Trước hết, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp giảm không phải do chất lượng đào tạo giảm sút mà nguyên nhân chính là kể từ năm học 2018-2019, sinh viên ra trường muốn tốt nghiệp cần phải có chứng chỉ ngoại ngữ C1 (Theo khung tham chiếu châu Âu) hoặc IELTS 7.5 trở lên hoặc cấp độ 5 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Đây là một thách thức lớn đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh do các em chưa được làm quen với dạng thức đề thi và chưa có sự chuẩn bị kỹ càng cho việc thi chứng chỉ. Do đó, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp năm học 2018-2019 chỉ đạt 50%. Các sinh viên thôi học hoặc bị cảnh cáo học tập hàng năm là do gia đình có những định hướng khác cho các em hoặc các em có những kế hoạch cá nhân khác như đi du học. Ngoài ra, một số sinh viên có vấn đề về tài chính, sức khỏe, tâm thần, và một hai lưu học sinh Lào có những khó khăn về vấn đề ngôn ngữ và tiếp thu.

Đối sánh hàng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT

Đồng thời, tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của khoa cũng được đối sánh hàng năm. (Xem Bảng 11.1; 11.2 và 11.3 ở trên).

Thêm vào đó, khoa cũng tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của khoa với một số khoa khác trong trường, bao gồm cả khoa thuộc cùng nhóm ngành đào tạo là Khoa

học xã hội (khoa Mầm non) và khoa khác nhóm ngành đào tạo – Nhóm khoa học tự nhiên (Khoa Sinh) [H11.11.01.08]:

Bảng 11.4: Tỷ lệ % sv thôi học trong 5 năm gần đây

Khoa/ Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Khoa Tiếng Anh	1.39%	0%	4.69%	0%	1.67%
Khoa Sinh	14.3%	12.5%	20.6%	9.4%	12.7%
Khoa Mầm non	0%	0%	0.32%	0.92%	0%

Kết quả đối sánh rất khả quan khi tỉ lệ thôi học của Khoa Tiếng Anh luôn thấp hơn rất nhiều so với Khoa Sinh. So với khoa Mầm non, tỉ lệ thôi học của khoa Tiếng Anh có nhìn chung có cao hơn một chút nhưng tỉ lệ này của hai khoa đều rất thấp so với số sinh viên toàn khóa và có một số năm tỉ lệ này là 0. Đây là một kết quả rất đáng được khích lệ và phát huy.

Từ các số liệu thu thập được và từ các nguyên nhân đã được phân tích, đánh giá, Khoa đã chỉ đạo các Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của sinh viên để có những tư vấn, định hướng kịp thời. Với các sinh viên có khó khăn về tài chính, Khoa hướng dẫn các bạn xin trợ cấp khó khăn. Với các trường hợp học lực còn hạn chế, cố vấn học tập và cán bộ lớp cử các bạn học lực tốt kèm cặp, giúp đỡ. Với các trường hợp có vấn đề về sức khỏe, tâm thần, Khoa luôn động viên các bạn và hướng dẫn làm hồ sơ bảo lưu để các sinh viên này có thể quay trở lại học tập khi điều kiện sức khỏe tốt hơn. Đặc biệt, về vấn đề đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (về chứng chỉ ngoại ngữ), Khoa tăng cường sát hạch sinh viên thông qua các bài kiểm tra giữa kì và cuối kì cũng như tạo điều kiện cho sinh viên tham gia thi thử các kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học được xác lập, giám sát và đối sánh. Từ đó, khoa có những tìm hiểu, phân tích và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp. Đồng thời, tỉ lệ sinh viên thôi học rất thấp và có một số năm tỉ lệ này là 0.

3. Điểm tồn tại

Trong một năm trở lại đây, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp giảm mạnh do yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ. Nhiều du học sinh Lào chưa thể tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp với kết quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường sát hạch sinh viên, cho sinh viên tham gia thi thử các kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ Giúp đỡ các du học sinh Lào nâng cao năng lực học tập	Liên chi Đoàn. Hội đồng khoa học Khoa Liên chi Đoàn Toàn Khoa	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp Hạn chế số sinh viên thôi học	Giáo viên Khoa Tiếng Anh	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Khoa tiến hành công tác đào tạo Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh đã được hơn 15 năm. Trong suốt quá trình đào tạo, khoa đã kết hợp với Phòng Đào tạo của trường xây dựng kế hoạch đào tạo và thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học [H11.11.01.01; H11.11.01.02].

Căn cứ vào Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của nhà trường, kế hoạch đào tạo của khoa, khoa đã có những yêu cầu cụ thể về điều kiện tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp và quy trình xét tốt nghiệp cụ thể. [H11.11.02.01; H11.11.02.02]. Cụ thể, điều kiện để sinh viên có thể tốt nghiệp bao gồm:

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập;

Tích lũy đủ số học phần bắt buộc và đủ số tín chỉ tối thiểu quy định cho chương trình đào tạo.

Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quốc phòng và an ninh và có chứng chỉ giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

Hàng năm, vào cuối mỗi học kì, căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, khoa đã tiến hành xét tốt nghiệp cho sinh viên. [H11.11.02.03; H11.11.02.04]. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng kí quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên khoa tiếng Anh trong 5 khóa gần đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11.5: Thời gian tốt nghiệp trung bình

Khóa học	Số lượng sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên tốt nghiệp sau thời gian		Thời gian tốt nghiệp trung bình (tháng)	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
		48 tháng	50 tháng		
2014-2015	72	66	6	48.17	4.01
2015 -2016	74	71	3	48.08	4.01
2016-2017	64	62	2	48.06	4.01
2017 -2018	60	57	3	48.1	4.01
2018-2019	60	30	30	49	4.08

Các số liệu thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên là từ 4 năm trở lên và chưa có sinh viên nào tốt nghiệp sớm. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trong vòng 4 năm trong khoảng thời gian từ 2015-2018 đạt tỷ lệ cao (Luôn 90%). Trong năm học 2018-2019, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có xu hướng giảm mạnh (chỉ còn 50%).

Sau khi có các số liệu thống kê, Khoa tiến hành tổng kết, đánh giá, phân tích các nguyên nhân tỷ lệ tốt nghiệp giảm sút và lý do người học tốt nghiệp muộn. Một trong các nguyên nhân lớn nhất là do yêu cầu về chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một khó khăn nữa là khoa hàng năm có tiếp nhận một số lưu học sinh Lào. Những sinh viên này gặp nhiều khó khăn và rào cản về ngôn ngữ, do đó năng lực học tập của các em còn chưa tốt, nhiều lưu học sinh tốt nghiệp muộn hơn so với các bạn cùng khóa.

Ngoài ra, những nguyên nhân khác bao gồm: sinh viên học song bằng, sinh viên kết hôn và sinh con trong quá trình học.

Sau khi thống kê, khoa đã thực hiện đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học hàng năm với khoa Sinh để nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.02.06].

Bảng 11.6:

**ĐỐI SÁNH THỜI GIAN TỐT NGHIỆP TRUNG BÌNH TRONG 5 NĂM
(KHOA TIẾNG ANH VÀ KHOA SINH)**

Khoa/ năm	2015		2016		2017		2018		2019	
	Tỉ lệ % người học tốt nghiệp trong thời gian		Tỉ lệ % người học tốt nghiệp trong thời gian		Tỉ lệ % người học tốt nghiệp trong thời gian		Tỉ lệ % người học tốt nghiệp trong thời gian		Tỉ lệ % người học tốt nghiệp trong thời gian	
	4 năm	Trên 4 năm	4 năm	Trên 4 năm	4 năm	Trên 4 năm	4 năm	Trên 4 năm	4 năm	Trên 4 năm
Khoa Tiếng Anh	91.7%	8.3%	95.9%	4.1%	96.9%	3.1%	95%	5%	50%	50%
Khoa Sinh	77.8%	7,6%	80,6%	5,6%	71,4%	71,4%	83,3%	13,3%	74,5%	5,5%

Kết quả cho thấy, trong khoảng thời gian đối sánh (5 năm gần đây) tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trong khoảng thời gian 04 năm của khoa Tiếng Anh luôn cao hơn so với khoa Sinh. Điều này khẳng định rằng, tỉ lệ tốt nghiệp của khoa rất cao và rất khả quan.

Tùy vào các nguyên nhân khác nhau mà các giảng viên, cố vấn học tập và liên chi đoàn có các biện pháp hỗ trợ khác nhau như cử sinh viên học lực tốt hơn kèm cặp, hướng dẫn viết đơn xin trợ cấp, hướng dẫn xin học bổ sung... [H11.11.02.07]. Sau đó, khoa cũng đã tiến hành tổng kết đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ để có thể có những biện pháp hiệu quả nhất.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa luôn xác lập, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên. Luôn tìm hiểu, hỗ trợ những sinh viên tốt nghiệp chậm, vì vậy, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp của khoa khá cao, thời gian tốt nghiệp trung bình tốt.

3. Điểm tồn tại

Lưu học sinh Lào nhiều em còn hạn chế về năng lực học tập và tốt nghiệp muộn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường sát hạch sinh viên, cho sinh viên tham gia thi thử các kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ Giúp đỡ các du học sinh Lào nâng cao năng lực học tập.	Liên chi Đoàn. Hội đồng khoa học Khoa Liên chi Đoàn	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên giám sát, theo dõi tình hình học tập của sinh viên. Giảm thời gian tốt nghiệp trung bình.	Giảng viên trong khoa, Liên chi đoàn, Ban chủ nhiệm khoa	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để có thể tính được tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, trường Đại học Sư phạm đã có đơn vị chuyên trách là trung tâm Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát và xác lập tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Để xác lập và giám sát tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, hàng năm trung tâm ĐBCL đều có kế hoạch và kết hợp với các khoa, phòng ban trong trường thu thập thông tin về tỉ lệ việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên toàn trường [H11.11.03.02]. Về phía khoa, khoa đã cử một nhân viên văn phòng chuyên trách việc liên hệ chặt chẽ với sinh viên sau khi ra trường và phối kết hợp với Trung tâm đảm bảo chất lượng của trường để thực hiện quy trình thống kê, lưu trữ danh sách người tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, thu nhập bình quân, đơn vị công tác [H11.11.03.03]. Thêm vào đó, khoa cũng thành lập hội Cựu người học để có thể liên hệ chặt chẽ với các sinh viên sau khi ra trường [H11.11.03.04]. Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website

Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại.

Căn cứ vào báo cáo tình trạng việc làm trong 05 năm gần đây, khoa đã có thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, môi trường làm việc cụ thể như sau [H11.11.03.05; H11.11.03.06]:

Bảng 11.7: Thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Năm	Có việc làm	Chưa có việc làm nhưng học nâng cao	Chưa có việc làm	Khu vực việc làm			
				Nhà nước	Tư nhân	Liên doanh	Tự tạo việc làm
2015	87.8%	4.88%	7.32%	63.9%	33.3%	2.8%	0%
2016	95%	0	5%	45%	40%	15%	0%
2017	95.5%	1.3%	5.8%	43.9%	37.9%	10.6%	7.6%
2018	100%	0%	0%	53.2%	38.3%	6.4%	2.1%
2019	96.4%	0%	3.6%	27.8%	71.8%	0	0.4%

Các số liệu thống kê trong 5 năm trở lại đây cho thấy tỉ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp của khoa luôn ở mức rất cao, 87% - 100% sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Thêm vào đó, số lượng sinh viên làm việc trong các cơ quan nhà nước hàng năm chiếm tỉ lệ khá cao, mặc dù có xu hướng giảm trong thời gian 5 năm. Đồng thời, có một số ít sinh viên có việc làm tự tạo. Với các sinh viên chưa có việc làm, một số em tham gia học nâng cao sau khi tốt nghiệp do đó chưa đi xin việc.

Đổi sánh:

Khoa cũng tiến hành đổi sánh tỉ lệ sinh viên có việc làm của khoa so với các khoa đào tạo khác trong trường, đặc biệt là các khoa xã hội và đào tạo ngoại ngữ như khoa tiếng Pháp.

Bảng 11.8: Thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp của Khoa Tiếng Anh và khoa Tiếng Pháp

Năm	Có việc làm	Chưa có việc làm nhưng học nâng cao	Chưa có việc làm
2015 Khoa Tiếng Anh	87.8%	4.88%	7.32%

Khoa Tiếng Pháp	90.9%	0%	9.9%
2016			
Khoa Tiếng Anh	95%	0%	5%
Khoa Tiếng Pháp	71.4%	0%	28.6%
2017			
Khoa Tiếng Anh	95.5%	1.3%	5.8%
Khoa Tiếng Pháp	100%	0%	100%
2018			
Khoa Tiếng Anh	100%	0%	0%
Khoa Tiếng Pháp	85%	0%	15%
2019			
Khoa Tiếng Anh	96.4%	0%	3.6%
Khoa Tiếng Pháp	95%	0%	5%

Kết quả đối sánh cho thấy, tỉ lệ sinh viên có việc làm của Khoa luôn đạt tỉ lệ rất cao và thường cao hơn tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp của khoa Tiếng Pháp. (Ngoại trừ năm 2017). Từ kết quả đó, khoa càng thêm tự tin trong việc cải tiến chất lượng đào tạo của mình và gắn kết chặt chẽ hơn nữa với các đơn vị tuyển dụng. Có nhiều nguyên nhân giúp cho tỉ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp của khoa luôn đạt mức cao. Trước hết, chất lượng đào tạo của Khoa được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Sinh viên ra trường đảm bảo tốt các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Thứ hai, sinh viên Khoa có thể làm việc đúng chuyên ngành (Giáo viên giảng dạy tiếng Anh cho các trường phổ thông trên cả nước) hoặc làm việc với các ngành nghề tương đối gần với chuyên ngành đào tạo. Thêm vào đó, nhu cầu của xã hội về các cử nhân có trình độ Tiếng Anh cao ngày càng tăng. Khoa và nhà trường có các biện pháp quảng bá tới các nhà tuyển dụng. Do đó, sinh viên có nhiều cơ hội việc làm hơn.

Hàng năm, sau khi có số liệu thống kê về tỉ lệ sinh viên có việc làm, khoa cũng tiến hành phân tích, tìm hiểu nguyên nhân người học chưa có việc làm để từ đó có thể đưa ra những tư vấn phù hợp với những hoàn cảnh khác nhau. [H11.01.03.07]. Các nguyên nhân thường thấy là sinh viên tiếp tục học nâng cao, sinh viên gặp vấn đề về sức khỏe và sinh viên chưa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng.

Để nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm, Khoa đã tiến hành một số biện pháp như sau. Trước hết, Khoa phổ biến các kế hoạch về ngày hội

việc làm tới các sinh viên ngay từ khi các em còn đang học, đặc biệt là các sinh viên năm cuối, để các em có những định hướng và tiếp cận với các nhà tuyển dụng, qua đó nâng cao cơ hội tìm việc cho mình ngay sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.08] Thêm vào đó, các hoạt động thực tập sư phạm cũng là cơ hội để các sinh viên của khoa làm quen với các phương pháp giảng dạy ở phổ thông cũng như thể hiện được khả năng của mình với các nhà tuyển dụng, qua đó nâng cao cơ hội việc làm cho sinh viên. Ngoài ra, Khoa còn có một trang facebook riêng liên quan đến việc làm đúng chuyên ngành cho sinh viên, để từ đó các sinh viên có thể tiếp cận với các cơ hội việc làm [H11.11.03.09].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ có việc làm của người học sau tốt nghiệp luôn được nhà trường và khoa xác lập, theo dõi, giám sát. Các hoạt động tìm hiểu, phân tích và hỗ trợ sinh viên chưa có việc làm, làm trái ngành nghề được đào tạo luôn được khoa chú ý. Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp luôn ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Hội cựu người học mới được thành lập chưa lâu nên chưa tạo lập được đường dây kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên. Một số sinh viên còn làm việc hoàn toàn khác với chương trình được đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hoạt động của hội cựu người học thông qua các kênh thông tin khác nhau để có sự kết nối giữa các cựu sinh viên (Trang web, facebook...)	Hội cựu người học của khoa Các cựu sinh viên của khoa Các giảng viên trong khoa	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác lập, theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp	Hội cựu người học của khoa Cựu sinh viên khoa	Liên tục, hàng năm

		Tăng cường mối quan hệ với các đơn vị tuyển dụng, đặc biệt là các trường quốc tế, trường chất lượng cao để tạo cơ hội thực tập và cơ hội việc làm cho sinh viên	Trợ lí nghiệp vụ sư phạm		
--	--	---	--------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hàng năm, phòng Khoa học Công nghệ trường Đại học Sư phạm Hà Nội đều có các công văn hướng dẫn về kế hoạch tổ chức hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp khoa cũng như tuyển chọn các công trình nghiên cứu khoa học tham gia hội nghị nghiên cứu khoa học cấp trường [H11.11.04.01]. Đó là cơ sở để khoa Tiếng Anh xây dựng các chiến lược, kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong khoa cũng như định hướng các nghiên cứu khoa học cho phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Dựa trên hướng dẫn của nhà trường, khoa Tiếng Anh đã định hướng nghiên cứu khoa học cho các em sinh viên ngay từ đầu năm học. Các buổi định hướng nghiên cứu cho sinh viên được tổ chức sớm giúp cho sinh viên có thể có những ý tưởng từ đầu năm học [H11.11.04.02]. Sinh viên được đăng kí đề tài mong muốn nghiên cứu, thể loại nghiên cứu, số lượng các thành viên trong nhóm nghiên cứu cũng như giáo viên hướng dẫn.

Thêm vào đó, Khoa tiếng Anh giao nhiệm vụ cho trợ lí nghiên cứu khoa học hàng năm đôn đốc sinh viên nghiên cứu khoa học [H11.11.04.03]. Các quy định, hướng dẫn về nghiên cứu khoa học cũng được gửi tới sinh viên và giáo viên hướng dẫn [H11.11.04.04]. Sinh viên phải tiến hành báo cáo quá trình làm nghiên cứu khoa học định kì cho trợ lí nghiên cứu khoa học tổng hợp, báo cáo lên hội đồng khoa học khoa xem xét. Trợ lí nghiên cứu khoa học và các giáo viên hướng dẫn cũng thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các sinh viên tham gia nghiên cứu tiến hành nghiên cứu theo đúng kế hoạch đã đề ra.

Để theo dõi, giám sát các loại hình NCKH của người học, hội đồng khoa học khoa tiến hành họp thường kì để theo dõi sát sao quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên

và tiến hành đánh giá kết quả nghiên cứu của sinh viên khi tiến hành tổ chức các hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học [H11.11.04.07]. Các báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học hàng năm cũng được thiết lập để có thể đánh giá hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên trong vòng 05 năm trở lại đây được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11.8: Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên trong 05 năm trở lại đây

Năm	Số lượng sinh viên tham gia NCKH	Số lượng đề tài cấp khoa	Số lượng đề tài đạt giải cấp khoa	Số lượng đề tài báo cáo cấp trường	Số lượng đề tài đạt giải cấp trường/ báo cáo cấp bộ
2015	12	10	5	1	0
2016	15	10	5	1	1
2017	18	11	5	1	0
2018	43	22	5	1	0
2019	7	5	5	1	1

Các báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học hàng năm cho thấy số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên không nhiều nhưng các đề tài nghiên cứu của các em khá đa dạng với các chủ đề liên quan đến phương pháp giảng dạy tiếng Anh, ngôn ngữ học, các đề tài nghiên cứu lí thuyết và thực hành. Các đề tài nghiên cứu khá tương thích với mục tiêu, tầm nhìn, và chuẩn đầu ra của ngành Sư phạm tiếng Anh [H11.11.04.08]. Đồng thời, trong những năm qua, nhiều sinh viên của khoa đã được tham gia báo cáo nghiên cứu khoa học tại các hội nghị nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp Bộ hoặc đạt giải nghiên cứu khoa học cấp trường. [H11.11.04.09].

Có thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các CTĐT trong cùng CSGD, giữa các CSGD khác nhau

Khoa cũng tiến hành đối sánh loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của người học với một số CTĐT trong trường để qua đó có những đánh giá khách quan về công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cụ thể, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên của Khoa được so sánh với Khoa Sinh trong trường như sau:

Bảng 11.10: Đối sánh kết quả NCKH của sinh viên trong 05 năm trở lại đây

Năm	Tỉ lệ sinh viên tham gia NCKH cấp khoa	Tỉ lệ SV đạt giải NCKH cấp khoa	Tỉ lệ SV tham gia NCKH cấp trường	Tỉ lệ SV đạt giải cấp trường/ báo cáo cấp bộ
2015				
Khoa Anh	13.9%	6.9%	1,39%	0%
Khoa Sinh	27.78%	3.7%	3.7%	1.85%
2016				
Khoa Anh	13.5%	6.8%	1.35%	0%
Khoa Sinh	15.89%	1.59%	1.59%	0%
2017				
Khoa Anh	17.1%	7.8%	1.56%	0%
Khoa Sinh	17.19%	3.13%	1.56%	1.56%
2018				
Khoa Anh	36.7%	8.3%	1.67%	0%
Khoa Sinh	23.33%	0%	0%	0%
2019				
Khoa Anh	8.3%	8.3%	1.67%	1.67%
Khoa Sinh	16.67%	4.17%	2.08%	2.08%

Bảng 11.10 cho thấy, tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học cấp Khoa và trường của Khoa còn thấp khi so sánh với tỉ lệ này của khoa Sinh. Tuy nhiên, điều đáng khích lệ là tỉ lệ sinh viên đạt giải NCKH cấp khoa cũng như tỉ lệ SV đạt giải NCKH cấp trường/ có báo cáo cấp Bộ lại cao hơn một chút so với Khoa Sinh.

Để có các giải pháp khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, Khoa cũng có các biện pháp hỗ trợ, tư vấn, giải đáp thắc mắc, kiểm tra tiến độ từ giáo viên hướng dẫn, trợ lí nghiên cứu khoa học và văn phòng khoa để có thể tham gia nghiên cứu khoa học một cách tích cực nhất. Thêm vào đó, Khoa cũng có các tài liệu tham khảo phù hợp, ngoài hệ thống trung tâm thông tin thư viện của trường, Khoa cũng có hệ thống phòng đọc với các sách chuyên khảo nhằm cung cấp cho sinh viên các tài liệu tham khảo và môi trường nghiên cứu phù hợp [H11.11.04.05]. Đồng thời, các hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí dành riêng cho công tác nghiên cứu khoa học của nhà

trường để giúp cho sinh viên và các giáo viên có kinh phí thực hiện trong quá trình nghiên cứu khoa học [H11.11.04.06].

Ngoài ra, hàng năm khoa cũng có các đề xuất đầu tư mua sắm các tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học của sinh viên. [H11.11.04.10]. Các nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế như nghiên cứu khoa học liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ được khuyến khích.

2. Điểm mạnh

Các nghiên cứu khoa học của sinh viên đa dạng, trên nhiều lĩnh vực, bao gồm cả lí thuyết và thực hành. Nhiều nghiên cứu mang tính cập nhật cao như các nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Khoa cũng có sinh viên đạt giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp trường và sinh viên được cử đi báo cáo tại hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học còn chưa cao, đặc biệt là các sinh viên năm cuối.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học bằng cách tổ chức thêm các buổi chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, các seminar...	Trợ lí nghiên cứu khoa học, các sinh viên đã tham gia nghiên cứu khoa học	Trong suốt năm học, đặc biệt là thời điểm đầu năm học	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hơn nữa sự đa dạng của các đề tài phù hợp với chương trình đào tạo	Các giảng viên của khoa	Liên tục, hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong nhiều năm gần đây, trường ĐH Sư phạm Hà Nội đã giao nhiệm vụ cho Trung tâm Đảm bảo chất lượng khảo sát, lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các vấn đề như: ý kiến của sinh viên về mức độ hài lòng đối với giảng viên, lấy ý kiến của giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về chương trình đào tạo ... Đứng từ góc độ khoa, Khoa cũng đã phân công một giáo vụ khoa triển khai việc khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên đến các lớp và tổng hợp để báo cáo trường [H11.11.05.01; H11.11.05.02; H11.11.05.03].

Hàng năm trung tâm Đảm bảo chất lượng đã kết hợp với khoa Tiếng Anh thực hiện nhiều đợt khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan. Đối với sinh viên, khoa tiếng Anh và nhà trường đã lấy ý kiến về mức độ hài lòng đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên; khảo sát chất lượng ngành/khóa đào tạo (đối với sinh viên năm thứ 4) và mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên. Với những ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên luôn được Nhà trường và Khoa tiếng Anh quan tâm, bởi đây là những ý kiến giúp cho nhà trường và khoa có những cải tiến trong công tác đào tạo. Vì vậy, hàng năm Trung tâm ĐBCL kết hợp với khoa khảo sát xin ý kiến của các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên về CTĐT và về chất lượng của khóa ngành đào tạo và thông tin việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Là đội ngũ tham gia trực tiếp vào quá trình dạy và học của sinh viên, Nhà trường và khoa tiếng Anh cũng hết sức quan tâm đến những ý kiến của đội ngũ giảng viên trong trường. Nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, sự phù hợp của các học phần, thời lượng của các học phần trong CTĐT... Tất cả các đợt khảo sát này đều có dữ liệu và báo cáo hàng năm và là cơ sở để nhà trường và khoa cải tiến chất lượng CTĐT [H11.11.05.04]. Khoa cũng đã thành lập Hội cựu người học và thêm mục “Cựu người học” trên trang Web của khoa để giúp cho các cựu sinh viên có thể trao đổi, chia sẻ [H11.11.05.05].

Theo kết quả khảo sát, đa phần sinh viên (90%) cho rằng các kiến thức học được trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được sử dụng hữu ích cho công việc của họ. Đồng thời, các nội dung giảng dạy cũng được cập nhật. Tuy nhiên, một số sinh viên cho rằng có thể bổ sung một số học phần liên quan đến Tư duy phê phán, Đạo đức nghề nghiệp hoặc Ngôn ngữ trong giảng dạy vào chương trình đào tạo. Đứng từ phía

nhà tuyển dụng, kết quả khảo sát cho thấy 93.3% nhà tuyển dụng cho rằng không cần phải bổ trợ thêm kiến thức kỹ năng gì trong chương trình đào tạo. Một số nhà tuyển dụng cho rằng có thể bổ sung thêm kỹ năng mềm cho sinh viên.

Ngoài các đợt khảo sát lấy ý kiến của trung tâm Đảm bảo chất lượng, khoa Tiếng Anh còn tham gia các hoạt động khác do nhà trường tổ chức để lấy ý kiến của các bên liên quan như các hội nghị, tọa đàm trao đổi lấy ý kiến của sinh viên, cán bộ và nhà tuyển dụng như các buổi gặp gỡ của lãnh đạo nhà trường với sinh viên, hội nghị cán bộ công nhân viên viên chức, ngày hội việc làm... [H11.11.05.06].

Dựa trên kết quả khảo sát, khoa đã có những điều chỉnh nhất định về chương trình đào tạo cũng như đầu tư cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và cơ sở vật chất [H11.11.05.07]. Đồng thời, Khoa cũng đã thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan qua các năm – đối sánh kết quả mức độ hài lòng về chương trình đào tạo của khoa trong thời gian 05 năm - dựa trên các kết quả thu được. Cụ thể,

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã có sự liên hệ chặt chẽ với sinh viên và các nhà tuyển dụng để qua đó có thể thiết lập mối quan hệ đa chiều giữa khoa – sinh viên – nhà tuyển dụng. Đồng thời, khoa cũng đã thiết lập nhiều kênh khác nhau giúp cho việc thu thập ý kiến đánh giá của sinh viên và nhà tuyển dụng được thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả và chính xác. Qua đó, khoa có thể tiếp nhận được các ý kiến phản hồi và có thể điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo một cách thích hợp.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng cung cấp thông tin còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường xây dựng hơn nữa mối liên hệ với nhà tuyển dụng	Các giảng viên trong khoa, cựu sinh viên	Liên tục, hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì công tác khảo sát, xin ý kiến của các	Trung tâm đảm bảo chất lượng,	Liên tục, hàng năm	

		bên liên các Có nhiều kênh để thu thập thông tin của các bên liên quan.	văn phòng khoa, hội sinh viên, liên chi đoàn, hội cựu người học, các giảng viên, sinh viên		
--	--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11:

Từ các phân tích có thể thấy, kết quả đầu ra của hệ sinh viên sư phạm Tiếng Anh được đánh giá cao với sự hài lòng của các bên liên quan. Điểm mạnh nhất của kết quả đầu ra nằm ở tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đều đạt kết quả tốt.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng chương trình, sự tham gia trực tiếp của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên còn hạn chế. Khoa và nhà trường mới chỉ thăm dò ý kiến của các bên liên quan chủ yếu qua phiếu hỏi. Vì vậy, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường thời lượng thực tập thực tế, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho SV để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Đánh giá tiêu chuẩn 11:

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 11.1				4			
Tiêu chí 11.2				4			
Tiêu chí 11.3				4			
Tiêu chí 11.4					5		
Tiêu chí 11.5				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.2						

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT của cơ sở giáo dục đại học (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

- Tiêu chuẩn 1:

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Sư phạm Tiếng Anh có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học (quy định trong luật Giáo dục Đại học), phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động và phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong giai đoạn xây dựng chương trình, đáp ứng đổi mới thực tiễn giúp người học có thể phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được xác định rõ ràng, đáp ứng những yêu cầu phát triển của xã hội trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. CTĐT được xây dựng dựa trên mục tiêu và CDR nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. CDR của CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Anh đơn giản, dễ hiểu, đo lường được, đã bao quát được các yêu cầu chung của bậc giáo dục đại học mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và bao gồm các điểm riêng biệt dành cho SV cử nhân sư phạm Tiếng Anh.

CDR của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng được yêu cầu chung về CDR của đào tạo đại học và yêu cầu chuyên biệt của ngành Tiếng Anh. CDR đáp ứng được yêu cầu của thị trường việc làm và các nhà tuyển dụng.

CDR được xây dựng dựa trên sự tham khảo từ nhiều bên liên quan, được định kỳ rà soát và chỉnh sửa đáp ứng được yêu cầu của đào tạo đại học nói chung và của ngành Sư phạm Tiếng Anh nói riêng. CDR được công bố công khai trên website của trường và khoa nhằm giúp các nhà tuyển dụng cũng như sinh viên, học sinh THPT đang mong muốn có định hướng học tập dễ dàng được tiếp cận.

- Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT của Khoa Anh có đầy đủ thông tin, được rà soát và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến CTĐT hiện nay, với nội dung được đổi mới để ngày càng phù hợp hơn với tiến trình giảng dạy, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được quy định. Bản đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Anh có mục tiêu, nội dung rõ ràng, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau cho

SV, GV, giáo vụ khoa, phòng Đào tạo, Ban chủ nhiệm Khoa, nhà tuyển dụng, cựu SV, các nhà khoa học tương đối dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi. Bản đề cương chi tiết các học phần cung cấp đầy đủ thông tin cho giảng viên, sinh viên và có tính thống nhất giữa các học phần trong cả một chương trình đào tạo xuyên suốt 4 năm. Đề cương các học phần rõ ràng, chi tiết bao gồm tên giảng viên đảm nhận giảng dạy học phần, tên học phần, mã số học phần, số tín chỉ, mô tả chung về môn học, mục tiêu chung về học phần, chuẩn đầu ra, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR học phần, các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; tài liệu chính và tài liệu tham khảo....vv

- Tiêu chuẩn 3:

CTĐT được cấu trúc chặt chẽ, lô gíc, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, các môn học trong chương trình đều được bố trí hợp lý. Mỗi học phần trong CTĐT đều có đóng góp rõ ràng giúp sinh viên đạt được CĐR, các phương pháp dạy và học cũng như kiểm tra đánh giá khá đa dạng và phù hợp với mục tiêu của từng môn học cũng như mục tiêu chung của cả chương trình.

Chương trình liên tục được cập nhật để phù hợp với những nguồn tài nguyên học liệu mới có, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ và những phương pháp giảng dạy mới hiện đại năng động hơn. CTDH của hệ cử nhân Sư phạm Tiếng Anh được thiết kế logic, khoa học, sư phạm dựa trên CĐR. Nội dung của CTDH không chỉ đáp ứng được tiêu chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm của CĐR mà việc tổ chức các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH cử nhân sư phạm Tiếng Anh đều có sự tương thích về nội dung theo yêu cầu CĐR. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá ở tất cả học phần đều phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Hơn nữa, CTDH được định kỳ lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan và được định kỳ rà soát, điều chỉnh liên tục nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Tiêu chuẩn 4:

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, chương trình đào tạo giáo viên THCS và THPT có mục tiêu giáo dục được phổ biến rõ ràng đến các bên liên quan với các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt chuẩn đầu ra, giúp phát triển các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Khoa đã cơ bản hoàn thành xây dựng các nội dung dạy học online. Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các PPDH đa dạng, tập trung vào các PPDH tích cực, phù hợp để đạt được CĐR. Các PPDH được sử dụng đa dạng và tích cực, các

hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

- *Tiêu chuẩn 5:*

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được tiến hành theo quy trình rõ ràng, các công cụ kiểm tra, đánh giá được xây dựng trên cơ sở khoa học nhằm đảm bảo đánh giá đúng CDR theo từng giai đoạn của NH.

Chương trình đào tạo của khoa Tiếng Anh được xây dựng và áp dụng dựa trên việc bám sát yêu cầu CDR cho sinh viên. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đều được cung cấp rất chi tiết, rõ ràng và đồng thời được công bố công khai. Phương pháp đánh giá kết quả học tập được sử dụng đa dạng như: trắc nghiệm, tự luận, thực hành, bài tập lớn...vv thu được kết quả đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập thể hiện trong CTĐT đảm bảo bao quát toàn bộ nội dung học phần cũng như toàn bộ CTĐT về kiến thức, kỹ năng đạt được.

Thông qua việc đánh giá khách quan, công tác tổ chức coi thi và chấm thi nghiêm túc đã mang lại sự công bằng và xây dựng được nề nếp dạy và học tập tích cực. Sinh viên nhận được phản hồi từ giáo viên ngay trong quá trình học tập. Kết quả đánh giá được công bố công khai và ý kiến phản hồi cũng được tiếp nhận kịp thời nhằm giúp người học cải thiện việc học tập, điều chỉnh phương pháp học và có động lực để cố gắng hơn.

Quy trình đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Trường có phần mềm quản lý đào tạo UniSoft, thông qua sử dụng phần mềm người học được phản hồi kịp thời về kết quả kiểm tra đánh giá sau mỗi kì thi. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá người học được sử dụng để cải thiện việc học tập.

Khoa có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học và SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

- *Tiêu chuẩn 6:*

Khoa đã có chú ý tới việc quy hoạch và phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo các quy trình, quy định của trường Đại học Sư phạm Hà Nội để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Giảng viên của khoa có cơ hội học tập và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn trong và ngoài nước. Khoa có đội ngũ giảng viên chất lượng cao đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy và nghiên cứu. Các hoạt

động giám sát đảm bảo chất lượng được diễn ra ở cấp bộ môn, cấp khoa để hỗ trợ quá trình giảng dạy và học tập đã giúp các giảng viên luôn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu. Các tiêu chí về tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được xác định rõ ràng. Quá trình tuyển dụng minh bạch, công khai theo quy trình hiện hành của Nhà Trường.

Tỉ lệ giảng viên trên người học cao đáp ứng tốt yêu cầu và đảm bảo đủ giảng viên chất lượng cao cho đào tạo ngành Cử nhân sư phạm Tiếng Anh. Khối lượng công việc của giảng viên được đo lường và đảm bảo có sự giám sát chất lượng chặt chẽ từ bộ môn, khoa và các đơn vị phòng ban chức năng trong Nhà trường. Khoa có đội ngũ giảng viên chất lượng cao, khối lượng công việc nhiều nhưng các giảng viên trong khoa luôn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu.

Các quy định và hướng dẫn để đánh giá năng lực giảng viên được hướng dẫn chi tiết bằng văn bản và thông báo rộng rãi tới toàn thể giảng viên trong trường. Giảng viên trong khoa cũng chủ động tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu, tham dự hội thảo, viết bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành cũng như viết sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình cho sinh viên, học sinh phổ thông.

- *Tiêu chuẩn 7:*

Nhà trường và Khoa đã có những quy định và triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã được xác định và phân công. Đội ngũ nhân viên đã phát huy tối đa năng lực hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Số lượng cán bộ văn phòng được bố trí hợp lý, tránh trùng chéo; các bộ phận phối hợp hoạt động nhịp nhàng giải quyết được khối lượng công việc đáng kể. Khoa và Nhà trường có cơ hội đánh giá, khen thưởng đội ngũ nhân viên rất sát sao, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên làm việc và hoàn thành công việc tốt hơn. Nhân viên được đánh giá thường xuyên (qua công việc hàng ngày) và định kỳ: cuối học kỳ, cuối năm, kết thúc nhiệm vụ đề tài... dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai.

- *Tiêu chuẩn 8:*

Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh của ngành Sư phạm tiếng Anh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và cập nhật. Trong suốt quá trình người học học tập và rèn luyện tại khoa, Khoa tiếng Anh có hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá dưới nhiều hình thức khác nhau, công khai và liên tục, góp phần động viên những sinh viên thực hiện tốt và nhắc nhở kịp thời những sinh viên có kết quả học tập và

rèn luyện thấp. Ngoài ra, sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua, các dịch vụ hỗ trợ để vừa cải thiện việc học tập vừa nâng cao khả năng có việc làm. Môi trường tâm lý xã hội, cơ sở vật chất, cảnh quan của khoa, của trường tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập và nghiên cứu.

Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai trong toàn xã hội, được cập nhật theo các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như xu thế nghề nghiệp và dựa trên kết quả tuyển sinh của các năm trước. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của CTĐT rõ ràng và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như vào CTĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được cập nhật, mở rộng đặc biệt với đối tượng tuyển thẳng để có thể tuyển chọn người học giỏi. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ đã thực hiện đồng bộ, rõ ràng, kịp thời và có hiệu quả cao. Người học được tiếp cận các thông tin về học tập, rèn luyện từ nhiều kênh khác nhau và theo hệ thống, dễ thực hiện và sinh viên CTĐT đã hoàn thành tốt chương trình đào tạo. Nhà trường, Khoa đã triển khai sâu rộng và hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ SV tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, giúp SV nâng cao thành tích học tập, rèn luyện kỹ năng nghề và cơ hội tìm kiếm việc làm khi ra trường. Các hoạt động hợp tác với các trường, tình nguyện viên quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho SV bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Người học được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi; được đảm bảo về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp.

- Tiêu chuẩn 9:

Trường ĐHSP Hà Nội có đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học cơ sở vật chất và trang thiết bị, phù hợp, hỗ trợ việc giảng dạy, học tập cũng như nghiên cứu.

Các phòng học đều được cung cấp đầy đủ các thiết bị công nghệ như máy chiếu, điều hòa, bàn ghế linh hoạt phù hợp với việc tổ chức các hình thức hoạt động học tập khác nhau. Đồng thời các thiết bị luôn được quản lý, duy tu và mua mới hàng năm.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Trường quan tâm đến việc vệ sinh các giảng đường sạch sẽ. Khuôn viên nhà trường cũng được trang trí nhiều cây xanh, các thùng phân loại rác... tạo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Sinh viên được hướng dẫn đầy đủ việc thực hiện vệ sinh phòng bệnh, rửa tay, đeo khẩu trang... khi có dịch bệnh. Đồng thời nhà trường có những hướng dẫn nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả trong các trường hợp khẩn cấp khác.

Trung tâm Thông tin - Thư viện đang áp dụng các chuẩn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng phần mềm Lib5.5 trong các khâu xử lý tư liệu và quản lý bạn đọc. Nguồn tài liệu đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, sinh viên và học sinh trong toàn trường.

Phòng đọc sách ngoại văn của khoa Tiếng Anh là một nguồn tư liệu quý giá cho giảng viên và sinh viên, nghiên cứu sinh trong khoa. Các đầu sách không ngừng được bổ sung và đổi mới hàng năm.

Hằng năm Nhà Trường đều có kế hoạch, ngân sách cho nâng cấp cơ sở hạ tầng các PTN, PTH và kinh phí đầu tư mua sắm, bổ sung trang thiết bị, kinh phí sửa chữa thường xuyên cho các PTN, PTH. Do vậy, hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành CNSPSH hoàn toàn đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo giáo viên sinh học theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý đào tạo, kế hoạch tài chính, quản lý nhân sự, học sinh, sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Toàn thể cán bộ, GV và người học có thể được truy cập internet tại các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu và trong khu nội trú.

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Phòng bảo vệ, Ban quản lý kí túc xá, Ban quản lý giảng đường, cán bộ Trạm y tế được phân công nhiệm vụ cụ thể, luôn được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe người dạy và người học được chăm lo tư vấn, môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

- Tiêu chuẩn 10:

Chương trình đào tạo hệ sinh viên sư phạm của Khoa tiếng Anh được đánh giá khá tích cực với sự hài lòng của các bên liên quan. Điểm mạnh của chương trình nằm ở nội dung chương trình, đánh giá kết quả của người học, đội ngũ giảng viên và chất lượng sản phẩm đào tạo. Trung tâm khảo thí và kiểm định chất lượng của Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Khoa tiếng Anh đã thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các nhà tuyển dụng một cách hệ thống và phù hợp.

Trung tâm khảo thí và kiểm định chất lượng của Trường và Khoa tiếng Anh chủ động thu thập ý các ý kiến của các giảng viên và cán bộ quản lý cũng như tham khảo ý kiến của chuyên gia đầu ngành trong nước thông qua các hình thức như phỏng vấn, sử dụng phiếu điều tra, đối thoại trực tiếp...vv nhằm nâng cao chất lượng chương trình và hiệu quả đào tạo. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập và có tính hệ thống, được điều chỉnh và cải tiến.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Giảng viên đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu chương trình đào tạo hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối khoá, bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp, môn học thay thế tốt nghiệp và thực tập sư phạm hướng tới đạt chuẩn đầu ra.

Trang thiết bị và các cơ sở vật chất khác của đơn vị đã đáp ứng được các yêu cầu của công tác đào tạo của chương trình đào tạo hệ sinh viên sư phạm. Các quy định về việc quản lý và bảo vệ những tài sản này cũng đã được thực hiện rất chặt chẽ và nghiêm túc. Trong giảng dạy, giảng viên thường tổ chức các hoạt động cho SV 100% tham gia thảo luận, yêu cầu SV làm bài tập cá nhân và nhóm ... thông qua đó có sự đánh giá thường xuyên kết quả của người học. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá nghiêm túc thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài thi cuối khoá, bài tập môn học, khóa luận tốt nghiệp và thực tập sư phạm.

Các GV tích cực tham gia nghiên cứu khoa học các cấp (cấp trường, cấp Bộ, cấp nhà nước). Trường và khoa có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo. Các bài báo của khoa cũng như các đề tài nghiên cứu đều tập trung vào các vấn đề cấp thiết của khoa và hướng tới nâng cao chất lượng dạy và học.

Đội ngũ GV có trình độ cao được đào tạo ở nước ngoài hướng dẫn SV NCKH khá nhiều. Thông qua hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học, các GV có kiến thức thực tiễn đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của bản thân, có cơ hội phát triển thành các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (cấp trường, cấp Bộ, cấp nhà nước)

- *Tiêu chuẩn 11:*

Kết quả đầu ra nằm ở tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đều đạt kết quả tốt và có được sự đánh giá cao và sự hài lòng của các bên liên quan. Tỉ lệ có việc làm của người học sau tốt nghiệp luôn được nhà trường và khoa xác lập, theo dõi, giám sát. Các hoạt động tìm hiểu, phân tích và hỗ trợ sinh viên chưa có việc làm, làm trái ngành nghề được đào tạo luôn được khoa chú ý. Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp luôn ở mức cao. Các nghiên cứu khoa học của sinh viên đa dạng, trên nhiều lĩnh vực, bao gồm cả lí thuyết và thực hành. Nhiều nghiên cứu mang tính cập nhật cao như các nghiên cứu về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Khoa cũng có sinh viên đạt giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp trường và sinh viên được cử đi báo cáo tại hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường và khoa đã có sự liên hệ chặt chẽ với sinh viên và các nhà tuyển dụng để qua đó có thể thiết lập mối quan hệ đa chiều giữa khoa – sinh viên – nhà tuyển dụng. Đồng thời, khoa cũng đã thiết lập nhiều kênh khác nhau giúp cho việc thu thập ý kiến đánh giá của sinh viên và nhà tuyển dụng được thực hiện một cách nhanh chóng, hiệu quả và chính xác. Qua đó, khoa có thể tiếp nhận được các ý kiến phản hồi và có thể điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo một cách thích hợp.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT của cơ sở giáo dục đại học (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn).

- *Tiêu chuẩn 1:* CTĐT cần tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong khu vực và quốc tế khi xây dựng CTĐT. Đồng thời, Khoa cần tích cực trung cầu ý kiến cập nhật của các nhà tuyển dụng và học sinh THPT đang mong muốn có định hướng nghề nghiệp trong việc cho ý kiến về CDR tích cực hơn nữa.

- *Tiêu chuẩn 2:*

Bản mô tả CTĐT có những điểm chưa được xúc tích và dễ hiểu và sinh viên chưa tích cực và thường xuyên phản hồi về đề cương chi tiết các học phần.

- *Tiêu chuẩn 3:*

Việc sử dụng công nghệ thông tin trong phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá chưa được nhiều. Chưa tham khảo nhiều các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo. Do hạn chế về thời gian nên ở một số học phần chưa áp dụng được nhiều phương pháp dạy học dự án, dạy học trải nghiệm.

- *Tiêu chuẩn 4:*

Các tài liệu và thông tin được cung cấp còn thiếu chi tiết và chưa vạch rõ kế hoạch cụ thể nhằm phổ biến các triết lý giáo dục cho các bên liên quan. Bên cạnh đó, các hoạt động dạy và học được áp dụng trong CTĐT của nhân SP Tiếng Anh phù hợp để người học có thể đạt được CĐR nhưng việc sử dụng các công cụ công nghệ thông tin để hỗ trợ việc giảng dạy chưa được sâu rộng và đồng bộ trong tất cả các môn học.

- Tiêu chuẩn 5:

Phần đánh giá đầu vào của NH mới chỉ dừng lại ở các kỹ năng nhận thức (receptive skills) chứ chưa đánh giá được các kỹ năng sản sinh (productive skills). Quy trình ra đề thi của khoa Tiếng Anh thường được giao cho Hội đồng khoa học khoa với số lượng thành viên hạn chế. Cần có thêm nhân lực trẻ hóa để công việc được san sẻ và các cán bộ trẻ có cơ hội học tập. Thêm vào đó, khoa Tiếng Anh chưa có lớp chuyên dành riêng cho sinh viên có năng lực vượt trội. Việc trao đổi thông tin giữa cán bộ chấm thi và sinh viên về kết quả giải quyết khiếu nại thường phải thông qua giáo vụ khoa, do đó cán bộ chấm thi khó có thể truyền tải đến sinh viên các phản hồi để giúp sinh viên sửa lỗi sai hoặc cần phát huy điểm mạnh gì của sinh viên.

- Tiêu chuẩn 6:

Số lượng các đề tài cấp trường, cấp bộ còn hạn chế. Các bài đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Số lượng giảng viên giữa các bộ môn chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng vẫn còn thiếu. Nhiều giảng viên đảm đương công việc ở nhiều bộ môn. Số lượng giờ dạy trung bình của giảng viên còn cao so với yêu cầu giờ giảng của giảng viên. Do vậy, khối lượng giờ Nghiên cứu khoa học tuy đã đảm bảo theo số lượng của nhà trường nhưng cũng cần cân đối thêm với thời gian dạy học để giảng viên có thêm giờ nghiên cứu khoa học. Số lượng giảng viên được tham gia các khóa bồi dưỡng tại nước ngoài còn hạn chế. Thời gian tổ chức một số khóa học chưa phù hợp.

Tiêu chuẩn 7:

Chưa có nhân viên phục vụ chuyên trách về Thư viện; Trang web của Khoa chưa được đầu tư thích đáng. Số lượng cán bộ đạt được các danh hiệu thi đua và khen thưởng cấp cao chưa nhiều và phong phú. Nhà trường và khoa cần có những khen thưởng lớn và kịp thời hơn nữa để tạo động lực cho nhân viên hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn. Tuy đã có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển chuyên môn dài hạn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa,, số lượng các lớp bồi dưỡng còn chưa nhiều và đa dạng.

- Tiêu chuẩn 8:

Chưa có nhiều ý kiến, tham gia đóng góp của nhiều nhà tuyển dụng để xây dựng CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh của Khoa chưa thực sự đồng đảo. Số lượng cựu NH, nhà tuyển dụng lao động tham gia các khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa lớn. Sự tham gia của các bên liên quan chưa được chủ động. SV chưa chủ động trong phối hợp công tác thông báo kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình. Sự hợp tác của SV khi lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ việc làm còn hạn chế. Các chương trình tư vấn, giúp đỡ sinh viên gặp khó khăn trong quá trình học tập và rèn luyện của CTĐT chưa xây dựng được kế hoạch triển khai định kì.

- Tiêu chuẩn 9:

Một số giảng đường đã cũ (A1-A4) cần được tân trang hoặc xây mới. Trường đã chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tạo điều kiện học tập cho sinh viên, tuy nhiên phần cơ sở vật chất dành cho cán bộ và giảng viên còn hạn chế. Hiện nay, giảng viên khoa Tiếng Anh vẫn chưa có nơi làm việc và nghiên cứu riêng, chưa có không gian yên tĩnh riêng biệt để giảng viên ngồi soạn bài hoặc nghiên cứu. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít. Thư viện điện tử chưa kết nối chia sẻ tài liệu với các thư viện của các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và quốc tế. Kinh phí đầu tư các trang thiết bị mới còn chưa đi kèm kinh phí bảo trì cho các trang thiết bị này dẫn đến kinh phí sửa chữa thường xuyên tăng cao khi các thiết bị này sử dụng quá 5 năm. Do kinh phí đầu tư của trường hạn hẹp nên chưa có hệ thống máy tính chuyên dụng có cấu hình cao và đồng bộ để phục vụ giảng dạy và đặc biệt là NCKH. Nhà Trường chưa có quy định cụ thể về thu gom và xử lý hóa chất độc hại sau khi thí nghiệm và thực hành. Những tiện ích đặc thù cho người khuyết tật đã được chú ý nhưng còn ít. Diện tích phòng tư liệu của khoa còn hạn chế, không phục vụ được số lượng lớn sinh viên cùng một lúc. Đồng thời do đặc điểm của chương trình đào tạo cần nhiều giáo trình, sách tham khảo là sách ngoại văn nên thư viện trường vẫn chưa đáp ứng được hết.

- Tiêu chuẩn 10:

Việc lấy ý kiến phản hồi của cựu người học về CTĐT chưa thực hiện với số lượng lớn. Quá trình xây dựng chương trình, sự tham gia trực tiếp của các nhà tuyển dụng, cựu học viên còn hạn chế về số lượng, mà mới chỉ dừng ở mức độ thăm dò ý kiến qua phiếu hỏi. Chương trình đào tạo chưa được lấy ý kiến đánh giá trên diện rộng của các chuyên gia. Chưa xây dựng được kênh phản hồi và đánh giá về chất lượng phục vụ của các dịch

vụ hỗ trợ bằng hình thức online. Chưa đa dạng trong các hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

- *Tiêu chuẩn 11:*

Quá trình xây dựng chương trình, sự tham gia trực tiếp của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên còn hạn chế. Khoa và nhà trường mới chỉ thăm dò ý kiến của các bên liên quan chủ yếu qua phiếu hỏi. Số lượng các nhà tuyển dụng cung cấp thông tin còn hạn chế.

Trong một năm trở lại đây, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp giảm mạnh do yêu cầu về chứng chỉ ngoại ngữ. Nhiều du học sinh Lào chưa thể tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp với kết quả chưa cao, nhiều em còn hạn chế về năng lực học tập và tốt nghiệp muộn. Hội cựu người học mới được thành lập chưa lâu nên chưa tạo lập được đường dây kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên.

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá theo Thông tư 04/2016

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Mã: SPH
- Tên CTĐT: Cử nhân Sư phạm tiếng Anh
- Mã CTĐT:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,0	3	100%
Tiêu chí 1.1				x						
Tiêu chí 1.2				x						
Tiêu chí 1.3				x						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,0	3	100%
Tiêu chí 2.1				x						
Tiêu chí 2.2				x						
Tiêu chí 2.3				x						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,0	3	100%
Tiêu chí 3.1				x						
Tiêu chí 3.2				x						
Tiêu chí 3.3				x						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,3	3	100%
Tiêu chí 4.1					x					
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 5								4,0	5	100%
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2				x						
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						
Tiêu chuẩn 6								4.7	7	100%
Tiêu chí 6.1					x					
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5				x						
Tiêu chí 6.6				x						
Tiêu chí 6.7					x					
Tiêu chuẩn 7								5,0	5	100%
Tiêu chí 7.1					x					
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4					x					
Tiêu chí 7.5					x					
Tiêu chuẩn 8								5,0	5	100%
Tiêu chí 8.1					x					
Tiêu chí 8.2					x					
Tiêu chí 8.3					x					
Tiêu chí 8.4					x					
Tiêu chí 8.5					x					
Tiêu chuẩn 9								5,0	5	100%
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2					x					
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4					x					
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10								4,5	6	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5				x						
Tiêu chí 10.6				x						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,2	5	100%
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4					x					
Tiêu chí 11.5				x						
Đánh giá chung CTĐT								4,43	50	100%

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020

Hiệu trưởng

GS. TS. Nguyễn Văn Minh

PHẦN IV: PHỤ LỤC

4.1. Các quyết định:

4.2. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

(Kèm theo Hướng dẫn chi tiết số/HD-ĐHSPHN-ĐBCL ngày/...../2019)

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 24/03 /2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Đại học Sư phạm Hà Nội
- Tiếng Anh: Hanoi National University of Education

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tiếng Việt:
- Tiếng Anh:

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại Số fax

7. E-mail:

Website: hnue.edu.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I:

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập x Bán công Dân lập Tư thực

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Tiếng Anh
- Tiếng Anh: Faculty of English

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt:

- Tiếng Anh:
- 14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Ngoại ngữ (Tiền thân)
- 15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Sư phạm Tiếng Anh
 - Tiếng Anh: English Education
- 16. Mã CTĐT: 701
- 17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):
- 18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 1, nhà D3, ĐHSHPHN
- 19. Số điện thoại liên hệ: 02437549180
- 20. E-mail: k.tienganh@hnue.edu.vn
Website: <http://foe.hnue.edu.vn>
- 21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2004.
- 22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2002
- 23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2006

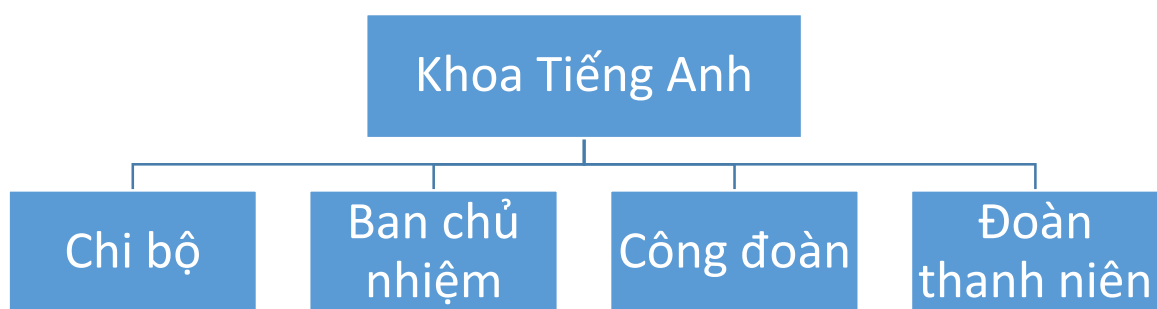
III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

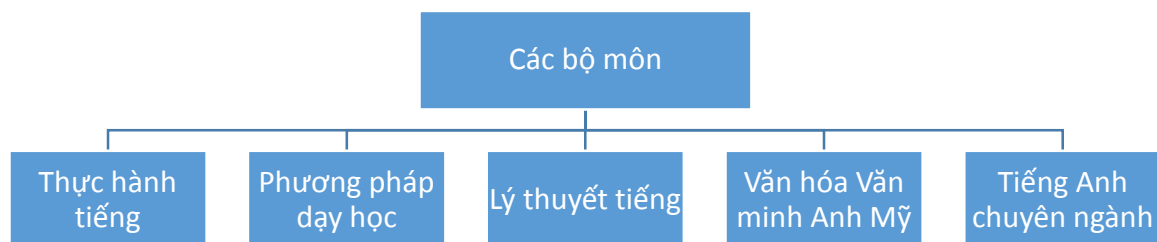
Khoa Tiếng Anh được chính thức thành lập năm 2004, dựa trên tiền thân là Khoa Ngoại ngữ, Đại học Sư phạm Hà Nội. Trải qua 16 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Tiếng Anh đã phát triển nhanh chóng và đạt được nhiều thành tích xuất sắc và sự ghi nhận của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo và toàn xã hội.

Hiện tại, Khoa đang đào tạo 1 mã ngành đào tạo Sau đại học (Lí luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh) và 2 mã ngành đào tạo Đại học (Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh). Khoa đảm nhận giảng dạy cho các sinh viên chính quy ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh; giảng dạy cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ trong toàn trường; giảng dạy cao học chuyên ngành Lí luận và Phương pháp giảng dạy bộ môn Tiếng Anh; giảng dạy cao học các ngành không chuyên ngữ trong toàn trường; giảng dạy các hệ Văn bằng 2 và Vừa làm vừa học ngành Sư phạm Tiếng Anh; tham gia tích cực vào đề án ngoại ngữ quốc gia.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).



Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa Tiếng Anh



Sơ đồ thể hiện các bộ môn chuyên ngành Khoa Tiếng Anh

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
I	Hội đồng trường					
1	Chủ tịch HĐ Trường	Đỗ Việt Hùng	1966	GS.TS	091292 2288	hungdv@hnue.edu.vn
II	Ban giám hiệu					
	Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Minh	1963	GS.TS	090629 4414	minhsp@gmail.com

	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Trào	1973	PGS.TS	098375 5469	traonv@hnue. edu.vn
	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Vũ Bích Hiền	1975	PGS.TS	098807 0675	hiennvb@hnu e.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Trưởng khoa	Lưu Thị Kim Nhưng	1972	Tiến sĩ	091239 1458	nhungltk@hnu e.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Hà Hồng Nga	1969	Thạc sĩ	093688 1969	nga.hahong@g mail.com
3	Phó trưởng khoa	Thái Thị Cẩm Trang	1974	Thạc sĩ	098919 9818	trangthaicam @gmail.com
Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội cấp trường						
1	Bí thư Đảng ủy	Đỗ Việt Hùng	1966	GS.TS	091292 2288	hungdv@hnue .edu.vn
2	Bí thư Đoàn thanh niên	Đình Minh Hằng				

3	Chủ tịch công đoàn	Nguyễn Nhật Tân				
4	CHủ tịch Hội SV					
Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội cấp khoa						
1.	Bí thư chi bộ	Lưu Thị Kim Nhung	1972	Tiến sĩ	0912391458	nhungltk@hnu.edu.vn
2	Chủ tịch công đoàn	Đỗ Thị Phi Nga	1968	Thạc sĩ	0912025544	ngadtp@hnue.edu.vn
3	Bí thư liên chi Đoàn	Nguyễn Hồng Liên	1991	Thạc sĩ	0966699091	nguyenhonglien@hnue.edu.vn
Các phòng, ban						
1	Trưởng phòng HC-ĐN					
2						
3						

Các bộ môn						
1.	Thực hành tiếng	Đào Thị Bích Nguyên	1980	ThS, Trưởng bộ môn	0912864059	Bichnguyen.hnue@gmail.com
2	Ngôn ngữ Anh	Trần Hương Quỳnh	1980	TS, Trưởng bộ môn	0947188088	quynhth@hnu.edu.vn
3	Phương pháp dạy học	Nguyễn Thị Mai Hương	1972	PGS.TS, Trưởng bộ môn	0967681960	huongnm@hnu.edu.vn
4	Văn hóa-Văn minh Anh-Mĩ	Đỗ Thị Phi Nga	1968	ThS, Trưởng bộ môn	0912025544	ngadtp@hnu.edu.vn
5	Tiếng Anh chuyên ngành	Nguyễn Thị Hương Lan	1976	TS, Trưởng bộ môn	0912766007	lanth@hnu.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 1

Số lượng ngành đào tạo đại học: 2

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	
Không chính quy	x	
Từ xa		x
Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
Liên kết đào tạo trong nước		x
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

29. Tổng số các ngành đào tạo : 3

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTDT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu Trong đó:	03	40	43
I.1	Cán bộ trong biên chế	01	17	18
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	02	23	25
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	01	05	6
	Tổng số			

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		

				tiếp giảng dạy			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Giáo sư, Viện sĩ	00	00	00	00	00	00
2.	Phó giáo sư	01	01	00	00	00	00
3.	Tiến sĩ khoa học	00	00	00	00	00	00
4.	Tiến sĩ	07	06	02	05	00	00
5.	Thạc sĩ	33	14	25	01	00	00
6.	Đại học	00	00	00	00	00	00
7.	Cao đẳng	00	00	00	00	00	00
8.	Trình độ khác	00	00	00	00	00	00
	Tổng số	41	21	27	6	0	0

Tổng số giảng viên cơ hữu: Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 41-0-0 = 41 người.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 41/43

Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3, Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo , (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ tiến sĩ khoa học nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư) theo thứ tự như cột 3 trong bảng).

Số liệu bảng 31 được lấy từ bảng 30 nhân với hệ số quy đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1.	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	00	00	00	00	00	00	00
2.	Phó giáo sư	3,0	01	01	00	00	00	00	03
3.	Tiến sĩ khoa học	3,0	00	00	00	00	00	00	00
4.	Tiến sĩ	2,0	07	06	02	05	00	00	19
5.	Thạc sĩ	1,0	33	14	25	01	00	00	39

6.	Đại học	0,5	00	00	00	00	00	00	00
	Tổng								61

Cách tính: cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7+ 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

32. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1.	Giáo sư, Viện sĩ	00	00	00	00	00	00	00	00	00
2.	Phó giáo sư	01	2,4%	00	01	00	00	01	00	00
3.	Tiến sĩ khoa học	00	00%	00	00	00	00	00	00	00
4.	Tiến sĩ	07	17,1%	01	06	00	05	02	00	00
5.	Thạc sĩ	33	80,5%	02	31	03	23	05	02	00
6.	Đại học	00	00	00	00	00	00	00	00	00
	Tổng	41		3	38	3	28	8	2	0

32.1 Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu:

32.2 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17,1

32.3 Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 80,5

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ % GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1.	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100%	100%
2.	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3.	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4.	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5.	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (trên 0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

36. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2014-2015		62			33.33/40		
2015-2016		78			32/40		
2016-2017		60			25.75/30		
2017-2018		86			22.6/30		8
2018.-2019		176			24.04/30		3

37. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	46	29	68
3. Sinh viên đại học		62	78	60	86
Trong đó:					

Hệ chính quy		62	78	60	86
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...	0	0	0	0	0

38. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2014 -2015	2015-2016	2016-2017	2017.-2018	2018-2019
Số lượng (người)				8	3
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học				13%	3.4%

39. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2014 -2015	2015-2016	2016-2017	2017.-2018	2018-2019

1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	150m ²	190m ²	490m ²	820m ²	1150m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	180	165	190	280	402
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	29	36	71	110	144
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5,1 m ²	5,2 m ²	6,9 m ²	7,4m ²	7,9m ²

40. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Số lượng (người)	12	15	18	43	7
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

41. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0

2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	32
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	61	77	69	55	33
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

42. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp
--------------	----------------

	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1.Số lượng người học tốt nghiệp	K61: 73sv	K62: 74sv	K63: 63sv	K64: 55sv	K65: 46sv
Số lượng người học tuyển vào	K61: 75sv	K62: 74sv	K63: 64sv	K64: 56sv	K65: 60sv
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào	97%	100%	98%	98%	76%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp	92.7%	95%	95%	100%	96.4%
4.1 Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo			47sv à 73%	36sv à 64%	

4.2 Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo			0	03 sv à 5%	
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm	4.000.000đ	4.000.000đ	4.000.000đ	5.000.000đ	5.000.000đ

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

43. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0

2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	0	1	0	2	2
4	Tổng							

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:

44. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2015	150	0	3,48
2	2016	0	0	0
3	2017	20	0	0,47
4	2018	0	0	0
5	2019	40	0	0,93

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	06	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	17	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

46. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	4	0	0	8	1	19,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	2	3	3	12	21
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	6	0	3
5	Tổng		5	2	3	17	13	43,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 43.5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.06.....

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	13	15	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	2	0
Trên 6 cuốn sách	0	1	4	2
Tổng số cán bộ tham gia	0	14	21	2

48. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019.	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	4	0	5	4	21
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	6	3	12	11	12	44
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	4	4	1	12	4	12.5
	Tổng		11	11	13	18	20	77.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): .77.5.....

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.89

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	9	27	27
Từ 6 đến 10 bài báo	0	2	2
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	9	29	29

50. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	6	1	1	2	2	12
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	1	5	3	1	5

3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	1	2	3	3	2.25
4	Tổng		6	3	8	8	6	19.25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 19.25.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.47

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	9	15	15
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	9	15	15

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

52. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)

2014-2015	0
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0

53. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019.

1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

54. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²):
55. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):
56. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
 - Nơi làm việc: Nơi học: Nơi vui chơi giải trí:
57. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
 - Tổng diện tích phòng học:
 - Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:
58. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện:.....
 Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):
59. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:
 - Dùng cho hệ thống văn phòng: 7
 - Dùng cho người học học tập:
 Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy:

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 43

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 95%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 16%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 76%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 400

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 9.3 sinh viên /giảng viên

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 76% - 100%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 64%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5,000,000đ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):.....

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $7/43 = 0,16$

Tổng số đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: 07

04 đã nghiệm thu; 03 chưa nghiệm thu

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 6,28 triệu VNĐ/1 cán bộ cơ hữu

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.06

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.89

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.47

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy:.....

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:.....

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)

[1] Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[2] Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[3] Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

DANH MỤC MINH CHỨNG

Báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Anh

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo					
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đào tạo, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đào tạo quy định tại Luật giáo dục đại học</i>					
1.	H1.01.01.01	Quyết định ban hành CTĐT	122/QĐ-ĐHSPHN-ĐT Ngày 09/01/2015	Trường ĐHSPHN	
2.	H1.01.01.02	Bản mô tả/đề cương CTĐT và bản mô tả/đề cương môn học/học phần	2014	Trường ĐHSPHN	
3.	H1.01.01.03	Ma trận các kỹ năng	2018	Trường ĐHSPHN	
4.	H1.01.01.04	Tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá	2018	Trường ĐHSPHN	
5.	H1.01.01.05	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2018	Khoa	
6.	H1.01.01.06	“Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường ĐHSPHN”, “Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường ĐHSPHN giai đoạn 2017 – 2022, tầm nhìn 2030”	Số 8176/QĐ-ĐHSPHN ngày 8/11/2016 Số 10883/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019	Trường ĐHSPHN	
7.	H1.01.01.07	Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa https://hnue.edu.vn/ (http://hnue.edu.vn/Gioithieu/Gioithieuchung/Sumangtamnhinvagiatri.aspx) http://foe.hnue.edu.vn		Trường ĐHSPHN Khoa	
8.	H1.01.01.08	-Luật Giáo dục đại học Đường link: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=163054 -Luật Giáo dục đại học Đường link:	Số: 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012 Số 34/2018/QH14,n gày 19/11/2018	Quốc hội	

		https://thuvienphapluat.vn/va/n-ban/giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-sua-doi-388254.aspx			
9.	H1.01.01.09	Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới	Số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018	Bộ GD&ĐT	
Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT					
10.	H1.01.02.01	“Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường ĐHSPHN”, “Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường ĐHSPHN giai đoạn 2017 – 2022, tầm nhìn 2030”	Số 8176-8/11/2016 10883-29/10/2019	Trường ĐHSPHN	
11.	H1.01.02.02	Bản mô tả/đề cương CTĐT và bản mô tả/đề cương môn học/học phần	2014	Phòng đào tạo và Khoa	
12.	H1.01.02.03	Ma trận các kỹ năng	2018	Phòng đào tạo và Khoa	
13.	H1.01.02.04	Tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm	2018	Khoa	
14.	H1.01.02.05	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2018	Khoa	
15.	H1.01.02.06	Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa		Khoa	
Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.					
16.	H1.01.03.01	Công văn V/v: hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo	Số: 2196 /BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010	Bộ GD&ĐT	

17.	H1.01.03.02	Bản mô tả/đề cương CTĐT và bản mô tả/đề cương môn học/học phần	2014 2019	Trường ĐHSPHN	
18.	H1.01.03.03	Tài liệu khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT trong vòng 5 năm tính đến thời điểm đánh giá			
19.	H1.01.03.04	Ma trận các kỹ năng	2018	Trường ĐHSPHN	
20.	H1.01.03.05	Công văn về chuẩn Tiếng Anh và miễn học, miễn thi ngoại ngữ	385/ĐHSPHN-ĐT	Trường ĐHSPHN	
21.	H1.01.03.06	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2018	Khoa	
22.	H1.01.03.07	Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CDR của CTĐT	2018	Khoa	
23.	H1.01.03.08	Kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học CTĐT trong 5 năm gần nhất		Khoa	
24.	H1.01.03.09	Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa daotao.hnue.edu.vn		Khoa	
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo					
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật</i>					
25.	H2.02.01.01	Bản mô tả/đề cương CTĐT và bản mô tả/đề cương môn học/học phần bao gồm phiên bản cũ và mới nhất	2019	Trường ĐHSPHN	
26.	H2.02.01.02	Ma trận các kỹ năng	2019	Trường ĐHSPHN	
27.	H2.02.01.03	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2019	Khoa	
28.	H2.02.01.04	Biên bản họp về hoạt động rà soát chương trình	2019	Khoa	
29.	H2.02.01.05	Báo cáo xây dựng/điều chỉnh bản mô tả CTĐT được phê duyệt	2019	Khoa	
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật</i>					
30.	H2.02.02.01	Đề cương của tất cả học phần có trong CTĐT	2019	Trường ĐHSPHN	

		Bản mô tả học phần có trong CTĐT			
31.	H2.02.02.02	Ma trận các kỹ năng	2019	Trường ĐHSPHN	
32.	H2.02.02.03	Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa	2019	Khoa	
33.	H2.02.02.04	Ý kiến đóng góp của các bên liên quan	2019	Khoa	
34.	H2.02.02.05	Biên bản họp/tài liệu liên quan đến hoạt động rà soát chương trình	2019	Khoa	
35.	H2.02.02.06	Kế hoạch điều chỉnh bản mô tả CTĐT được phê duyệt	2019	Khoa	

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

36.	H2.02.03.01	Bản mô tả CTĐT đã phê duyệt chính thức	2019	Trường ĐHSPHN	
37.	H2.02.03.02	Bản mô tả đề cương các môn học trong CTĐT đã phê duyệt chính thức	2019	Trường ĐHSPHN	
38.	H2.02.03.03	Tập hồ sơ tài liệu chính thống của CSGD/Khoa	2019	Trường ĐHSPHN	
39.	H2.02.03.04	Trang thông tin điện tử của CSGD/khoa	2019	Khoa	
40.	H2.02.03.05	FB của Khoa Tiếng Anh: https://www.facebook.com/groups/794034067431219/ FB của LCD Khoa Tiếng Anh: https://www.facebook.com/groups/668272286546844/ Số tay sinh viên	2019	Khoa	

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

41.	H3.03.01.01	Chuẩn đầu ra CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Anh	2015	Trường ĐHSPHN	
42.	H3.03.01.02	Ma trận kỹ năng	2014	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
43.	H3.03.01.03	Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh THCS và THPT	2014	Trường ĐHSPHN	

44.	H3.03.01.04	Cây tín chỉ	2014	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
45.	H3.03.01.05	Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2015	Trường ĐHSPHN	
46.	H3.03.01.06	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	2015-2019	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
47.	H3.03.01.07	Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần.	2015-2019	Trường ĐHSPHN	
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng					
48.	H3.03.02.01	Chuẩn đầu ra CTĐT cử nhân sư phạm Tiếng Anh	2014	Trường ĐHSPHN	
49.	H3.03.02.02	Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh THCS và THPT	2014	Trường ĐHSPHN	
50.	H3.03.02.03	Ma trận kỹ năng	2014	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
51.	H3.03.02.04	Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần.	2015-2018	Trường ĐHSPHN	
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp					
52.	H3.03.03.01	Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh THCS và THPT	2014	Trường ĐHSPHN	
53.	H3.03.03.02	Cây tín chỉ	2014	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
54.	H3.03.03.03	Biên bản rà soát chương trình đào tạo ngành SPTA	11/2015	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
55.	H3.03.03.04	Những sự thay đổi trong chi tiết chương trình các bộ môn	2016-2019	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	

56.	H3.03.03.05	Biên bản họp xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo	5/2019-7/2019	Khoa Sư phạm tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
57.	H3.03.03.06	Chuẩn đầu ra ngành tiếng Anh	2019	Trường ĐHSPHN	
58.	H3.03.03.07	Khung chương trình SP Tiếng Anh	2019	Trường ĐHSPHN	
59.	H3.03.03.08	Chương trình đào tạo cử nhân SP Tiếng Anh	2019	Trường ĐHSPHN	

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

60.	H4.04.01.01	Đề án Quy hoạch tổng thể trường ĐHSPHN trọng điểm đến năm 2015	QĐ số 4230/QĐ-BGDĐT ngày 08/08/2005	Bộ GD&ĐT	
61.	H4.04.01.02	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành kế hoạch chiến lược trường ĐHSP giai đoạn 2017 – 2022, tầm nhìn 2030	Số 10822/ QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019	Trường ĐHSPHN	
62.	H4.04.01.03	Quyết định thành lập ban xây dựng “mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục trình độ đại học” trường ĐHSPHN	Số 11868/ĐHSPHN ngày 06/12/2019	Trường ĐHSPHN	
63.	H4.04.01.04	Công văn về việc góp ý Dự thảo triết lý giáo dục trình độ đại học	Số 94/ĐHSPHN-ĐBCL ngày 03/03/2020	Trường ĐHSPHN	
64.	H4.04.01.05	Quyết định ban hành triết lý giáo dục trình độ đại học trường ĐHSPHN	Số 930/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/05/2020	Trường ĐHSPHN	
65.	H4.04.01.06	https://hnue.edu.vn/Gioithieu/Gioithieuchung/Sumangtamnhinvagiatr.aspx		Trường ĐHSPHN	
66.	H4.04.01.07	Trang thông tin điện tử của khoa		Khoa Tiếng Anh	
67.	H4.04.01.08	Chương trình cử nhân SP Tiếng Anh	2014	Khoa Tiếng Anh	

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

68.	H4.04.02.01	Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người	07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015	BGDĐT	
-----	-------------	--	----------------------------------	-------	--

		<p>học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, TS</p> <p>Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học</p> <p>Quy chế đào tạo theo tín chỉ của trường ĐHSPHN</p>	<p>số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017</p> <p>Số 9779/QĐ-ĐHSPHN-ĐT 7/12/2017</p>	<p>BGDĐT</p> <p>Trường ĐHSP HN</p>	
69.	H4.04.02.02	Chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết các học phần Chương trình đào tạo cử nhân SP Tiếng Anh	2014 Bổ sung 2019	Trường ĐHSP HN	
70.	H4.04.02.03	Kế hoạch giảng dạy của giảng viên khoa Tiếng Anh	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
71.	H4.04.02.04	Web dạy học trực tuyến http://fitel.hnue.edu.vn		Trường ĐHSP	
72.	H4.04.02.05	http://daotao.hnue.edu.vn		Trường ĐHSP	
73.	H4.04.02.06	Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy	36/2003/QĐ-BGDĐT 1/8/2003	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
74.	H4.04.02.07	Quy chế thực tập sư phạm	452/QĐ-ĐHSPHN-ĐT 10/2/2017	Trường ĐHSP HN	
75.	H4.04.02.08	Phiếu thực tập sư phạm	2016-2019	Các trường phổ thông nơi sinh viên thực tập	
76.	H4.04.02.09	Thông báo, kế hoạch tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hội thi nghiệp vụ sư phạm của khoa và trường			
77.	H4.04.02.10	Cổng thông tin trực tuyến các môn ICT		Khoa Tiếng Anh	
78.	H4.04.02.11	Thống kê số lượng đề tài NCKH của khoa Anh trong các năm gần đây	2011-2019	Khoa Tiếng Anh	

79.	H4.04.02.12	Danh mục seminar khoa học đã được tổ chức của Khoa (trong các báo cáo tổng kết khoa)	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
80.	H4.04.02.13	Danh mục các NCKH của sinh viên và các hội nghị NCKH sinh viên	2012-2019	Khoa Tiếng Anh	
81.	H4.04.02.14	Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần	2015-2019	Trường ĐHSPHN	

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

82.	H4.04.03.01	Chương trình đào tạo chi tiết cử nhân SP Tiếng Anh	2014	Trường ĐHSPHN	
83.	H4.04.03.02	Kế hoạch tuần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2017-2019	Khoa Tiếng Anh	
84.	H4.04.03.03	Kế hoạch thực tập sư phạm	2015-2020	Khoa Tiếng Anh	
85.	H4.04.03.04	Quy chế thực tập sư phạm	452/QĐ-ĐHSPHN-ĐT 10/2/2017	Trường ĐHSPHN	
86.	H4.04.03.05	Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy	36/2003/QĐ-BGDĐT 1/8/2003	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
87.	H4.04.03.06	Quy chế đào tạo theo tín chỉ của trường ĐHSPHN	9779/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT 7/12/2017	Trường ĐHSPHN	
88.	H4.04.03.07	Đề cương chi tiết học phần PPNCKH		Khoa Tiếng Anh	
89.	H4.04.03.08	Danh mục các NCKH của sinh viên và các hội nghị NCKH sinh viên	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
90.	H4.04.03.09	Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng khóa ngành đào tạo	2015-2019	Trường ĐHSPHN	

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

91.	H5.05.01.01	Chuẩn đầu ra CTĐT https://hnue.edu.vn/Daotao/C/ huandaura/DaihocvaCaodang/ tabid/423/StdId/33/Default.aspx	2012	Khoa Tiếng Anh	
-----	-------------	--	------	----------------	--

92.	H5.05.01.02	Bản mô tả chương trình đào tạo giáo viên Tiếng Anh THCS & THPT	2015	Khoa Tiếng Anh	
93.	H5.05.01.03	Đề án tuyển sinh	2017 – 2019	Trường ĐHSPHN	
94.	H5.05.01.04	Đề cương chi tiết học phần	2015	Khoa Tiếng Anh	
95.	H5.05.01.05	Bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, mẫu phiếu đề tài, khóa luận	2015 – 2020	Khoa Tiếng Anh	
96.	H5.05.01.06	Mẫu phiếu chấm môn học	2018	Khoa Tiếng Anh	
97.	H5.05.01.07	Bài thi học phần và cuối kỳ	2018	Khoa Tiếng Anh	
98.	H5.05.01.08	Website trường ĐHSPHN https://hnue.edu.vn		Trường ĐHSPHN	
99.	H5.05.01.09	Sổ tay Sinh viên	2015 – 2019	Trường ĐHSPHN	
100.	H5.05.01.10	Chứng nhận hoàn thành tập huấn về soạn giáo án và sử dụng tài nguyên giảng dạy cấp bởi Cambridge English Chứng chỉ IELTS cấp bởi British Council	2014 2015	Cambridge English British Council	
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>					
101.	H5.05.02.01	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN	Số 9779/QĐĐHSP HN-ĐT ngày 07/12/2017	Trường ĐHSPHN	
102.	H5.05.02.02	Quy chế đào tạo Đại học trên website của trường ĐHSPHN: https://hnue.edu.vn/Daotao/DaotaoDaihoc/QuychedaotaoDaihoc.aspx		Trường ĐHSPHN	
103.	H5.05.02.03	- Công văn v/v Tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm học 2016 - 2017" - Công văn v/v Tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm học 2017 - 2018" - Công văn v/v Tổ chức "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV năm học 2018 - 2019"	- 388 /CV- ĐHSPHN ngày 23/08/2016 - 408 /CV- ĐHSPHN- CTCT-HSSV ngày 15/08/2017 - 1090 /ĐHSPHN- CTCT-HSSV	Trường ĐHSPHN	

			Ngày 14/08/2018		
104.	H5.05.02.04	Phần mềm quản lý đào tạo của trường ĐHSPHN http://daotao.hnue.edu.vn/		Trường ĐHSPHN	
105.	H5.05.02.05	Bảng điểm sinh viên	2015-2019	Trường ĐHSPHN	
106.	H5.05.02.06	Phiếu khảo sát ý kiến của người học	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
107.	H5.05.02.07	Danh sách cổ vấn học tập của Khoa Tiếng Anh	2018, 2019	Khoa Tiếng Anh	
108.	H5.05.02.08	Số theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học	2018 – 2019	Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng					
109.	H5.05.03.01	Quy định v/v tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN	Số 1067/QĐ-ĐHSPHN ngày 14/05/2020		
110.	H5.05.03.02	Cách thức kiểm tra, thi hết môn của các bộ môn	2019 – 2020	Khoa Tiếng Anh	
111.	H5.05.03.03	Phân công ra đề của HP4, Bộ môn Thực hành Tiếng	2018	Khoa Tiếng Anh	
112.	H5.05.03.04	Đáp án và hướng dẫn chấm cho môn Đọc-Viết Học phần 6	2018	Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập					
113.	H5.05.04.01	Các báo cáo tổng kết, sơ kết sau mỗi kì, năm học	2018 – 2019	Khoa Tiếng Anh	
114.	H5.05.04.02	Phản hồi kết quả và góp ý của giảng viên dành cho sinh viên	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
115.	H5.05.04.03	Kết quả kiểm tra pre-test và post-test môn Đọc-Viết 1 của K69E1 Khoa Tiếng Anh	2019	Khoa Tiếng Anh	
116.	H5.05.04.04	Kết quả điểm môn đọc viết 4 của K68M Khoa Tiếng Anh	2020	Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên					
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.					
117.	H6.06.01.01	Quyết định v/v ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường Đại học Sư phạm	QĐ số 3367/QĐ-ĐHSPHN,	Trường ĐHSPHN	

		Hà Nội giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030	15/10/2011		
118.		Quyết định về việc phê duyệt và ban hành kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2017 – 2022, tầm nhìn 2030	QĐ số 10882/QĐ- ĐHSPHN ngày 29/10/2019	Trường ĐHSPHN	
119.	H6.06.01.02	Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập	Quyết định số 102/ĐHSPHN- TCCB ngày 24/03/2015	Trường ĐHSPHN	
120.		Nghị quyết về việc thông qua Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHSPHN	Số 17/QĐ-NQ- HĐT ngày 23/12/2019	Trường ĐHSPHN	
121.	H6.06.01.03	Quy chế tuyển dụng viên chức của trường ĐHSPT Hà Nội	Số 1193/QĐ- ĐHSPHN ngày 6/4/2015	Trường ĐHSPHN	
122.	H6.06.01.04	QĐ số 909/QĐ-ĐHSPHN về việc ban hành quy chế xét tuyển đặc cách vào ngạch GV, NCV của trường ĐHSPHN	13/3/2015	Trường ĐHSPHN	
123.	H6.06.01.05	Quy định về quy trình xét bổ nhiệm chính thức vào chức danh nghề nghiệp	Số 129/CV- ĐHSPHN ngày 2/4/2013	Trường ĐHSPHN	
124.	H6.06.01.06	Quyết định v/v Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Quyết định số 8179/QĐ- ĐHSPHN, ngày 22/10/2018	Trường ĐHSPHN	
125.	H6.06.01.07	Công văn về xét chuyển chức danh nghề nghiệp;	Ghi rõ năm	Trường ĐHSPHN	
126.	H6.06.01.08	Thông báo về việc kéo dài thời gian công tác của giảng viên có trình độ tiến sĩ và cơ cấu Bộ môn	Ghi rõ năm	Trường ĐHSPHN	
127.		Quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và trình độ tiến sĩ kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu	Ghi rõ năm	Trường ĐHSPHN	
128.	H6.06.01.09	Một số quyết định tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
129.	H6.06.01.10	Một số hợp đồng tạo nguồn của sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	

130.	H6.06.01.11	Một số QĐ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
131.	H6.06.01.12	Thông kê cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên Khoa Tiếng Anh	Tính đến tháng 5/2020	Khoa Tiếng Anh	
132.	H6.06.01.13	Phiếu đăng ký đi học, đào tạo (đăng ký đào tạo của giảng viên) Kế hoạch đào tạo,	2015-2020	Khoa Tiếng Anh	
133.	H6.06.01.14	Danh sách cán bộ giảng viên của Khoa tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng hàng năm.	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
134.	H6.06.01.15	Kế hoạch cử cán bộ đi học tập, đào tạo nâng cao trình độ của khoa. Báo cáo kết quả đào tạo? Biên bản họp Tổ/Khoa sinh hoạt chuyên đề Báo cáo NCKH cấp Khoa	2015 - 2020	Trường	
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.					
135.	H6.06.02.01	Thông tư quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	Số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015	BGD&ĐT	
136.		Thông tư Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 06/2018/TT-BGDĐT, 28/02/2018	BGD&ĐT	
137.	H6.06.02.02	Tỉ lệ giảng viên/ người học ở khoa tiếng Anh	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
138.	H6.06.02.03	QĐ ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên trường ĐHSPHN	Công văn số 857/QĐ-ĐHSPHN-TCC	Trường ĐHSPHN	
139.		Sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường ĐHSPHN	Ban hành theo Quyết định số 8227/ĐHSPHN-TCCB ngày 24/10/2018	Trường ĐHSPHN	
140.	H6.06.02.04	Hệ thống quản lý giờ giảng của GV https://qInt.hnue.edu.vn/Account/Login		Trường ĐHSPHN	
141.	H6.06.02.05	Báo cáo tổng kết và phương hướng năm học	2015 – 2016; 2016 -2017; 2017 – 2018; 2018 – 2019; 2019 - 2020	Khoa Tiếng Anh	

142.	H6.06.02.06	Bảng thống kê về số lượng giờ giảng hàng năm của giảng viên (Bảng thống kê số lượng giờ dạy của một số cá nhân trên trang https://qInt.hnue.edu.vn/Account/Login)	Giai đoạn 2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
143.	H6.06.02.07	Dữ liệu về giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên (Một số bảng thống kê số lượng giờ NCKH trên trang quản lý cá nhân https://qInt.hnue.edu.vn/Account/Login)	Giai đoạn 2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
144.	H6.06.02.08	Bảng thống kê thanh toán tiền vượt giờ của GV	Giai đoạn 2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
145.	H6.06.02.09	Quy chế chi tiêu nội bộ	Ban hành theo quyết định số 2817/QĐ-ĐHSPHN-KHTC ngày 22/5/2017	Trường ĐHSPHN	
146.	H6.06.02.10	Thống kê công trình NCKH	Giai đoạn 2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
147.	H6.06.02.11	Thống kê các hoạt động phục vụ cộng đồng	2015 - 2020	Trường ĐHSPHN	
148.	H6.06.02.12	Danh sách một số các buổi Seminar cấp bộ môn và cấp khoa	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
149.	H6.06.02.13	Quyết định v/v ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của trường ĐHSPHN	Số 4806/QĐ-ĐHSPHN ngày 6/7/2017	Trường ĐHSPHN	
150.		Quy định công tác thi đua khen thưởng của trường ĐHSPHN	Số 2145/QĐ-ĐHSPHN ngày 6/5/2019	Trường ĐHSPHN	
151.	H6.06.02.14	Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của trường ĐHSPHN	Số 861/QĐ-ĐHSPHN-TCCB	P.TCCB	
152.	H6.06.02.15	Hồ sơ năng lực của GV, NCV		Khoa Tiếng Anh	
153.	H6.06.02.16	Bản Mô tả vị trí công việc của Khoa	2015	Khoa Tiếng Anh	
154.	H6.06.02.17	Kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng của giảng viên K.Tiếng Anh	2015 - 2020	Trường ĐHSPHN	

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

155.	H6.06.03.01	Đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng của Khoa	Ghi rõ năm	Khoa Tiếng Anh	
156.	H6.06.03.02	Thông báo tuyển dụng của trường ĐHSPTH năm 2015, 2018, 2020	2015, 2018, 2020	Trường ĐHSPTH	
157.	H6.06.03.03	Luật giáo dục	Luật số 43/2019/QH14	Quốc hội	
158.	H6.06.03.04	Luật giáo dục đại học	Luật số 08/2012/QH13	Quốc hội	
159.	H6.06.03.05	Luật viên chức	Luật số 58/2010/QH12	Quốc hội	
160.	H6.06.03.06	Kết quả thi tuyển viên chức	2015, 2018	Trường ĐHSPTH	
161.	H6.06.03.07	Một số quyết định tuyển dụng	Một số quyết định tuyển dụng	Trường ĐHSPTH	
162.	H6.06.03.08	Một số biên bản họp cấp bộ môn về việc lấy phiếu tín nhiệm	Một số biên bản họp cấp bộ môn về việc lấy phiếu tín nhiệm	Bộ môn; Khoa	
163.	H6.06.03.09	Một số quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại	Một số quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại	Trường ĐHSPTH	

Tiêu chí: 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

164.	H6.06.04.01	Quy định về trình độ ngoại ngữ, tiếng Anh theo công văn 472, bổ sung công văn số 315 và 213	Công văn số 58/ĐHSPTH-TCCB ban hành ngày 29/01/2018	Trường	
165.	H6.06.04.02	Một số biên bản họp đánh giá phân loại giảng viên cấp bộ môn và cấp Khoa	2015 - 2020		
166.	H6.06.04.03	Báo cáo chất lượng giảng dạy học phần	2015 - 2020		
167.	H6.06.04.04	Công văn v/v Bình xét danh hiệu thi đua và công tác khen thưởng năm học	2015 - 2020		
168.	H6.06.04.05	Công văn về kết quả đánh giá, phân loại giảng viên, nghiên cứu viên hằng năm giai đoạn 2015-2020:	CV 8493/QĐ-ĐHSPTH ban hành ngày 31/07/2019 (Bổ sung CV các năm học còn thiếu trong giai đoạn đánh giá từ 2015 – 2020)	Trường ĐHSPTH	
169.	H6.06.04.06	Thông báo v/v Kết quả bình xét các danh hiệu thi đua cơ sở	249/TB-ĐHSPTH-	Trường ĐHSPTH	

		năm học năm học 2014-2015; 2015-2016; 2016 – 2017; 2017 - 2018:	TCCB, 24/6/2015; 280/ĐHSPHN-TCCB, 28/6/2016; 350 /TB-ĐHSPHN-TCCB, 13/7/2017; 399 /TB-ĐHSPHN-TCCB, 3/8/2018.		
<i>Tiêu chí: 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i>					
170.	H6.06.05.01	Mẫu Bản đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV	2017	Phòng TCCB	
171.	H6.06.05.02	Danh sách đăng kí đào tạo bồi dưỡng của giảng viên khoa tiếng Anh	2017	Khoa Tiếng Anh	
172.	H6.06.05.03	Danh sách đội ngũ GV toàn trường đăng ký đào tạo, bồi dưỡng		Phòng TCCB	
173.	H6.06.05.04	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm của trường	2015 - 2020	Phòng TCCB	
174.	H6.06.05.05	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng của Trường	2015 - 2020	P.KHTC	
175.	H6.06.05.06	Kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên	2017, 2018, 2019	Khoa Tiếng Anh	
176.	H6.06.05.07	Kế hoạch tuyển nhân sự và tạo nguồn cho tổ và khoa	2017	Khoa Tiếng Anh	
177.	H6.06.05.08	Công văn quy định về việc hoàn thành Tiến sĩ của giảng viên	29/1/2018	Trường ĐHSPHN	
178.	H6.06.05.09	Danh sách giảng viên làm NCS giai đoạn 2015-2020	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
179.	H6.06.05.10	Giảng viên hoàn thành thạc sỹ, tiến sỹ	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
180.	H6.06.05.11	Thống kê danh sách GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
181.	H6.06.05.12	Giảng viên tham gia khóa bồi dưỡng liên kết nước ngoài	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
182.	H6.06.05.13	Quyết định về việc cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng giám khảo chấm nói viết (tại Trường	QĐ số 8203/QĐ-	Trường ĐHSPHN	

		Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)	ĐHSPHN ngày 23/10/2018		
183.	H6.06.05.14	Quyết định về việc cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ ra đề (Tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế)	QĐ số 1874/QĐ-ĐHSPHN ngày 3/5/2019	Trường ĐHSPHN	
184.	H6.06.05.15	Một số khóa học về kiểm tra đánh giá, tập huấn nghiệp vụ sư phạm online, phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng					
185.	H6.06.06.01	Biên bản nhận xét đánh giá giờ giảng	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
186.	H6.06.06.02	Các mẫu tự đánh giá cuối năm của giảng viên, bản tự khai thành tích		Trường ĐHSPHN	
187.	H6.06.06.03	Thống kê các công trình, đề tài các cấp của giảng viên khoa tiếng Anh hằng năm giai đoạn 2015-2020	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
188.	H6.06.06.04	Thống kê sách, giáo trình và tài liệu tham khảo khoa Tiếng Anh giai đoạn 2015 - 2020	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
189.	H6.06.06.05	Danh sách viên chức được đề nghị nâng lương trước thời hạn	2019	Khoa tiếng Anh	
190.	H6.06.06.06	Quyết định tặng bằng khen của Thủ tướng Bộ trưởng BGDĐT	464/QĐ-TTG 2858/QĐ-BGDĐT 4419/QĐ-BGDĐT 4890/QĐ-BGDĐT 5334/QĐ-BGDĐT	VPCP BGDĐT	
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng					
191.	H6.06.07.01	Công văn quy định về hoạt động khoa học và công nghệ	856/QĐ-ĐHSPHN-KHCN ban hành ngày 06/03/2017	P. KHCN - ĐHSPHN	
192.	H6.06.07.02	Tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học		P.KHCN	
193.	H6.06.07.03	Quyết định thành lập Quỹ hỗ trợ khen thưởng KHCN	QĐ số 274/QĐ ĐHSPHN-KH, ngày 09/02/2009	Trường ĐHSPHN	

194.		Quyết định về việc điều chỉnh tên gọi “Quỹ hỗ trợ khen thưởng Khoa học và công nghệ và ban hành quy chế Giải thưởng khoa học công nghệ của Trường ĐHSPh Hà Nội	QĐ số: 844/QĐ-ĐHSPhN-KHCN ngày 12/03/2019	Trường ĐHSPhN	
195.	H6.06.07.04	Báo cáo tổng kết năm học và Phương hướng nhiệm vụ năm học		Khoa Tiếng Anh	
196.	H6.06.07.05	Thống kê số lượng bài báo của GV Khoa Tiếng Anh		Khoa Tiếng Anh	
197.	H6.06.07.06	Thống kê số lượng GV báo cáo tại các hội thảo trong nước và quốc tế		Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên					
<i>Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>					
198.	H7.07.01.01	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2011-2020 tầm nhìn 2030	QĐ số 3367/QĐ-ĐHSPhN, 15/10/2011	Trường ĐHSPhN	
199.	H7.07.01.02	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2017 – 2022, tầm nhìn 2030	QĐ số 10882/QĐ-ĐHSPhN ngày 29/10/2019	Trường ĐHSPhN	
200.	H7.07.01.03	Mô tả danh mục vị trí việc làm năm 2019 của trường ĐHSPhN Nghị quyết về việc thông qua Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHSPhN	Số 1816/ĐHSPhN-TCCB ban hành ngày 23/12/2019 Số 17/QĐ-NQ-HĐT ngày 23/12/2019	Đại học Sư phạm Hà Nội Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
201.	H7.07.01.04	Mô tả danh mục vị trí việc làm của Khoa Tiếng Anh	23.9.2013	Khoa Tiếng Anh	
202.	H7.07.01.05	Quy chế tuyển dụng viên chức của Trường ĐHSPhN	Số 1193/QĐ-ĐHSPhN ngày 6/4/2015	Đại học Sư phạm Hà Nội	
203.	H7.07.01.06	Quyết định về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPhN	Số 859/QĐ-ĐHSPhN-TCCB ban hành ngày 06/03/2017	Phòng tổ chức cán bộ, Trường ĐHSPhN	

204.	H7.07.01.07	Danh sách đội ngũ nhân viên toàn trường	31.12.2019	Phòng Tổ chức cán bộ, trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
205.	H7.07.01.08	Hồ sơ, lí lịch của đội ngũ nhân viên thư viện của Trường, Khoa	31.12.2019	P.TCCB	
206.	H7.07.01.09	Danh sách đội ngũ cán bộ TT CNTT	31.12.2019	P. TCCB	
207.	H7.07.01.10	Hồ sơ lí lịch của đội ngũ nhân viên các phòng ban		Thông tin cá nhân	
208.	H7.07.01.11	QĐ ban hành Quy định thời gian làm việc của công chức, viên chức và người lao động	Số 8215/QĐ-ĐHSPHN ngày 10/6/2017	Trường ĐHSPHN	
209.	H7.07.01.12	Danh mục sách phòng tư liệu Khoa Tiếng Anh	Ghi rõ năm	Khoa Tiếng Anh	
210.	H7.07.01.13	Bảng thống kê số lượng tài liệu, các dạng tài liệu TTTT-TV Trường ĐHSPHN	5/2020	TT Thông tin – Thư viện	
211.	H7.07.01.14	Website Khoa Tiếng Anh		Khoa Tiếng Anh	
212.	H7.07.01.15	Phiếu điều tra sinh viên, học viên và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của thư viện của Trường		Trung tâm thông tin thư viện	
213.	H7.07.01.16	Phiếu điều tra và báo cáo đánh giá của sinh viên, học viên và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của thư viện của Trường	Báo cáo số 06/BC-TV ngày 7/5/2018	Trung tâm thông tin thư viện	
214.	H7.07.01.17	Báo cáo khảo sát mức độ đáp ứng của đội ngũ cán bộ hành chính	2019	TT Đảm bảo chất lượng	
215.	H7.07.01.18	Báo cáo chất lượng ngành/khóa đào tạo	2015 - 2020	TT Đảm bảo chất lượng	
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai					
216.	H7.07.02.01	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển viên chức giữ chức vụ quản lý.	QĐ số 2876/QĐ-ĐHSPHN ngày 26/5/2017	Đại học Sư phạm Hà Nội	
217.	H7.07.02.02	Thông báo thi tuyển viên chức năm 2015	Ngày 15/10/2015	Đại học Sư phạm Hà Nội	

218.	H7.07.02.03	Thông báo thi tuyển viên chức năm 2018	Ngày 4/9/2018	Đại học Sư phạm Hà Nội	
219.	H7.07.02.04	Thông báo thi tuyển viên chức năm 2020	TB số 61/TB-ĐHSPHN ngày 11/2/2020	Trường ĐHSPHN	
220.		TB bổ sung chỉ tiêu thi tuyển viên chức năm 2020	TB số 64/TB-ĐHSPHN ngày 13/2/2020	Trường ĐHSPHN	
221.	H7.07.02.05	Quyết định về việc ban hành Quy định xét tuyển đặc cách vào ngạch giảng viên, nghiên cứu viên của trường Đại học Sư phạm Hà Nội.	QĐ số 909/QĐ-ĐHSPHN ngày 13/03/2015	Đại học Sư phạm Hà Nội	
222.	H7.07.02.06	Quyết định công bố kết quả thi tuyển và tuyển dụng viên chức năm 2018	QĐ số 9728/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/11/2018	Đại học Sư phạm Hà Nội	
223.	H7.07.02.07	Quy định về quy trình xét bổ nhiệm chính thức vào chức danh nghề nghiệp	QĐ số 129/CV-ĐHSPHN ngày 02 tháng 04 năm 2013	Đại học Sư phạm Hà Nội	
224.	H7.07.02.08	Biên bản họp liên tịch về quy hoạch cán bộ (xác định số CB cần tuyển dụng)	Ngày 03/08/2017	Khoa Tiếng Anh, ĐHSPHN	
225.	H7.07.02.09	Danh sách các nhân viên làm việc tại Khoa	12/2018	Khoa Tiếng Anh	
226.	H7.07.02.10	Hợp đồng làm việc xác định thời hạn		Khoa Tiếng Anh	
227.	H7.07.02.11	Tổng hợp môn dạy của Khoa Tiếng Anh năm học từ 2015 - 2020 Tổng hợp môn dạy của Khoa Tiếng Anh năm học 2019 - 2020		Khoa Tiếng Anh	
228.	H7.07.02.12	QĐ bổ nhiệm cá nhân	QĐ số 1271/QĐ-ĐHSPHN ngày 2/4/2019 QĐ số 1273/QĐ-ĐHSPHN ngày 2/4/2019	Phòng Tổ chức cán bộ, trường ĐHSPHN	
229.	H7.07.02.13	QĐ điều chuyển nhân viên Nguyễn Tùng Sơn	2019	Trường ĐHSPHN	
230.	H7.07.02.14	Công văn v/v góp ý Dự thảo "Quy định về công tác đánh giá cán bộ"	441/ĐHSPHN-HCTH ngày 09/10/2015	Trường ĐHSPHN	

231.	H7.07.02.15	Công văn v/v góp ý Dự thảo “ Đề án vị trí việc làm”.		Trường ĐHSPHN	
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá					
232.	H7.07.03.01	Văn bằng, chứng chỉ của NV khỏi VP		Hồ sơ cá nhân	
233.	H7.07.03.02	Quy định đánh giá phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của Trường ĐHSPT Hà Nội	Quyết định số 861/QĐ- ĐHSPHN- TCCB, ngày 6/3/2017	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường ĐHSPHN	
234.	H7.07.03.03	Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục	Số 22/2018/TT- BGDDT ngày 28/08/2018	Bộ Giáo dục Đào tạo	
235.	H7.07.03.04	Mẫu Phiếu đánh giá cá nhân hàng tháng Mẫu phiếu đánh giá cá nhân cuối năm		Trường ĐHSPHN	
236.	H7.07.03.05	Biên bản họp bộ môn đánh giá xếp loại viên chức	2015 - 2020	Các bộ môn trực thuộc Khoa Tiếng Anh	
237.	H7.07.03.06	Biên bản họp đánh giá, phân loại viên chức hành chính năm 2018 Biên bản họp đánh giá, phân loại viên chức hành chính năm 2020	Ngày 2/8/2018 Ngày 3/2/2020	Khoa Tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
238.	H7.07.03.07	Biên bản họp Khoa tổng kết năm học Biên bản họp Khoa về xếp loại thi đua đối với cán bộ cuối năm, năm học 2017 - 2018 Biên bản họp Khoa tổng kết năm học Biên bản họp Khoa về xếp loại thi đua đối với cán bộ cuối năm, năm học 2018 - 2019	Ngày 14/06/2018 Ngày 7/6/2019	Khoa Tiếng Anh, Trường ĐHSPHN	
239.	H7.07.03.08	Quy chế chi tiêu nội bộ	QĐ số 2817/ QĐ-ĐHSPHN ngày 01/06/2017	Trường ĐHSP Hà Nội	
240.	H7.07.03.09	Quyết định công nhận đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động năm học 2018 - 2019	Quyết định số 8493/QĐ- ĐHSPHN ngày 31/07/2019	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường ĐHSPHN	
241.	H7.07.03.10	Mẫu phiếu và báo cáo khảo sát mức độ đáp ứng của cán bộ hành chính	2019	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	
242.	H7.07.03.11	Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả chất lượng đào tạo sinh	2015 - 2020	Trung tâm Đảm bảo	

		viên vừa tốt nghiệp - Trường ĐHSPHN		chất lượng	
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó					
243.	H7.07.04.01	Bản đăng kí khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân.		Trường ĐHSPHN Khoa Tiếng Anh Cá nhân	
244.	H7.07.04.02	Bảng tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của Khoa.		Khoa Tiếng Anh	
245.	H7.07.04.03	Danh sách đội ngũ nhân viên đăng ký được đào tạo, bồi dưỡng toàn trường.		Trường ĐHSPHN	
246.	H7.07.04.04	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên.	2015 - 2020	Trường ĐHSPHN	
247.	H7.07.04.05	Tổng hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng	2015 - 2020	P. KHTC	
248.	H7.07.04.06	Một số quyết định cử đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ Trường ĐHSPHN.	2015 - 2020	Trường ĐHSPHN Cá nhân	
249.	H7.07.04.07	Một số văn bằng, chứng chỉ của nhân viên được cử đi học Trường ĐHSPHN.		Cá nhân	
250.	H7.07.04.08	Chứng chỉ bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của 2 nhân viên thực hiện CTĐT Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh giai đoạn 2015 - 2020.	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
251.	H7.07.04.09	Danh sách các viên chức được cử đi đào tạo và bồi dưỡng.	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng					
252.	H7.07.05.01	Quy định công tác thi đua khen thưởng Trường ĐHSPHN	Số 4806 /QĐ-ĐHSPHN, ngày 6/7/2017	Trường ĐHSPHN	
253.	H7.07.05.02	Bản hợp Khoa đầu năm phân công công việc và đăng ký danh hiệu thi đua	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
254.	H7.07.05.03	- Các quyết định khen thưởng của GV, NCV công đoàn, đảng, giải thưởng NCKH...) - Giấy khen của cá nhân	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	

255.	H7.07.05.04	Các quyết định tăng lương trước niên hạn, cá nhân	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh; Trường ĐHSPHN	
256.	H7.07.05.05	Quyết định về thành lập Tổ kiểm tra hành chính của Trường	QĐ Số 3148/QĐ-ĐHSPHN ngày 05/06/2017	Trường ĐHSP Hà Nội	
257.	H7.07.05.06	Biên bản họp tổ bộ môn, báo cáo Kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ năm học.	Ghi rõ năm	Khoa Tiếng Anh	
258.	H7.07.05.07	Biên bản đóng góp ý kiến của các buổi họp Khoa, bình xét thi đua cuối năm, hội nghị CBCC hàng năm tại Khoa	2015 - 2020	Khoa Tiếng Anh	
259.	H7.07.05.08	Công văn về việc góp ý Dự thảo Quy định về công tác đánh giá cán bộ và Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 441/ĐHSPHN-HCTH ngày 9/10/2015	Trường ĐHSPHN	
260.	H7.07.05.09	Công văn về việc góp ý Dự thảo Quy định về công tác thi đua khen thưởng	Số 297/TCCB-ĐHSPHN ngày 26/06/2017	Trường ĐHSPHN	

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

261.	H8.08.01.01	Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2015	Số 338/CV-ĐHSPHN-TS, ngày 06 tháng 04 năm 2015	Trường ĐHSPHN	
		Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2016	Số: 136/BC-ĐHSPHN-TS ngày ngày 29 tháng 01 năm 2016	Trường ĐHSPHN	
262.	H8.08.01.02	Đề án Tuyển sinh	2017-2019	Trường ĐHSPHN	
263.	H8.08.01.03	Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy	2015, 2016	Bộ GD&ĐT	
264.	H8.08.01.04	Quy chế tuyển sinh hệ đại học chính quy; Tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy	Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017	Bộ GD&ĐT	
265.	H8.08.01.05	- Trang web của trường - Chuyên trang tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh www.hnue.edu.vn , www.tuyensinh.hnue.edu.vn ,		Trường ĐHSPHN	

		https://www.facebook.com/tuyensinhdhsphn			
266.	H8.08.01.06	Cơ sở dữ liệu, thông kê kết quả TS (Danh sách thí sinh trúng tuyển và điểm chuẩn các năm)	2015-2019	Trường ĐHSPHN	
267.	H8.08.01.07	Biên bản cuộc họp lấy ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh		Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá					
268.	H8.08.02.01	Quy định xét tuyển sinh hệ chính quy năm 2015 của trường ĐHSPHN	Số 310/ĐHSPHN-ĐT ngày 30.07.2015	Trường ĐHSPHN	
269.	H8.08.02.02	Qui định xét tuyển sinh đại học hệ chính qui năm 2016 của trường đại học sư phạm hà nội: https://hnue.edu.vn/Tintuc-Sukien/Trangtintonghop/tabid/260/news/2705/ThongbaoXet_tuyensinhdaihochechinhquina_m2016cuatruongDHSPHaNoi.aspx			
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học					
270.	H8.08.03.01	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học sư phạm Hà Nội.	9779/QĐĐHSP HN-ĐT ngày 7/12/2017	Trường ĐHSP Hà Nội	
271.	H8.08.03.02	Quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học sư phạm Hà Nội.	Ban hành theo quyết định số 2479/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 3/5/2018 của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN	Trường ĐHSP Hà Nội	
272.	H8.08.03.03	Sổ tay sinh viên	2015-2019	Trường ĐHSP Hà Nội	
273.	H8.08.03.04	Quy định nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Ban Giám hiệu và các phòng ban	Số 1446/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/04/2016	Trường ĐHSP Hà Nội	
274.	H8.08.03.05	Danh sách cán bộ làm công tác cố vấn học tập	8118/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 18/10/2019	Khoa Tiếng Anh	
275.	H8.08.03.06	Phân công nhiệm vụ của giáo vụ khoa		Khoa Tiếng Anh	

276.	H8.08.03.07	Hệ thống Quản lý theo học chế tín chỉ và quản lý điểm của GV khoa: http://daotao.hnue.edu.vn		Trường ĐHSPHN	
277.	H8.08.03.08	Bản mô tả Chương trình đào tạo	2014	Trường ĐHSPHN	
278.	H8.08.03.09	Phần mềm quản lý của giáo vụ			
279.	H8.08.03.10	Kết quả học tập/ rèn luyện hàng năm của SV	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
280.	H8.08.03.11	Biên bản xét lên lớp, dừng học, thôi học các năm học	2015-2019	Phòng Đào tạo	
281.	H8.08.03.12	Biên bản xét tốt nghiệp các năm		Khoa Tiếng Anh	
<i>Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học</i>					
282.	H8.08.04.01	Quyết định về phân công cố vấn học tập qui định về công tác cố vấn học tập	Số 5062/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 24/07/2018 Số 12020/ QĐ-ĐHSPHN ngày 16/12/2019	Trường ĐHSPHN	
283.	H8.08.04.02	Chương trình tập huấn công tác CVHT năm học 2019-2020	8118/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 18/10/2019	Trường ĐHSPHN	
284.	H8.08.04.03	- Kế hoạch v/v Tổ chức tuần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm năm học 2017 - 2018. - Kế hoạch tổ chức tuần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm năm học 2018 – 2019 - Kế hoạch tổ chức tuần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm năm học 2019 – 2020	- 525 /ĐHSPHN-ĐT 31/10/2017 - 570 /ĐHSPHN-ĐT 10/23/2018 - 478 /KH-ĐHSPHN 11/10/2019		
285.	H8.08.04.04	Danh sách SV theo học CTĐT tham gia nhóm nghiên cứu, cuộc thi nghiệp vụ sư phạm, thể thao ...		Khoa Tiếng Anh	
286.	H8.08.04.05	Báo cáo hàng năm về các hoạt động ngoại khóa (trong báo cáo tổng kết khoa), hình ảnh minh chứng có tổ chức các hđ ngoại khóa cho người học.	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
287.	H8.08.04.06	Hình ảnh các Hội nghị NCKH của sinh viên		Khoa tiếng Anh	

288.	H8.08.04.07	Danh sách các cơ sở đào tạo liên kết với CSGD, trong việc hỗ trợ thực hành, thực tập.		Khoa Tiếng Anh	
289.	H8.08.04.08	Công văn tổ chức ngày hội việc làm Thông báo tổ chức Ngày hội việc làm: https://hnue.edu.vn/Tintuc-Sukien/Trangtintonghop/tabid/260/news/8046/ThongbaovenhucautuyendungsinhvientotnghieptuDHSPHaNoicuacacnhatuyendung.aspx	147 /ĐHSPHN-CTCT-HSSV ngày 04/10/2018		
290.	H8.08.04.09	Danh sách các đơn vị đăng ký tuyển dụng tham gia Ngày hội việc làm	2019		
291.	H8.08.04.10	Báo cáo kết quả khảo sát: hiệu quả, chất lượng đào tạo sinh viên vừa tốt nghiệp	2015, 2017, 2019	TT Đảm bảo chất lượng	
292.	H8.08.04.11	Báo cáo tình hình việc làm SV sau tốt nghiệp 2019	2015-2019	TT Đảm bảo chất lượng	
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học					
293.	H8.08.05.01	Sơ đồ bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, phòng khoa...		Phòng Quản trị	
294.	H8.08.05.02	Các bảng/biểu phổ biến nội quy/quy tắc ứng xử trong CSGD		Trường ĐHSPHN	
295.	H8.08.05.03	Sơ đồ tòa nhà D3		Phòng Quản trị	
296.	H8.08.05.04	Biên bản kiểm tra/nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy	472B (5/1/2015)	Cảnh sát PCCC TP Hà Nội	
297.	H8.08.05.05	Thông báo khám sức khỏe		Phòng Quản trị	
298.	H8.08.05.06	Dữ liệu Y tế học đường đối với SV của CTĐT		Phòng Quản trị	
299.	H8.08.05.07	Hợp đồng cung cấp dịch vụ Vệ sinh, báo cáo sơ kết của ban An toàn và vệ sinh lao động	57/ĐHSPHN (28/12/2018)	Phòng Quản trị	
300.	H8.08.05.08	Kế hoạch cải tạo đầu tư CSVC	2015-2019	Phòng Quản trị	
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị					

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu

301.	H9.09.01.01	Bản đồ Trường ĐHSP Hà Nội	2019	Trường ĐHSP Hà Nội	
302.	H9.09.01.02	Thông báo Công khai cơ sở vật chất năm học 2018-2019	25/11/2019	Trường ĐHSP Hà Nội	
303.	H9.09.01.03	Danh mục trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo	13/12/2019	Trường ĐHSP Hà Nội	
304.	H9.09.01.04	Danh mục trang thiết bị phòng học	2019		
305.	H9.09.01.05	Quyết định thành lập trung tâm ĐBCL và khảo thí Quy định quản lý Trung tâm NCKH Tài liệu hướng dẫn các công việc thuộc nhóm quản lý các trung tâm NCKH	21/03/2005 11352/QĐ-ĐHSPHN 22/12/2015 15/03/2017	Trường ĐHSP Hà Nội Trường ĐHSP Hà Nội Phòng KHCN	
306.	H9.09.01.06	Hệ thống các phòng chức năng của trung tâm thông tin thư viện	2019	Trung tâm thông tin thư viện	
307.	H9.09.01.07	Biên bản kiểm kê tài sản cố định khoa tiếng Anh	2019	Khoa Tiếng Anh	
308.	H9.09.01.08	Lịch phân công giảng dạy học kì 1 – năm học 2019-2020	2019	Khoa Tiếng Anh	
309.	H9.09.01.08	Quy chế chi tiêu nội bộ	Ban hành theo Quyết định số 2817/ĐHSPHN-PQT ngày 22/5/2017 Và QĐ số 5836/ĐHSPHN-KHTC 22/11/2012	Khoa Tiếng Anh	
310.	H9.09.01.09	Bảng đề xuất mua sắm trang thiết bị năm 2019	14/03/2019	Khoa Tiếng Anh	
311.	H9.09.01.10	Quyết định về việc công khai Phân bổ dự toán kinh phí	1714/DQQ-ĐHSP Hà Nội ngày 29/04.2016	ĐHSP Hà Nội	

312.	H9.09.01.11	Báo cáo kết quả khảo sát chất lượng đào tạo của sinh viên vừa tốt nghiệp	2015, 2017, 2019	Trung tâm ĐBCL	
Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu					
313.	H9.09.02.01	Trang web của TT TT-TV http://lib.hnue.edu.vn/		TT Thông tin thư viện	
314.	H9.09.02.02	Hệ thống các phòng chức năng của Trung tâm thông tin thư viện trường ĐHSP Hà Nội		TT Thông tin thư viện	
315.	H9.09.02.03	Nội quy TT TT-TV		TT Thông tin thư viện	
316.	H9.09.02.04	Ảnh chụp giao diện phần mềm Libol, phân hệ mượn trả Đường link tra tìm tài liệu http://opac.hnue.edu.vn/ Hướng dẫn tra cứu tài liệu Hướng dẫn khai thác thư viện số	2019	TT Thông tin thư viện	
317.	H9.09.02.05	Danh mục kiểm kê cơ sở vật chất trang thiết bị thư viện	2019	TT Thông tin thư viện	
318.	H9.09.02.06	Quy định, hợp đồng làm thẻ bạn đọc đặc biệt. Thông báo về việc rà soát quyền truy cập thẻ Bạn đọc đặc biệt	2014-2019 405/TB-ĐHSPHN-TTTV	TT Thông tin thư viện ĐHSP Hà Nội	
319.	H9.09.02.07	Các hợp đồng đặt mua sách, báo chí hàng năm Phần Hợp đồng Turnitin HĐ Proquest Central	2015-2019 02/2019/HĐ-HNUE-TVST 01/LHTV-ITGVN-HNUE/2018	TT Thông tin thư viện ĐHSP Hà Nội ĐHSP Hà Nội	
320.	H9.09.02.08	Thông báo bổ sung tài liệu hàng năm	2015-2019	TT Thông tin thư viện	
321.	H9.09.02.09	Các đường link nguồn học liệu mở	2019	TT Thông tin thư viện	
322.	H9.09.02.10	Phiếu khảo sát, điều tra, lấy ý kiến+ báo cáo	2017-2019	TT Thông tin thư viện	
323.	H9.09.02.11	Danh mục sách tại phòng tư liệu của khoa Tiếng Anh	2019	Khoa Tiếng Anh	
324.	H9.09.02.12	Đề cương chi tiết học phần các môn tiếng Anh	2018-2019	Khoa Tiếng Anh	
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu					

325.	H9.09.03.01	Thông báo Công khai cơ sở vật chất năm học 2018-2019	25/11/2019	Trường ĐHSP Hà Nội	
326.	H9.09.03.02	Danh mục trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo Báo cáo kiểm kê csvc, trang thiết bị	13/12/2019 2018-2019	Trường ĐHSP Hà Nội P. KHCN	
327.	H9.09.03.03	Quyết định thành lập và Cơ sở vật chất Trung tâm NC&PT NVSP	QĐ số 1206/QĐ - ĐHSPHN, ngày 05/10/2013	Trường ĐHSPHN Trung tâm NC&PT NVSP http://ttnvsp.hnue.edu.vn/	
328.	H9.09.03.04	Phòng thực hành NVSP	2019	Trung tâm NC&PT NVSP http://ttnvsp.hnue.edu.vn/	
329.	H9.09.03.05	Văn bản giao nhiệm vụ và danh sách cán bộ quản lý phòng thí nghiệm, thực hành Nội quy phòng thực hành, phòng thí nghiệm	2019	Trường ĐHSPHN	
330.	H9.09.03.06	Sơ đồ phòng học tại nhà K Danh mục csvc, trang thiết bị tại phòng máy Hình ảnh phòng máy, sơ đồ máy chiếu...	2019	Phòng máy K1	
331.	H9.09.03.07	Chương trình đào tạo	2019	Khoa Tiếng Anh	
332.	H9.09.03.08	Nội quy phòng máy	2019	Phòng máy K1	
333.	H9.09.03.09	Nhật ký sử dụng phòng máy	2019	Phòng máy K1	
334.	H9.09.03.10	Báo cáo kết quả khảo sát chất lượng đào tạo của sinh viên	2015, 2017, 2019	Trung tâm ĐBCL	

		vừa tốt nghiệp			
Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu					
335.	H9.09.04.01	Thống kê số lượng máy tính hàng năm của trường/ khoa	1.TB số 437/TB-ĐHSPHN ngày 04/09/2019 v/v thống kê số lượng máy tính	Trường ĐHSP Hà Nội	
336.	H9.09.04.02	Quyết định ban hành quy trình chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của ban giám hiệu và các đơn vị Hình ảnh website trung tâm CNTT https://ict.hnue.edu.vn/	QĐ số 1446/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/04/2016	Trường ĐHSPHN Trung tâm CNTT	
337.	H9.09.04.03	Báo cáo về mạng lưới CNTT Sơ đồ mạng của trường Công văn về việc bồi dưỡng trực tuyến cho cán bộ QLGD, giáo viên tỉnh Điện Biên, Ninh Bình	2019 Công văn số 597/ĐHSPHN-ĐTBDTX, ngày 08/05/2018 Công văn số 655/ĐHSPHN-ĐTBDTX, ngày 17/05/2018	Trường ĐHSPHN Trung tâm CNTT	
338.	H9.09.04.04	Quyết định về việc tập huấn, nâng cao nghiệp vụ đào tạo trực tuyến	Số 339, ngày 10/02/2002	Trường ĐHSP Hà Nội	
339.	H9.09.04.05	Trang Đào tạo trực tuyến	Hướng dẫn số 75, ngày 19/02/2020	Trường ĐHSP Hà Nội	
340.	H9.09.04.06	Kho học liệu trực tuyến https://vinskills.vn/kho-hoc-lieu-truc-tuyen-dh-su-pham/	2020	<u>Trường ĐHSPHN</u>	
341.	H9.09.04.07	Cổng Thông tin điện tử https://hnue.edu.vn/	2020	<u>Trường ĐHSPHN</u>	
342.	H9.09.04.08	Quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng Quy chế hoạt động của cổng thông tin điện tử	Số 3891/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/06/2017 Số 3193/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/06/2017	Trường ĐHSPHN	

343.	H9.09.04.09	Các hợp đồng, hóa đơn mua mới, bảo trì hệ thống mạng và các trang thiết bị CNTT	<p>1. Hợp đồng kinh tế số 0709/HĐKT/TT HN-ĐHSPHN ngày 15-12-2015</p> <p>2. Hợp đồng kinh tế số 01.16/HĐKT/T THN_ĐHSPHN ngày 21-12-2016</p> <p>3. Hợp đồng kinh tế số 01.16/HĐKT/T THN_ĐHSPHN ngày 21-12-2016</p> <p>4. Hợp đồng kinh tế số 1205/002QM20 17 ngày 17-08-2017</p> <p>5. Hợp đồng kinh tế số 1810/002QM20 17 ngày 17-08-2017</p> <p>6. Hợp đồng kinh tế số 120019/HĐKT-VIETTUAN-HNUE/19 ngày 19-12-2019</p> <p>7. Hợp đồng kinh tế số 36/HĐKT ngày 09-12-2019</p> <p>8. Hợp đồng kinh tế số 2810/2019/HĐKT/T/THN-ĐHSPHN ngày 23-12-2019</p>	TT CNTT	
344.	H9.09.04.10	Đề án về Nâng cao năng lực cơ sở vật chất hạ tầng CNTT	<p>1. QĐ 9047/QĐ-ĐHSPH ngày 23/8/2019</p> <p>2. Số 10407/TTr-ĐHSPHN ngày 14/10/2019</p> <p>3. QĐ 3951/QĐ-</p>	P. KHCN	

			BGDĐT ngày 24/10/2019		
345.	H9.09.04.11	Báo cáo kết quả khảo sát chất lượng đào tạo của sinh viên vừa tốt nghiệp	2015, 2017, 2019	Trung tâm ĐBCL	
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.					
346.	H9.09.05.01	Các bộ luật, quy định của Pháp luật hiện hành có liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường	Nghị định 80/2017/NĐ-CP về môi trường giáo dục an toàn lành mạnh chống bạo lực học đường luật an toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015	Chính phủ Quốc hội	
347.	H9.09.05.02	Quy định về An toàn, vệ sinh lao động Quy định về phòng cháy chữa cháy	Số 1414/QĐ – ĐHSPHN ngày 27.03.2018 Số 1884/QĐ- ĐHSPHN ngày 20/04/2018	Trường ĐHSP Hà Nội	
348.		Quyết định Về việc thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy Quyết định thành lập ban an toàn vệ sinh lao động	Số 295/QĐ- ĐHSPHN ngày 17/1/2019 Quyết định số 8928/QĐ/ĐHSP HN_TCCB ngày 9/12/2014 v/v thành lập Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở 1. Quyết định 355/QĐ- ĐHSPHN ngày 13/2/2014 2. Quyết định số 785/QĐ- ĐHSPHN ngày 26/2/2018 về việc kiện toàn	Trường ĐHSP Hà Nội	

			Ban An toàn-VS lao động		
349.	H9.09.05.03	Nội quy phòng cháy chữa cháy		Trường ĐHSP Hà Nội	
350.	H9.09.05.04	Tủ chữa cháy vách tường		Trường ĐHSP Hà Nội	
351.	H9.09.05.05	Quyết định về tập huấn Phòng cháy chữa cháy	2016-2019		
352.	H9.09.05.06	Quyết định về cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ PCCC	Số 4728B/QĐP6 Ngày 05/01/2015	Cảnh sát PCCC Hà Nội	
353.	H9.09.05.07	Quy định chức năng nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của BGH và các đơn vị	Số 1446/QĐ- ĐHSPHN ngày 19/04/2016	Trường ĐHSP Hà Nội	
354.	H9.09.05.08	Lịch trực của trạm y tế		Trạm y tế	
355.	H9.09.05.09	Thông báo Khám sức khỏe cho cán bộ, viên chức	2017, 2018, 2019	Công đoàn trường ĐHSP Hà Nội	
356.	H9.09.05.10	Thông báo, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh	Số 242/ĐHSPHN- YT ngày 17/5/2017. Số 413/ĐHSPHN- YT ngày 18/8/2017. Số 240/ĐHSPHN- QT ngày 21/5/2018. Số 44/TB- ĐHSPHN ngày 3/2/2020. Số 43/CĐ- BGDDT ngày 28/1/2020 Số 260/BGDĐT- GDTC ngày 31/1/2020 Số 228/QĐ- BGDDT ngày 31/01/2020 Số 265/BGDĐT-	Trường ĐHSP Hà Nội	

			GDTC ngày 1/02/2020 Số 269/QĐ- BGDDĐT ngày 03/02/2020		
357.	H9.09.05.11	Hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh	018.2019/GH- ĐHSPHN	P.Quản trị Trường ĐHSP Hà Nội	
358.	H9.09.05.12	Biên bản kiểm tra, đánh giá công tác vệ sinh môi trường,		Trường ĐHSP Hà Nội	
359.	H9.09.05.13	Báo cáo sơ kết công tác An toàn, vệ sinh lao động	2015-2016	Trường ĐHSP Hà Nội	
360.	H9.09.05.14	Xác nhận nghiệm thu về PCCC	Số 95/PC07- CTPC Ngày 12/12/2018	Cảnh sát PCCC Hà Nội	
361.	H9.09.05.15	Lịch trực của phòng bảo vệ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ Báo cáo tình hình kiểm tra công tác bảo vệ	Báo cáo số 91 ĐHSPHN/BV ngày 2/11/2015 4. Báo cáo số 35/BC- ĐHSPHN/BV ngày 31/5/2019	P. Bảo vệ	
362.	H9.09.05.16	Báo cáo kết quả khảo sát chất lượng đào tạo của sinh viên vừa tốt nghiệp	2015, 2017, 2019	Trung tâm ĐBCL	
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng					
<i>Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học</i>					
363.	H10.10.01.01	QĐ thành lập TTĐBCL	Số 437/ QĐ- ĐHSPHN- TCCB ngày 21/03/2005	Trường ĐHSPHN	
364.	H10.10.01.02	Hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan	20/06/2018	TTĐBCL	
365.	H10.10.01.03	Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người	Số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/04/2015	Bộ GD&ĐT	

		<p>học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, TS</p> <p>Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học</p>	số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017		
366.	H10.10.01.04	Biên bản họp lấy ý kiến chuyên gia và người học về CTĐT của khoa tiếng Anh	15-05-2017	Khoa tiếng Anh	
367.	H10.10.01.05	Phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy	2015-2019	TTĐBCL	
368.	H10.10.01.06	Phiếu khảo sát: Lấy ý kiến về CTĐT	2019	TTĐBCL	
369.	H10.10.01.07	Phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp về ngành/khóa đào tạo	2015-2019	TTĐBCL	
370.	H10.10.01.08	Báo cáo đánh giá kết quả giảng dạy học phần	2015-2019	TTĐBCL	
371.	H10.10.01.09	Báo cáo khảo sát Lấy ý kiến về CTĐT	2019	TTĐBCL	
372.	H10.10.01.10	Báo cáo khảo sát sinh viên tốt nghiệp về ngành/khóa đào tạo	2015-2019	TTĐBCL	
373.	H10.10.01.11	<p>Kế hoạch”” Ngày hội việc làm”” 2018-khoa tiếng Anh;</p> <p>Công văn 147 về Ngày hội việc làm của ĐHSPHN-CTCT-HSSV</p>	2018	Trường ĐHSPHN	
374.	H10.10.01.12	<p>Kế hoạch”” Open Tour”” 2019-khoa tiếng Anh; Công văn 164 về Ngày hội việc làm của ĐHSPHN-CTCT-HSSV</p>	QĐ 164 26/02/2019	Trường ĐHSPHN	
375.	H10.10.01.13	Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh đã chỉnh sửa	Năm 2017	Trường ĐHSPHN	
376.	H10.10.01.14	Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp 1 năm	2015-2019	TTĐBCL	
377.	H10.10.01.15	Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp 2 năm trước-2017	2017	TTĐBCL	

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến					
378.	H10.10.02.01	Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết của từng học phần (2014, 2019) – Khoa Anh		Trường ĐHSPHN	
379.	H10.10.02.02	-Thông tư số 07/2015 của Bộ GDĐT về Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Số 7/2015/TT-BGDĐT	Bộ GD và ĐT	
380.	H10.10.02.03	Quyết định số 4130, của ĐHSPHN v/v thành lập ban xây dựng CTĐT ĐH & SĐH	Số 4130/QĐ-ĐHSPHN		
381.	H10.10.02.04	Thông báo v/v phân công nhiệm vụ tổ chức Ngày hội việc làm năm 2018-1019	66/ TB – ĐHSPHN – CTCT – HSSV – 26/2/2019 147/ –ĐHSPHN –CTCT – HSSV – 10/ 4/ 2018	Trường ĐHSPHN Trường ĐHSPHN Khoa Tiếng Anh	
382.	H10.10.02.05	Biên bản họp rà soát chuẩn đầu ra, Xây dựng chương trình ngành SPTA và Lấy ý kiến đóng góp về CTĐT SPTA		Khoa TA	
383.	H10.10.02.06	CTĐT cử nhân SPTA của ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc Gia HN		Trường ĐH có đào tạo mã ngành cử nhân SPTA	

384.	H10.10.02.07	Giấy triệu tập số 60, 250, 271 của ĐHSPHN v/v tọa đàm về mô hình đào tạo và chuẩn đầu ra	Số 60/CV-ĐHSPHN -ĐT ngày 18/2/2019 Số 250/ĐHSPHN – ĐT ngày 14/5/2019 Số 271/ CV-ĐHSPHN – ĐT ngày 27/5/2019	Trường ĐHSPHN	
385.	H10.10.02.08	Khung chuẩn đầu ra và mô hình đào tạo của Trường ĐHSPHN		Phòng Đào tạo, Trường ĐHSPHN	
386.	H10.10.02.09	Quyết định nghiên cứu đánh giá các chương trình đào tạo cử nhân sư phạm hiện hành.	Số 7451/QĐ-ĐHSPHN ngày 08/09/2017	Trường ĐHSPHN	
387.	H10.10.02.10	Phiếu khảo sát chất lượng ngành/khóa đào tạo và báo cáo			
388.	H10.10.02.11	Mẫu phiếu và báo cáo khảo sát về chương trình đào tạo	2018	TTĐBCL	
389.	H10.10.02.12	Biên bản họp hội đồng khoa học của khoa từ 2015-2019		Khoa TA	

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

390.	H10.10.03.01	Quy định của khoa Tiếng Anh về quy trình dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập	2017	Khoa Tiếng Anh	
391.	H10.10.03.02	Quy chế đào tạo ĐH và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN	Số 9779 Ngày 07/12/2017	Trường ĐHSPHN	
392.	H10.10.03.03	Biên bản dự giờ của tổ ESP Biên bản họp tổ chuyên môn	2015 → 2018	Khoa Tiếng Anh	
393.	H10.10.03.04	Biên bản họp của cố vấn học tập của các khóa với BCN khoa	2015 → 2019	Khoa Tiếng Anh	
394.	H10.10.03.05	Phiếu lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên Lịch phân công các buổi khoa kết hợp với thanh tra giáo dục của trường đi kiểm tra việc dạy của giáo viên, học của sinh viên	2015-2019	TTĐB chất lượng Khoa Tiếng Anh + Thanh tra giáo dục của trường	
395.	H10.10.03.06	Báo cáo kết quả lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên	2015-2019	TTĐB chất lượng	

396.	H10.10.03.07	Danh sách điểm chuyên cần giữa kỳ của sinh viên	2015-2019	Trường ĐHSPHN	
397.	H10.10.03.08	Danh sách giáo viên hướng dẫn Khóa luận TN của sv Danh sách SV làm khóa luận tốt nghiệp Nhận xét kết quả thực tập của sinh viên	2015 →2019	Khoa Tiếng Anh	
398.	H10.10.03.09	Kết quả học tập của sinh viên từ K61 →K65	2015 →2019	Khoa Tiếng Anh	
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng và cải tiến việc dạy và học</i>					
399.	H10.10.04.01	Thống kê đề tài NCKH của Khoa tiếng Anh các cấp (Hồ sơ đề tài NCKH của Khoa các cấp)	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
400.	H10.10.04.02	Sản phẩm đề tài NCKH của Khoa (các cấp)	2015-2019	Khoa Tiếng Anh	
401.	H10.10.04.03	NCKH Lê Hà Chi k65		Khoa Tiếng Anh	
402.	H10.10.04.04	NCKH Diệu Hương k65		Khoa Tiếng Anh	
403.	H10.10.04.05	Hội nghị khoa học sinh viên NCKH trường ĐHSPHN 2015-2016 http://thanhnien.hnue.edu.vn/Hoctap-NCKH/SinhvienNCKH/tabid/150/article/321/Default.aspx		Trường ĐHSPHN	
404.	H10.10.04.06	Hội nghị khoa học sinh viên NCKH trường ĐHSPHN 2017-2018 http://thanhnien.hnue.edu.vn/Tintuc-Sukien/tabid/117/article/1630/Default.aspx		Trường ĐHSPHN	
405.	H10.10.04.07	Teacher Questioning_Nguyen Ngoc Hai Anh		Khoa Tiếng Anh	
406.	H10.10.04.08	Danh sách giáo viên hướng dẫn KLCK và NCKH-15-16		Khoa Tiếng Anh	
407.	H10.10.04.09	Danh sách giáo viên hướng dẫn NCKH-16-17		Khoa Tiếng Anh	
408.	H10.10.04.10	Danh sách giáo viên hướng dẫn NCKH-17-18		Khoa Tiếng Anh	

409.	H10.10.04.11	Danh sách giáo viên hướng dẫn NCKH-18-19		Khoa Tiếng Anh	
410.	H10.10.04.12	Hội nghị NCKH cán bộ trẻ trường ĐHSPHN http://thanhnien.hnue.edu.vn/Hoctap-NCKH/GiangvienNCKH/tabid/149/article/1418/Default.aspx		Trường ĐHSPHN	
411.	H10.10.04.13	Công trình ứng dụng các đề tài NCKH vào việc dạy và học NCKH Cán bộ trẻ Anh Văn - Thạch Thủy		Khoa Tiếng Anh	
412.	H10.10.04.14	Bài báo của Cao Phương		Khoa Tiếng Anh	
413.	H10.10.04.15	Bài báo của Tâm Trang		Khoa Tiếng Anh	
414.	H10.10.04.16	Kế hoạch tổng thể Vietesol 2015		Khoa Tiếng Anh	
415.	H10.10.04.17	Bài báo về Vietesol		Khoa Tiếng Anh	
416.	H10.10.04.18	Ảnh Vietesol 2015		Khoa Tiếng Anh	
417.	H10.10.04.19	Link tổng kê các bài báo của Khoa 2015-2019 https://drive.google.com/file/d/1ECtJvK-kM_kSKHUTF5gRBeLdfIBtxHw/view?usp=sharing			
<i>Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến</i>					
418.	H10.10.05.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Ban Giám hiệu và các đơn vị	Quyết định số 1446/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/04/2016 Quyết định số 3056/QĐ-ĐHSPHN ngày 30/08/2020	Trường ĐHSPHN	
419.	H10.10.05.02	Trang web Trung tâm Thông tin - Thư viện trường ĐHSPHN: http://lib.hnue.edu.vn (Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Trung tâm Thông tin - Thư viện, trường Đại học Sư phạm Hà Nội)		Trung tâm TT-TV	

420.	H10.10.05.03	Bảng thống kê số lượng tài liệu, các dạng tài liệu	2018 - 2019	Trung tâm TT-TV	
421.	H10.10.05.04	Hướng dẫn khai thác thư viện số		Trung tâm TT-TV	
422.	H10.10.05.05	Hướng dẫn tra cứu tài liệu		Trung tâm TT-TV	
423.	H10.10.05.06	Giới thiệu &HDS-STD+KQNC.		Trung tâm TT-TV	
424.	H10.10.05.07	Giới thiệu &HDS-ProQuest-Central-VIE		Trung tâm TT-TV	
425.	H10.10.05.08	Danh mục CSDL PQ-Central 201		Trung tâm TT-TV	
426.	H10.10.05.09	Thống kê tài liệu số hóa tại Trung tâm TT-TV	Đến tháng 10/2019	Trung tâm TT-TV	
427.	H10.10.05.10	Các hợp đồng mua các dạng tài liệu	2018 - 2019	Trung tâm TT-TV	
428.	H10.10.05.11	Kiểm tra TSCĐ thư viện		Trung tâm TT-TV	
429.	H10.10.05.12	Phiếu đánh giá bạn đọc và báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá của TTTT-TV Điều tra nhu cầu tin 2018,2019 Điều tra tin 2017 Mẫu phiếu điều tra nhu cầu tin		Trung tâm TT-TV	
430.	H10.10.05.13	Báo cáo kiểm kê CSVC - Trang thiết bị	2018-2019	P. KHCN	
431.	H10.10.05.14	Sơ đồ phòng học tại các giảng đường Thống kê số lượng phòng học, CSVC tại các giảng đường Thống kê số lượng phòng thực hành, thí nghiệm các khoa Bảng thống kê số lượng và tần suất người lưu trú tại KTX			
432.	H10.10.05.15	Kế hoạch và dự toán chi tiết kinh phí năm 2018 -2019 về đầu tư cơ sở vật chất	2018-2019	P. Quản trị	
433.	H10.10.05.16	Nhật ký sử dụng phòng thí nghiệm		Các khoa có phòng TN	
434.	H10.10.05.17	Báo cáo tiêu chí 66- Báo cáo CNTT của trung tâm CNTT “Mạng lưới CNTT hiện đại và được đầu tư đồng bộ”		TT CNTT	

435.	H10.10.05.18	CMC FTTH Giga Bussiness 80Mbps 1750QT		TT CNTT	
436.	H10.10.05.19	FPT FTTH FiberBusiness 35Mbps FD2655		TT CNTT	
437.	H10.10.05.20	FPT FTTH FiberBusiness 35Mbps FD40792		TT CNTT	
438.	H10.10.05.21	Danh mục CSVN Phòng học trực tuyến http://lms.hnue.edu.vn (Trường ĐHSPTN tổ chức bồi dưỡng trực tuyến cho 580 cán bộ QLGD và giáo viên phổ thông tỉnh Yên Bái) http://hnue.edu.vn/Tintuc-Sukien/Trangtintonghop/tabid/260/news/6608/TruongDHSPHaNoitochucboi duongtructuyencho580CBQLGDvagiaovie nphothongcuatinhYenBaiveC huongtrinhgiaoducphothongm oi.aspx		TT NVSP	
439.	H10.10.05.22	Quy chế hoạt động của cổng thông tin điện tử		TT CNTT	
440.	H10.10.05.23	Quy chế sử dụng và cung cấp dịch vụ mạng		TT CNTT	
441.	H10.10.05.24	Các hợp đồng cải tạo và nâng cấp CNTT của trường	2018-2019	TT CNTT	
442.	H10.10.05.25	Danh mục phần mềm có bản quyền		TT CNTT	
443.	H10.10.05.26	Báo cáo kiểm kê CSVN - Trang thiết bị			
444.	H10.10.05.27	Các loại Báo cáo khảo sát người học			
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến					
445.	H10.10.06.01	Quyết định Thành lập TTĐBCL&KT và Đổi tên đơn vị TTĐBCL&KT thành TTĐBCL	Số 437/QĐ-ĐHSPTN – TCCB/ 31/3/2005 Số 4573/QĐ-ĐHSPTN / 9/7/2018	TTĐBCL	
446.	H10.10.06.02	Hướng dẫn quy trình, công cụ và pp thu thập, lựa chọn, xử lý,	20/6/2018	TTĐBCL	

		sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan			
447.	H10.10.06.03	- Phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy.	2015 - 2019	TTĐBCL	
448.	H10.10.06.04	- Phiếu khảo sát chất lượng ngành/ khóa đào tạo và CTĐT	2015 - 2019	TTĐBCL	
449.	H10.10.06.05	- Phiếu khảo sát tình hình SV sau tốt nghiệp 1 năm	2015 - 2019	TTĐBCL	
450.	H10.10.06.06	Phiếu lấy ý kiến của cựu người học, GV, nhà tuyển dụng về CTĐT	2019	TTĐBC	
451.	H10.10.06.07	Phiếu lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính	2019	TTĐBC	
452.	H10.10.06.08	Phiếu lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công	2019	TTĐBC	
453.	H10.10.06.09	Báo cáo khảo sát kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan	2015 - 2019	TTĐBCL	
454.	H10.10.06.10	Báo cáo tổng kết năm học của TT ĐBCL	2015 - 2019	TTĐBC	

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

455.	H11.11.01.01	Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách và ban hành quy trình/công cụ thực hiện giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp	1416/QĐ ĐHSPHN Ngày 19/04/2016	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
456.	H11.11.01.02	Phần mềm quản lý đào tạo của nhà trường Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	QĐ số 9779/QĐ-ĐHSPHN-ĐT Ngày 07/12/2017	Phòng đào tạo + Phòng CNTT Trường ĐHSPHN	
457.	H11.11.01.03	Danh sách SV đầu vào	- 341/QĐ ĐHSPHN-ĐT, ngày 25/08/2015 - 371b/ QĐ ĐHSPHN-ĐT, ngày 13/08/2016 - 3035/QĐ-BGDĐT, ngày 29/08/2016	Phòng ĐT, Trường ĐHSP HN Phòng ĐT, Trường ĐHSP HN Bộ GDĐT Phòng ĐT, Trường	

			<p>- 821/QĐ ĐHSPHN-ĐT, ngày 31/07/2017</p> <p>- 3445/QĐ-BGDĐT, ngày 13/09/2018</p> <p>- 2293/QĐ-BGDĐT, ngày 06/08/2018</p> <p>- 1034/ĐHSPHN-ĐT, ngày 8/8/2019</p>	<p>ĐHSP HN Bộ GDĐT</p> <p>Bộ GDĐT</p> <p>PhòngĐT, Trường ĐHSP HN</p>	
458.	H11.11.01.04	Biên bản xét tốt nghiệp	<p>Ngày 13/5/2016</p> <p>Ngày 1/7/2016</p> <p>Ngày 15/5/2017</p> <p>Ngày 16/05/2018</p> <p>Ngày 10/5/2019</p> <p>Ngày 29/08/2018</p> <p>Ngày 17/1/2019</p> <p>Ngày 27/08/2019</p>	Khoa Tiếng Anh	
459.	H11.11.01.05	Quyết định tốt nghiệp của SV cuối khóa kèm danh sách	<p>- 2586/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 20/05/2015</p> <p>- 3797/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 28/07/2015</p> <p>- 2586/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 20/5/2016</p> <p>- 4445/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 27/7/2016</p> <p>- 2736/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 18/5/2017</p> <p>- 5277/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 17/7/2017</p> <p>- 3014/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 11/5/2018</p> <p>- 6920/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 31/8/2018</p> <p>- 2586/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 21/5/2019</p>	PhòngĐT TrườngĐH Sư phạm Hà Nội	

			- 9802/ QĐ- ĐHSPHN-ĐT, ngày 13/9/2019		
460.	H11.11.01.06	Biên bản xét lên lớp Quyết định thôi học Các cảnh báo học tập	17/01/2019 29/8/2019 2015-2020	Khoa Tiếng Anh	
461.	H11.11.01.07	Nhật ký tư vấn cho người học của GVCN/CVHT Báo cáo tổng kết khoa hàng năm		Khoa Tiếng Anh Khoa Tiếng Anh	
462.	H11.11.01.08	Đối sánh tỉ lệ thôi học 05 năm gần đây		Khoa Tiếng Anh	
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>					
463.	H11.11.02.01	Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường	-8365/QĐ- ĐHSPHN-ĐT năm 2015 -9779/QĐ- ĐHSPHN-ĐT ngày 07/12/2017	Phòng ĐT trường ĐH Sur phạm Hà Nội	
464.	H11.11.02.02	Kế hoạch đào tạo của Khoa từ 2015 đến nay	2015-2020	Khoa Tiếng Anh	
465.	H11.11.02.03	Biên bản xét tốt nghiệp	Ngày 13/5/2016 Ngày 1/7/2016 Ngày 15/5/2017 Ngày 16/05/2018 Ngày 10/5/2019 Ngày 29/08/2018 Ngày 17/1/2019 Ngày 27/08/2019	Khoa Tiếng Anh	
466.	H11.11.02.04	Quyết định tốt nghiệp của SV cuối khóa kèm danh sách	- 2586/ QĐ- ĐHSPHN-ĐT, ngày 20/05/2015 - 3797/ QĐ- ĐHSPHN-ĐT, ngày 28/07/2015 - 2586/ QĐ- ĐHSPHN-ĐT, ngày 20/5/2016 - 4445/ QĐ- ĐHSPHN-ĐT, ngày 27/7/2016	P. Đào tạo Trường ĐHSP HN	

			- 2736/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 18/5/2017 - 5277/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 17/7/2017 - 3014/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 11/5/2018 - 6920/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 31/8/2018 - 2586/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 21/5/2019 - 9802/ QĐ-ĐHSPHN-ĐT, ngày 13/9/2019		
467.	H11.11.02.05- H11.11.02.06	Đổi sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học		Khoa Tiếng Anh	
468.	H11.11.02.07	Nhật ký tư vấn cho người học của GVCN/CVHT		Khoa Tiếng Anh	
<i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đổi sánh để cải tiến chất lượng</i>					
469.	H11.11.03.01	Quyết định thành lập trung tâm Đảm bảo chất lượng	437/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 21/03/2005	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
470.	H11.11.03.02	Hướng dẫn quy trình công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan		Trung tâm đảm bảo chất lượng, trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
471.	H11.11.03.03	Nhiệm vụ của cán bộ văn phòng		Khoa Tiếng Anh	
472.	H11.11.03.04	Quyết định thành lập hội cựu người học		Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
473.	H11.11.03.05	Báo cáo tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp	114/BC-ĐHSPHN, ngày 30/12/2016 93/ BC-ĐHSPHN, ngày 29/12/2017 110/ BC-ĐHSPHN, ngày 28/12/2018	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	

			78/ BC- ĐHSPHN, ngày 31/12/2019		
474.	H11.11.03.06	Bảng thống kê có việc làm của SV sau tốt nghiệp K60-64	31/10/2017 6/12/2018 5/12/2019	Khoa Tiếng Anh	
475.	H11.11.03.07	Sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu phân tích nguyên nhân người tốt nghiệp chưa có việc làm/nhật ký tư vấn, hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm		Khoa Tiếng Anh	
476.	H11.11.03.08	Ngày hội việc làm	10/4/2018 QĐ 147/ĐHSPHN- CTCT-HSSV, ngày 10/4/2018 5/6/2018 11/4/2019	Khoa Tiếng Anh Phòng CTCT- HSSV trường ĐH SP HN Trường ĐHSPHN	

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

477.	H11.11.04.01	Định hướng, chiến lược NCKH cho người học hàng năm của Trường		Phòng KHCN, trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
478.	H11.11.04.02	Định hướng, chiến lược NCKH cho người học hàng năm của Khoa		Khoa Tiếng Anh	
479.	H11.11.04.03	Nhiệm vụ của trợ lý NCKH		Khoa Tiếng Anh	
480.	H11.11.04.04	Hướng dẫn, quy định về NCKH		Khoa Tiếng Anh	
481.	H11.11.04.05	Trung tâm thông tin thư viện trường và phòng đọc Khoa		Trường ĐH Sư phạm Hà Nội Khoa Tiếng Anh	
482.	H11.11.04.06	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường ĐHSP Hà Nội về hướng dẫn nghiên cứu (thu chi tài chính cho NCKH)		Phòng KHTC, trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
483.	H11.11.04.07	Đánh giá kết quả SV NCKH		Khoa Tiếng Anh	

484.	H11.11.04.08	Báo cáo tổng kết NCKH của SV hàng năm (2014- 2019) Khoa Tiếng Anh	2014-2019	Khoa Tiếng Anh	
485.	H11.11.04.09	Kế hoạch/Chương trình tổ chức Hội nghị NCKH cấp Trường; Hội nghị Tổng kết SVNCKH cấp trường Danh sách SV được giải thưởng NCKH các cấp		Khoa Tiếng Anh	
486.	H11.11.04.10	Đầu tư mua sắm trang thiết bị		Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng					
487.	H11.11.05.01	Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách thực hiện khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan	Số 437/QĐ-ĐHSPHN-TCCB, ngày 21/3/2015	Phòng TCCB, trường ĐHSPHN	
488.	H11.11.05.02	Có các quy định về quy trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan	Số 146/QĐ-ĐHSPHN, ngày 19/4/2016	TT ĐBCL Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
489.	H11.11.05.03	Nhiệm vụ của cán bộ văn phòng		Khoa tiếng Anh	
490.	H11.01.05.04	- Báo cáo kết quả chất lượng giảng dạy học phần - Báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan về chất lượng chương trình đào tạo - Báo cáo kết quả chất lượng đào tạo sinh viên vừa tốt nghiệp - Báo cáo tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp - Báo cáo mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên		TT ĐBCL	
491.	H11.11.05.05	Quyết định thành lập ban liên lạc hội cựu người học	Số 1631 ngày 12/12/2019	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
492.	H11.11.05.06	Các kênh thu thập thông tin, khảo sát các bên liên quan khác		Trường ĐH Sư phạm Hà Nội Khoa Tiếng Anh	
493.	H11.11.05.07	Các quyết định/tài liệu liên quan đến việc đầu tư cơ sở vật chất		Khoa Tiếng Anh	

